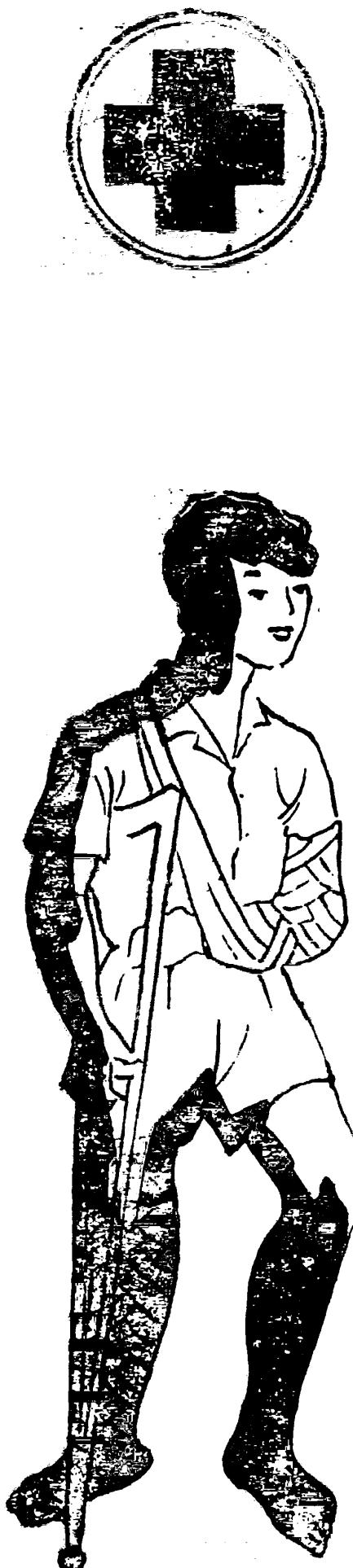


Sơ-nghi
THƯỢNG-TRÚC
giữ bản quyền



TRẬT-ĐÁ CỐT-KHOA

科骨打跌

- Khoa trị gãy xương bong gân
- Đầy đủ phương pháp sủa, tiếp xương
- Thủ thuật chánh-cốt
- Đại huyệt bị thương và thuốc giải
- Phương thuốc Bắc, thuốc Nam gia truyền
- Đặc biệt phương thuốc bí truyền miền Trung

Cbi - Lăng - Xuất - Bản

Thay lời tựa

Khoa trị Bong-gân, Gãy xương thuộc về Ngoại Khoa, tức là Khoa Trật-đã. Xưa nay Đông-y thường có Chuyên-gia Y-sư, về già truyền, nên bị giữ bí mật, ít được phô biến, làm mất cả sự huyền diệu của Khoa Trị-liệu này.

Khoa Trật-đã của Đông-y rất hay, so với Tây-y, có thể hơn nhiều vì nhận thấy Tây-y chỉ chuyên cưa, cắt, và đặng bột, phần nhiều bệnh nhơn trở thành phế-nhơn, hoặc nếu bệnh lành cũng còn tật. Đối với Đông-Y khoa này lại có thể trị lành không cưa cắt, mà lại cũng không lưu tật, trừ trường hợp quá nặng không thể trị được, điều này phần đông ai cũng thừa nhận sự công hiệu ấy.

Vì nhận thấy sự huyền-diệu và bí truyền của khoa này nên tôi cố tâm sưu tầm nghiên cứu, cốt phô biến cứu bệnh giúp đời và mục đích phát triển nền Đông-y nước nhà được phát triển.

Đối với Chuyên-khoa, một nhà chuyên môn cần phải được tập luyện nhiều. Cần kinh nghiệm nhiều về thủ pháp; thường xưa nay chỉ dành riêng cho các nhà già truyền, nhưng xét kỹ nếu chúng ta có Bệnh-Viện riêng chuyên về khoa này cho các Y-Sĩ hành nghề, có thể sau khi tự thực hành sẽ rút kinh nghiệm bản thân thì cũng trở thành những Y-Sĩ chuyên môn, và có thể đúc kết thành hệ thống, phô biến thành một phương thuật Chuyên -khoa.

Nay tôi xin trình bày Khoa Trật-đã ra đây sau khi sưu tầm đầy đủ về thủ pháp và các phương được trị liệu để giúp quý bạn Đông-y về chuyên môn, và Quý độc giả yêu nghề, có thể tự luyện tập, để giúp Quý bạn một phương pháp trị liệu chắc chắn bảo đảm cốt phát huy ngành Chuyên-khoa này.

Thật về Phương được Đông-y có nhiều vị thuốc hay giúp tiếp xương tiếp gân, nhưng vị thuốc này đã có công hiệu từ mấy nghìn năm không được nghiên cứu để cho mai một vì giữ bí truyền mà thất lạc.

Rất mong được phát triển và sưu tầm phô biến rộng thêm nữa, được như vậy nền Đông-y nước nhà cũng sẽ đạt đến mức toàn hảo về khoa trị Gãy xương Bong gân.

THƯỢNG-TRÚC

CHƯƠNG I

TRẬT-ĐÃ CỐT-KHOA

Trật-đã Cốt-khoa là khoa trị *Gãy-xương Bong-gân* thuộc về *Ngoại-khoa* chuyên môn : Xưa nay Đông-Y không có phò biến rộng thật là một thiếu sót đáng tiếc, chỉ vì khoa này lại dành riêng cho chuyên nghiệp gia truyền, vì thế các vị vẫn giữ bí mật, làm mai một đi. Trong các sách Y-khoa Đông-y tuy có phò biến khoa *Trật-đã* nhưng vì quá đơn giản nên dầu có người muốn học cũng không thể lãnh hội đầy đủ được nhất là thủ thuật chuyên môn.

Khoa *Trật-đã* muốn thực hành kết quả cần phải hiểu đầy đủ về phần, *Cốt-khoa* (Bộ xương người) và thủ thuật, cùng những phương Dược-liệu chuyên trị như vậy tức là phải chuyên môn hóa ngành *Ngoại-khoa* này, chúng tôi sưu tầm p'isô biến sau đây để giúp quý bạn có đủ tài liệu học tập nghiên cứu.

TOÀN THỂ BỘ XƯƠNG NGƯỜI

Bộ xương trong cơ thể là cái khung cốt của thân thể, giữ cho thân thể cứng rắn, và đồng thời nâng đỡ, che chở các cơ quan tạng phủ bên trong.

Toàn thể bộ xương có 208 chiếc ; trọng lượng bằng 1/6 trọng lượng thân thể chia ra làm 3 phần : Đầu, Mình và Tứ chi (Tay Chân).

A.— Đầu.

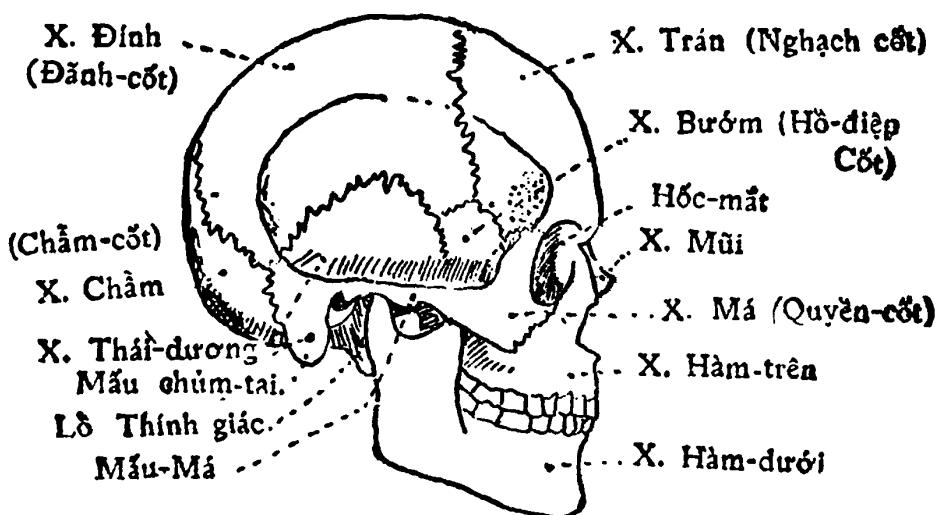
Bộ xương đầu gồm có Sọ và Mặt.

1.— **Sọ.** Sọ là một hộp hầm đặc, Sọ gồm có một vòm xương trên và một đáy ở dưới, vòm sọ có 6 mảnh xương dẹp ăn khớp theo những đường răng cưa.

1) **Ngạch-cốt** là xương tráng có 1 mảnh phía bên trái gọi là **Thiên-hiền-cốt**, phía bên mặt là **Thiên-quý-cốt** gồm cả khu mặt và nắp sọ.

2) **Bành-cốt** là xương đinh có 2 mảnh gọi là **Diên-danh** tức là **Thiên-danh**, cũng có tên là **Thiên-linh-Cái**.

- 3) Nhiếp-cốt có 2 mảnh tủy là xương *Thái dương*, *Màng-tạng*.
- 4) Châm-cốt có một mảnh gọi là *Tho-dài*, *Ngọc-châm*.
- 5) Đầu sọ có 2 xương là xương gốc mũi có một bản điềm lỗ đà giày *Thần-kinh Khiết-giác* đi qua. Và xương *Bướm* tủy *Điệp-cốt* ở một vị trí then chốt vì liên lạc với tất cả các xương khác của Sọ.



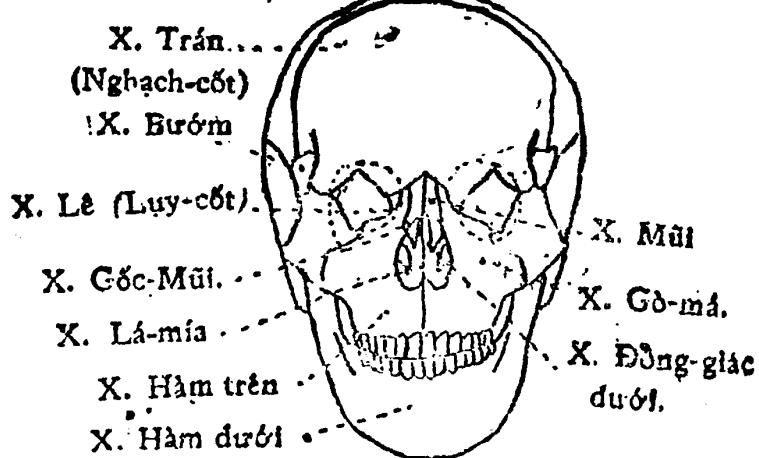
BỘ-XƯƠNG-ĐẦU

II.— Mặt. Mặt có 14 xương phân ra như sau :

- 1) Thượng-hàm-cốt, 2 xương hàm trên gắn liền nhau.
- 2) Hạ-hàm-cốt, 1 xương hàm dưới hình móng ngựa tủy Giáp xa, Thừa-cốt.
- 3) Hai xương Khầu cái cấu tạo thành vòm Khầu cái.
- 4) Tỷ-giáp-cốt 2 xương mũi nối liền xương hàm trên với sọ.
- 5) Luy-cốt, hay Lê-cốt là 2 xương ở mặt hợp thành một rãnh cho nước mắt chảy.
- 6) Một xương lá mía ngăn 2 hốc mũi.
- 7) Quyền-cốt, 2 xương gò má ăn khớp với khu má của xương Thái dương.
- 8) Sứ-cốt, 2 xương đồng giác, ở thành hốc mũi.

Trong 14 xương mặt chỉ có xương hàm dưới cử động tự do được và ăn khớp với xương Thái-dương, còn các xương khác đều gắn chặt vào nhau.

X. Đinh (Đanh-cốt)



XƯƠNG MẶT

B.— Thân.

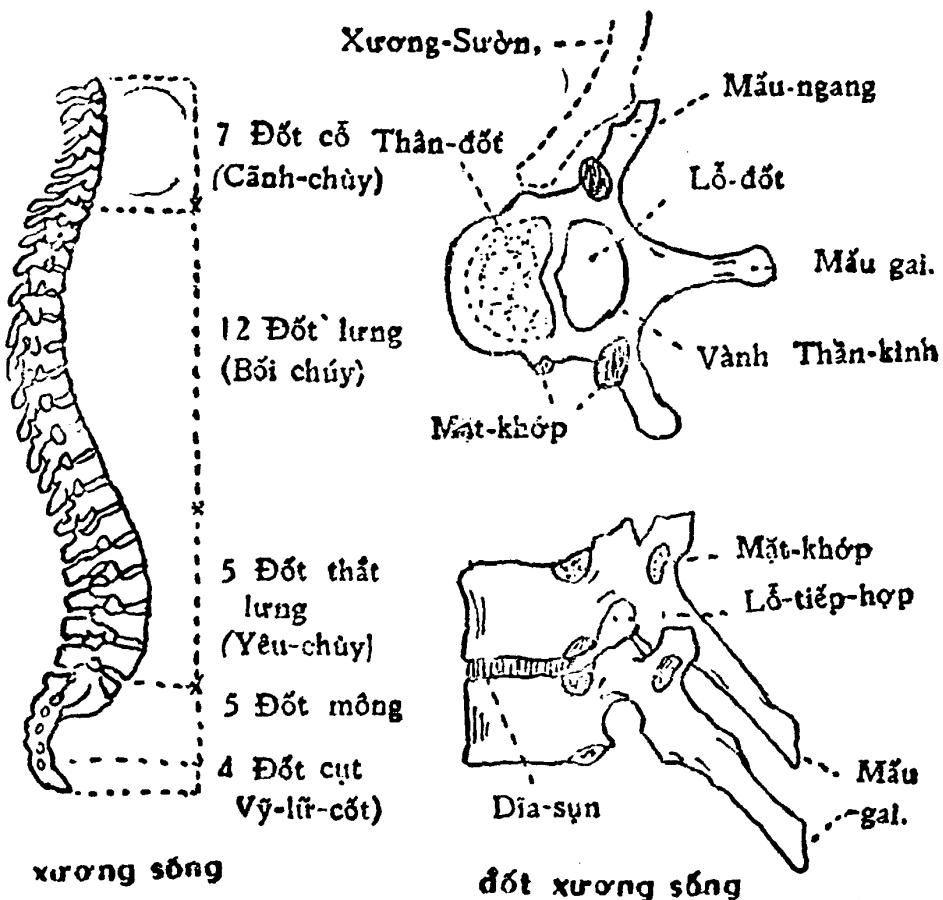
Bộ xương Thân gồm có xương sống, xương sườn, và xương mỏ-ác.

1.— Xương sống : Xương sống là cột trụ của thân thè cấu tạo bởi 33 đốt chồng lên nhau :

- 1) Xương cổ có 7 đốt gọi là Cảnh-chùy-cốt, hay Thiên-trụ-cốt.
- 2) Lưng, sống lưng có 12 đốt gọi là Bối-chùy-cốt.
- 3) Thắc-lung, chỗ eo thắc lưng có 5 đốt gọi là Yếu-chùy-cốt.
- 4) Chỗ Mông có 5 đốt hợp thành xương Mông.
- 5) Xương cựt có 4 đốt nhỏ hơi cong gắn liền thành xương cùng gọi là Vỹ-đè-cốt hay Vỹ-lết-cốt.

Từ cột xương có đốt cột thứ nhất gọi là xương chồng là Thủ-cánh cốt nối với xương đầu, Đốt xương thứ nhì là Khu-nuru-cốt gọi là xương trụ dùng làm trục quay của đầu. Từ đốt 3 đến đốt 7 tiếp xúc với xương sống lưng. Xương gai nhỏ, xương sống lớn.

Mỗi đốt xương sống lưng gồm một phần đặc gọi là thân đốt, đằng sau có một phần hình cung gọi là vành Thần-kinh với ba mấu một mấu gai và 2 mấu ngang, giữa vành là lỗ đốt. Các đốt chồng lên nhau, đốt nọ cách đốt kia một đỉa sụn, lỗ của các đốt tạo thành một ống tủy sống, các đốt ăn khớp với nhau nhờ 3 mấu khớp và ở 2 bên có lỗ tiếp hợp để dây Thần kinh Tủy đi qua.

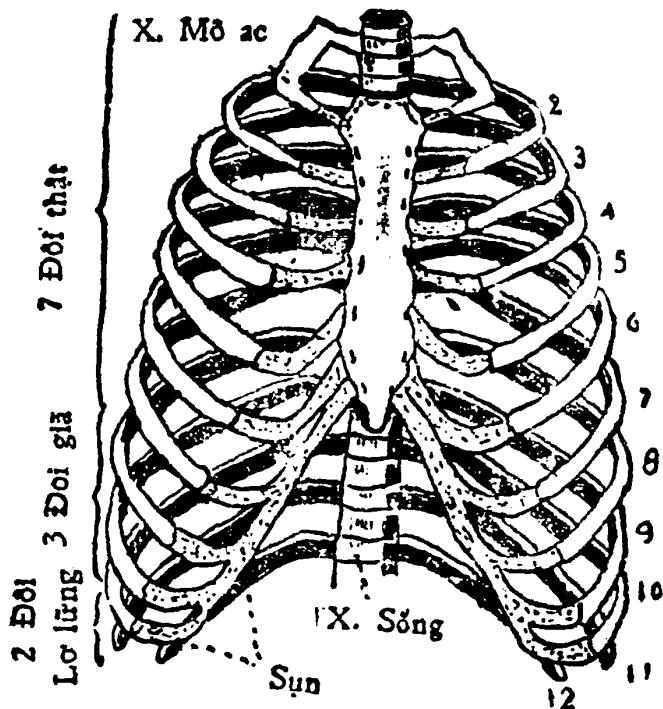


II.— **Xương sườn.** Hai bên xương sống vòng đến ngực mỗi bên có 12 đồi là 24 xương từ trên xuống có : 7 đồi thật, 3 đồi giả, 2 đồi lơ-lưng.

Mỗi đồi thật liền với xương mõ ác ở trước ngực bằng một đoạn sụn riêng, 3 đồi giả chung nhau một đoạn sụn, còn 2 đồi nhỏ lơ lưng phụ không liền với xương mõ ác gọi là Phù-cốt Xương sườn hình vòng cung hơi xoắn.

III.— **Xương mõ ác ngực.** Xương này là một xương dẹp ở giữa ngực hình lưỡi kiếm.

Xương sườn và xương mõ ác hợp thành lồng ngực trong đó Tim và Phổi.



BỘ-XƯƠNG-SƯỜN

C.— Tứ-chi (Chân Tay)

Bộ xương Chân Tay được kiến tạo theo cùng một hoành đồ. Chân Tay đều gồm một số đoạn ngang nhau, mỗi đoạn có một số xương bằng nhau và tương ứng.

I.— Tay. Bộ xương tay gồm một Đại vai với 3 xương: Xương bả vai, xương đòn gánh và mấu mõ quạ của xương bả vai.

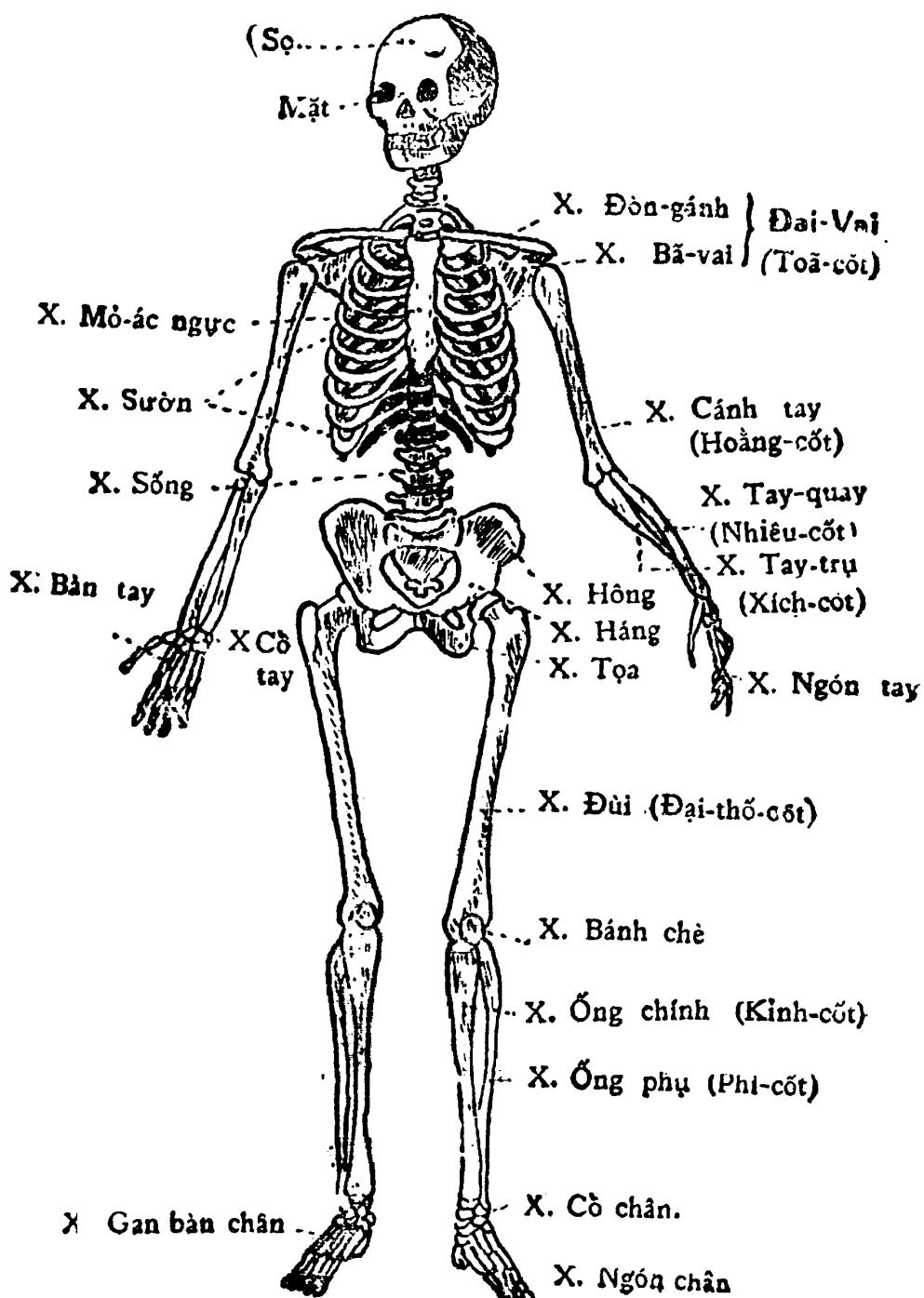
Xương vai tức là Tôa-cốt, xương này nối cánh tay vào thân, không dính với xương sườn, tự vận động được nên rất dễ bị gãy nếu bị thương tức xương quai xanh, hay là xương đòn gánh bị gãy.

Phía sau xương sườn có một mảnh xương hình như cánh chim tức xương bả-vai, cũng gọi là xương Giáp-vai, xương Kiên-ngung, Kiên-tĩnh: Có mấu mõ quạ nối với xương Đòn gánh.

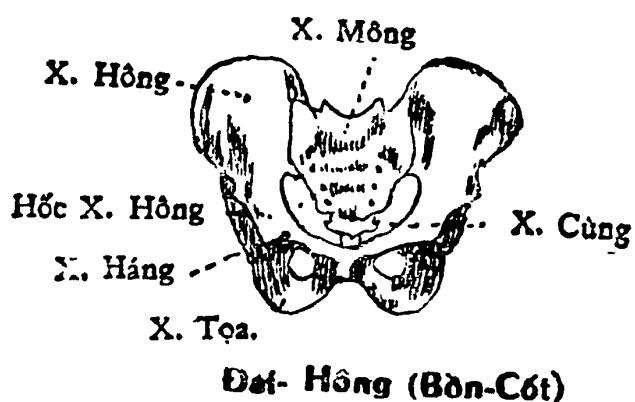
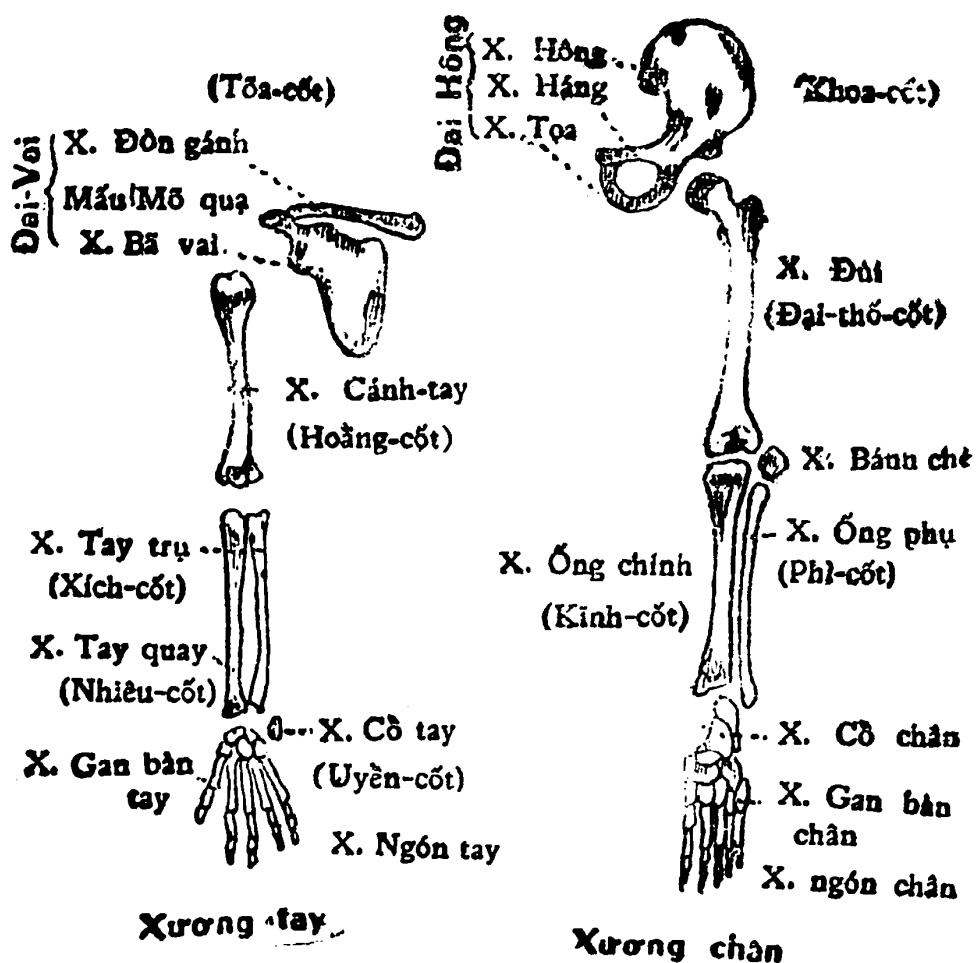
Xương cánh Tay. Dưới vai là cánh tay có một xương cánh tay, tức là xương Hỗng-cốt; xoắn ở phần giữa, rồi đến khuỷu cùi chỏ; dưới khuỷu là g Tay có 2 xương nhỏ lợn; xương phía ngoài là xương tay-quay tức là Nhiêu-cốt, xương phía trong là Xích-cốt, tức là xương tay-trụ (Phía ngón tay cái là Nhiêu-cốt; phía ngón tay út là Xích-cốt).

Xương Nhiêu-cốt và Xích-cốt nối với nhau chỗ khuỷu tay chéo. Dưới 2 xương Nhiêu-cốt và Xích-cốt là khớp cổ tay có 8 xương nhỏ xếp thành 2 hàng tức là *Uyển-cốt*; rồi đến gần bàn tay có 5 cái xương tức là *Chưởng-cốt*.

TOÀN-THỂ-BỘ-XƯƠNG-NGƯỜI



CỘ XƯƠNG TAY CHÂN



Xương ngón tay. Cuối cùng là 5 ngón tay có cả thảy 14 đốt xương, mỗi ngón 3 đốt, trừ ngón cái có 2 đốt, đều gọi là *Chỉ-cốt*.

II.— Chân. Bộ xương chân gồm **Đai hông**; xương háng, xương Tạ, chống đỡ toàn thân.

Xương Đai-hông. Bộ xương này hai bên gọi là:

Khoa cốt. Hợp lại thành hình như cái chậu nên cũng gọi là xương Chậu, phía dưới xương chậu tiếp nối với xương chân có 1 lỗ trống như cái chén để đầu xương Đùi nối vào,

Xương chân. Dưới Đai-hông là 1 cái xương Đùi, xương này lớn hơn tất cả các xương trong bộ xương, hình tròn úp trên 2 khớp xương đầu gối tức là *Băng-cốt* gọi là *Đại-thđ-cốt*; rồi đến đầu gối, tại đây có 1 cái xương nhỏ gọi là xương *Bánh chè* giữ kinh cho chân quặp về đằng trước. Dưới đầu gối là cẳng chân có 2 xương, xương ống chính ở trong hình lăng trụ tam giác gọi là *Hình-cốt* bên ngoài xương Hình-cốt có 1 cái xương phụ gọi là *Phi-cốt* nhỏ hơn, ăn khớp với xương chính, xương này rất dễ bị gãy. Hai xương nương tựa tiếp nhau như cái nẹn gọi chung là xương cẳng chân hay *xương ống chân*.

Xương Bàn chân. Chỗ khớp xương cẳng chân nối với bàn chân gọi là khớp mắt cá chân; nối với cẳng chân có 7 cái xương nhỏ là: 1) Căn cốt; 2) Cụ-cốt, 3) Túc chân-cốt, 4) Khế-cốt I, 5) Khế-cốt II, 6) Khế-cốt III, 7) Đầu-cốt.

Xương ngón chân. Tiếp đến gan bàn chân có 5 mảnh xương nhỏ làm thành bộ xương bàn chân rồi đến 5 ngón chân có 14 đốt mỗi ngón 3 đốt, trừ ngón cái 2 đốt. Cũng gọi là *Chỉ cốt*.

D.— Khớp xương.

Nơi hai đầu xương tiếp nhau gọi là khớp-xương. Có 3 loại khớp:

1) *Khớp bắt-dòng*. Ở chỗ khớp 2 xương không cử động được và gắn liền nhau (xương mặt) hay khớp bằng đường răng cưa (xương sọ).

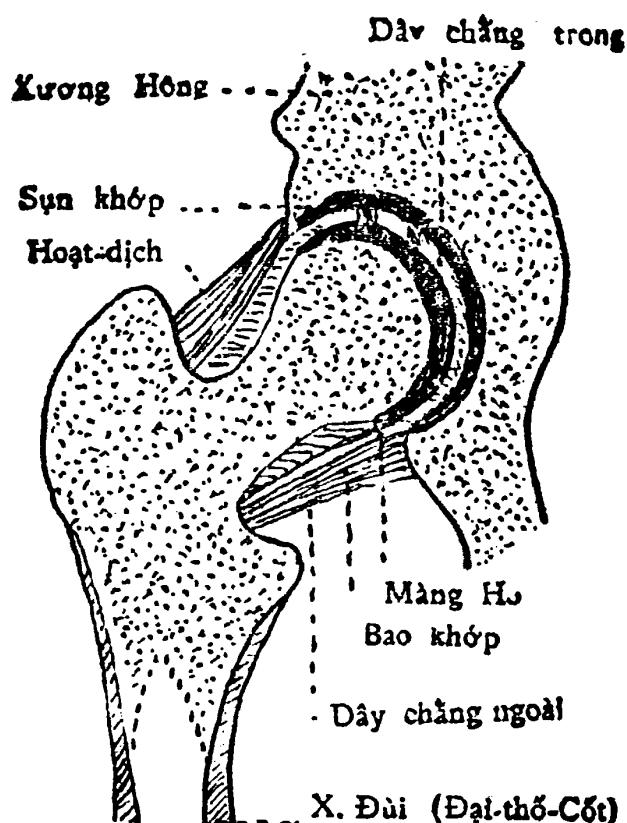
2) *Khớp bán động*. Hai xương cử động được, nhưng trong một phạm vi nhỏ hẹp như khớp đốt xương sống.

3) *Khớp động*. Hai xương cử động dễ dàng trong một phạm vi rộng lớn như các khớp khuỷu tay, khớp háng.

Ở chỗ khớp hai xương ràng buộc với nhau bởi những dây chằng kết thành một *Bao khớp*, cắt đứt dây chằng, hai xương sẽ không rời ra, chứng tỏ áp xuất không khí đủ sức giữ hai xương lại với nhau.

Hai đầu xương phủ bằng một lớp sụn khớp, trong bao khớp có chất hoạt-dịch trơn như dầu, do màng hoạt-dịch tiết ra. Sụn khớp và hoạt-dịch làm giảm sự cọ xát, giúp cho sự cử động của 2 xương được dễ dàng.

Vậy sự co, kéo, té, ngã mạnh thường gây ra những tai nạn về khớp xương, dây chằng có thể bị đứt (treo khớp, hong gân) hay xương có thể trật ra ngoài ổ khớp, tức sai khớp, sai xương.



Khớp Xương Hông

O.— Sự cấu tạo của xương.

Người ta có bốn loại xương : Xương dài (xương đùi, xương ống chân) Xương dẹp (xương sọ, xương bả vai) Xương ngắn (xương cánh tay) Xương đốt nhỏ (xương cùm tay, cùm chân, ngón tay ngón chân).

Xương cấu tạo bởi các cốt-mô, mô xương đặc, mô xương xốp và mô sụn ở 2 đầu xương, túy trong ống xương.

Các mô xương tức các tế bào xương, cũng gọi là *Cốt bào*, *Cốt giae*; có lớp sinh cốt vì sinh được chất xương mới.

Yếu tố cấu tạo xương do các chất, khoáng chất : Vitamine D,C,A.

Các kích-thích tố. Vậy khi xương bị gãy, bị hư, hay yếu sụn càng cần giúp thêm các chất này cho xương dễ sinh.

Tinh sinh cốt ấy nhận thấy rõ ràng trong trường hợp bó xương gãy hay ghép xương.

I.— **Bó xương gãy.** Ở chỗ gãy, nếu đặt hai đầu xương liền với nhau ngoài băng bó thật kỹ như băng bột, kẹp dày được ít lâu cốt mô sinh ra xương mới gắn liền được chỗ gãy.

II.— **Ghép xương.** Khi xương bị bẻ mất một miếng lớn, Tây-Y có thể lấy một mảnh cốt mô ở nơi khác ghép vào chỗ bẻ mất ấy, ít lâu sau cốt mô sinh ra xương mới, thế vào chỗ ấy.

Tổng luận : Nhận xét sự cấu tạo của xương chúng ta thấy những thực phẩm ta dùng hằng ngày và kích thích tố của các tuyến nội tiết trong cơ thể ảnh hưởng lớn đến sự hóa cốt, chứng minh một sự tương giao giữa xương và các cơ quan tạng phủ sinh lý của cơ thể với tinh sinh cốt tự nhiên, vì thế nên khi bị gãy xương, bẻ xương sự ghép bó xương là điều chính yếu, nhưng cũng cần giúp thêm các chất tố cần dùng cho sự sinh cốt của xương.

G.— Cơ, gân.

Trên đây chúng ta hiểu sơ qua về bộ xương trong cơ thể nhưng sự vận động của xương lại liên quan đến các cơ gân, vì sự cử động cơ gân là những cơ quan hoạt động.

Đầu : Có cơ nhai, nâng hay hạ hàm dưới, cơ vòng môi, vòng mắt.

Thân : có cơ xương sống, cơ hô hấp (cơ gian sườn) cơ ngực, cơ lưng, cơ răng cửa ở hai bên hông, cơ Đại-tà và Đại-trục cơ ở phía trước bụng.

Chân tay : Tay ở vai có cơ Delta ; cánh tay có cơ Nhị-dầu ở phía trước, cơ Tam-dầu ở phía sau, ở cánh tay và bàn tay có cơ gấp, và cơ duỗi ngón tay.

Chân : Ở mông có cơ mông, Đầu có cơ Nhị-dầu đùi ở phía sau, Tứ-dầu ở phía trước ; ống chân và bàn chân có cơ sinh đồi nối với gót chân có gân Achille, cơ gấp và cơ duỗi ngón chân.

Cơ có hình khác nhau : Cơ hình thoi (như cơ bắp tay, bắp chân).

Cơ dẹp như cơ thái dương, cách mỏ.

Cơ vòng như cơ vòng môi vòng mắt.

Có khi ở cùng một đầu có hai gân (cơ nhị đầu) có ba gân (cơ tam đầu) có bốn gân (cơ tứ đầu).

Sự cấu tạo của cơ gân

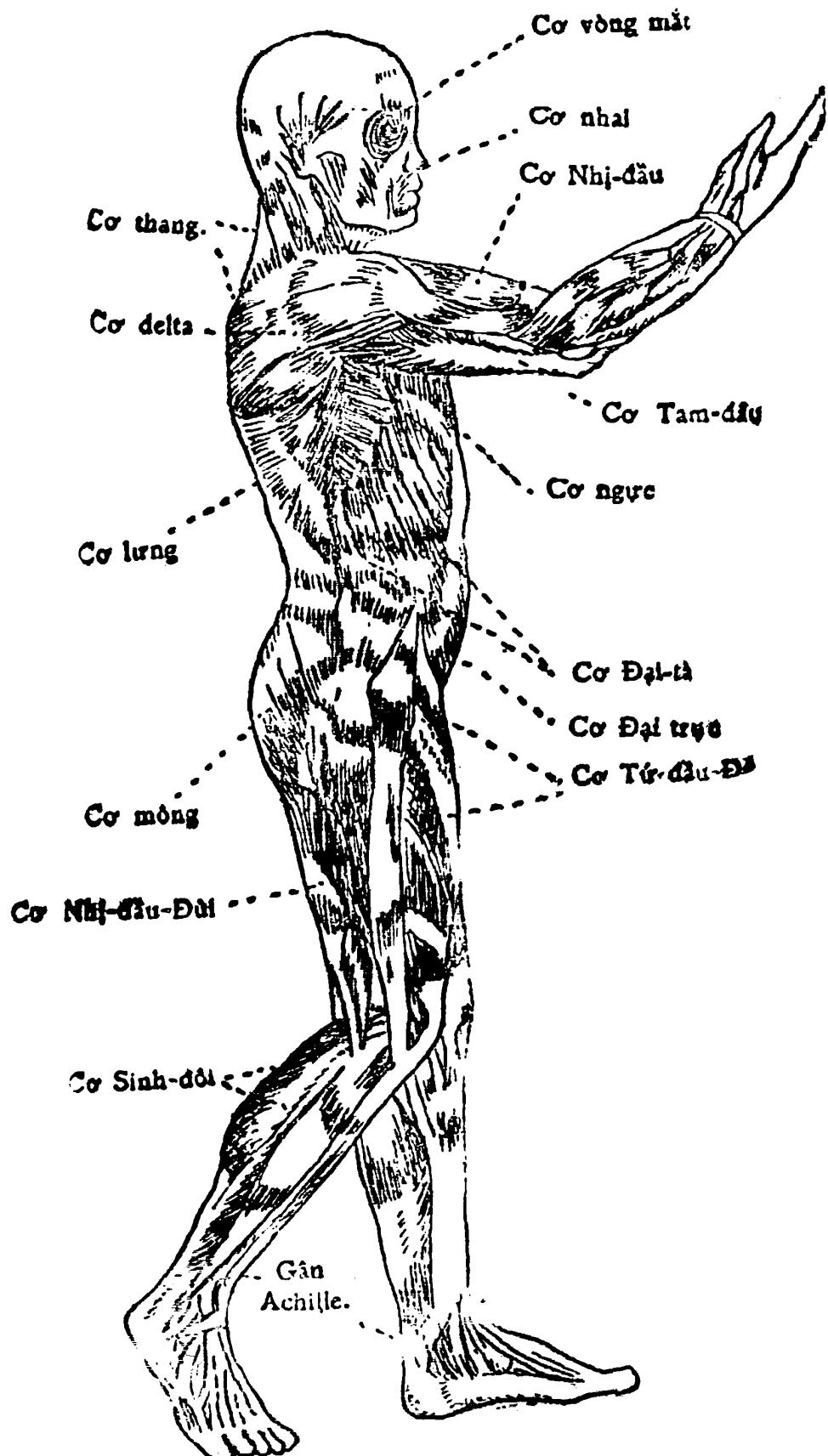
Cơ gân cấu tạo bởi nhiều sợi nên gọi là sợi cơ, những tூi sợi cơ ghép thành bó, có những cơ trơn tiếp nhận các sợi Thần-kinh dinh dưỡng (Trục giao cảm, Đồi giao cảm) sợi cơ là một tế bào nhụy chất.

Nhiệm vụ của cơ gân

Cơ gân có nhiệm vụ trọng yếu trong sự cử động và giữ thẳng bằng cho thân thể khi đi, đứng, ngồi.

Vậy cơ gân bám vào xương và vận huyền xương mỗi khi ta cử động; nếu khi bị gây xương sai khớp, đứt gân thì cơ gân bị lơi lỏng rời ra không giữ được, nên không thể cử động được.

Vì để trị gây xương bong gân cũng cần hiểu về cơ gân để khi thi hành thủ thuật áp dụng nắn lại các cơ gân cho khỏi lơi lỏng dùn t uổ tiếp gân thì mới giữ xương an toàn, xương mới có thể tự sinh hóa i p nối lành được.



CƠ-GÂN-CHINH

CHƯƠNG II

XÉT ĐOÁN THƯƠNG CHỨNG

Trị Trật-đã (gãy xương bong gân) cần xét đoán các Thương chứng nặng nhẹ, nguy hiểm, chứng chết. Đây là điều cốt yếu trong Khoa Trật-đã.

Chúng ta hiểu toàn thể bộ xương và bộ phận để định cách sáp ghép xương, khi lâm sàn trị bệnh ài quan sát toàn cơ thể bệnh nhân mà nhận định chứng nhẹ hay nguy hiểm để phân định trị pháp, nếu không nhận định rõ, chứng nhẹ làm nặng, chứng nặng làm nhẹ, hoặc gấp chứng nguy hiểm. Chứng chết cho là trị được làm càng, vì thể chất của bệnh nhân, cơ quan nội tạng trong cơ thể rất quan hệ đối với các thương chứng (bị thương thì liên quan đến nội tạng).

Những chứng nguy hiểm. Chứng xem nhẹ mà thể chất bệnh nhân như bị bệnh đau Tim, hoặc bị bệnh Lá lách sưng lớn, bị thương làm Lá lách vỡ đều là chứng chết. (Đối với người thể chất mạnh khỏe, tuy vết thương nặng nhưng chưa phải là chứng chết.)

Bị thương đã lâu cả mấy tháng. Kết quả tuy chưa chết, mà bên trong nội tạng bị thương, hoặc ra máu không cầm được cũng là chứng khó cứu.

Chứng trị được. Những chứng nguy hiểm có thể trị lành được ; như trường hợp bị thương ở bụng, ruột lòi ra, nhưng không bị lũng ruột, hoặc bị thương ở Thận naôm (hòn dài) không bị bể, hoặc ngực hành không bị hại. Trường hợp bị thương ở Cổ hẫu mà ống khí quản còn nguyên, hoặc trường hợp hôn mê không nói, miệng chảy nước giải, thở khó, mắt hơi, mạch chưa tuyệt. Trường hợp Dạ-dày bị thương, thò ra máu, ra đồ ăn, nhưng không đau đớn lắm. Tất cả các chứng này xem nguy hiểm nhưng còn có cơ hội trị được.

Trên đây tổng quát những chứng trạng không trị được và trị được, nhưng Thương chứng phác tạp, cũng do sự kinh nghiệm, lịch tri của chuyên gia, ngoài ra còn những Huyết-đạo bị thương cũng rất quan hệ, có thể di hại đến tánh mạng bao nhiêu ngày, bao nhiêu tháng hay trong mấy năm, có thể chết, hoặc có thể cứu chữa.

Trị Trật-đã Y-sanh phải thận trọng và có từ tâm cứu đai thi mới có thể thành một nhà chuyên môn về ngoại khoa được. Vậy xét thương chứng cần phân biệt sau đây :

CÁC LOẠI THƯƠNG CHỨNG NGUY HIỂM (chứng chết).

A.— Xét thương chứng lành dữ.

Theo kinh nghiệm xác nhận bị thương nặng, nhẹ theo những tiêu chuẩn sau đây :

1) Xem xét mắt và tròng mắt. Xem 2 mắt, có hoạt động không ? Còn hoạt động là chứng nhẹ, không hoạt động là chứng nguy.

Trong tròng có gân máu không ? vì nếu nội tạng bên trong bị xé r้า thì tròng trắng có gân máu đỏ, gân nhiều là r้า nhiều, gân ít là r้า ít.

2) Sờ tim, xem mũi. Lấy tay đè nhẹ tại vùng tim xem tim còn nhảy là chứng nhẹ, không đập là chứng nguy, sờ mũi xem hơi thở còn thở ra thở vào được là chứng nhẹ, nếu không là chứng nguy.

3) Xem dái (Đàn ông) xem vú (Đà bà). Đàn ông con trai, dái không thụt vào là nhẹ, tụt vào là nguy.

Đàn bà vú không thụt vào là nhẹ thụt vào là nguy.

4) Xem sắc móng tay móng chân. Lấy móng tay ấn trên móng tay móng chân bình nhơn ; nếu ấn vào thả ra sắc trở lại bình thường liền là chứng nhẹ, nếu lâu lần lần mới hươn trở lại nguyên sắc là chứng nặng, nếu móng tay biến sắc tím đen là chứng nguy.

5) Xem bàn tay và gót chân. Bàn tay gót chân còn hồng hướt là chứng nhẹ, nếu sắc vàng mét là chứng nguy.

B.— Xét thương chứng Bộ phận ở Đầu, Mặt.

1) Xir ng Dĩnh đầu bị vỡ thủng vào, óc não chảy ra là chứng chết. Nếu không thủng sâu vào còn thể cứu được.

2) Tráng lạnh mạch tuyệt. Hoặc vì trên cao té xuống mồ hôi ra như dầu là chứng chết ; vì tráng lạnh mạch tuyệt là mạch Tim hết nhảy, mồ hôi ra như dầu là giao cảm thần-kinh bị thương nặng nên toàn là chứng chết.

3) Môi run dọc hoặc môi miệng tím đen là chứng chết.

Môi dọc là chỗ huyệt Nhơn-trung bị thương tuy chưa đến trị mạng, nhưng Đại-não đã bị thương. Sắc tím đen là vì tạng Tim bị thương nên huyết dịch tuôn ra ngoài, như thế là Tim và Trung-khu Não bị thương là chưa chết.

4) Sơn căn tức ngay giữa 2 khung măt ngay sòng mũi nếu bị thương bẽ lia ra là bộ phận Đại-não bị thương là chứng chết.

5) Phía sau tai bị thương trong tai chảy ra nước trong tủy là Não bộ và Diện tủy bị thương là chứng chết.

6) Chỗ Nhĩ-môn (tại ngay lỗ tai) bị thương ra máu nếu cười măi tức Não bộ đã bị thương là chứng chết.

7) Chỗ lồng chán mày bị thương nặng, chỗ này cũng liên hệ đến Trung khu Thần-kinh cũng là chứng chết.

8) Bị thương, mắt nhắm, sắc Mặt như màu đất ; Cổ hầu, Mũi khi sắc không còn tủy hơi thở đã tuyệt là chứng chết.

9) Bị thương miệng hả, hơi thở ra không hit vào miệng cứ há hốc hơi phì phì tức tạng Phổi bị thương, nếu xem mắt nhắm vì cơ mắt bị thương làm hôn mê, tức còn hy vọng cứu chữa, mắt mở trao tráo tức Diện tủy đã bị thương là chứng chết.

C.— Xét thương chứng bộ phận toàn thân.

1) Bị thương chỗ cổ họng khi quấn và thực đao lia, tức là chứng chết.

2) Thiên-trụ cốt tức chỗ xương quay đầu cổ bị lia, tức Trung khu Não bị thương là chứng chết.

3) Bộ phận sườn hông bị thương khoảng xương thứ 4, 5, 6 làm thở dốc, sắc mặt bạc chẵn là bị thương các tạng Phổi, Tim, nếu mạch nhảy nhỏ, chìm (Trầm tể) là chứng chết.

4) Bộ phận sườn chỗ vú bị thương làm nát cục tức bộ phận Cách-mô bị thương là chứng chết.

Nếu phía vú bên trái bị thương, thở dốc, đau đớn quá, là chấn Tâm-thống, chỗ này bên trong là Tạng Tim và Đại-động- ạch chủ; vú phía mặt bị thương bên trong là Can-đốm bị thương, mửa ra máu ắt cùi là cùi tử chết.

5) Xương mỏ-ác ngực bị thương gãy phát nát cục là Hoành-cách mõ bị thương, chỗ xương sườn ngực bị gãy đoạn phát ho suyễn súc ngực cao lên Phổi đã bị thương là chứng chết.

6) Dạ-dày bị thương quá nặng hay đã lâu không ăn uống được miệng nóng hổi thui, tức Dạ-dày ứ huyết, sưng lở là chứng chết.

7) Dạ-dày bị thương mửa ra máu, ra đồ ăn tức Dạ-dày bị liệt là chứng chết.

8) Chỗ ngực và bụng bị thương chảy nước vàng, nước đen hay là máu bầm, tức Đởm nan bị thương hoặc trong bụng bị ứ huyết lâu chảy ra đều không thể trị được.

9) Thần bộ bị thương cứa, khóc không chừng tức thuộc bệnh Thận kinh não cũng là chứng chết.

10) Dạ dày bị thương sau đó phàn ra đắng miệng, cũng là chứng chết (Bình thường phàn ra đắng miệng không phải chứng chết) Bệnh nhân bị thương quá nặng, cho nên dạ dày không mở đống được mà phải ở Đại-trường nghịch lên Dạ dày ra đắng miệng là chứng chết.

11) Bọng-dái bị thương cứ bắt nhảy mũi hoài không dứt, bụng dưới đầy trường đau, nước tiểu cứ chảy ra là chứng chết.

12) Ruột già bị thương đi cầu ra máu, mất đỏ, (Bình thường không hại) nhưng vì bị thương quá nặng, Huyết quản bị liệt thoát ra là chứng chết.

13) Bụng bị lồng lỏi ruột, là chứng nguy hiểm nhưng nếu có mũi tháo không ra hoặc phát lở sưng, đó là cơ ruột bị tháo cũng là chứng chết.

14) Âm bộ (Hòn dài, Âm môn) bị thương, nước tiểu cứ rỉ ra tức ống tiêu bị bể, đau nhức khô sở, tâm thần hòn mè là chứng chết.

15) Xương cung (Vỹ-lũ-cốt) chỗ 4 đốt cột bị thương nặng phàn cứ chảy ra tức Hồi trường đã rách là chứng chết.

16) Tại huyệt Hột-âm (trước giang môn, sau chỉ đái) cùng gọi là Hải-đè huyệt bị thương nặng hòn mè không nói năng gì, dùng thuốc tháo mũi cấp cứu không nhảy mũi là chứng chết.

17) Đàn bà chữa bị thương cứ cười mải là bị thương Đại-não Thần kinh là chứng chết.

D.— Xét thương chứng tay chân.

1) Tay chân bị thương mạch đi đại biến tri hởn tức mạch nhảy liên tiếp lại biến nhảy chầm rái ấy là Thần-kinh quá suy nhược Giao-cảm Thần-kinh bị thương nặng thuộc chứng chết.

2) Chỗ xương bã vai bị thương nặng lõm sụp vào trong. Nếu bộ phận Đại-động-mạch và Tim, Phổi đã bị thương thì không thể trị được.

3) Hai xương cánh tay trước, xương tay quay và tay trụ (Xích cốt, Nhiều cốt) bị gãy lìa cả 2 là chứng nặng cũng khó khỏi phục vụ

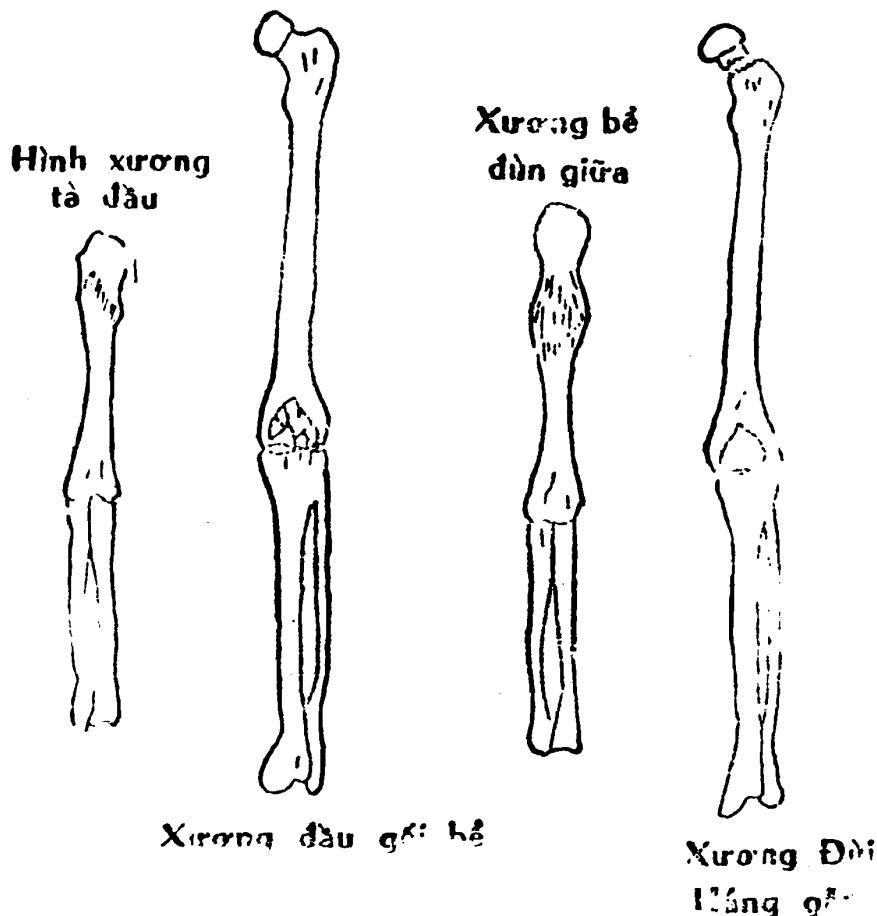
toàn. Xương ổng chân xương ổng chính, xương ổng phụ (Hình cốt Phì cốt) cả hai bị gãy lìa tức chứng nặng cũng khó khôi phục vẹn toàn.

4) Người lớn tuổi, xương đùi vỡ (Đại thố cốt) bể nát, máu chảy không cầm cũng là chứng khó trị (vì người già xương cốt khó khôi phục).

PHÂN BIỆT GÃY XƯƠNG VÀ TRẬT KHỚP

Trị gãy xương nên phân biệt rõ hai chứng *gãy xương* và *trật khớp*. Trị gãy xương cần phải bó cây. Trị trật khớp không cần bó cần nhặt xét phân biệt kỹ để khỏi phải trị sai thành cỗ tật.

Hai chứng trạng gần giống nhau, vì cũng sưng, nhức biến hình nếu phía dưới khớp xương bị gãy, chứng trạng lại càng giống hệt trật khớp. Phân biệt 2 chứng này cần phải dùng cách đo xương (*Uộ cốt pháp*).



A.— Gãy xương.

Phàm bị **thứt xuong** gãy lìa làm 2 đoạn, hai đầu xương có thể bị đâm sâu vào thịt cắt đứt hay đâm thủng mạch máu, Thần-Kinh có khi xuyên phá ra ngoài da.

Gãy xương chẳng những vì trực tiếp va chạm gãy ngay tại chỗ cũng có thể xảy ra gián tiếp như bị té ngồi mà lại gãy xương sống, bị vặn trẹo bàn chân làm gãy xương ống chân, vặn trẹo gãy xương ống tay, cánh tay v.v. không bộc lộ ra ngoài. Cần xem xét rõ chứng trạng phân biệt sau đây :

- 1) Sưng nhức, biến hình (khi xương gãy thì cơ nhục, gan mạch bị lồi lõng hay bị phá nên mất sự bình thường).
- 2) Cầm lấy động nhẹ có tiếng kêu, vì bị gãy lìa thì 2 đầu cọ xát nhau có tiếng.
- 3) Nguyên thể xương bị thâu ngắn lại.
- 4) Trường hợp bị thương tại các ống xương nhứt định bị gãy lìa 2 đoạn.
- 5) Có trường hợp bị tai nạn xương không gãy nhưng ta đầu, đùn giữa, bể khớp. Cần sờ mó kỹ mới nhận rõ chứng trạng.

B.— Trật khớp.

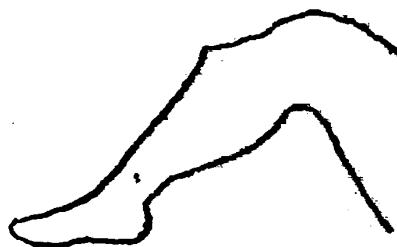
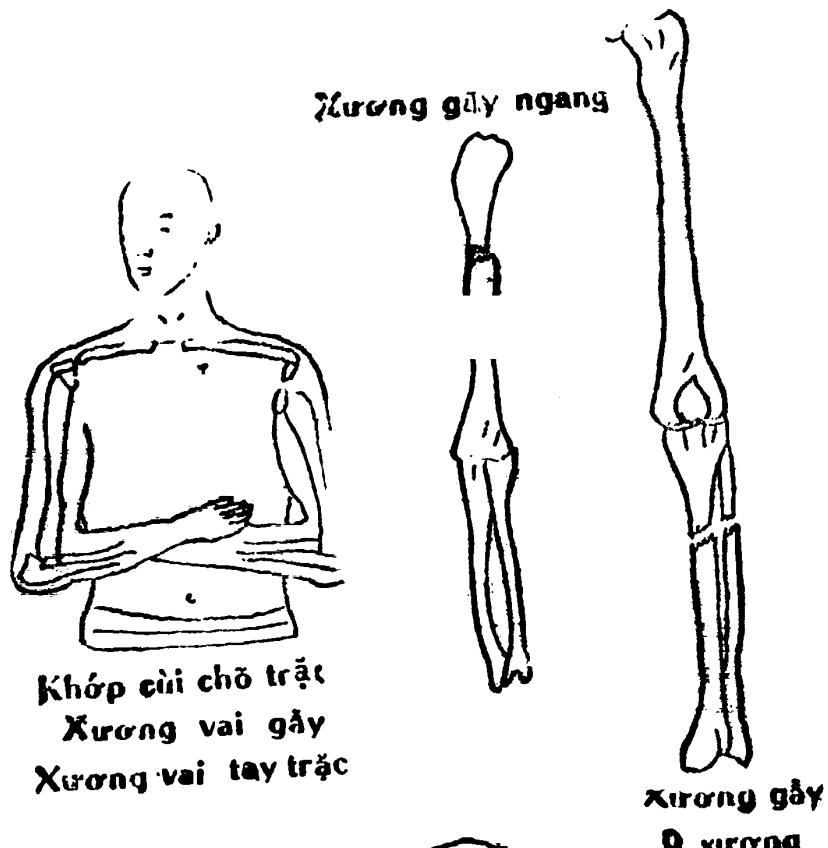
Tai nạn bị thương trật khớp ; tức 2 khớp xương trật ra ngoài sai vị trí, cũng biến hình và sưng nhức như xương gãy. Nhưng phân biệt sau đây :

- 1) Trật khớp tức không đứt đoạn nên khi lấy động không cọ xát 2 đầu xương nên không có tiếng.
- 2) Tay hay chân bị trật khớp có khi trật tới trước, trật ra sau, trật ra ngoài, nếu tay chân bị thương thường dài hay ngắn tùy chứng trạng.
- 3) Nếu bị thương tại khớp xương thì khớp xương trật ra làm các bộ phận liên quan cũng bị thương tổn.

C.— Phân biệt bằng cách đo xương (Độ cốt pháp).

Như thương xương gãy lìa thì có phân từng đoạn, nếu mồn biết dài, vắn, hay chỗ khớp xương bị trật ra, cần phải đo. Trước đo bên bị thương xương dài, vắn, rồi đo qua bên lành, xem sai biệt như thế nào mà phân biệt

Vậy cần phải chú ý để áp dụng thủ pháp, vì nếu không phân biệt rõ xem xương gãy và trật khớp mà trị sai, (xương gãy dùng bó cây, băng bó. Khi khớp không cần bó cây, băng bó) thì xương gãy



Hình xương gáy không phá



Hình xương gáy phía ra ngoài

sau khi trị lành, hoặc chỗ trật khớp sẽ biến hình khác, hoặc lớn hơn, ấy là vì thủ thuật khi sửa xương không đúng, nên xương tiếp nối lại không chính, hoặc vì nắn bóp không đúng nên chỗ bị thương gãy hay chỗ khớp bị trặc, còn trống làm cốt bào, hay tuy xương sanh ra ngoài, lần lặp lớn to ra. Vậy cần phân biệt để thực hành kỹ thuật khỏi sai lệch.

PHƯƠNG PHÁP SỬA XƯƠNG

CHÁNH CỐT PHÁP

Trị gãy xương cần yếu phải học tập kỹ thủ-thuật không nên ngô nhân thuở có thể tự tiếp nối xương mà không đặt trọng tâm vào sự sửa chữa bằng thủ-pháp.

A.— Xương gãy có thể phục hồi.

Do tánh chất tự nhiên sinh hoạt của chất xương trong cơ thể, chỗ xương gãy có thể tự tiếp nối lại, vì thế trị gãy xương, phương pháp tiếp nối xương điều chủ yếu là thủ pháp sửa xương cho ngay lại (Chánh cốt); Tiếp nối cho 2 đầu xương bị gãy lia ngay ngắn lại, hăng bó cho chắc lại không nên làm lay động vì chỗ xương bị gãy; thường sanh chất mới, chất vôi này lúc phát sinh thì mềm, thành chất sun xương rồi lần lần cứng lại thành xương.

Thời gian xương cứng lại lâu hay mau do cơ thể mạnh yếu, thể chất tùy dài ngắn, thông thường từ 14 ngày đến 40 ngày mới có thể phục nguyên lại. ấy là sự sinh hóa thiên nhiên của chất xương. Áp dụng thêm thuốc trị gãy xương là làm cho khí huyết lưu thông sự tuần hoàn huyết dịch được mạnh để đầy phá chỗ bị ứ tích, nuôi dưỡng sanh chất mới lại (Kết ứ sanh tan, cường tráng cân cốt) để làm tăng bồi các loại sanh tố dưỡng thể giúp cho xương mau phục hồi lại.

Nhưng trị gãy xương nên chú ý khi dùng thuốc uống để giúp xương liền lại, thì trong lúc bó ngoài, phải trong thời gian 3 ngày 5 ngày hay một tuần nhứt cần tháo ra quan sát lại, vì lúc ấy chất xương có thể sanh ra nhiều hơn nguyên trạng làm cho chỗ ấy biến hình, nếu thấy gãy thuyền giảm cần đình-hắn thuốc và chỉ bó bắng lại để giữ được thẳng bằng nguyên trạng thể xương. Đây là điều cần yếu phải hiểu rõ trong Khoa trị Trật-dã chiết thương.

B.— Thủ pháp sửa khớp tiếp xương.

Phương pháp sửa xương Ngoài khoa thuật pháp nên hiểu điều cốt yếu cần chú trọng đến Thủ pháp.

Khoa này dành riêng cho chuyên khoa là vì phải biết cách áp dụng 2 tay trực tiếp, đè án mẩn mò chồ vết thương, khớp xương hay chồ gãy xương mà nắn sắp lại cho chính cho liền đúng vị trí đúng hình trạng của xương các bộ phận trong cơ thể. Vậy Y-sanh chuyên khoa phải cần thận trọng tùy chứng thương nặng nhẹ mà áp dụng thủ pháp thích hợp, không thể mạnh lầm, hay yếu lầm, vì nếu thất nghi hoặc chưa đúng với thương thể thì không thể trị lành được, cũng cần quan sát kỹ bệnh nhơn thể chất như thế nào mà áp dụng, khi làm sàn trị bệnh phương pháp tùy 2 tay của mình chồ xương bẽ vun hay gãy đoạn được sắp xếp cho liền lại như cũ, chồ gân bị bong ra hay xoắn lại, nắn sao cho phục hồi trạng thái.

Thủ pháp hay, đúng đầu bệnh thể nặng mà sửa chữa được thích ứng thì nặng trở thành nhẹ, cải thiện bệnh thể ngay, nếu sơ xuất không thích hợp thì bệnh nhẹ có thể thành nặng nguy đến tánh mạng. Vậy đây là *Tâm minh thủ xảo* không nên xem thường.

Phương pháp trị khoa Trật đã chiếc thương thủ thuật là chính không nên quá ý lại vào thuốc vì phương được là trợ giúp khi một vết thương được sửa chữa đúng rồi áp dụng thuốc được thuyền giảm tức thời, nếu không đúng, thuốc không hề tự sửa chữa chồ tồn thương hoàn toàn được, nên có khi thuốc lại không có hiệu lực.

Sửa khớp : *Tiếp xương, tiếp gân* phải theo các thuật pháp sau đây: *Mạc* tức mẩn mò; *Tiếp nối* lại; *Đoan* làm cho chính vị trí; *Đè* nhắc, *đưa lên*; *Án ma* xoa bóp; *Thoi nã* nắn sắp lại.

Tất cả thuật pháp này cần luyện tập điêu luyện cốt làm cho xương bị gãy lìa chỉnh đốn lại hoặc khớp xương bị trặc treo ra được hồi giàn lại đúng vị trí nguyên trạng, chồ cơ gân bị thương cũng phải tùy chứng hình thái mà vận dụng tay cho khéo, nhất là không nên *Xoay ngang* hoặc *Lay động ngang qua*; vì những mảnh xương gãy chưa lìa ra, nếu bị xoay, đẩy ngang có thể bị bẽ vun, hoặc làm thương đến Thần kinh, Huyết quản xung quanh làm tăng thêm thể bệnh.

Vậy thuật pháp nên tuân tự theo các động tác sau đây :

1) *Mạc pháp*. Mẩn mò; lấy tay mẩn mò chồ bị thương xem đã gãy đoạn hay bẽ nát, hoặc chồ khớp trật ra, xem trật phía trước hay phía sau, trật vào trong hay ra ngoài, cũng cần mẩn mò xem gân bị

thương thế nào, hoặc bị cấn hay dùn lại, lệch qua hay té ra, mà xem cho thật kỹ để nhận định làm đúng vết thương mà áp dụng phương pháp trị cho thích hợp.

2) *Tiếp pháp.* Với lại, sau khi mổ mà xem đúng rồi thì bắt đầu dùng thủ pháp ấn nỗi tiếp xương bị gãy lia hay bẹt để sắp lại làm cho dính liền với nhau cho thẳng, theo thế vị của xương, không nên làm lồi ra hay lõm vào (cốt thật bằng phẳng mới khôi phục lại được).

3) *Đoan pháp.* Sửa chính lại nguyên trạng thế xương trước dùng tay nắm chỗ xương bị gãy, hoặc tùy dưới đây lên, hay trên đây xuống, hoặc phía trong đẩy ra ngoài, phía ngoài đẩy vào trong, tùy hình trạng chỗ bị thương áp dụng thủ pháp làm cho ngay khớp hay ngay thân xương, được như thế sau này khi xương lành không bị biến hình.

4) *Đề pháp.* Nhắc đưa lên, tức đem xương bị gãy sụp xuống lên cho bằng, cần xem bị lõm sụp xuống ít hay nhiều, nặng hay nhẹ để lượng tay đưa lên cho vừa tầm mức, nặng nhẹ tay tùy hình trạng bị thương, không nên thái quá làm tăng thêm thể bệnh, mà nếu không đúng mức (hết cắp) thì cũng sanh tật sau này.

5) *Án ma pháp.* Xoa bóp ; lấy tay xoa nhẹ bóp từ từ nhất là chỗ khớp bị trật cần xoa bóp cho huyết dịch lưu thông, cho gân mềm dịu lại, nhưng chỗ cơ nhú sưng nhức tê dai cần thoa bóp mạnh để mau phục hồi lại.

6) *Thoi Nă pháp.* Nắn sắp ; lấy tay cầm chỗ xương bị bẹt, bị gãy hay sai khớp nắm sắp lại cho đúng vị trí thân xương, hay vị trí khớp, hoặc chỗ gân bị vệnh vẹo lệch sai động đỗn càng đau kịch cần nắn lại cho thông huyết mạch cơ gân.

C.— Phương pháp phỏ thông.

Trị gãy xương, trong dân chúng vùng quê thường phỏ thông *đăng bó bằng gà con*, và dùng *rượu đậm cua* cũng công hiệu.

Đăng gà. Áp dụng phương pháp này từ sau khi sửa sơ chỗ bị thương gãy hay sai khớp, dùng 1 con gà con hoặc gà giò, nhỏ, lợn, tùy chỗ bị thương ; giết chết gà, nhổ lồng, không rửa nước, để nguyên cả con đậm nhuyễn, hoặc có thêm thuốc, đăng bó lại cho chặc thời gian ít ngày lấy ra, chỗ xương cũng lành lại được (trường hợp nhẹ). Phương pháp này phỏ biến nhưng không hiệu nguyên nhân thế nào có công dụng.

Theo nhận xét nguyên lý tức cũng chỉ cốt giữ chỗ bị thương đúng nguyên vị trí và làm cho tế bào xương đương tăng trưởng giúp cho sự sinh hoạt của chất xương khôi phục lại bình thường.

Dùng rượu đầm cua

Pò thường trị gãy xương, vùng quanh cũng thường thấy phần đông dân chúng đầm cua (cà con) giảm rượu lọc cho uống.

Nhận xét công hiệu, vì phương thuốc này tinh chất vỏ cua là chất vôi, gạch cua làm tan ứ huyết, huyệt huyết vì thế nên giúp cho máu huyết lưu thông, giúp chất xương mau sanh trưởng chất sụn mới sanh mau cứng lại vì thế dùng trị gãy xương có công hiệu.

D.— Kỹ thuật băng và băng bó.

Trị gãy xương trật khớp điều cần thiết là băng và dăng bó.

Nhưng chỗ bị thương, sau khi áp dụng 6 thủ pháp trên, xương đã chỉnh đốn lại vị trí, cần phải dăng bó lại, thông thường dùng tre hay cây chẽ nhẹ bệnh giày lại như bệnh sáo, tùy chỗ xương lớn nhỏ hay dài ngắn mà áp dụng, bao xung quanh chỗ bị thương cho chắc, trong đê thuốc, hay thuốc cao rồi bao lại cho chắc, ngoài ló thê bao băng thêm vải đê giữ kỹ, nếu chỗ cánh tay, cùi chỏ chỉ cần băng treo cho vững không được lây động.

Phương pháp này cốt giữ chặt xương gãy đúng nguyên vị trí làm cho chất xương sanh trưởng lành lại không biến hình, và cũng giúp chỗ bị thương mau lành.

Sau đây xin phô biến các loại băng vết thương.

Có nhiều loại băng :

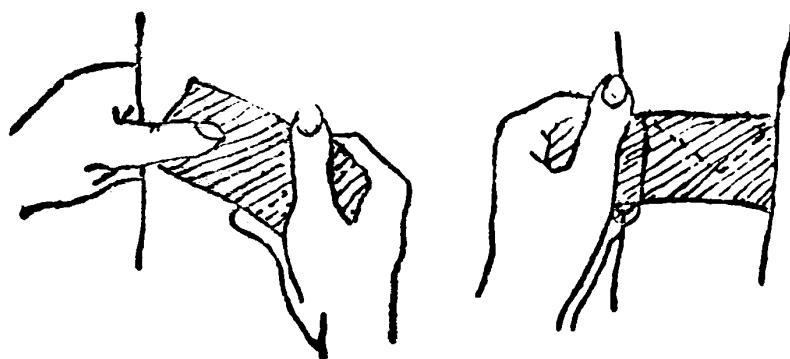
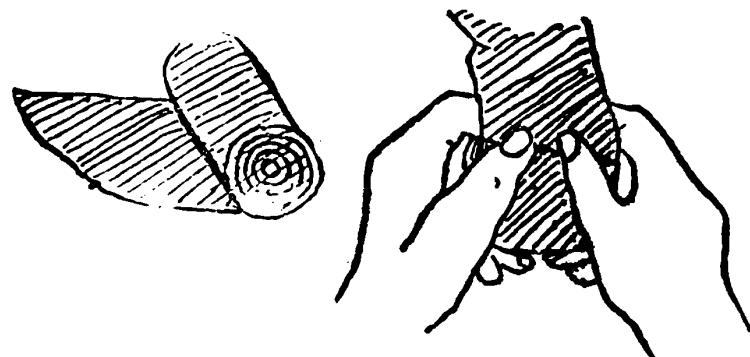
Cuộn băng băng vải sứ mỏng (có bán sẵn) tùy băng rộng hẹp có nhiều cỡ để thích ứng các vết thương; hoặc rộng 5 phân, dùng để băng các ngón tay chân, băng 7 phân để băng bàn tay, cánh tay, cùi chỏ, băng tay, đầu gối ống chân, bàn chân, băng 10 phân để băng đùi, vai, bụng, ngực, lưng.

Băng này thường có bán từng cuộn.

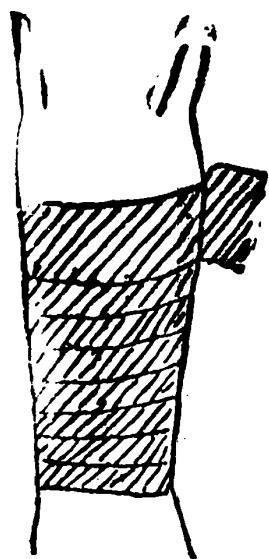
D.— Cách băng vết thương & tay chân.

Cần cuộn băng bên tay phải, tay trái căng gấp đầu băng lên vết thương và cuộn băng tay trái sẽ quấn băng từ trái sang phải.

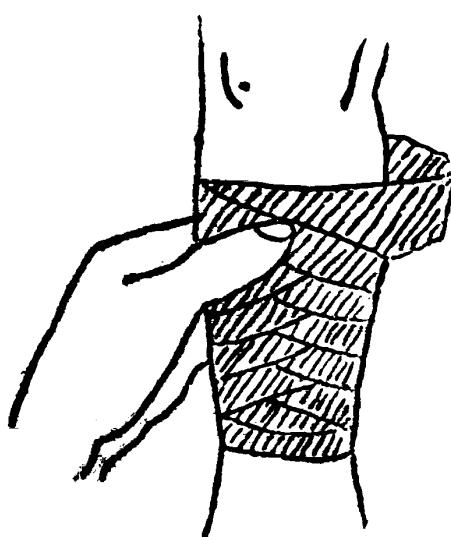
— Các lõi băng nào cũng phải quấn 2 vòng băng chồng lên nhau và lật ngược đầu căng cho nằm giữa lớp băng thứ nhất và thứ nhì nhô vảy băng sẽ không bị tuột.



Cách cuộn băng và cách băng.



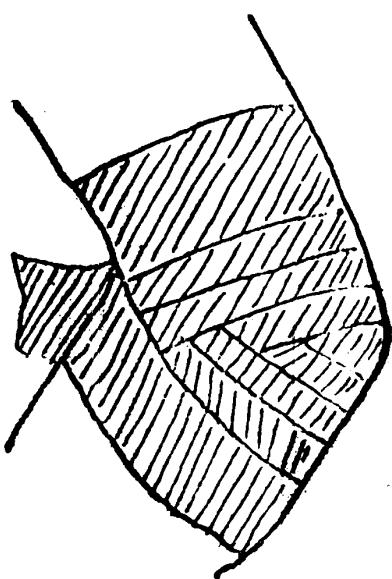
Băng tròn hàn.



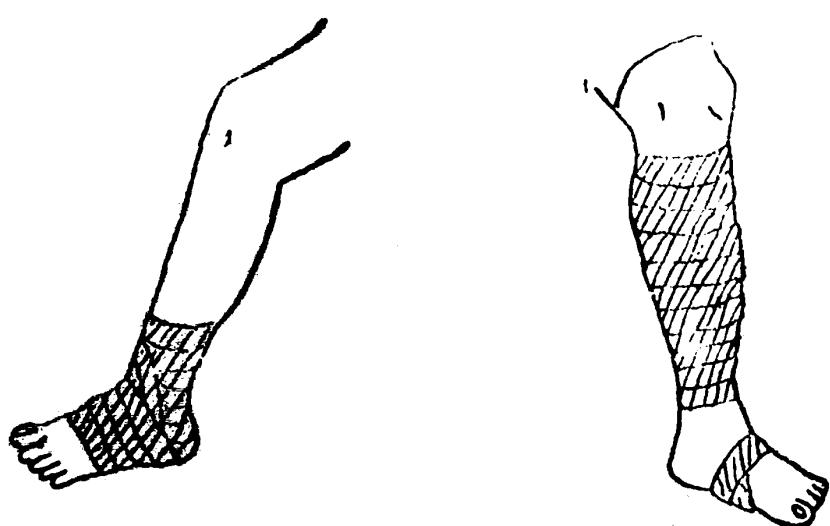
Băng chữ nị

Sau khi băng đều kết thúc lại băng 2 vòng băng chằng lên nhau và cột mồi đai nếu là băng vải mỏng hay ghim Kim băng : Cuối dây băng nên gấp lại vài phần cho mí vào ghim kim băng ngoài tay trên xuống.

Băng cứng không tuột, nhưng cũng không nên quá chặt làm tắc mạch.



Cách băng chở khớp
Đầu gối



Cách băng bó ống chân cườm chân

— *Băng* nơi tay chân thì nên băng theo hình tròn *đc* hay băng theo kiểu chữ nhân.

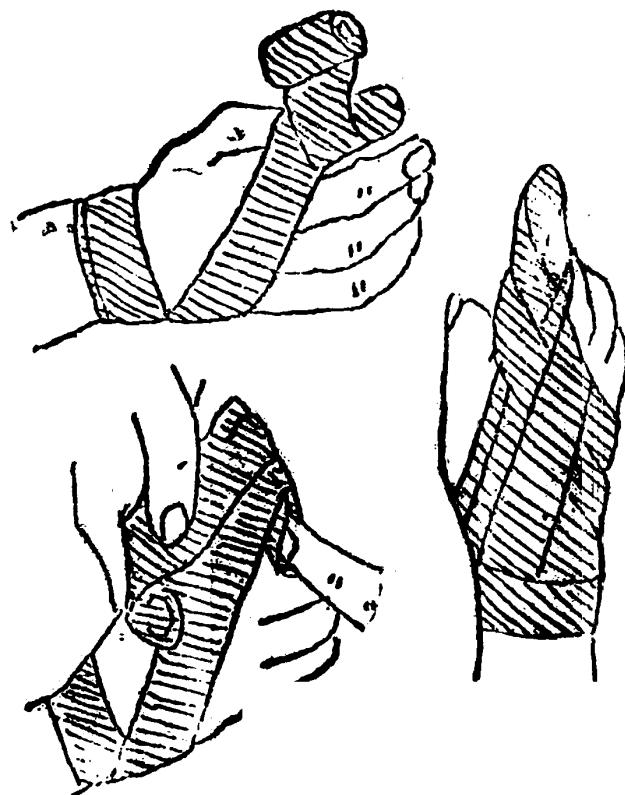
— *Băng* ngón tay : phải quấn băng nơi cùi chỏ tay, kéo băng trên mu bàn tay phủ đến đầu ngón tay và gấp lại một hay 2 lớp rồi quấn một vòng băng quanh 1 ngón tay.

— *Băng* thành hình số 8 vài loạt và kết thúc bằng 2 vòng chót nơi cùi chỏ tay.

— *Băng* cùi chỏ và đầu gối.

Quấn 2 vòng băng ngay nơi đầu khớp xương.

Tiếp tục băng tuần tự vòng sau ở phía ngoài hay phía dưới và cứ như vậy để kết thúc bằng 2 vòng phía trên khớp xương.

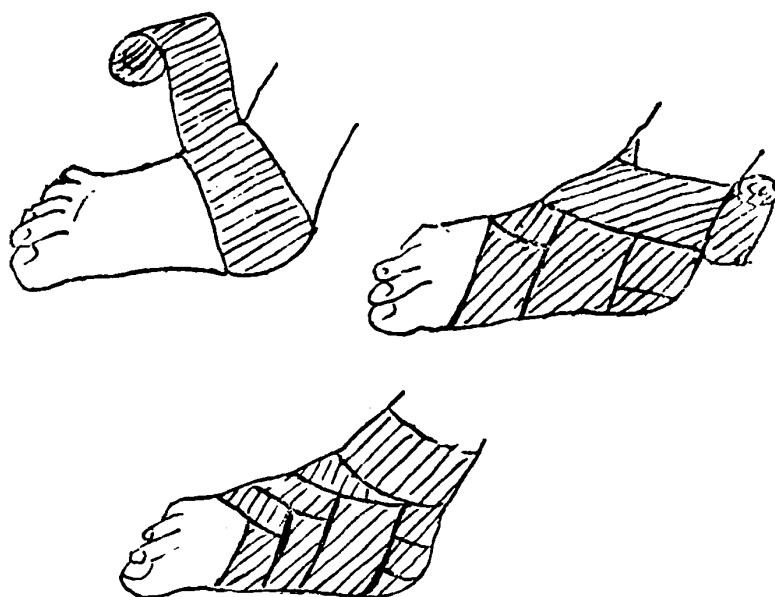


Cách băng bó bàn tay, ngón tay

— Băng ở chân, và khớp mắt cá.

Quấn 2 vòng băng quanh gót chân từ trên vòng xuống giữ cho mắt cá chân thành vuông góc, tiếp tục quấn nhiều vòng băng thành hình số 8 từ bàn chân vào gót, và từ gót chân lên cùm chân và kết thúc bằng 2 vòng tại cùm chân.

Đây là cách băng bằng băng mỏng nhỏ bắn :



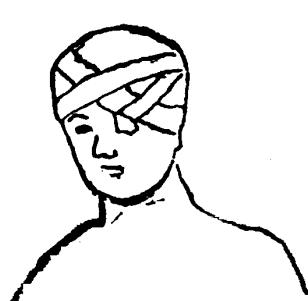
Cách băng bó bàn chân

E.— Cách băng đầu, mặt.

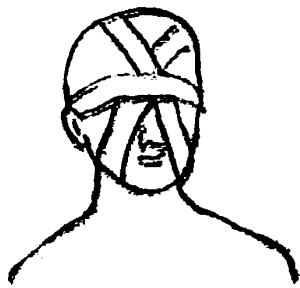
Băng gấp góc băng cách khởi đầu bằng 2 vòng băng ngang qua đầu, quấn nhiều vòng băng từ đầu qua cằm và kết thúc bằng 3 đường băng ngang đầu.

Hoặc băng từ tráng ra sau ót nhiều vòng trùm cả đầu, rồi kết thúc bằng cách băng ngang qua trước tráng cột lại tráng giữ lại.

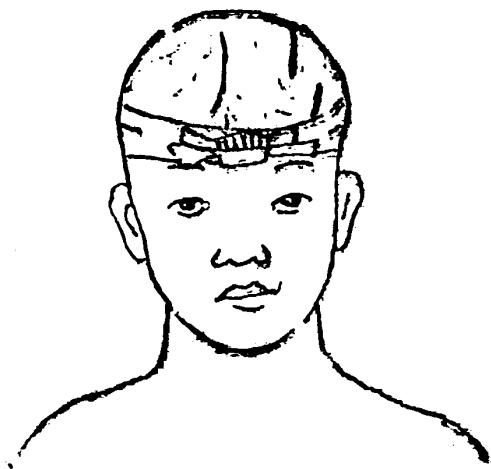
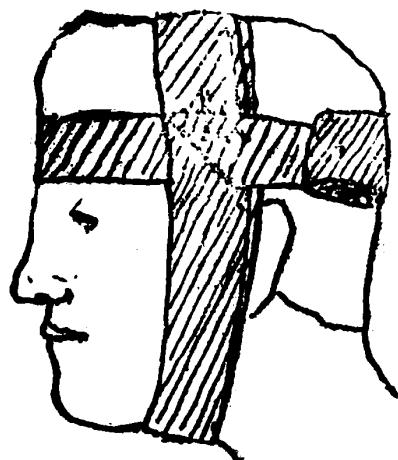
Băng Hàm trên, Hàm dưới, một mắt hay 2 mắt bị thương cũng băng qua đầu và kết thúc tréo ra sau ót cột lại chắc để giữ các vết thương.



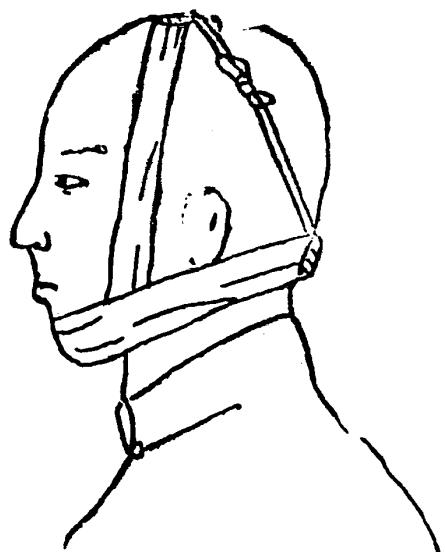
Cách băng mắt bị thương



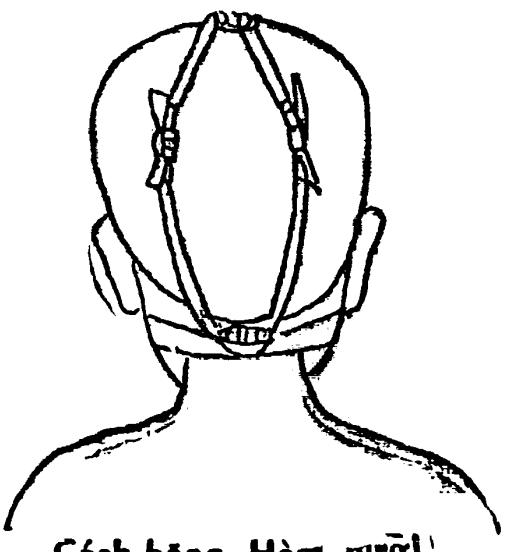
Cách băng Hàm trên



Cách băng bộ phận Đầu bị thương



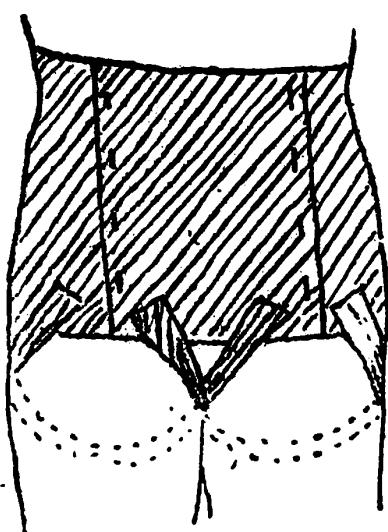
Cách băng Hàm dưới
(bị thương) (phía trước)



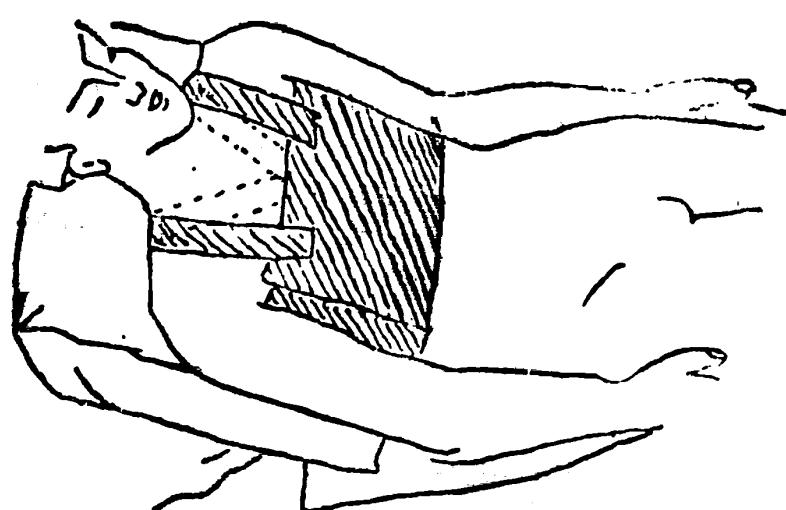
Cách băng Hàm dưới
bị thương (phía sau)

G. - Băng Ngực, Bụng, Lưng.

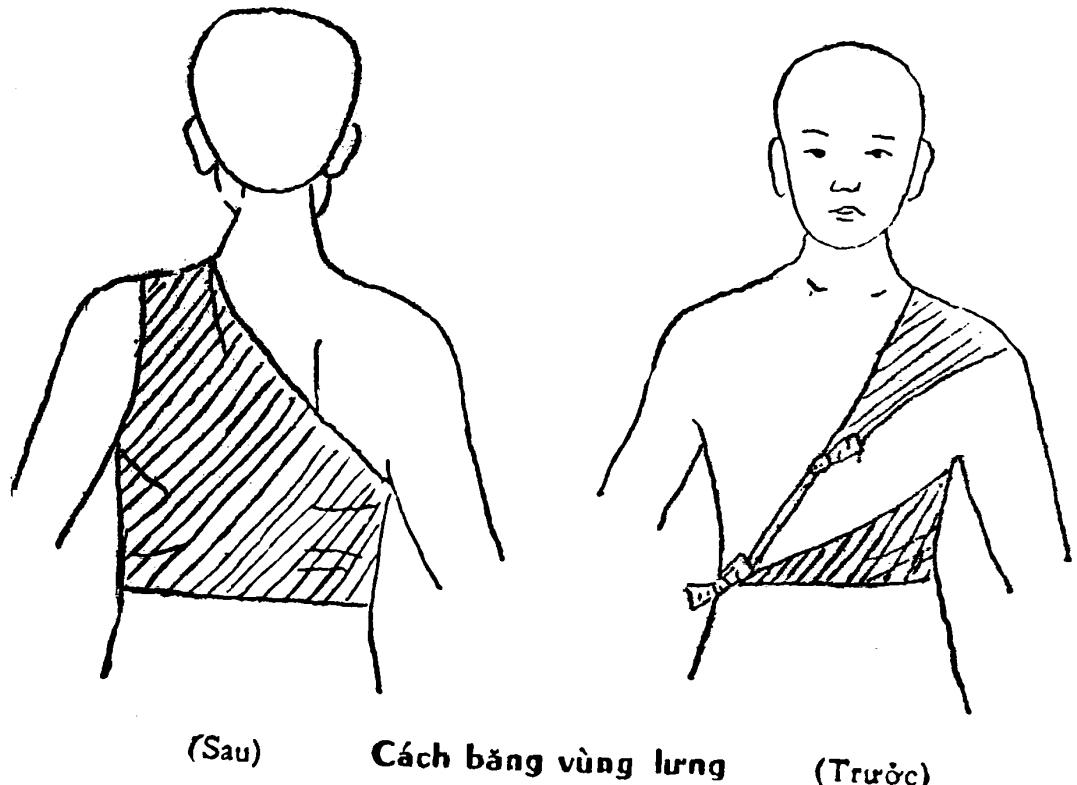
Các bộ phận ngực, bụng, lưng bị thương, người ta thường dùng những miếng vải hình chữ nhật dỗ bó tròn giữ cho chắc bộ phận ngực, bụng. Và dùng lối băng treo kèm giữ các lớp băng chính.



Cách băng vùng bụng



Cách băng vùng ngực



H.— Băng bắc khăn ba góc.

Các cách băng cũng có thể dùng miếng khăn ba góc để băng các vết thương. Cách băng này cũng thường dùng.

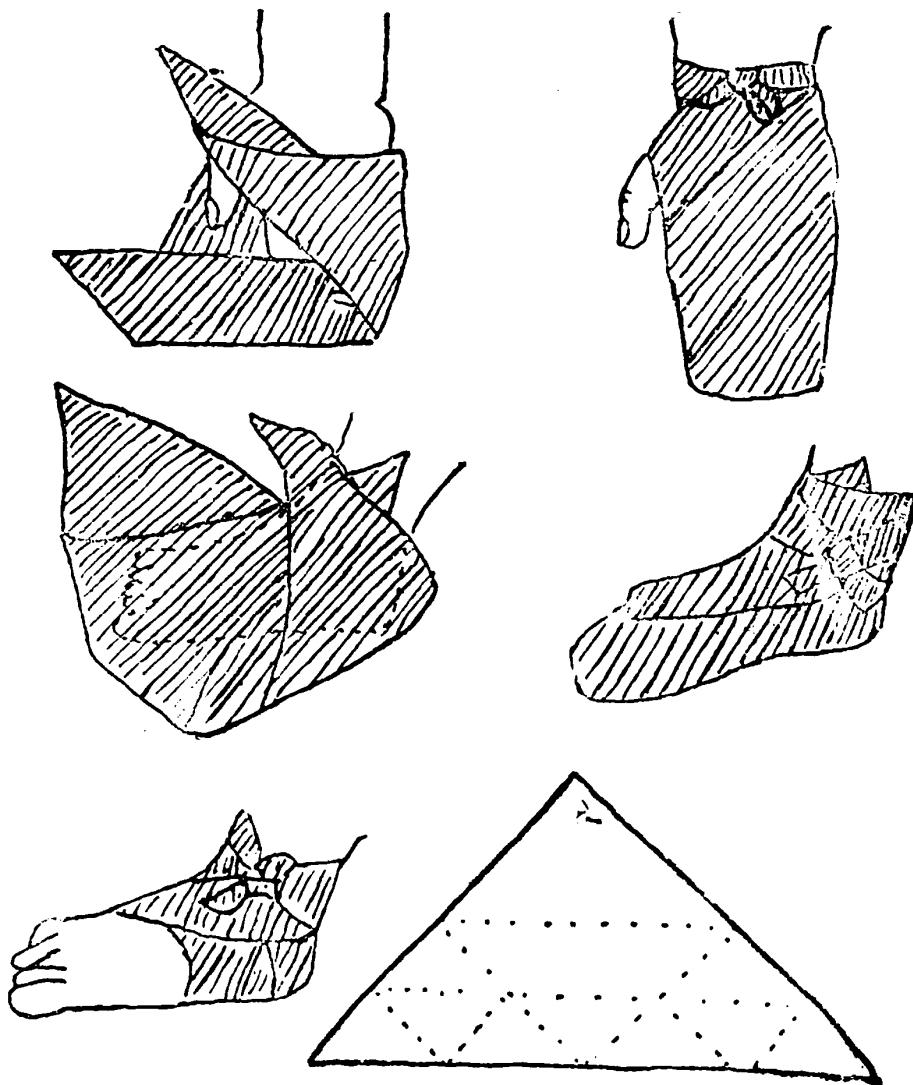
Thường thường xếp khăn lại đặc ngang chỗ vết thương phía dưới là bề dài chéo hình ba góc dùng để cột, cách băng này gọn, thường dùng băng các vết thương, đầu, cùi chỏ, đầu gối, xương ống tay, ống chân.

Băng ở cùi chỏ. Đầu gối: Đặt chớp khăn trên phần ngoài cùi chỏ hơi co khuỷu tay lại, tréo vòng 2 chéo khăn nơi khuỷu tay và buộc một đường ngang bên ngoài trên cùi chỏ 1 chút, kéo chớp khăn xuống cho luồn vào mồi cho chắc.

Băng bàn tay, bàn chân. Đặt bàn tay, bàn chân lên khăn, chớp khăn nằm ở cùi chỏ, cùi chỏ, gấp mép khăn bọc kín ngón tay ngón chân, tréo vòng 2 chéo khăn lại cột mồi ở cùi chỏ cùi chỏ.

Băng một phần ống tay ống chân. Người ta cũng dùng loại khăn tam giác để bọc thẳng nơi bắp tay; cánh tay, đùi và ống chân,

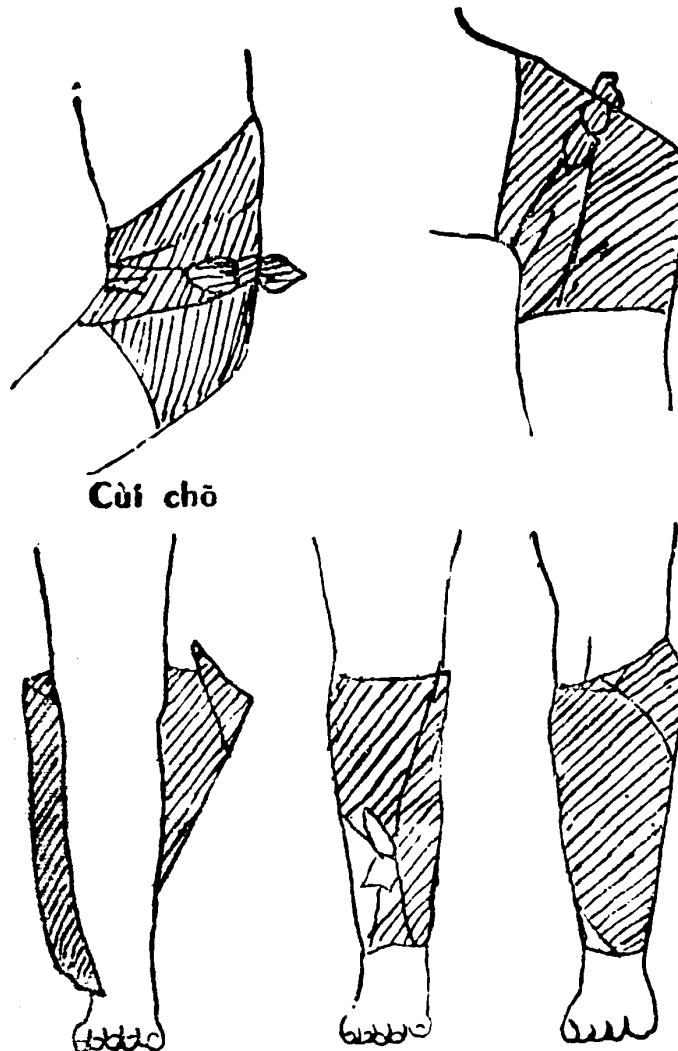
Đặt chớp khăn ở phía trên; dưới khớp xương làm thế nào cho băng ngang một trong 2 mép của góc vuông khăn, quấn chéo khăn phía bên này quấn 2 chéo khăn buộc giữa cánh tay hay chân.



Bó khăn tam giác.
Cách băng bó bàn tay, cùm chân

Khăn tam giác còn hữu dụng trong các trường hợp :

Nếu xếp lại làm nhiều banden thành một băng dài để lèm dây cột nẹp các vết thương gãy xương ; hoặc làm băng ép mạnh để cầm máu các vết thương đứt mạch máu. Hoặc dùng băng tréo các chỗ khớp mắt cá bị bong gân tréo khớp.



Bó khăn tam giác.
Cách dăng bó ống chân, đầu gối

I.— Băng bằng vải xé ra nhiều nhánh Băng (ná).

Có cách băng dùng một miếng vải hình chữ nhật dài để có thể xé ở mỗi đầu 1, 2 hay 3 đường nhánh tùy theo vết thương băng bó cũng rất tiện lợi ; có thể băng kin vết thương, dùng được các chỗ khó quấn băng cuộn hay băng ba góc.

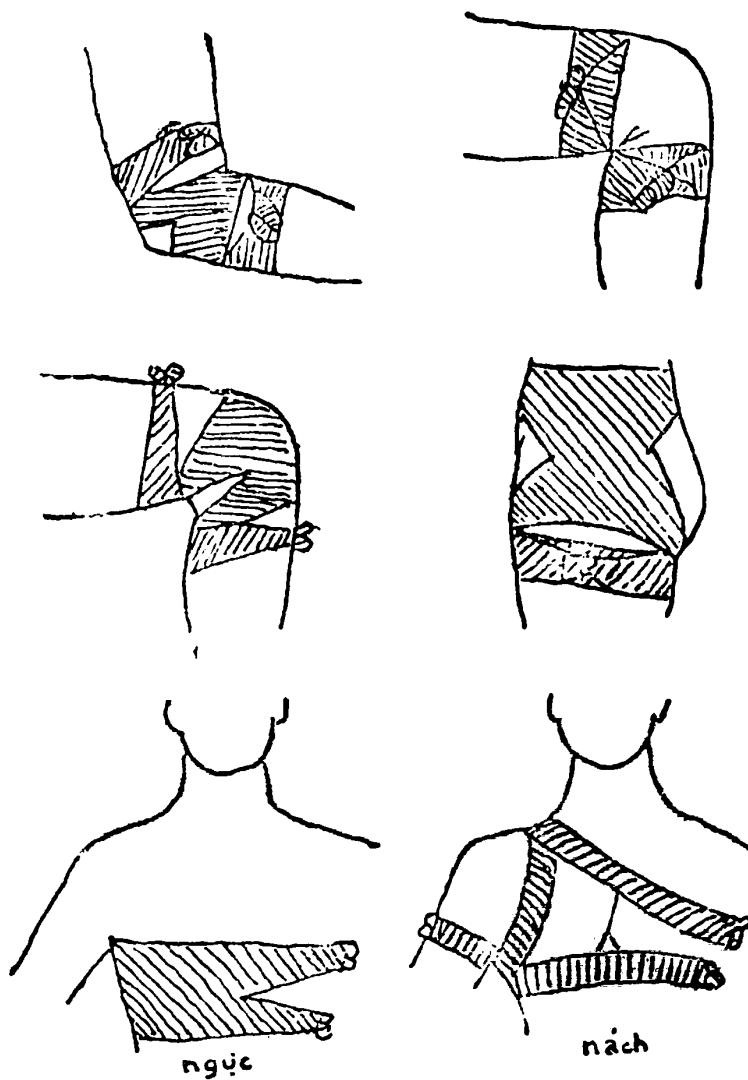
Thông thường dùng loại băng này trước hết cột hai mối ở phía trên. Khi băng ở chỗ cầm, trán, mũi, đầu gối, cùi chỏ phải cột cho 2 mối dây treo tréo với hai mối dây dưới.

Khi băng các chỗ khuỷu tay, háng, ngực, mỗi trên cột trên mỗi dưới cột dưới.

Băng ở nách băng 3 mõi : đặt vài băng nơi kẽ nách 2 chéo giữa băng tréo nhau trên vai và buộc dưới nách, 2 chéo ngoài buộc quanh bắp tay, 2 chéo trong choàn buộc qua ngực.

Băng ngực. Dùng miếng khăn xé 2 đầu làm chéo mỗi bên hoặc 3 chéo. Thường dùng 2 chéo trên kéo buộc trên vai bên phia không bị thương, chéo dưới cột ngang qua.

Băng này cũng dùng băng một măt hay băng lồ tai tiện lợi.

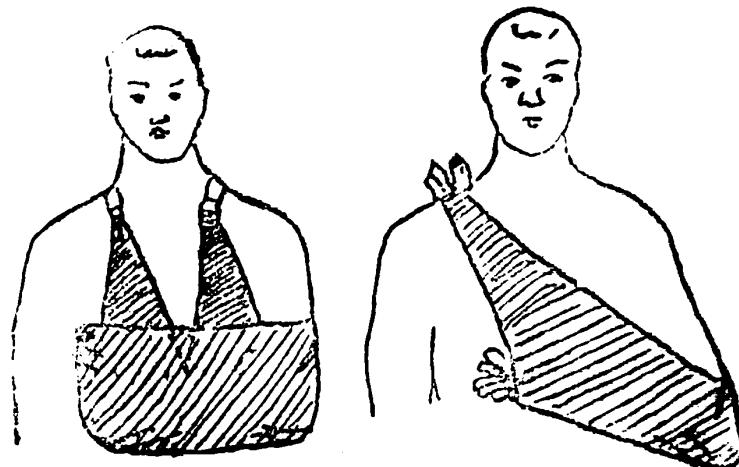
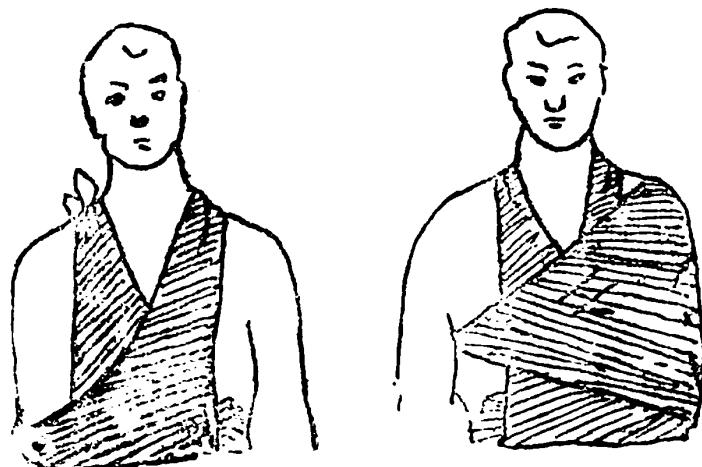


Cách Băng nách
Cách băng bó xương Cùi chỏ Đầu gối

K.— Băng treo cánh tay.

Thường bị thương gãy xương cánh tay, cần phải treo giữ lại, dùng 1 cái khăn choàng băng vải rộng hình ba góc hay vuông (vải vuông gấp lại thành hình ba góc).

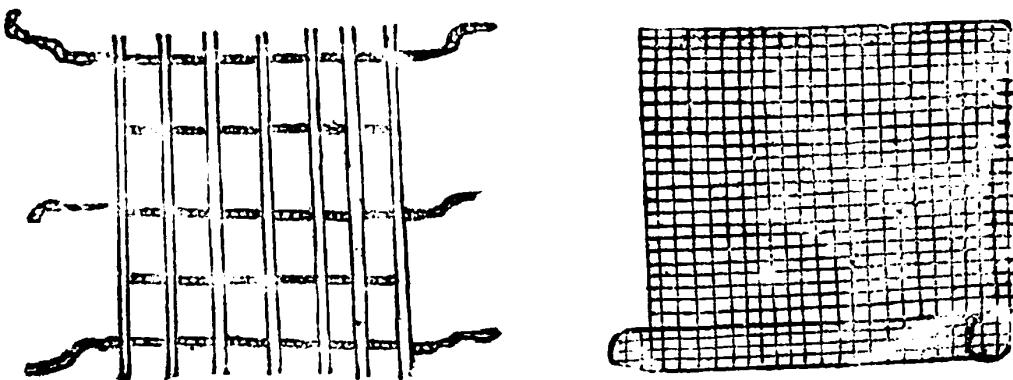
Đặt chớp khăn xuôi theo chiều ngang cánh tay, choàng 2 chéo khăn qua cổ mà buộc lại cột đặt cánh tay trong khăn treo không cho lay động, như nếu sơ không giữ vững được, người ta dùng một khăn choàn thứ nhì đeo bó ngang qua, mép khăn nằm gác trên vai, chớp khăn gấp vào trong cùi chỏ; 2 chéo khăn kéo ngang qua thân mình buộc chặt lại dưới nách để giữ cho thật vững.



Cách băng treo cánh tay gãy

L — Đǎng bó bằng tre bện.

Dùng tre hay cây chẽ nhỏ dùng nhợ cột lại từng miếng mỏng bện như bện sáo ; Cây dài ngắn tùy vết thương, hai đầu chừa giây để cột các vết thương ở tay chân nên chừa thêm ở giữa để cột làm 3 đoạn. Sau khi áp dụng các thủ pháp trên, dùng thuốc bó hay dùng cao dán, ngoài nên lót thêm bông, cho êm rồi bao ngoài lớp cây này cốt giữ kỹ lại để tránh cử động ; Đǎng bó bằng tre rất tiện lợi, vì có thể giữ lâu không sợ sút giây băng và cứng như cách băng bột của Tây-Y. Sau thời gian 1 tuần hay 15 ngày tháo gỡ ra dễ dàng. Băng xong nên nhớ ngoài bao lớp khăn treo để giữ cánh tay (bị thương ở tay) khỏi phải lay động. Chỗ vết thương xương sống eo lưng, dùng băng này giữ lưng thẳng tiện lợi hơn hết.



Cách bện tre bđ

CÁCH TRỊ CÁC VẾT THƯƠNG

I.— Quan sát vết thương. Tất cả các tai nạn gãy xương đều có gãy thương tích tức có vết thương, dù nhẹ nặng đều phải quan sát kỹ và phải nhận định rằng mọi vết thương đều độc, vì trùng có thể xâm nhập vào cơ thể gây bệnh thêm trầm trọng. Vả lại cũng cần nhận xét kỹ để biết vết thương ấy nặng nhẹ và do khí giới gì hay do tai nạn ra sao mà định phương thức trị liệu.

Vả lại trị Trật-dã không phải riêng tai nạn gãy xương mà cũng cần trị tất cả các thứ tai nạn gây thương tích ở ngoài da hay trong cơ thể, nên trước tiên cần phải trị vết thương ; thì bất kỳ do tai nạn gì đều phải trị ngay. Kề cả các vết thương do, đao kiếm bom đạn, tai nạn lưu thông v.v.

Vậy tất cả chỗ da thịt bị thương trong tai nạn đều có vết thương tức là miệng thương (khẩu thương) xem xét phân biệt như bị đao kiếm nhẹn đâm vào thì vết thương nhỏ, tròn, không sâu, rách, nếu

bị đạn sâu thì vết thương dài thành một trực tuyến, nếu không sâu lâm không thương đến tạng phủ bên trong; Huyết quản ấy là chứng nhẹ, nếu mạch quản hay tạng phủ bên trong bị thương là chứng nặng.

Bị thương do khí giới như đạn bắn, mảnh bom thì tùy thứ vũ khí mà chỗ vết thương khác nhau; nhưng thông thường lỗ vào thì nhỏ mà lỗ phá ra thì lớn tức đạn hay mảnh đã ra rồi, nếu không có lỗ phá tức là đạn hay mảnh còn ở trong.

Tất cả những vết thương này nếu bị thương ở tay, chân thì nhẹ nếu trong cơ thân như bụng, lưng, ngực bị thương đều là nặng cả và nếu máu ra nhiều tức cũng thuộc loại nguy hiểm.

Phân biệt bị đạn thường máu ra không nhiều, có lúc không ra máu, vì chỗ huyết quản bị đạn thường tự co ép lại, đó là sự cầm máu thiên nhiên của mạch quản.

Mạch quản có 3 lớp là lớp bao ngoài, lớp mạc mỏ và lớp màng sáo trong gọi là Sao tầng, các lớp này tự nhiên nhờ Hệ-thống Thần-kinh làm mạch máu tự co thắt, nên cũng có thể tự cầm máu được trường hợp nếu ra nhiều quá không tự cầm lại được nữa là vì mạch quản, Thần-kinh bị đứt phá ra trường hợp này rất nặng, nhưng trường hợp máu tự cầm cũng không nên làm kinh động, vì nếu quá vận-động vết thương bị động máu ra lại, chỗ vết ấy phải sưng nhức phá lỗ cũng thành nguy hiểm.

Cũng cần phải giữ vệ-sinh vết thương vì tất cả vết thương dùn nhẹ cũng có thể biến thành nặng do vi trùng xâm nhập vào, mà nhất là vi trùng bệnh Phong-đòn-gánh (Phá-thương-phong; Tétanos) chỉ cần một tý trầy da chảy máu có thể xông vào cơ thể nạn nhân dễ dàng.

II.— Phương pháp trị liệu. Tai nạn gây ra vết thương nguyên nhân gây ra nhiều thứ phương pháp trị liệu nên phân biệt các loại ra sau đây :

1) *Ngoại xuất huyết.* Máu chảy ra ngoài do vết thương gây ra; như vết thương làm đứt một động mạch quan trọng ở tay, cổ; làm cho máu ra có vòi, phải lập tức dùng ngón tay nắm ép cứng động mạch bị đứt (nhờ ép phía trên) để cầm máu, rồi dùng cách cột thắt mạch (garo) cho máu không ra được nữa.

Nếu vết thương làm đứt cả tĩnh mạch và động mạch nhỏ hay những mao quản đều làm cho máu ra nhiều, trường hợp này cần băng chặc vết thương cũng cầm máu lại được.

CÁCH CỘT DÂY THẮC MẠCH (garo).

Tai nạn bị thương làm đứt mạch máu phải lập tức ép chặc mạch máu cột dây thắc mạch ngay, một tay ấn nơi mạch hay nhờ người khác giúp, lấy một sợi giây thật chắc để buộc vào phía trên vết thương nếu bị thương ở cánh tay thì dùng mảnh khăn vải thật chắc quấn làm 2 vòng trên cánh tay, lòn 2 đầu dây vào mỗi vòng rồi ghịt thắc tréo qua mạnh tay và cột mồi ở ngoài, (xem hình vẽ) cũng có thể dùng loại giây cao su, căng thẳng ra rồi quấn 2 vòng trên vết thương, lòn mồi đầu dây vào mỗi vòng tréo nhau mà buột lại.

Dây thắc mạch phải ghịt thật chắc đến khi nào cầm được máu mới thôi.

Vết thương từ cánh tay trở ra, hay từ bắp chân trở xuống, mặc dù ở nơi nào, dây thắc mạch vẫn phải buộc trên cùi chỏ hay trên đầu gối nghĩa là giữa vết thương và tim.

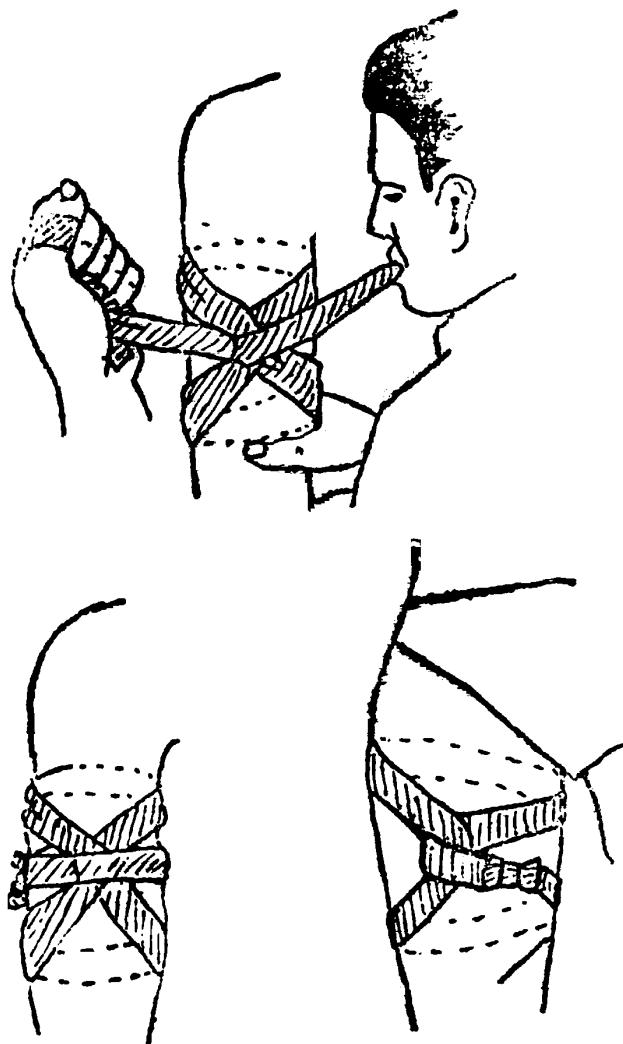
Sau khi cột thắc mạch xong, bây giờ mới săn sóc đến vết thương dùng bông vải sát trùng sạch sẽ đắp lau vết thương rồi băng sơ ngoài gấp cánh tay vào ngang ngực bằng khăn choan giữ đứng cho lay động.

Cần chú ý: Cần dùng dây thắc mạch khi bị đứt một động mạch lớn.

— Nhiều trường hợp bị đứt tiện hay dập nát tay chân mà không chảy máu quan trọng, cũng phải thắc mạch trên vết thương, khi thấy máu chảy ra thì siết dây cho cầm lại.

— Những vết thương ở các nơi không thể dùng dây thắc mạn được như ở cổ, dưới nách, dưới háng, cần dùng tay ép thật chắc cho máu cầm lại ngoài dùng thuốc *Chi-huyết-tán* đắp cho cầm lại.

— Nếu vết thương không phân biệt bị đứt một tĩnh mạch, động mạch nhỏ hay mao quản máu chảy ra không phân biệt rõ chỗ nào, thì cần băng chặc nơi vết thương cho cầm máu nhưng không nên siết mạnh sẽ làm cho phía ngoại vết thương bầm tím, lạnh ngắt máu không lưu thông được.



Cách cột ga-rô (thắt mạch) ở tay, chân.

2) *Nội xuất Huyết*. Tức máu chảy ra ngoài mạch máu mà ứ động lại trong cơ thể, như máu chảy vào trong bụng.

— Thường bị té ngã, va chạm hay đập mạnh tại ngực, bụng cũng có thể làm động bị thương Gan, Lá-lách, máu ứ bên trong.

— Vết thương bị đâm thủng, bị đạn, máu cũng có thể chảy ứ trong nội tạng.

— Có khi tai nạn xảy ra làm máu chảy trong sọ, (xương sọ bể) va chạm nặng trên đầu cũng có thể máu bị động tại Não bộ, trường hợp này chết ngay như bị Trúng-phong.

— Gãy xương tay chân, mảnh xương đầu lủng hay cắt đứt một động mạch tuy máu chảy ra ngoài, nhưng cũng có thể bị ứ động bên trong các sờ thịt, những nơi này thường sưng nhức, thâm tím, hoặc

trường hợp không gãy xương mà tay chân bị dập hay kẹt cũng làm thành thương tích này, cần phải dùng thuốc trị mới mong cứu được.

III.— **Thuốc trị thương tòn ra máu nhiều.** Trường hợp thương tòn làm ra máu nhiều, sau khi dùng phương pháp thắc mạch nạn nhân còn xoay xẩm, hoa mắt, mạch hư tức thuộc chứng thiếu máu nên dùng thang *Bồ-Huyết-thang*.

— Ra máu quá nhiều làm hôn mê, mồ hôi ra khuyết lạnh là chứng Hư thoát cho uống *Sâm-phụ Bồ Nguyêん-Thang*.

— Ra máu quá nhiều làm hối hợp không an, không muốn ăn uống cũng thuộc chứng quá thiếu máu cho uống *Ninh-Thần-Dưỡng huyết-thang*.

— Ra máu nhiều, miệng khát lưỡi khô, thần chí sợ sệt tức thiếu Tân dịch cho uống *Độc Sâm-thang*.

Ra máu nhiều mặt xanh, mắt đen, không nên dùng thuốc công phá ứ huyết, cần cho uống *Bát-trân-thang*; nếu nặng lấm dùng *Độc Sâm-thang* để giữ nguyên khí, hai phương này đều gia *Tô-mộc Hồng-hoa* để hược ứ huyết nhưng trường hợp này cần xem mạch để đoán bệnh chết sống, nếu máu ra nhiều, mạch Hư, Tế, Trầm Tiểu Hòa Hư rõn là sống, nếu mạch Phù, Hồng Sát, Đại, Thiệt, Xúc là chết.

Sau khi máu ra chồ ngực khó chịu, hơi thở mè mệt, hụt hồng, tức khi hư huyết thiểu cho uống *Bồ-Trung-ich khi-thang*.

— Bị thương đạn ra máu nhiều sau phát nóng lạnh tức chồ vết thương phát đỏ sưng nhức dùng thang *Sài-hồ.Thói viêm thang*.

— Bị thương đạn sau khát nước quá muối uống nước lã nhiều, không muốn ăn tức Hỏa độc công bèn trong cho uống *Hợ-tâm-Thanh Hỏa-thang*. Hoặc dùng *Mật ong hòa nước ấm* cho uống thè vào.

Vậy trên đây là những thuốc sau khi trị cầm máu rồi cần dùng cho uống trong. Phần biến chứng và thắt khiếu ra máu sẽ xem mục Nội-thương và Tạp-trị sau.

IV.— **Tạp trị vết thương vì Dao, Kiếm, Bom, Đạn.** Như trên đã nói, vết thương vì bị đạn, mảnh bom, nếu ra được rồi không cần lấy ra nữa, nhưng cũng cần dùng thuốc cho tiêu sưng sát trùng lành miệng nên dùng *Sanh-co-cao* hay *Sanh-co Ngoc-hồng-cao* dán nhưng cần chú ý khi dùng cao dán phải dán trùm cả trên dưới trong ngoài, vì nếu dán không kỹ vết thương có thể phá thêm ra không lành được.

Nhưng nếu đạn, mảnh bom, hay các thứ khí giới làm bị thương còn mảnh, dầm, nǎm bên trong sâu không ra ; phải dùng thuốc té và dùng cách Giải-phẫu lấy ra ; Có những trường hợp không lấy ra được như đạn, mảnh kẹt trong xương, vào Tạng phủ khó lấy ra hoặc vì nạn nhàn sau khi bị thương ra máu quá nhiều nếu Giải phẫu lấy ra thì lại làm cho ra máu nữa, sơ nguy đến tánh mạng cần phải dùng thuốc trong vây phân ra các thứ sau đây:

Vết thương vì Đao, Kiếm, Đạn, mảnh bom vào cơ nhục hay vào Tạng phủ, Đầu tên vào thịt, Cây, Tre vào thịt.

1) *Bị thương vì Đao Kiếm máu ra không cầm được.* Dùng Đào-hoa-Tán. Mạch quản bị thương nặng dùng Nhu-thánh kim-đao tán. Đắp hai thứ thuốc này lên vết thương dùng bông băng lại ắt cầm ngay, nếu cầm rồi vì bị vận động ra lại cũng dùng phương này trị. Nếu đau nhức dùng Sanh-cơ Ngọc-Hồng cao trong cho uống các phương :

Ban đầu cho uống Tam-huỳnh bìru-lạp-hoàn, Ra máu dùng Lệ đồng hoàn. Ra máu quá nhiều dùng Bát-trần-thang nguyên khi lưu thoát dùng Độc-sâm-thang.

2) *Mảnh bom, đạn vào cơ nhục hoặc vào tạng phủ không lấy ra được* dùng thuốc đắp ngoài và thuốc uống trong cho đạn mảnh tự ra tại vết thương hay đường đại tiện.

Thuốc đắp ngoài có 2 loại là Bát đạn-dược đέ nhứt, đέ nhị phuong, trong cho uống Tam-Huỳnh bìru-lạp hoàn, hay Vàn-nam Bạch-dược. Ngoài đán Mật-đà tăng-cao. Nếu bị đạn bom máu ra nhiều mặt vàng mắt đen, tinh thần mè mệt, sau khi dùng 2 thứ thuốc trên, cần cho uống Bát-trần thang để điều dưỡng, phải thường phục không nên khinh thường.

3) *Đầu tên vào thịt.* (Không phải tên tầm thuốc độc) dùng Bát-tiền dược-phương ; hoặc dùng Giải-cốt-hoàn ; lấy tên ra rồi chồ vết thương dán Mật-đà Tăng-cao.

Tên bị tầm độc nguy hiểm. Dùng Đại-dầu phương : đầu tên không ra dùng Thủ-đồm phương hay Bát-tiền dược trên.

4) *Bị cây tre bě.* Dập vào thịt không lấy ra được dùng Tỳ-ma-tử-phương hoặc Ngưu-tắc phương đắp ngoài lấy ra.

5) *Vết-thương bị dập nát thịt.* Dùng Thanh-lương chím-thông cao dán ngoài, chưa dập phá mà bầm ứ cũng cần dùng dao rạch phá ứ

huyết ra ; trong cho uống *Đại-thành-thang*, ứ huyết thui đau nhức dán *Sanh-cơ Ngoc-Hồng cao*.

CHÚ Ý :

Tất cả các phương chứng trên đây, sau khi dùng các phương thuốc đắp ngoài ; hay uống trong đề có thể lấy đạn, tên hay trị các vết thương bên ngoài rồi cần phải điều dưỡng và nên cho uống phương *Bát-trần thang* trường phục để giúp cho khi huyết được sung vượng lại, ngoài ra cần phải giữ gìn sạch sẽ, không nén khinh thường, có thể bị nhiễm trùng Phá-thương-phong nguy hiểm.

V.— *Thất khiếu xuất huyết hoặc mửa máu bầm*. Khi tai nạn xảy ra mà mũi, miệng ra máu, hoặc khạt mửa ra máu, nặng lấm làm cả tai, mắt, mũi, miệng, Đại tiêu tiện đều ra máu, cần đề nâm yên cho uống thuốc sau đây :

Bị thương mà Thất-khiếu ra máu phần nhiều vì Can Hỏa thận hàn làm huyết đi bậy cấp cho uống thang *Tiêu-Diêu*.

Nếu vì khi huyết quá suy nhược. Không cầm được cho uống *Gia-vị Tú-vật thang* hoặc *Bồ-trung ich-khi thang*.

Nguyên khi quá Hư thoát cũng làm thất khiếu xuất huyết, nếu người quá suy yếu lạnh cả cấp dùng *Độc-sâm-thang* gia Bảo cương và Phụ-tử.

Nếu cứ ợc huyết ra mãi cho uống *Tú-vật-thang* gia Sài-hồ Huỳnh cầm.

Mửa ra máu bầm đen đó là bị ứ huyết ở Dạ-dày, nếu sắc bầm như màu nước đậu mà người còn khỏe cho uống *Bá-hợp-tan*. Như quá suy hư cho uống *Khung-cùng-thang*.

Sau khi dùng các phương thuốc trên đây trị máu hết ra rồi thì cũng cần phải uống bồi dưỡng lại. Như Huyết hư quá dùng thang *Tú-vật* cho uống cả tháng cho máu huyết sung túc lại, nếu khí hư dùng thang *Tú-quân-Tử*, cả khi huyết đều hư dùng *Bát-trần-thang*. Tất cả cũng cần cho uống cả tháng mới có thể khôi phục lại bình thường được.

Mửa ra máu bầm đen sau hết rồi cũng cần bồi dưỡng cho uống thang *Tú-quân Tử*.

Vậy tất các chứng thuộc vết thương và ra máu phải xem xét định kỹ dùng các phương thuốc kê trên đây mà trị.

Sau đây là những thang danh.

Phương thuốc và chủ trị.

CHỈ-HUYẾT-TÁN (1) (Thuốc cầm máu)

Điền-thất 5 chỉ, Bạch chỉ 5 chỉ.

Cương-Huỳnh 1 chỉ, Hoa-Phấn 3 chỉ.

Huỳnh-bá 3 chỉ.

Các vị đều tán mịn (không nên dùng lửa sao).

Dùng đắp chỗ vết thương cầm máu hết đau hết sưng.

共	黃	花	羌	白	田	止
爲	柏	粉	黃	芷	七	血
細	三	三	一	五	五	散
末	錢	錢	錢	錢	錢	(一)

CHỈ-HUYẾT-TÁN (2) (Thuốc cầm máu)

Long-cốt 4 chỉ, (nung) Huyết-kiệt 4 chỉ.

Sanh-quân 5 chỉ, Nhi-trà 1 chỉ.

Sanh-Nam-tinh 2 chỉ.

Các vị đều tán mịn.

Dùng đắp chỗ vết thương. Cầm máu, sát trùng, hết đau, hết sưng

共	生	兒	生	血	龍	止
爲	南	茶	軍	鷗	骨	血
細	星	一	五	四	四	散
末	二	錢	錢	錢	錢	(二)

SANH-CƠ-CAO (1) (Cao dán lành miệng).

Hồ-phách 1 chỉ, Trần-châu 1 chỉ.

Huyết-kiệt 2 chỉ, Nhi-trà 1 chỉ.

Bạch-chỉ 2 chỉ, Tượng-bì (Đốt) 2 chỉ.

Mẫu-lệ 3 chỉ, (Nung) Huyết-dư (Túc tốc đốt) 2 chỉ.

Các vị tán mịn, dùng 4 lượng dầu mè; Sáp ong 1 lượng nấu cho ra hết sáp hòa thuốc vào thành cao dùng. Dán tại chỗ vết thương Cao này công dụng làm da non, lành miệng, hết đau.

血	兒	珠	琥珀	生肌膏
餘二錢	茶一錢	末一錢	一錢	(一)
煅牡蠣灰二錢	白芷二錢	竭二錢		
	象皮煅灰二錢			

SANH-CƠ CAO (2) (Cao dán lành miệng)

Huyết-kiết 4 chỉ, Thạch-cao (nung) 2 chỉ.

Nhũ-hương 4 chỉ, Một-dược 4 chỉ.

Nhi-trà 2 chỉ, Huỳnh-bá 2 chỉ.

Tượng-bì (đốt) 4 chỉ, Long-cốt (đốt) 4 chỉ.

Thạch-chỉ 1 lượng, Xuyên-liên 2 chỉ.

Các vị tán mịn, Dùng 6 lượng dầu mè ; sáp ong 1 lượng rưỡi.
Trước nấu dầu sáp tan ra hết hòa thuốc vào thành cao dung, dán tại
vết thương.

Cao này cũng công hiệu như trên.

川	石	煅	黃	兒	沒	煅	血	生肌膏
黃	脂	象	柏	茶	藥	石膏	竭	(二)
蓮	一兩	皮	三錢	二錢	四錢	四錢	四錢	
二錢		四錢						

BỎ-HUYẾT-THẮNG (Thang bỏ máu)

Đương-Quy 1 lượng, Bắc-Kỳ 5 chỉ.

Xắc 2 chén nước còn 1 chén uống.

Phương này bồ khí, bồ huyết, Trị nhức đầu xoay xẩm, và các
chứng thiếu máu.

北	當	補
芪	歸	血
五錢	一兩	湯

ĐỘC-SÂM-THANG.

Cao-ly-sâm 5 chỉ đến 1 lượng.

Xắc uống.

Phương này bồ nguyên khí, sanh tân dịch.

至	高	獨
一	麗	參
兩	參	湯
	五	
	錢	

SÂM-PHỤ-BỒ-NGUYÊN-THANG

Cao-ly-sâm 3 chỉ, Phụ-tử 8 chỉ, Dương-quy 1 lượng.

Bắc-kỳ 6 chỉ Chich-thảo 2 chỉ, Minh Thiện-ma 3 chỉ.

Xắc 3 chén nước còn 1 chén uống ấm.

Phương này Đại bồ khi Huyết, Trị bị máu ra nhiều, xuất mồ hôi lạnh.

明	炙	北	當	附	高	參
天	草	芪	歸	子	麗	附
麻	二	六	一	八	參	補
三	錢	錢	錢	錢	三	元
					錢	湯

BỒ-TRUNG-ÍCH KHÍ-THANG

Sài-hồ 1 chỉ rươi, Bạch-truật 8 chỉ Dương-quy 8 chỉ.

Quảng-bì 1 chỉ rươi, Bắc-kỳ 5 chỉ. Thăng-ma 1 chỉ rươi

Phong-dâng sâm 8 chỉ, Chich-thảo 1 chỉ rươi.

Xắc 3 chén nước còn 1 chén uống ấm.

Phương này bồ trung khi Kiện Tỳ vị, Trị thở mệt, ăn không tiêu

炙	防	升	北	廣	當	白	柴	補
草	黨	朮	芪	皮	歸	朮	胡	中
一	八	一	五	一	八	八	一	益
錢	錢	錢	錢	錢	錢	錢	錢	氣
半				半				湯

SÀI-HỒ-THỐI-VIÊM-THANG

Sài-hồ 2 chỉ, Đơn-bì 3 chỉ, Sơn-chi 3 chỉ.

Cam-thảo 1 chỉ, Huỳnh-cầm 3 chỉ, Bạch-thược 3 chỉ.

Sanh-diện 5 chỉ.

Xắc 2 chén nước còn 1 chén uống ấm.

Phương này trị bị đạn chấn vết thương sưng nhức phát nóng lạnh

生地	白芍	黃芩	甘草	山梔	丹皮	柴胡	柴胡退火湯
五錢	三錢	三錢	一錢	三錢	三錢	二錢	

HỘ TÂM THANH HÓA THANG

Xuyên-liên 2 chỉ, Đơn-bì 3 chỉ, Trúc-nhụ 4 chỉ, Ba-phấn 4 chỉ
Mạch-động 2 chỉ, Mộc-thông 3 chỉ, Sanh-diện 5 chỉ, Cam-thảo 1 chỉ,
Huỳnh-cầm 3 chỉ.

Xắc 2 chén rưỡi nước còn 1 chén uống ấm.

Phương này giải Hoả độc, giải phiền khát phòng Hoả độc công
vào trong.

黃芩	甘草	生地	木通	花粉	竹茹	丹皮	川蓮	護心清湯火
三錢	一錢	五錢	三錢	四錢	四錢	三錢	二錢	

ĐÀO HOA TÁN

Bạch-thạch khôi nửa cân. Đại-hoàng miếng 1 lượng rưỡi

Cách chế. Dùng nước phi voi cho mịn bỏ Đại-hoàng vào sao
đến khi nào voi vàng bỏ Đại-hoàng; lấy voi tán lại cho thật mịn.
Phương chỉ huyệt giải nóng.

大黃片	白石灰	桃花散
一兩半	半斤	

NHƯ THÁNH KIM ĐAO TÁN

Tòng-hương 7 lượng, Sanh-bạch phàn 1 lượng rươi Bạch-phàn
phi 1 lượng rươi.

Tán mịn xır chồ vết thương.

Chủ trị chỉ huyết, chỉ thống.

枯	生	松	如
白	白	香	聖
凡	凡	七	金
一	一	兩	刀
兩	兩		散
半	半		

SANH CƠ NGỌC HỒNG CAO (Cao lành miệng)

Đương-quy 2 lượng, Bạch-chỉ 5 chỉ, Khinh-phấn 4 chỉ.
Cam-thảo 1 lượng 2, Tứ-thảo 2 chỉ, Huyết-kiệt 4 chỉ, Dầu mè 1 cân.
Bạch-lạp 2 lượng.

Trước dùng Đương-quy, Bạch chỉ, Cam-thảo, Tứ-thảo ngâm vào
dầu mè 3 ngày sau đem nấu đến thuốc khô khử xát bỏ Huyết-kiệt vào
cho tan ra hết, sau bỏ Bạch-lạp vào cho tan.

Lấy 4 cái chén dề trong nước múc dầu thuốc đồ vào chén mồi
chén bỏ vào 1 chỉ Khinh-Phấn hòa đều dề 1 ngày 1 đêm nguội
dùng.

Cao này dán chồ vết thương làm da non lành miệng.

白	麻	血	紫	甘	輕	白	當	生
蟻	油	竭	草	草	粉	芷	歸	肌
二	一	四	二	一	四	五	二	玉
兩	斤	錢	錢	兩	錢	錢	兩	紅膏

TAM HUỲNH BỬU LẠP HOÀN

Đắng-Huỳnh 4 lượng, Thiên-trúc-huỳnh 3 lượng.

Hùng-huỳnh 3 lượng, Đại-kích 3 lượng, Lưu-ký-nô 3 lượng.

Huyết-kiệt 3 lượng, Nhi-trà 3 lượng, Phát-tiêu 1 lượng.

Đương-quy vỹ 1 lượng rươi, Diên-phấn 3 chỉ.

Thủy-ngân 3 chỉ, Nhũ-hương 3 chỉ, Hồ-phách 2 chỉ, Xạ-hương 3 chỉ.

Cánh chẽ Bỏ Thủy ngần và Diên phấn vào chảo bắt lên lửa phi cho tan ra hết, Các vị thuốc kia tán mịn hòa chung.

Sau dùng sáp ong 24 lượng bồ vào chảo thăng cho ra nước hết Đỗ thuốc vào khuấy sền sệt có thể vỗ hoàn.

Như bình nặng làm 1 hoàn 1 chỉ, bình nhẹ cho uống 1 hoàn 3, 4 phân hoặc 5 phân uống với rượu.

Hoàn này công dụng Bình nặng cho uống nhiều lần Nếu bị đạn đầu chỉ vào thịt nguy hiểm cho uống 1 chỉ, rượu uống 1 ly cho say ngũ mò hôi ra át bình nhẹ.

Có thể ngoài dùng 1,2 hoàn hòa với Dầu phong cho tan ra phết lên vết thương.

CHÚ Ý.

Khi uống rượu mồ hôi ra là tốt.

Kỵ cho uống nước lạnh và ăn đồ sanh lạnh trái cây cùng đồ động phong các thứ rượu khác trong 3 ngày (Nếu phạm uống rượu khác át vô hiệu).

Như bình lâu, nặng uống tiếp ít hoàn át cải tử hồi sanh.

鉛粉	當歸	朴硝	孩兒茶	血竭	劉寄奴	大戟	雄黃	天竺黃	藤黃	三黃寶蠟丸
三錢	尾一	硝一	茶三	竭三	寄奴三	戟三	黃三	黃三	黃四	
	兩半	兩	兩	兩	兩	兩	兩	兩	兩	
			射香三錢		琥珀二錢		乳香三錢		水銀三錢	

BÁT TRÂN THANG

Nhơn-sâm 1 chỉ, Bạch-truật 1 chỉ, Phục-linh 1 chỉ.

Chích-thảo 1 chỉ, Xuyên-khung 1 chỉ, Thục-địa 3 chỉ.

Đương-quy 1 chỉ, Bạch-thược sao 2 chỉ.

Nhớ không có Nhơn sâm dùng Đẳng sâm gấp 3 Xắc 3 chén nước còn 1 chén uống. Phương này bồi bổ khí Huyết.

炒	當	熟	川	炙	茯	白	人	八
白	歸	地	芎	草	苓	朮	參	珍
芍	一	三	一	一	一	一	一	湯
二	錢	錢	錢	錢	錢	錢	錢	

BẠT ĐẠN DƯỢC PHƯƠNG (1) (*Thuốc lấy đạn*)

Tự-Nhiên đồng 2 lượng.

Tắc suất (Dế nhủi) 7 con.

Hai vị đâm nát nhuyễn dấp chồ vết thương bị đạn có thể lần lẩn ra.

蟋	自	拔
蟀	然	彈
七	銅	藥
個	二	方
	錢	(-)

BẠT ĐẠN DƯỢC PHƯƠNG (2) (*Thuốc lấy đạn*)

Thủy Ngàn 2 chỉ Hương phiến trà 5 chỉ.

Hai vị đâm nhuyễn dấp chồ vết thương đạn có thể lần lẩn ra ;
Phương này trị bị thương đạn chí.

香	水	拔
片	銀	彈
茶	二	藥
五	錢	方
錢		(= .)

VĂN NAM BẠCH DƯỢC PHƯƠNG (*Thuốc uống trị bị đạn*)

Sơn-tử Cô 2 lượng, Thiên-trúc-huỳnh 3 lượng.

Hùng-hoàng 2 lượng, Ký-nô 3 lượng, Huyết-kiệt 2 lượng

Quy-vỹ 1 lượng rưỡi, Châu-sa 1 lượng, Nhi-trà 1 lượng.

Nhũ hương 7 chỉ, Một-dược 7 chỉ (đều chế khử dầu).

Hồ-phách 3 chỉ, Khinh-phấn 3 chỉ, Xạ hương 3 chỉ.

Thủy-ngân 3 chỉ (chà với khinh phấn) Tam-Thất 3 lượng.

Ngưu-hoàng 2 chỉ rưỡi; Mai-phiến 2 chỉ rưỡi.

A-ngùy 1 lượng, Đại-hoàng 2 lượng, Đằng-hùynh 2 lượng (chế)
Tự-nhiên-đồng (giảm chế 7 lần) 2 lượng, Thủ-miết-trùng (con dán
đất) 7 con Đại-hích 3 lượng, Văn-cáp 2 lượng, Thiên-kim-tữ (chế
bỏ dầu) 2 lượng, Công 25 vị đều đúng phân lượng không nên giảm
bớt, Tán mịn để vào chai nút kín.

Phương này dùng uống. Bình nhẹ mỗi lần từ 1 phần 5 ly đến 2,3
phần. Bình nặng 1 chỉ. Trẻ con 5,7 ly đến 1 phần.

Bị thương đạn vào cơ nhục hoặc vào tạng phủ máu ra không
cầm, bệnh nguy hiểm. Cho uống tiếp đến 1 chỉ uống rượu dài ba ly,
cho say ngủ. Mồ hôi ra ắt nhẹ.

Cẩm ky. Uống thuốc này sau cấm dùng nước lạnh, đồ sanh lanh
các thứ đậu, k'hoai, đậu hủ, các loại cá, tôm cua, các loại thịt heo,
dê, gà, vịt, đồ Hải vị, các vị thuốc Bạch-quả, Sơn-dược, Cam-thảo,
(nếu dùng các loại này thuốc không công hiệu).

Đàn bà có thai cấm dùng.

山	土	藤	阿	牛	水	輕	沒	兒	血	雄	千
茨	茨	黃	魏	黃	銀	粉	藥	茶	竭	黃	子
蘚	蘚	黃	二	二	三	三	七	一	二	二	兩
菇	蟲	二	一	兩	錢	錢	錢	兩	兩	兩	天
二	五	兩	兩	然	大	大	射	乳	歸	寄	竺
兩	兩	兩	兩	大	黃	黃	琥	珀	尾	奴	黃
川	交	大	戟	二	銅	片	香	香	香	一	三
交	蛤	大	三	兩	二	二	三	三	七	兩	兩
蛤	二	兩	兩	兩	錢	錢	錢	錢	半	半	半
兩	半										

雲南白藥方

Phụ chú :

Như trên đã nói về Giải phẫu lấy đạn ra, là những trường hợp nhẹ, nhưng thường bị Bom, Đạn, nạn nhọn bị ra huyết quá nuiều, có khi máu ra không cầm lại được, như vậy là khi huyết đều bị hao tồn, nếu dùng phương pháp giải phẫu lấy ra làm cho nạn nhọn đau đớn thêm nữa, lại làm cho ra máu thêm nữa, tánh mạng khó an toàn, vì khi mổ lấy đạn ra rồi, nhiệt độ tăng cao, làm oẹ mữa (Ấu ác), thở mệt, chết ngay trong giây phút. Hơn nữa, nếu đạn vào sâu trong cơ nhục, hay vào Tạng phũ không thể mổ lấy ra được, như thế Phương pháp dùng thuốc lấy đạn ra được an toàn hơn cả. Phương thuốc trên đây từ phát minh đến nay không thấy công bố, nhưng theo tài liệu kinh nghiệm từ năm *Trung-Hoa Dân-Quốc* thứ 23 áp dụng phương pháp này đã đoạt được kết quả mỹ mãn.

Phương này phối hợp các phương thuốc *Thái-ết tử-kim định*, *Tam-Huỳnh-Bíru-lạp hoàn*, *Lê-đỗng-hoàn*; *Hồi-sanh Tiên-đơn*, *Thập Bíru Tân*, *Đại-Trương Đơn* tất cả 6 phương công năng làm lưu thông huyết mạch, giải độc, nên công hiệu được Thần diệu. Thuốc uống vào làm cho vết thương khỏi bị nhiễm độc, cầm máu, trong thời gian mấy ngày đạn hóa ra nước theo Đại tiện ra ngoài, hoặc lần lần theo chỗ vết thương lòi ra.

Phương này còn trị được tất cả các chứng bị thương, chứng Phong Đòn-gánh, ứ huyết xung tâm, thô huyết, nực huyết, Tiện huyết và giải tất cả các thứ độc (uống với nước).

Thật một phương thuốc rất quý, các nhà trị bệnh Ngoại-Khoa Trật-dã nên chế dùng, và trong thời kỳ chiến tranh các nhà hảo tâm cũng nên chế sẵn để giúp đồng bào tai nạn.

ĐÀ - TĂNG - CAO (*cao lành miệng*)

Nam đà-tăng 1 cân 4 lượng (tán mịn) Xích thược 2 lượng.

Toàn-Đương-Quy 2 lượng. Xích-thạch-chỉ 2 lượng.

Bá-thảo-sương 2 lượng, Nhũ-hương 5 chỉ Một được 5 chỉ.

Nhi-trà 5 chỉ, Huyết-kiệt 5 chỉ, Khô-sâm 4 chỉ.

Đại-hoàng 8 lượng. Dầu phọng 1 cân. Dầu bông vãi hay Dầu chay 2 cân.

Cách chế: Trước bỏ các vị Xich-thược, Đương quy, Khô-sâm; Đại-hoàng vào dầu (2 thứ dầu hòa chung) nấu đến khô đen vớt xát, cho vị Đà-tăng tán mịn vào khuấy đều, gần cao, cho Bá-thảo-sương và các thứ thuốc khác đều tán mịn vào khuấy thành cao. Thuốc cao này dán chỗ vết thương đạn làm lành da thâu miệng rất hay.

大 苦	兒 血	沒 乳	百 赤	當 归	赤 芍	南 陀	陀 僧
黃 參	茶 竭	藥 香	草 石	脂 二	二 兩	陀 僧	膏
八 四	五 五	五 霜	脂 二	兩 兩	兩 兩	一 斤	
兩 兩	錢 錢	錢 錢	二 二	兩 兩	兩 兩	四	
						四	
						兩	

GIÃI-CỐT-HOÀN (*Thuốc lấy tên*)

Khương-lang (Bọ hung) 3 chỉ.

Hùng-hoàng 3 chỉ. Tượng-nha (Răng tượng) 3 chỉ.

Ba vị tán mịn hòa mật làm hoàn.

Dùng hoàn này nhét vào chỗ vết thương bị tên.

Phương này trị bị tên bắn vào thịt không lấy ra được dùng làm cho tên lồng dễ lấy ra.

象 牙	雄 黃 末	蟻 蟎 三	解 骨 丸

BẠT-TIỀN-PHƯƠNG (*Thuốc lấy tên*)

Ba-đậu (sao) 5 chỉ. Khương-lang (Bọ hung) 5 chỉ.

Đâm nhuyễn đắp chỗ vết thương tên bắn.

Đắp thuốc này cho bớt đau nhức, nếu phát ngứa nên rán chịu, lần lần lết tên lấy ra.

蟻	巴	拔
蟎	豆	箭
五	炒	方
錢	五	錢

ĐẠI THÀNH THANG

Đại-hoàng 3 chỉ Phát-tiêu 2 chỉ, Chi-xát 2 chỉ.

Hậu-phát 1 chỉ, Đương-Quy 1 chỉ, Hồng-hoa 1 chỉ.

Mộc-thông 1 chỉ, Tô-mộc 1 chỉ, Trần-bì 1 chỉ.

Sanh-cam-thảo 1 chỉ.

Xắc 2 chén nước còn 8 phần uống.

Nếu uống vài 3 giờ chưa đi đại tiện được thì xác lại nước nhũ
rồi hòa thêm 3 muỗng mật ong uống.

生	陳	蘇	木	紅	當	厚	朴	大	大
甘	皮	木	通	花	歸	朴	硝	黃	成
草	一	一	一	一	一	二	二	三	湯
錢	錢	錢	錢	錢	錢	錢	錢	錢	

GIA VỊ TIÊU DIỆU TÁN

Bạch-truật 2 chỉ, Phục-linh 2 chỉ, Đương-Quy 2 chỉ.

Bạch-thược 2 chỉ, Sài-hồ 1 chỉ, Bạc-hà 5 phần.

Hắc-Sơn chỉ 1 chỉ rưỡi, Đơn-bì 1 chỉ rưỡi.

Xắc 3 chén nước còn 1 chén uống.

Phương này sơ Can-thanh hỏa.

丹	黑	薄	柴	白	當	茯	白	加
皮	山	荷	胡	芍	歸	苓	术	味
一	支	五	二	二	二	二	二	道
錢	錢	分	錢	錢	錢	錢	錢	遙
半								散

BÁ HẠP TÁN

Bá hạp 1 chỉ Xuyên-Khung 1 chỉ Xích-thuốc 1 chỉ.

Đương-Quy 1 chỉ. Sauh-địa 1 chỉ. Trắc-bá diệp 1 chỉ.

Kinh-giới 1 chỉ. Tè-giác 1 chỉ. Đơn-bì 1 chỉ.

Huỳnh-Cầm (sao) 1 chỉ. Huỳnh-liên 1 chỉ. Chi-tử 1 chỉ.

Ất-Kim 1 chỉ. Đại-hoàng 1 chỉ,

Xắc 3 chén nước còn 1 chén thêm vào 1 chung nước tiều trè
con uống.

Phương này giải độc trị chứng mửa ra máu bầm đen người
khoẻ mạnh dùng rất hay, nếu Đại-tiện lồng, bỏ vị Đại-hoàng
không dùng.

荆芥	側柏葉	生地	當歸	赤芍	川芎	百合	白合散
一錢	炒一錢	一錢	一錢	一錢	一錢	一錢	
犀角	大黃	乙金	枝子	黃連	黃芩	丹皮	
一錢	一錢	一錢	一錢	一錢	炒一錢	一錢	

GIA VỊ KHUNG-CÙNG THANG

Xuyên-khung 1 chỉ, Đương-Quy 1 chỉ, Bạch-truật 1 chỉ.

Bá-hap 1 chỉ, (ngâm nước một ngày). Kinh-giới 1 chỉ.

Nước 1 chén rưỡi, rượu nửa chén ; xác còn 8 phần uống.

Phương này cũng trị mửa máu bầm nhưng người sắc hư yếu
uống vào cầm lại.

荆芥	百合	白术	當歸	川芎	加味芎窮湯
一錢	一錢	一錢	一錢	一錢	

GIA VỊ TÚ - VẬT THANG

Xuyên-Khung 2 chỉ, Đương-Quy 1 chỉ, Bạch-thược 2 chỉ.

Thục-địa 2 chỉ, Đào-nhơn 3 chỉ, Hồng-hoa 1 chỉ.

Xích-thược 2 chỉ, Đơn-bì 2 chỉ.
 Xắc 3 chén nước còn 1 chén uống.
 Phương này hươt huyết hành ú.
 Nếu ầu huyết dùng thang Tứ-vật (Địa-Thược; Khung, Quy) gia
 Sài-hồ Huỳnh-cầm xác uống

丹皮	赤芍	紅花	桃仁	白芍	熟地	當歸	川芎	加味四物湯
二錢	二錢	一錢	三錢	二錢	二錢	二錢	二錢	

TỨ - QUÂN - TỬ THANG

Nhơn-sâm 3 chữ (Dùng Đãng-sâm 5 chỉ).
 Bạch-phục linh 3 chỉ, Bạch-truật (sao) 3 chỉ.
 Chích-thảo 1 chỉ
 Xắc 3 chén nước còn 1 chén uống.
 Phương này hòa trung Bồ Khi
 Nếu Đại-tiện ra máu gia thêm Huỳnh-Kỳ 3 chỉ,
 Thăng-ma 8 phần, lúc Gia vị Tứ-quân-tử thang.

升麻	加黃芪	如意草	甘草	白术	茯苓	人參	四君子湯
八分	三錢	便血	一錢	炒三錢	三錢	三錢	

TRỊ CHỨNG PHONG-ĐÒN-GÁNH (PHÁ-THƯƠNG-PHONG TÉTANOS)

Trên đã nói về sự dùng thuốc và cách cầm máu những vết thương ra máu nhiều, nhưng nếu không giữ gìn sạch sẽ ; tinh khiết thì rất dễ làm cho vi-trùng xâm nhập vào cơ thể, nhứt là vi-trùng Phong Uốn-ván Tétanos rất nguy hiểm.

Chứng trạng Phong Uốn-ván, *Chứng Phong-Đòn-gánh* (Tétanos) là chứng rất nguy hiểm, do 1 loại siêu vi-trùng truyền nhập vào cơ thể nhất là do chỗ vết thương không được tinh khiết, vi trùng này từ ngoài xâm nhập vào Huyết phần ; Thần-kinh, Kinh-lạc Phủ-tạng ; một loại vi-trùng rất độc, lúc mới sơ phát, làm lạnh hoặc phát sốt mê mang, đầu cỗ phát hiện cứng đơ, hay co rút, miệng ngậm răng cắn, mý mắt kéo lên, khóe miệng dữc xéo, sống lưng uốn ngược như đòn gánh, thân trước ngược ra sau, tay chân đơ cứng, phát từng cơn làm đau đớn, xuất mồ hôi, không nói năng gì được.

Chứng này thường phát lúc bị vết thương ra máu, hoặc chứng Sản-hậu ra máu, Trẽ-con sơ sanh cắt rún sau dẫn phát.

A.— Phương pháp trị Phong-đòn-gánh.

Bất kỳ chứng Sản-hậu phong. Hay Trẽ-con Tè-phong và chứng Đao-thương Trật-dã bị chứng Phá-thương-phong lúc sơ phát đều cấp tốc cho uống Ngọc-chơn-Tán hoặc nên cho uống ngừa trước có thể để phòng bệnh này.

— *Phá-thương-phong* bắt tinh nhơn sự hoặc miệng méo mặt xếch, tay chân co dữc, thân uốn ngược, dùng Ngọc-chơn-Tán trong uống ngoài xức chỗ vết thương hoặc dùng Kim-thuyền-Tán cho uống trong.

— *Phá-thương-phong* cơ nhục co dữc, cỗ lưng cứng đơ, đầu cỗ không lây động được, mạch nhỏ, nếu thân hình không sốt cho uống Linh-dương-giác-thang.

— *Phá-thương-phong*. Phát sốt cao độ, nhức đầu cỗ cứng đơ, miệng khát, Đại-tiện bí, tiểu đỉa gắt cho uống Tè-giác Đại-hoàng-thang

— *Phá-thương-phong* phát làm như ngoại cảm mà lung cứng cong dữc, nhức đầu, phát nóng lạnh (Chứng Sản-hậu phong thường phát ra chứng này) cho uống Các-căn-thang gia Thuyền-thối 2 chỉ.

— Phá-thương-phong cò lưng cứng, sợ gió phát sốt, xuất mồ hôi, nhức đầu, tay chân đau, mạch đi sát, lưỡi đỏ, miệng khát, làm bức rorc, Sân-hậu phong (thường phát chứng này), dùng Độc-Huot Các Căn-thang

Chú ý : Trị bị thương cho uống Ngọc-chơn-Tán là hay hơn hết, trong uống ngoài xéc chô vết thương. Có thể ngừa khỏi phát sanh chứng Phong-đòn-gánh (Phá-thương-phong).

Những Phương thuốc trị Phong-đòn-gánh (Phá-thương-phong).

NGỌC - CHƠN - TÂN

Khương-huot 1 lượng, Phòng-phong 1 lượng, Bạch-chỉ 1 lượng, Bạch-phụ-tủ 12 lượng, Thiên-ma 1 lượng, Nam-tinh (sao nước gừng) 1 lượng).

Các vị tán mịn đựng trong chai kín dùng :

Trị các chứng Phong-Đòn-gánh rất công hiệu. Bất kỳ vết thương nhỏ lớn, bất tĩnh nhơn sự, hoặc phát miệng méo mắt xéch tay chân co dực, hoặc hình uốn ngược, nếu chô ngực còn hơi ấm cấp dùng phương này cho uống. Ngoài cũng dùng xéc tại vết thương rất công hiệu.

Mỗi lần uống 1 đến 3 chỉ với rượu hay nước nóng.

同 研 細 末	羌 炒 生 南 星	天 麻 一 兩	白 附 子 十 二 兩	芷 一 兩	防 風 一 兩	羌 活 一 兩	玉 真 散
---------	-----------	---------	-------------	-------	---------	---------	-------

KIM-THUYỀN-TÂN

Độc vị Kim-thuyền (tức xát con ve sầu).

Tán mịn mỗi lần cho uống 3 chỉ với rượu.

Cũng trị Phong-đòn-gánh rất hay.

金蟬蛻一味
研細末

LINH-DƯƠNG-GIÁC-THANG

Linh-dương-giác 1 chỉ, Quế-chi 1 chỉ, Phụ-tử 8 phân, Độc-hươn
2 chỉ, Bạch-thược 2 chỉ, Phòng-phong 2 chỉ rưỡi; Xuyên-khung 1
chỉ rưỡi, Sanh-cương 1 chỉ.

XẮC NƯỚC 2 CHÉN, CÒN 1 CHÉN UỐNG ẨM.

Phương này trị chứng Phong-đòn-gánh — Phát cơ nhục rút run
dục, cõi lưỡng cứng đơ, Đầu cõi không lây động, không phát sốt.

羚羊角一錢
桂枝一錢
附子八分
獨活二錢
白芍二錢
防風二錢半
川芎一錢
生羌一錢
煎服

TÊ-GIÁC-ĐẠI-HOÀNG-THANG

Tê-giác 1 chỉ, Phục-linh 4 chỉ, Mạch-Đông 3 chỉ, Đẳng-sâm 3 chỉ, Cam-thảo 1 chỉ, Huỳnh-cầm 2 chỉ, Sanh-dịa 4 chỉ, Đại-hoàng 3 chỉ

Xắc nước 2 chén ruối còn 1 chén uống ấm.

Tri Phong-dòn-gánh sốt cao đờ, Đai-tiên-bí, Tiêu đờ gắt.

犀角一錢
茯苓四錢
麥冬三錢
黨參三錢
甘草一錢
黃芩二錢
生地四錢
大黃三錢
煎服

CÁC - CĂN - THANG

Các-căn 4 chỉ, Ma-hoàng 1 chỉ, Quế-chi 1 chỉ rưỡi, Sanh-cương 1 chỉ, Cam-thảo 1 chỉ, Bạch-thược 2 chỉ, Đại-táo 3 trái.

XẮC 2 CHÉN NƯỚC CỘN 1 CHÉN UỐNG ẨM.

Trị Sân-hậu phong và các chứng Phong-đòu-gánh lưng cột cứng ngược, lưng đau đau nhức.

葛根湯
葛根四錢
麻黃一錢
桂枝一錢半
白芍二錢
甘草一錢
生羌一錢
大黃三枝

ĐỘC-HƯỢT-CÁC CĂN-THANG

Độc-hươn 1 chỉ rươi, Sanh-địa 4 chỉ, Các căn 4 chỉ, Ma-hoàng 1 chỉ, Quế-chi 1 chỉ, Bạch-thược 2 chỉ, Cam-thảo 1 chỉ rươi, Đại-táo 4 trái, Sanh-cương 1 chỉ.

Vắt 2 chén nước còn 1 chén uống ấm.

Trị Phá-thương-phong hoặc Sân-hậu phong, phát nóng lạnh, ra mồ hôi nhiều dầu, khát nước.

獨活葛根湯
獨活一錢半
生地四錢
葛根四錢
麻黃一錢
桂枝一錢
白芍二錢
甘草一錢半
大棗四枝
生姜一錢
煎服

PHƯƠNG PHÁP TRỊ BỊ THƯƠNG TAI, MŨI, LƯỜI, BỤNG, DÁI

1) *Tai mũi bị thương* nếu gần bị đứt ra máu đông lạnh không thể trị lành được.

Nếu huyết còn nóng chưa đông, cấp tốc dùng tóc đốt cháy tán mìn đắp vào và sưởi lại cho chính, đúng vị trí không nên diến tri, ngoài dùng *Sanh-cơ-cao* dán chỗ vết thương và băng lại, có thể lành được.

2) *Lưỡi bị thương* gần lìa rất khó trị ; phải gấp ráp lưỡi bằng thẳng lại, lấy miếng lụa trong vỏ *Tiếng gà* dán lên vết thương, dùng *Chỉ-huyết-tán* đắp lên lần lần thay đổi. Bắt bình nhơn nấm *ngũa luân*, ăn uống phải quyền biến cho toàn đồ nước, không nên làm động đến lưỡi, cần nhẫn tâm trị mới được.

3) *Bụng bị thương* Ruột lòi ra ngoài, là chứng nguy hiểm. Cần gấp đưa Ruột vào, Y-Sanh phải bao tay hay cắt tất cả móng tay hết, khử trùng tay kỹ lưỡng rồi dùng nước ấm hòa với Dầu-mè xoa cho tron khúc ruột, lần lần nhẹ đẩy vào, nếu thấy khó khăn chưa đưa vào được, Y-sanh ngâm một búng nước lạnh, thỉnh lình đứng cho bình nhơn biết, phun mạnh vào mặt làm cho bình nhơn dực mình để giúp cho ruột thụt vào ; sau dùng 1 miếng da gà sống (nhờ xéo da gà dương sống) đắp lên vết thương lại và dán *Sanh-cơ cao* ; nếu vết thương lớn lởm, cần phải may lại và băng lại, trong cho uống thuốc *Thông-trường hươt-huyết-thang*.

4) *Dái bị thương* ; hòn dái lòi ra chứng nguy hiểm cấp dùng nước ấm và dầu mè tầm cho tron, nhẹ nhẹ đưa hòn dái vào, dùng miếng da gà sống dán lại chỗ vết thương ; nếu ra máu cần dùng *Chỉ-huyết tán*, sau dán *Sanh cơ tán*.

Phụ chú :

Trên đây là Phương pháp xua trị các bộ phận bị thương đứt, lìa, lũng bụng, dùng cách vá băng màng mỏng vỗ trứng gà, hay lấy da gà mà đắp vá. Hiện nay khoa học Tây-y đã tối tân dùng cách may vá làm lành hẳn được, nhưng cũng cần áp dụng những phương thuốc uống trong, có thể giúp thêm phần trị liệu.

Sau đây cũng cần phân biệt bệnh nhơn bị thương như vì người già lớn tuổi thể chất quá suy nhược, không nên dùng thuốc công phá có hại, cần cho uống *Sâm-tô-thang*.

— Như Đàn-bà chưa bị thương, làm đau bụng, tử-cung ra máu, trị cần phải giữ Thai nguyên lại, dùng A-giao An-thai Thang.

— Như người bị mất máu quá nhiều rồi, hay người bị bệnh lâu bị thương làm xoay xẩm, trị cần cho uống Gia-vị Tú-vật-Thang (xem trước).

— Nếu vì ra máu quá, sau làm tay chân tê, gân thường run dực, là vì thiếu huyết không nuôi được gân, nên cho uống Sơ-cân-dưỡng-huyết-thang.

Những phương thuốc sau đây :

THÔNG-TRƯỜNG-HƯỢT-HUYẾT-THANG

Đương-Quy 2 chỉ, Chỉ-xác 1 chỉ, Mộc-thông 1 chỉ, Nhũ-hương 1 chỉ, Một-dược 1 chỉ, Hồng-hoa 5 phần, Đơn-bì 1 chỉ, Chích-thảo 5 phần, Tô-mộc 2 chỉ, Đào-nhơn 2 chỉ.

Nước 2 chén sắc còn 1 chén uống ấm.

Phương này làm cho Thông-Đại-Trường hươt huyết bớt sưng nhức.

煎 桃 蘇 灸 丹 紅 没 乳 木 枳 當	通 腸 活 血 湯
服 仁 木 草 皮 花 藥 香 通 壳 歸	
一 二 五 一 五 一 一 一 二	
錢 錢 分 錢 分 錢 錢 錢 錢	

SÂM-TÔ-THANG

Cao-ly-sâm 3 chỉ

Tô-mộc 3 chỉ

Nước 1 chén rưỡi sắc còn 1 chén uống ấm.

蘇	高	參
木	麗	蘇
三	參	湯
錢	三	
	錢	

A-GIAO-AN-THAI-THANG

Cổng-giao 4 chỉ, Xuyên-khung 1 chỉ, Dương-quy 8 chỉ.

Ngại-diệp 2 chỉ, Tô-mộc 1 chỉ, Bạch-thược 3 chỉ.

Sanh-địa 3 chỉ, Thục-địa 3 chỉ.

Nước 3 chén xác còn 1 chén uống ấm.

Trị Đàn-hà có thai bị thương đau bụng hoặc tử cung ra máu, dùng an thai nguyên.

熟地	生地	白芍	蘇木	艾葉	歸身	川芎	貢膠	阿膠
三錢	三錢	三錢	一錢	二錢	八錢	一錢	四錢	安胎湯

SƠ-CÂN-DƯỠNG-HUYẾT-THANG

Xuyên-khung 2 chỉ, Dương-Quy 8 chỉ, Thục-địa 8 chỉ.

Bạch-thược 4 chỉ, Tục-doạn 4 chỉ, Ngưu-tắt 4 chỉ.

Tang-ký-sanh 8 chỉ, Mộc-quá 4 chỉ.

Nước 3 chén xác còn 1 chén uống ấm.

Phương này dưỡng huyết làm cho thông gân trị bệnh thiếu máu tay chân tê.

木瓜	桑寄生	牛必四錢	川斷四錢	白芍四錢	熟地八錢	當歸八錢	川芎二錢	舒筋養血湯
四錢	八錢							

CHƯƠNG III

PHƯƠNG PHÁP CHỮA TRỊ VÀ CÁCH SỬA XƯƠNG BỊ GÃY

I.— Chứng trạng gãy xương

Xương gãy tức 1 cái xương bị đứt đoạn, bẻ, lìa, nếu không kèm các chứng khác, như không thương đến *Thần-kinh Não* hay các *Cơ-quan Tạng-phủ* bên trong; hoặc *Đại-dòng mạch* không vỡ đều không nguy đến tính mạng.

Tuy vậy gãy xương; nguyên nhân; hình trạng nhiều loại như bị đập nát, bị đè quá nặng, va chạm mạnh, trực tiếp những khúc xương làm gãy lìa. Trường hợp trên cao té thẳng xuống; chân bị thúc mạnh, chồm mắt cá không bị thương mà xương Đầu, Vẽ, hay Xương ống chân bị gãy, tức là gián tiếp bị gãy; hoặc vì cất nhắc quá nặng, hay chạy nhảy quá bộ, vận động quá sức không cân, làm cơ giàn bị ép bức quá độ có khi xương Đầu, hay Khớp đầu gối cũng bị gãy; Trường hợp tai nạn lưu thông; bị trực tiếp đè, cán, thúc ép mạnh cũng trực tiếp bị gãy.

Bộ phận xương tay bị thương trong các trường hợp bị chỏng mạnh, va chạm mạnh, bị đánh đập ngang; gãy xương cánh tay; xương ống tay; (tay trù, tay quay) tất cả đều là trực tiếp bị gãy.

Nhưng bộ phận xương Tay, Chân bị gãy có khi bẻ vụn nát khúc, hoặc lìa đoạn, lòi ra ngoài, hay gãy bên trong không thương da thịt; thường ống chân hay ống tay trước, có khi bị gãy một xương; có khi gãy cả 2 xương; xương Đầu, xương Cánh tay chỉ có 1 xương thường bị gãy lìa 2 đoạn; Ngoài ra có trường hợp không gãy lìa mà lại đùn 1 đầu, hay bẻ vụn (Xem hình xương gãy) những thương chứng này không thương đến tính mạng.

Bộ phận xương Đầu bị thương không gãy mà lại bẻ; Xương Sọ đầu là bộ phận rất nguy hiểm nên nguy đến tánh mạng. Xương sống bị gãy thường bị cụp lại; nếu bẻ nát rất nguy hiểm. Xương vùng cổ tiếp nối với xương sống là chồm nguy hiểm nhất; bị thương cũng trí mạng ngay.

Xương sườn ngực cũng dễ bị gãy; nhưng ít khi gãy một cái mà liên tiếp 2, 3, cái.

Xương Bờn, xương Chậu, Đại-Hồng cũng có thể bị bể gãy trong những trường hợp té ngã hoặc va chạm, tai nạn lưu thông.

Bộ phận vai ; Đai-vai thường phía trước xương Đòn-gánh, xương Quai-xanh cũng dễ bị gãy đoạn, xương Bã.vai bị thương cũng thường bị bể.

Vậy tất cả Thương-chứng trên đây đều có tổn thương gãy bộ phận xương ; nhưng cần phân biệt từng loại để trị.

Vì khoa Trật-dã là một chuyên khoa nên Y-Sanh khi lâm sàn trị bệnh cần phải nhận xét rõ từng hình trạng để có thể áp dụng Thủ-pháp linh hoạt ; và kinh nghiệm thủ thuật chuyên-môn về phương thức Tiếp-cốt, Chánh-cốt để tránh sự sai lệch ; hoặc không chu đáo ; mới mong tiếp xương lành hẳn được ; vì nếu không thận trọng trong nghệ thuật thì thường có khi bệnh nhẹ biến thành nặng nguy hiểm, hay sau khi lành lại vẫn còn lưu tật hậu hoạn suốt đời.

II.— Cách trị Xương bị gãy, bể

Phần Trên đã nói rõ Thủ-pháp sửa xương ; Trị Trật-dã điều chú trọng trước nhất là Chánh-cốt-pháp ; mà thủ-pháp Chánh-cốt trước tiên là Mạc pháp tức mắn' mò xem xương gãy ra sao thuộc loại nào để định thủ-pháp; tiếp sau là Án-ma pháp tức Án, xoa ; ấn xung quanh xương, xoa nhẹ nhè nắn lại cho cơ gan mềm dịu ; mạch máu lưu thông, rồi tùy hình trạng xương gãy mà nhắc, kéo, nối lại cho chính, hoặc sắp lại cho liền sau phải dùng thuốc đắp, dán và dùng cây băng bó lại, nhưng cần nhớ không nên siết mạnh làm trở ngại sự lưu thông huyết mạch nghẽn sự Tuần-hoàn, thương đến cơ nhục.

Các bộ phận xương Đầu, Vai, Sườn khó dùng cây bó ngoài nhưng phải băng lại ; các bộ phận Tay, Chân bó cây cũng cần phải băng treo ; giữ cho vững, kẽo khi vận động làm thương đến chỗ vết thương ; Thời gian đắp bó cây ; thường 3 hay 5, 7 ngày phải xem lại kỹ, thay thuốc.

Sau cùng phải tùy chứng trạng; bộ phận bị thương dùng thuốc uống trong để giúp cho vết thương, hay xương gãy bể mau hồi phục lại ; hoặc có đủ chất-tố sinh cốt giúp cho gan xương mau tiếp nối

lành lại ngnyên trạng; Đó là chưa kể những sự biến ứng Nội-thương vì cũng cần xét thêm sự biến ứng bên trong mà dùng thêm thuốc trị.

Tóm lại Trị bị thương gây xương phải cần hiểu rõ những phương pháp chính là *Xét Thương-loại, Định thủ-pháp; Áp dụng thuốc đắp và băng bó; Thuốc uống trong* tùy bộ phận bị thương; và *xem xét biến ứng dùng Thuốc phụ trợ*.

III.— Dược-liệu trị pháp.

Phương-pháp dùng thuốc trị Trật-dã thương không ngoài nguyên tắc *Hư, Thiệt. Hư cần phải Bổ, Thiệt phải Tì tức Công* (Trù, phá).

Theo thông thường khi bị tai nạn về Trật-dã thí huyết bị ứ tích lại; huyết dịch không lưu thông; là chứng *Thiệt*. Phương-pháp trị phải Công phá; nhưng thể chất nạn nhân có *Hư*, có *Thiệt*, như nạn nhân thể chất suy nhược, hay lớn tuổi, khi đàn-bà có thai, đều phải Bổ và dùng thuốc làm lưu thông huyết mạch.

Nhận xét chứng *Hư, Thiệt*, theo kinh-nghiệm chuyên môn của các Y-sư phân ra như chỗ sưng sắc xanh tím không tiêu là chứng *Hư*, chỗ sưng sắc tro xám không tiêu là *Huyết* trệ hai chứng như nhau, mà 1 Khi, 1 *Huyết*, không đồng, 1 *Hư*, 1 *Thiệt* khác nhau; vậy cần phải nhận định rõ để dùng thuốc khỏi phải sai lệch.

Trị pháp thì trước tiên khi nạn nhơn bị thương bất tỉnh nhơn sự; không nói năng được; gấp phải dùng thuốc *Khai-quang tán* thổi mũi cho nhảy mũi tỉnh lại, sau xem chỗ vết thương, nặng nhẹ tại bộ phận nào, và tùy thể chất nạn nhơn mạnh yếu dùng thuốc trị liệu. Như nạn nhơn rèn siết toàn thân đau đớn lầm cho uống ngay *Huân-hồn trật-dã hoàn* hay *Thất-ly-tán*; sau mới dùng *Trật-dã cao* hoặc đắp *Thần-hiệu-trật-dã-tán* để làm cho tiêu sưng. Đối với từng bộ phận bị thương cần dùng thuốc riêng trị; (Phần kinh-nghiệm dùng những phương thuốc phân loại chủ trị sau) :

B— BỊ THƯƠNG GÂY XƯƠNG PHÂN LOẠT CHỦ TRỊ

I.— Bị thương bộ phận Đầu, Mặt

Chứng trạng. Khi bị tai nạn thương ở Đầu thường làm Não bộ cũng bị thương, tuy không bể xương Đầu, hoặc không thủng sâu vào có vết thương, nạn nhơn đều có phát sanh bất tĩnh nhơn sự Vì Não hộ tuy không bị thương bên trong, nhưng bị thúc ép mạnh, hay bị rung động chất Não.

Não chất bị rung động tức làm hôn mê ngay, có khi trong mấy giờ tỉnh lại, cũng có khi nguy đến tính mạng, hoặc làm hôn ám,

xoay xầm, kêu gọi mời phục hồi, mạch nhảy yếu, mắt con người nhỏ lại, thở yếu, thân thè mày mặt lạnh mét.

Nếu Não bộ bị sức ép mạnh quá làm huyết quản bị bầm, máu rỉ ra lộn với Não chất, làm thân thè bị bại xuội ngay, người thở hào hển, mạch nhảy mau, 2 con mắt không đồng (1 con mở hì) miệng méo, mắt xếch, như hơi tỉnh lại nói năng không rõ, tay chân té xuội, có khi mất cả trí giác.

Vì bộ phận Não phân làm 3 phần là *Dai-não*, *Tiêu-não*, và *Hành tuỷ* là *Toàn bộ Thần-kinh Não* chỉ huy tất cả các *Trung-khu Thần kinh* toàn cơ thể, nên khi bị thương rung động làm di hại đến toàn thân; vì thế cũng có khi lại phát kinh dữ, hay té liệt.

Ngoài ra cũng có khi Đầu không bị thương mà cũng làm hôn mê vì kinh khủng' quá đau đớn thất thần hồn, trường hợp đối với Phụ-nữ; Trẻ-em thấy rất nhiều, nên đầu bị thương nhẹ cũng dần phát.

Vậy khi gặp tai nạn bị thương ở Đầu hay không cũng cần phải xét kỹ bộ phận bên trong về Tạng, Phủ có bị thương không hay do bình thiểu máu hoặc vì ra máu nhiều hoặc thè chất bạc nhược, đến những vết thương hoặc bị sưng to, bầm tím ngoài không bị phá vỡ mà huyết bị nghẽn uất ứ lại, làm trở ngại sự Tuần-hoàn hoặc vì cơ nhục sưng làm cho Thần-kinh bị thương kích động mạnh dần phát.

Như thế nên phải nhận rõ bộ phận Đầu bị thương là rất nguy hiểm cấp thời áp dụng ngay phương thuốc trị liệu không nên diên trì,

a) Như hôn mê bất tỉnh trước phải dùng thuốc thôi mũi *Khai quang-tán* cho nhảy mũi, rồi cho uống *Tò-hạp-hương-hoàn* tiếp cho uống *Tiếp-cốt-tử-kim-don* hoặc *Huỳnh-hồn-trật-dã hoản* và cho uống *Sanh Lộc-giác thang* hay *Thông-mạch thang* gia sanh Lộc-giác, 8 chỉ Xuyên-khung 2 chỉ; ngoài dùng Tiếp-cốt cao dán băng lại.

b) Nếu cơ-thè tay chân bị liệt, trong cho uống *Quy-giao thang*

c) Phát sốt, hôn mê, nói xàm cho uống *Linh-giác-dởm-thảo thang*, hoặc *Vân-nam bạch-dược*

d) Ngoài da đầu bị phá vỡ dùng thêm *Ngọc-chơn-tán* trong uống ngoài đắp.

d) Đầu Não bộ thương do huyết ép hoặc rỉ ra vào Não chất phát như Trúng-phong, miệng méo, mắt xếch, 1 mắt mở hì, thở hào hển

tay chân xuôi; chứng này cũng là chứng nguy hiểm cần cho uống *Hươn-hồn-trật-dã hoàn* hoặc *Thất-ly-tán* ngoài dùng thuốc dán như trên, trong cũng uống *Thông-mạch thang* gia *Sanh-lộc giác* 8 chỉ *Thiến-căn* 2 chỉ.

PHÂN BIỆT TỪNG BỘ PHẬN XƯƠNG ĐẦU, MẶT BỊ THƯƠNG

Bộ phận đầu bị thương như người trên cao té xuống, nếu chồ đất cứng đá sạn, ắt bị thương tại Đầu sọ, nếu té nhầm bùn cát mềm, đầu không bị thương mà bị súc nặng toàn cơ thể đè làm cho tốn hại đến Não bộ, chứng này thường hôn mê hoặc miệng mũi mắt tai đều ra máu, tròng mắt cũng ứ máu bầm thuộc chứng nguy hiểm phần nhiều khó trị cần xem xét các bộ phận xương sọ đầu mặt như sau:

1) Bị thương tại xương Đầu.

Bị té hay đánh nhầm tại xương Đầu liền bất tỉnh như chết, thân hình cứng đơ; miệng mũi thở hào hển; mắt nhắm, mặt biến sắc, chồ ô tím còn đậm mạnh, cò thè trị được, nếu thắt khiếu ra máu hòn mê luôn không biết gì là chứng chết.

Trị pháp. Lập tức dùng *Cồn-nghuyên-cao* đắp chồ vết thương cho hớt đau nhức, giải độc dùng nước tiểu hòa *Bát-ly-t.n* cho uống hồi dương lại, ngoài dùng thủ pháp *Án ma* xoa bóp hai bên ngực dưới nách, vùng bụng và chồ động mạch tay; huyết dịch lưu thông được túc cò thè cưu trị được cho uống tiếp *Chánh-cốt-tử-kim-đơn* ngoài dùng *Tán-ý-hòa thương thang* rửa rồi dùng *Cồn-nghuyên-cao* dán lại.

Thuốc uống sau rồi nếu Đai-tiện ra sắc đen khô táo, túc là *Trường-Vị* còn bị ứ hoặc tai điếc đều nên cho uống *Gia-giảm Tò tử đào-nhơn thang* để trục ứ huyết ra làm cho Tý Vị mạnh và dưỡng tinh thần khiêm dùng *Đạo-khi-thông ứ-dính* nhét lỗ tai.

Điều dưỡng. Chỉ nên cho nạn nhân uống nước cháo bồ, kỵ đồ chất dầu, để nằm yên tĩnh thoáng khí không nên làm ồn ào náo động có thể thương đến Thần-kinh nguy đến tánh mạng.

2) Bị thương tại xương mỏ ác đầu. Trước xương đỉnh.

Mõ-ác đầu là chồ xương đỉnh với xương trán tiếp hợp, thường Trẻ-em mới sanh chồ này mềm pháp phòng sau lần mới cứng nếu tại đây bị thương cũng sụp vào, chảy máu không cầm được là chứng không Trị được, không súng vào túc chưa thương

Não. Mắt, mặt sưng phù. lưỡi đơ, hôn mê, không ra máu nhiều còn có cơ trị được.

Trị pháp Cần vịn naten nhơn ngồi cho vúng cấp tốc dùng hành (cà củ lá) dâm vắt nước hòa với *Định-thống tán* đắp ngay chỗ vết thương trên lót miếng gừng thật mỏng đè viên Ngai-diệp lên đốt 5 viên làm cho nóng ấm lại, thì trong miệng có tiếng hoi, bây giờ bỏ thuốc dùng *Vạn-linh-cao* dán lại 3 ngày thay một lần, đến khi nào ăn uống được thì bỏ cao và dùng thuốc *Hòa-thương-thang* nấu rửa cho hụt huyết mới bình phục như thường.

Nếu chỗ ấy có thương da đầu chảy máu đen dùng thuốc *Chỉn huyết-tán* sau đốt như trên. trong cho uống *Nhơn-sâm tử-kim-đơ* phò nguyễn khí kiện Tỳ Vị.

Điều dưỡng : Trị vết thương này cần phải băng đầu cho kín và tránh ra gió lạnh kỵ những sự hòn giận có thể thương Thần-kinh Não. Kỵ ăn đồ động phong, kỵ uống rượu.

3) **Bị thương tại xương Thái-dương.**

Tại xương Thái-dương bất kỳ bên trái, bên mặt nếu bị thương sưng bầm tím, ứ huyết, đau nhức, hoặc làm hòn mê nhắm mắt, thân thể mềm nhũn không ngồi dậy nổi, không nói năng gì, thở hụt hồng tim đập hỗn loạn hoặc phát nhức đầu, tai ù nóng lạnh, đại tiện táo còn có thể trị được, nhưng nếu ra máu không cầm được dễ bị Phong-đòn-gánh chết ngay.

Trị pháp. Áp dụng các thứ thuốc và làm cho nóng như trên trong cho uống *Chánh-cốt-tử-kim-đơn*, dán Ô-long-cao, như da đầu lủng ra máu cũng dùng thuốc trị như trên trong cho uống *Nhơn-sâm.tử-kim-đơn*.

Điều dưỡng : Cũng cần băng đầu cho kín đừng cho ra gió. Kỵ ăn đồ động phong, tôm, cua, kỵ uống rượu. Nếu sau khi bình phục mà người còn mèm mệt sặc mệt tức khí huyết hư tồn cần cho uống thuốc *Bát-trân thang* để Bồi dưỡng.

4) **Bị thương tại xương tráng**

Tại xương tráng bị thương, chỗ này dễ bị lủng da làm cho 2 mắt và mặt sưng phù; nếu trong bị ứ huyết làm cho ầu thở, hoặc chảy máu cam, làm cho hôn-mê bất tỉnh, mặt vàng, có thể biến làm phiền táo hắc rorc, khát nước, ngực đầy đau nhức, Tỳ Vị trệ, ít muốn ăn uống. Nếu hôn mê luôn không tỉnh, hơi thở đứt đoạn là chứng không trị được.

Trị pháp. Cần cấp cứu tinh lại rồi cho uống *Thúc-huyết-hoàn* sau dùng *Ngũ-gia-bì thang* nấu rửa chỗ vết thương ngoài đắp *Ô-long cao* để tiêu sưng chỉ thống.

Điều dưỡng. Cần phải nhẵn tâm trí, không nên làm lao động và giãm mura gió, phải luôn luôn nhắm mắt để dưỡng tinh thần không nên xem chử làm thương Thị-lực. Ky ăn đồ hậu vị, và các đồ tôm, cua, động phong.

5) **Bị thương tại xương ổ-mắt.**

Tại xương ổ-mắt bị thương máu ra đầy mặt, nặng thì xương khu mắt bầm, thương đến tròng mắt, thần trí hôn mê, thở hụt hồng

Trị pháp. Cần dùng thuốc *Sái-đao-xang-dược* đắp cho cầm máu, và dán *Cồn-nguyên-cao* trong uống *Bát-ly-tán*.

Điều dưỡng : Cần băng lại; cho mắt nhảm luôn để bảo vệ tròng mắt, ky ăn đồ sanh lạnh, động phong, và thịt heo, ít nhất phải kiên cữ trong 1 tháng.

Nếu tròng mắt lòi ra; trước dùng *Thâu-châu-tán* điểm gần mắt và dùng nước tinh sát trùng đưa tròng vào; trong uống *Dưỡng-mục-hồi-quang-thang*.

— Nếu bị huyết ú bầm đèn dùng vị *Tổ-mộc* nấu với trứng gà chín; bóc vỏ; lăng trên mắt rồi dùng vị *Xuyên-Huỳnh-liên* nấu nước tắm *Sanh-địa* đắp lên, trong cho uống *Chi-địa-thang*

6) **Bị thương tại xương gò-má.**

Trên mặt chỗ xương-gò má bị thương thường bầm đèn sưng thủng đau đớn, răng cắn chặc nuốt đồ ăn khó khăn, mũi có khi cũng ra máu, hoặc treo hàm. Nơi đây bị thương không giữ gìn tinh-khiết rất dễ bị vi-trùng *Phong-Đòn-gánh* chết ngay:

Trị pháp. Gắp cho uống *Chánh-cốt-tử-kim-đơn* ngoài dùng *Hãi-đồng-bì thang*; rửa, cho ngâm *Tất-phát-tán*.

Điều dưỡng. Tránh chỗ lạnh, và ky ăn uống đồ sanh lạnh.

7) **Bị thương tại xương mũi.**

Xương mũi cũng gọi là Tỷ-lương, tức sườn mũi nồi cao lên nên dễ bị thương; hoặc có thể bị sụp vào; hay té 2 lỗ mũi, (do kim, đao làm dùt xem phần trị trước) Nếu bị thương tại đây máu chảy không cầm được ắt nguy đến tính mạng.

Xương mũi không hề, máu ra không cầm được, sưng nhức, dùng *Tắc-tỷ-đơn nhét mũi* cho máu cầm lại, băng sơ trong uống *Bồ-hoàng quy-thuốc thang*.

Trị-pháp Nếu mũi bị sụp vào cần dùng *Đương-quy cao* dán nếu lỗ mũi tét rách ra cần đắp lại theo phương trị mũi bị thương trên, hoặc dùng *Định-thống-tán* đắp băng lại.

Điều-dưỡng Vết thương này không nên làm động chạm phải để nằm yên tĩnh (nhớ cũng không nên cho nằm nghiền) ky ăn thịt gà, vịt, tôm, cua và đồ động phong.

Nếu vì vết thương ra máu nhiều quá người sắc vàng mét, tinh thần mè mệt lâu không khôi phục lại được, cần điều dưỡng cho uống *Thập toản-đại-bồ-thang*.

8) Bị thương tại Trung-huyết-đường (tức tại chót Mũi trên huyệt Nhơn-trung) chỗ này bị thương máu ra khó cầm lại, thần sắc hồn mê nếu không thiết đến ăn uống, khí hư, mắt nhắm lại, mặt vàng mét, trong 8 ngày chết (bị thương các yếu huyết sẽ giải rõ thêm mục sau).

Trị-pháp Phải gấp dùng *Tắc-tỷ-đơn* nhét mũi; ngoài dùng nước sát trùng rửa; nếu Khí hư cho uống *Nhơn-sâm-Tử-tuyết-đơn*; bị ứ huyết dùng *Tô-tử đào-nhơn thang*; nhưng nếu máu không cầm được thì là chứng nan tri.

Điều-dưỡng Cần để nằm ngửa; cầm lấy động, hay nghiên 1 bên sau nên cho uống thang *Bát-tràn-thang* để điều dưỡng, ky ăn tôm cua hải vị.

9) Bị thương môi miệng.

Trị pháp Bất kỳ môi trên hay môi dưới bị thương hoặc làm tét rách ra cần đắp vá lành lại, nếu lớn quá phải may lại rồi ngoài dán *Tiết-huyết-cao*.

Điều-dưỡng. Cầm không cho nói, cách điều dưỡng và vẫn ky như trên.

10) Bị thương xương hàm răng...

Xương hàm răng trên hay dưới bị thương làm môi má sưng phù, răng có khi gây rung, ăn uống khó khăn, nặng làm mắt nhắm, hồn mê làm thần hồn loạn cũng có thể nguy đến tính mạng.

Trị-pháp Gấp băng lại; cho uống *Đại-thần-hiệu hirat-lac đòn* ngoài dán *Vạn-linh cao* sau cho uống *Nhơn-sâm-tủ tuyết đơn* chán răng đắp *Tắc-phát-tán* để tiêu sưng.

Điều-dưỡng : Cần tránh gió lạnh, và ky ăn đồ sanh lanh.

11—Bị thương rụng răng

Bị thương làm rụng răng; máu ra luôn không cầm, đau nhức khó chịu.

Trị pháp : Dùng Bồ-cơ tán đắp, trong cho uống thuốc Tân-ú-chỉ thống như chân răng bị lỗng nát dùng Phù-dung cao, răng lung lây cả dùng Cố-xỉ-tán xúc.

Điều-dưỡng : Ky ăn đồ nóng và không nên ăn đồ cứng.

12) Bị thương xương mang tai, vành tai.

Trị-pháp : Vành tai bị thương có khi té 2 hoặc trên hay dưới cần vã lại cho ngay; ngoài đắp Tiêu-độc định-thống tán; Nếu xương mang tai bị thương chỗ này cũng động đến Thần-Kinh Não; nên có thể bất tỉnh nhơn sự, hôn mê, nếu người tხè chắt suy nhược khó trị, như sưng lỗng chảy máu cho uống Chánh-cốt-tử-kim-don dùng thang Bát-tiên-tiêu-diệu nấu rửa, dán Cồn-nguyên cao.

Điều-dưỡng : Cần tránh gió lạnh, và cấm ăn đồ sanh lanh Bịnh nếu lành rồi cũng phải dùng thuốc Bồ khi huyết cho uống Thập-toàn đại-bồ thang.

13—Bị thương xương quai hàm. (Giáp-Xa)

Hai xương quai hàm; nhờ là xương hàm trên dính liền với xương mặt, chỉ xương hàm dưới cử động tự do được; nên bị thương dễ bị treo hàm; vậy phân ra sau đây.

Trị pháp : Như xương hàm trên bị thương làm cho mặt sưng răng cứng, khó hả miệng; dùng Vạn-linh cao dán băng lại, trong cho uống Chánh-cốt-tử-kim-don

Xương hàm dưới bị thương rất dễ treo khớp cần đầy sùa khớp lại (sẽ nói rõ các động-tác sùa sau xem mục **Cách-sùa trặt-khớp xương**). Khi sùa khớp chính lại rồi dán Vạn-linh cao băng lại trong cho uống Chánh-cốt-tử-kim-don.

— **Điều-dưỡng :** Cần tránh gió lạnh, không nên cười nói nhiều, cấm ăn đồ lạnh, sanh lanh, để tránh tái phát.

14) Bị thương xương Chẩm-cót (sau đầu).

Xương Chẩm sau Đầu bị thương làm xoay xẩm hòn ám tai ủ, cõ cứng đơ không nằm ngồi được. tay chân vô lực, ăn uống không được, tại đây phía trong là bộ phận Diện-Não nên rất nguy hiểm, nếu mắt nhắm, thở dốc, bị gió độc phun vào, sớm dài là chứng chết.

Trị-pháp : Cần cho uống *Chánh-cốt-tử-kim-dơn* ; và dùng *Hải đồng-bì* thang rửa ngoài dán *Ô-long cao*.

Nếu thấy thủng da đầu ; Cần răng hắt tinh cần cày răng dùng rượu hòa *Bát-ly-tán* cho uống, mổ mắt thi tri được ;

Điều-dưỡng : Cần băng lại kẽo gió độc phạm vào ; giữ yên tĩnh không nên làm cho hòn giận, Ky ăn đồ động phong, tôm, cua Hải vị thịt gà vịt, bò, dê.

15) **Bị thương Tại xương Hoàn-cốt, Thọ-mạng sau tai**

Bộ phận xương Đầu sau tai gọi là Thọ-mạng chồ Huyệt Hoàn cốt. Chồ này cũng rất nguy hiểm ; bị thương thì cả vùng tai đều sưng phù Nhĩ khiếu cũng bị thương ; nếu có chảy ra máu nồng bên ngoài có máu ứ không thông, làm Nhĩ đau, xoay xẩm, haj bên Thái-dương cũng sưng lèn, nặng làm đầu cõi cứng do, Tinh thần mè mệt, tay chân vò lực Nằm ngồi không an, ăn uống ít.- Nếu máu ra không cầm được, 3 ngày không ăn uống tức đã động đến Điều trị.

Trị-pháp : Cần dùng *Ô-long cao* đắp dán phía sau tai dùng *Đạo-khi-thông-ứ-Đính* nhét vào lỗ tai ; trong uống *Nhơn-sâm-tử-kim-dơn* ; Chồ sưng nhức dùng *Bát-tiên Tiêu-diêu-thang* xắt lấy nước rửa

Điều-dưỡng : Trị vết thương này nên cần ky ăn đồ động phong Nếu sau khi bình phục cần bồi thêm khí huyết cho uống *Bát-trần hang* để bồi dưỡng.

16) Bị thương tại Thiên-trụ cốt (chỗ xương 2, 3 cõi tiếp với xương sọ) Tại bộ phận đầu cõi bị thương thường hoặc từ trên té xuống làm đứt xương chổng, đầu lắc lơ qua trái, qua phải, nếu chồ này bị đánh trúng, đầu cúi xuống không ngóc lên được ; có khi bị té làm trẹo 1 bên ; hoặc bị ngã, Đầu ngưởng không cúi được hoặc làm gân cõi dãn ra hay cắn thằng.

Trị-pháp : 1) Nếu từ trên té xuống xương chổng bị đứt vào làm đầu lắc lơ cần dùng thủ pháp nhắc đầu lên. (*Đề-doan pháp*)

2) Như bị đánh đập đầu cúi xuống không ngóc lên được, lập tức dùng *Đoan-pháp*.

3) Như bị té làm đầu nghẽo 1 bên dùng *Đoan-nã pháp*.

4) Như bị ngã đầu ngưởng không cúi được, hoặc gân cõi dãn ra hay căng thẳng dùng thủ-pháp *Thôi, Nà, Đề, Đoan pháp*.

Vậy gấp trường hợp tai nạn này, cần hỏi cho rõ-ràng nguyên nhân rồi tùy theo chứng trạng áp dụng 4 thủ pháp trên (Thủ pháp súc xung trước đã nói rõ); rồi cho uống *Chánh-cốt-tử-kim-dinh* ngoài đắp, băng lại, dán thuốc *Vạn-linh cao*; cũng có thể dùng phương cứu như trước cho ấm lại đè làm cho hót đau và giàn chuyền vận lại.

Điều-dưỡng : Tất cả các vết thương này đều cấm vận động nhiều ky ăn đồ tôm, cua, Hải vị, thịt gà, thịt vịt..

Sau khi mạnh lại người thường yếu gầy không khôi phục bình thường được phải cho uống thuốc bồi hồi khi huyết, cần dùng thang *Bát-trân thang*.

Phụ chú. Trên đây là những Thương-chứng Trật đã ở bộ phận Đầu, mặt, thường thương Não bộ nguy hiểm, nên cần phải trị gấp không nên diên trì hại đến tánh mạng, còn có những Hiểm Huyết trong cơ thể, nếu bị thương không kịp cứu chữa ắt chết trong thời gian ngắn; Xin lược kê sau đây:

ĐẠI-HUYỆT BỊ THƯƠNG VÀ CÁCH TRỊ

1) Huyệt Bách-hội bị thương tức tại ngay giữa đỉnh đầu bị thương nặng 2 ngày chết ngay- nếu bị thương nhẹ đầu xoay xẩm tai điếc 64 ngày sẽ chết. Cấp dùng thang *Gia-giảm-thang* gia Khương-hượt 1 chỉ Thương-nhi-tử 1 chỉ rươi; sau cho uống *Đạt-mạng-thang* 2, 3 lần.

2) Huyệt Thái-dương tức tại hai bên màng tan, ngay huyệt bị thương nặng làm hôn mê không nói được 7 ngày chết. Gấp trước cho uống *Gia-giảm-thang* gia Sái-hồ 1 chỉ, Khương-hượt 1 chỉ sau cho uống *Đạt-mạng-thang*.

3) Huyệt Khai-cung tức 2 huyệt sau tai chồ huyệt Hoàn-cốt nếu bị thương hôn-mê không tỉnh, 4 ngày chết, trước cho uống *Gia-giảm-thang* gia Xuyên-khung 1 chỉ, Kinh-giới 1 chỉ, sau uống *Đạt-mạng-thang*.

4) Huyệt Triền-cơ Huyệt này tại xương mỏ ác ngực dưới lỗm yết hầu, bị thương nặng, ăn uống không hạ thở hít hơi muỗi tuyệt 6 ngày chết, trước cho uống *Gia-giảm-thang* g.a Diet-canh 1 chỉ hương phụ 1 chỉ sau uống *Đạt-mạng-don*.

5) Huyệt Hoa-cái Huyệt này giữa ngực dưới Huyệt Triền-cơ 1 tắc bị thương nặng làm bất tỉnh nhơn sự, Huyệt ứ nghẽn tam khíếu, 3 ngày chết. Trước dùng thang *Gia-giảm-thang* gia Chỉ-Thiệt 1 chỉ

Lương-cương 1 chỉ tiếp cho uống *Thất-ly-tán* sau uống *Đạt-mạng-dơn*

6) Huyệt-Cưu-vỹ Ngay giữa lõm ngực, bị thương nặng ắt làm thô huyệt không cầm, đau ngắt hòn mê, 3 ngày chết Trước cho uống *Thất-ly-tán* tiếp cho uống *Gia-giảm-thang* gia Hắc-bồ-hoàng 1 chỉ Ngầu-tiết 1 chỉ.

7) Phế-đè-huyệt Huyệt này tại giữa sống lưng (Bối tám) bị thương nặng 2 lỗ mũi đều ra máu không cầm được, trong thời gian 9 ngày chết, gấp cho uống *Gia-giảm-thang* gia Bá-bộ 1 chỉ Tang bạch-bì 1 chỉ, tiếp uống *Thất-ly-tán*, sau uống *Đạt-mạng-dơn*.

8) Thượng-khí-huyệt. Huyệt này nằm trên vú bên mặt 1 tấc 3 phân, bị thương nặng phát nóng lạnh 1 tháng chết, Trước dùng thang *Gia-giảm-thang* gia Trầm-hương 1 chỉ Ngọc-quế 1 phân tiếp dùng *Thất-ly-tán* rồi dùng *Đạt-mạng-dơn*.

9) Trung-khí-huyệt Huyệt này nằm dưới vú bên mặt 1 phân bị thương nặng 20 ngày chết Trước cho uống *Gia-giảm-thang* gia Thanh-bì 1 chỉ, Nhũ-hương 1 chỉ, tiếp cho uống *Thất-ly-tán* sau dùng *Đạt-mạng-dơn*.

10) Hạ-khí-huyệt. Huyệt nằm dưới vú bên mặt 1 tấc 4 phân bị thương nặng 7-ngày chết, Trước dùng *Gia-giảm-thang* gia Chỉ-Thiệt 1 chỉ Thạch-xương-bồ 1 chỉ, tiếp uống *Thất-ly-tán* sau dùng *Đạt-mạng-dơn*.

11) Thượng-Huyết-hải-huyệt. Huyệt này nằm trên vú bên trái 1 tấc 3 phân, bị thương nặng ; miệng mửa ra máu, 16 ngày chết, Trước dùng *Gia-giảm-thang* gia Uất-kim 1 chỉ Trầm-hương 1 chỉ tiếp dùng *Thất-ly-tán* sau dùng *Đạt-mạng-dơn*.

12) Chánh-Huyết-hải-huyệt. Huyệt này nằm dưới vú bên trái 1 phân bị thương nặng cũng làm thô ra máu, 18 ngày chết. Trước dùng *Gia-giảm-thang* gia Uất-kim 1 chỉ, Ky-nô 1 chỉ tiếp dùng *Thất-ly-tán* sau dùng *Đạt-mạng-dơn*.

13) Hạ-Huyết-hải-huyệt. Huyệt này nằm dưới vú bên trái 1 tấc 4 phân bị thương nặng 26 ngày mửa ra máu chết ; Trước dùng *Gia-giảm-thang* gia Ngũ-linh-chỉ 1 chỉ, Hắc-Bồ-hoàng 1 chỉ tiếp dùng *Thất-ly-tán* sau dùng *Đạt-mạng-dơn*.

14) Hắc-hổ-Du-tâm-huyệt Huyệt này tại ngay trung tâm ở Tim bị thương nặng tức khắc mất nhắm hòn mê, bất tĩnh nhơn sự, khí tuyệt, cấp tốc trị liền lập tức trước dùng *Thất-ly-tán* sau dùng *Gia-*

giảm-thang gia Quan-quế 1 phần (xung phuc) Định-hương 1 chỉ tiếp dùng *Đạt-mạng-dơn*.

15) Hoát-phế-huyệt Huyệt này nằm ngang tại dưới ồ Tim 1 phần bị thương nặng làm hôn mê ngay, gấp trường hợp này lập tức vã mạnh tại mặt 1 vã cho tỉnh lại. Rồi cho uống *Gia-giảm-thang* gia Ngọc-quế 1 phần (xung phuc) Xuyên-bối 1 chỉ, tiếp dùng *Thất-ly-tán* sau dùng *Đạt-mạng-dơn*.

16) Phiên-đỗ-huyệt, Huyệt này nằm ngay dưới ồ Tim 1 tấc 3 phần hơi nghiêng qua trái 1 phần. Bị thương nặng nội ngày ấy chết. Cấp cứu trước dùng *Gia-giảm-thang* gia Hồng-hoa 1 chỉ rưới, Mộc-hương 1 chỉ, tiếp cho uống *Thất-ly-tán* sau dùng *Đạt-mạng-dơn*.

17) Khí-hải-huyệt. Huyệt này nằm dưới rún 1 tấc 5 phần bị thương nặng 28 ngày chết, trước dùng *Gia-giảm-thang* gia Hạnh nhơn 1 chỉ. Huyền-hồ 1 chỉ, tiếp dùng *Thắt-ly-tán* sau dùng *Đạt-mạng-dơn*.

18) Lục-cung-huyệt. Huyệt này nằm giữa rún (Tề - trung) bị thương nặng 9 ngày chết. Trước dùng *Gia-giảm-thang* gia-Mộc-hương 1 chỉ, Nhũ-hương 1 chỉ. Tiếp dùng *Thắt-ly-tán* sau dùng *Đạt-mạng-dơn*.

19) Đơn-diền-huyệt. Huyệt này theo sách Châm-Cửu tíc ngay rún, nhưng Đại-huyệt Trật-dã ghi huyệt này cách dưới Rún 3 tấc tíc Huyệt Quang-nguyên bị thương nặng 9 ngày chết. Trước cho uống *Gia-giảm-thang* gia Mộc-thòng 1 chỉ.

Tam-lăng 1 chỉ tiếp dùng *Thắt-ly-tán* sau dùng *Đạt-mạng-dơn*

20) Phân thủy-huyệt Huyệt này nằm dưới rún 4 tấc rưới, bị thương nặng Đại-tiểu tiện bất thông. 13 ngày chết. Trước dùng *Gia-giảm-thang* gia Tam-lăng 1 chỉ Nga-truật 1 chỉ. Sanh-quân 3 chỉ, tiếp dùng *Thắt-ly-tán* sau dùng *Đạt-mạng-dơn*.

21) Quang-nguyên-huyệt. Huyệt này theo khoa Trật-dã nằm dưới rún 6 tấc bị thương nặng 5 ngày chết. Trước dùng *Gia-giảm-thang* gia Xa-tiền-tử 1 chỉ. Thanh-bì 1 chỉ. Tiếp dùng *Thắt-ly-tán* sau dùng *Đạt-mạng-dơn*.

22) Khí-hải-môn-huyệt Huyệt này theo khoa Trật-dã nằm bên mặt rún bị thương nặng không ngoài 6 tháng chết. Trước dùng *Gia-giảm-thang* gia Xuyên-gia-bì 1 chỉ Khương hươt 1 chỉ ; tiếp dùng *Thắt-ly-tán* sau dùng *Đạt-mạng-dơn*.

23) Huyệt hải môn huyệt Huyệt này theo Trật-dâ-khoa nằm bên trái Rún bị thương nặng không ngoài 5 tháng chết. Trước dùng *Gia-giảm-thang* gia Sài-hồ 1 chỉ, Đương-Quy 1 chỉ, tiếp dùng *Thắt-lý* tán sau dùng *Đạt-mạng-dơn*.

24) Chương-môn huyệt Huyệt này Trật-dâ-khoa ghi nằm bên hông trái ngay dưới xương sườn cùt, bị thương nặng 150 ngày chết. Trước dùng *Gia-giảm-thang* gia Quy-Vỹ 1 chỉ, Tô-mộc 1 chỉ. Tiếp dùng *Đạt-mạng-dơn*.

25) Địa-môn huyệt Huyệt này nằm bên hông mặt ngay dưới xương sườn cùt bị thương nặng 60 ngày chết. Trước dùng *Gia-giảm-thang* gia Đon-bì 1 chỉ, Hồng-hoa 1 chỉ sau dùng *Đạt-mạng-dơn*.

26) Huyệt-nan huyệt Huyệt này nằm dưới Rún cách bên trái bị thương nặng, 10 ngày chết. Trước dùng *Gia-giảm-thang* gia Bồ-hoàng 1 chỉ. Cầu-thái-tử (hột hẹ) 1 chỉ. Tiếp dùng *Đạt-mạng-dơn*.

27) Thính-nhĩ huyệt Huyệt này nằm dưới tai nứa phân chỗ sưng bị thương nặng 24 ngày chết. Trước dùng *Gia-giảm-thang* gia Xuyên-khung 1 chỉ. Tuế-tân 1 chỉ. Tiếp dùng *Đạt-mạng-dơn*.

28) Thạch-cốt huyệt Huyệt này nằm giữa lưng đốt xương thứ 7 Cách 2 bên 1 phân bị thương nặng thở đàm thở máu 10 tháng chết; Trước dùng *Gia-giảm-thang* gia Đỗ-trọng 1 chỉ. Cốt-toái 1 chỉ, sau dùng *Đạt-mạng-dơn*.

29) Hậu-khí huyệt Huyệt này nằm tại đốt sống lưng thứ 7 trên dưới đều 1 tấc 1 phân, bị thương nặng 3 tháng chết, trước dùng *Gia-giảm-thang* gia Bồ-cốt-chỉ 1 chỉ. Ô-dược 1 chỉ, tiếp dùng *Đạt-mạng-dơn*.

30) Thận-kinh huyệt Huyệt này nằm tại chỗ eo lưng phía bên trái bị thương nặng 3 ngày, cười rồi chết. Trước dùng *Gia-giảm-thang* gia Đào-nhơn 1 chỉ Hồng-hoa 1 chỉ; Tiếp dùng *Đạt-mạng-dơn*.

31) Hải-dễ huyệt Huyệt này nằm ngay dưới đốt xương cùt 1 phân bị thương nặng 7 ngày chết. Trước dùng *Gia-giảm-thang* gia Sanh-quân 1 chỉ, Phát-tiêu 1 chỉ. Tiếp dùng *Đạt-mạng-dơn*.

32) Mạng-môn huyệt Huyệt này nằm tại eo lưng giữa đốt 14 phía bên mặt bị thương nặng nội ngày ấy chết, cấp cứu gấp trước uống *Gia-giảm-thang* gia Đào-nhơn 2 chỉ, Huyền-hồ 1 chỉ; tiếp dùng *Đạt-mạng-dơn*.

33) Dũng-tuyền huyệt nằm giữa lòng bàn chân (2 chân 2 huyệt) bị thương nặng 14 tháng sau chết. Trước dùng *Gia-giảm-thang* gia Nại-ni-tắt 1 chỉ. Xuyên-Mộc-quá 1 chỉ tiếp dùng *Đạt-mạng-dơn*.

34) Hạt-khẩu huyệt : Huyệt này nằm ngay giữa đùi vể; bị thương nặng 30 tháng sau chết; Trước dùng *Gia-giảm thang* gia Ngưu-tất 1 chỉ Ý-vì 2 chỉ tiếp dùng *Đạt-mạng đơn*.

35) Đối-khẩu huyệt : Huyệt này nằm ngay sau Não sọ bị thương nặng 6 ngày chết. Trước dùng *Gia-giảm thang* gia Xuyên-khung 1 chỉ Bạch-chỉ 1 chỉ tiếp dùng *Đạt mạng đơn*.

36) Sơn-căn huyệt : Túc Huyệt *Ấn-dương*, nằm giữa hai chân mày ngay sống mũi bị thương nặng hôn-mê 10 ngày chết trước dùng *Gia-giảm thang*. Gię Thăng-ma 1 chỉ Bồ-hoàng sao 1 chỉ Tiếp dùng *Đạt mạng đơn*.

Tổng-luận : Trên đây là bộ phận Đầu, Mặt và 36 Đại-huyệt trong cơ thể; khi bị tai nạn đã thường bắt kỳ nặng nhẹ; cần phải xem xét kỹ mà dùng thuốc cứu cấp trị; không nên dien tri, hại đến tánh mạng vậy một chuyên gia nên có sẵn những phương thuốc này để lâm thời kịp dùng cứu mạng người.

Những phương thuốc trị Trật-đả bộ phận Đầu Mặt và 36 Đại-huyệt

KHAI-QUANG-TÁN

Phương thuốc : Xạ-hương 2 phần. Băng-phiến 2 phần. Thièm-tô 5 phần. Nha-tạo 5 chỉ. Bạch-chỉ 3 chỉ Tuế-tân 3 chỉ.

Cách chế : Trước bỏ Nha-tạo vào chảo sành đất khô, đem tán chung với Bạch-chỉ, Tuế-tân, sau hòa chung với Xạ-hương, Băng-phiến, Thièm-tô, để vào chai nút kín dùng.

Cách dùng : Mỗi lần dùng một ít thổi vào mũi cho nhảy mũi tinh lại.

細	白	牙	蟾	冰	麝	開
辛	芷	皂	酥	片	香	闊
三	三	五	五	二	二	散
錢	錢	錢	分	分	分	

HƯỜN-HỒN-TRẬT-ĐÃ-HOÀN

Phương thuốc : Cao-ly-Sâm 5 chỉ. Ngưu-hoàng 2 chỉ. Hùng-Đồm 2 chỉ, Trần-châu 2 chỉ. Xạ-hương 1 chỉ. Hồ-phách 5 chỉ. Đìền-thất Sao-Lộc-giác-giao 5 chỉ Đinh-Hương 3 chỉ Băng-phiến 1 chỉ Sơn-dương huyết 5 chỉ Huyết-kiệt 5 chỉ Hùng-hoàng 2 chỉ Nhũ-hương 2 chỉ Một-dược 2 chỉ Mộc-hương 1 chỉ Toàn-quy 1 lượng Tò-mộc 3 chỉ Hương-phụ 2 chỉ Thực-doạn 4 chỉ Toái-bồ 4 chỉ Đỗ-trọng 4 chỉ Huỳnh-bá 3 chỉ Đơn-sâm 3 chỉ Ký-nò 4 chỉ

Cách chế : Tất cả các vị tán mịn (các vị Ngưu-hoàng, Hùng-đồm Trần-châu, Xạ-hương, Băng-phiến để hòa sau)

Dùng Lá sen đâm vắt nước cho nhuần hòa Mật ong làm hoàn mỗi hoan nặng 1 chỉ.

Mỗi lần cho uống - hoàn, uống với nước tiêu, hoặc rượu, hay nước tùy chứng dùng.

Chủ trị Trị tất cả các chứng Trật-đả Thương nguy hiểm, trị mạng uống vào làm cho hùn hồn tinh lại, khởi tử hồi sanh.

還魂跌打丸	丁香三錢	蘇木三錢
高麗參五錢	冰片一錢	香附二錢
牛黃二錢	山羊血五錢	川斷四錢
熊膽二錢	血竭五錢	碎補四錢
珠末二錢	雄黃二錢	杜仲四錢
射香一錢	乳香二錢	黃柏三錢
血珀五錢	沒藥二錢	丹參三錢
田七五錢	木香二錢	寄奴四錢
鹿角膠五錢	全歸一兩	

THẮT-LÝ-TÁN

Phương thuốc Xạ-hương 1 phần 2 ly, Nhũ-hương 1 chỉ rưỡi, Một-dược 1 chỉ rưỡi, Hồng-hoa 1 chỉ rưỡi, Mai-phiến 1 phần 2 ly, Huyết-kiết 1 lượng, Trân-châu 1 chỉ 2 phần, Nhị-trà 2 chỉ 4 phần.

Cách chế Các vi tán min phong vào yết hầu giữ kín kẽo tiết hơi.

Chủ trị Mỗi lần dùng từ 7 ly đến 1 phẩn rươi uống với rượu hoặc nước ấm. Trị các chứng Trật-đả' thương hòn mê bất tỉnh, và ứ huyết cùng phai bên trong làm đau nhức, ngoài có thể xức trị vết thương ra máu.

川射香一分二厘
乳香一錢半
没藥一錢半
紅花一錢半
正梅片一分二厘
血竭一兩
珠末一錢二分
兒茶二錢四分

TRẬT-ĐÃ CAO

Phương thuốc. Tam-lăng 5 chi. Nga-truật 5 chi. Hồng-Hoa 5 chi. Quy-vỹ 5 chi. Điền-thất 5 chi. Sanh-quân 1 lượng, Huyết-kiệt 5 chi. Cương-huỳnh 1 chi. Hương-phụ 5 chi. Tô-mộc 5 chi.

Cách chế. Các vị tán mịn. Dùng Dầu mè 5 lượng, Sáp Ong 1 lượng. Nấu cho tan đều đẽ nguội đóng lại thành cao dùng.

Chủ trị. Dùng dán các vết thương cho tiêu sưng bớt đau; nhức, trị tất cả các chứng Trật-đã thương.

蘇	香	羌	血	生	田	歸	紅	莪	三	跌
木	附	黃	竭	軍	七	尾	花	术	稜	打
五	五	一	五	一	五	五	五	五	五	膏
錢	錢	錢	錢	兩	錢	錢	錢	錢	錢	

THẦN-HIỆU-TRẬT-ĐÃ-TÁN

Phương thuốc. Cầm-xạ-lặc 5 chi. Sanh-quân 5 chi. Điền-thất 5 chi. Huyết-kiệt 5 chi. Xuyên-ô 5 chi. Thảo-ô 5 chi, Phù-dung-diệp 3 chi. Cương-huỳnh 1 chi. Quy-vỹ 5 chi. Bạch-chỉ 3 chi.

Cách chế. Tán mịn dùng (nếu không có vị Cầm-xạ lặc cũng được)

Chủ trị. Làm tiêu sưng, tiêu ứ, hòa với nước hay rượu đắp, xoa chà vết thương.

白	歸	羌	芙	草	川	血	田	生	錦	神
芷	風	黃	蓉	烏	鳥	竭	七	軍	乍	效
三	五	一	葉	五	五	五	五	五	勒	跌
錢	錢	錢	錢	錢	錢	錢	錢	錢	五	打
									錢	散

THÔNG-MẠCH-THANG

Phương thuốc. Điền-thất 3 chi, Đơn-bì 3 chi, Ký-nô 3 chi. Sanh địa 5 chi. Dương-quy 5 chi. Bạch-thược 3 chi. Huyền-hồ 2 chi

Hương-phụ 2 chi. Chi-tữ 2 chi. Cam-thảo 8 phần. Xắc nước 3 chén
còn 1 chén uống ấm.

Chủ trị. Thang này làm huoet huyết thông mạch bớt sưng nhức.

甘草	枝子	香附	延胡	白芍	當歸	生地	寄奴	丹皮	田七	通脈湯
八分	二錢	二錢	二錢	三錢	五錢	五錢	三錢	三錢	三錢	

CỐN-NGUYÊN-CAO

Phương thuốc. Linh-dương huyết 5 chi Lậu-lư 3 chi. Đại-hoàng 2 chi Thăng-ma 3 chi Mật-dược 5 chi. Hồng-Hoa 3 chi Xạ-hương Bạch-cáp 5 chi Sanh-Chi-tữ 2 chi Cam-thảo 2 chi Hùng-hoàng 5 chi Bạch-liềm 3 chi.

Cách chế. Các vị tán mịn hòa giấm Cao thành Cao dùng dán.

Chủ trị Phương này trị Trật đĩ thương làm bầm xương, hư gân, ứ huyết sưng bầm.

生枝子	白吸	射香	紅花	沒藥	升麻	大黃	漏蘆	羚羊血	混元膏
二錢	五錢	三錢	三錢	五錢	三錢	二錢	三錢	五錢	

白斂	雄黃
三錢	五錢

BÁT-LÝ-TÁN

Phương thuốc : Tô-mộc 1 chi ruồi, Tự-nhiên-đồng (chẽ) 3 chi, Nhũ-hương 3 chi, Mật-dược 3 chi, Huyết-kiệt 3 chi.

Hồng hoa 2 chi, Đinh-hương 5 phần, Xa-hương 1 phần

Phiên-mộc-miết (tức Mã-tiền-tử) 1 chi.

Các vị tán mìn mỗi lần dùng 1 ít với rượu, hay nước tiễn.

Chủ trị: Tán này trị các chứng Trật-đã thương làm hụt huyết tiếp xương, giảm đau nhức.

八厘散
蘇木一錢半
自然銅三錢
乳香三錢
沒藥三錢
血竭三錢
紅花二錢
丁香五分
射香一分
番木鱉一錢

CHÁNH-CỐT-TỬ-KIM-ĐƠN

Phương thuốc: Đinh-hương 1 lượng, Mộc-hương 1 lượng.

Nhi-trà 1 lượng, Huyết-kiết 1 lượng. Thục-Dai-hoàng 1 lượng.

Hồng-hoa 1 lượng, Đương-quy đầu 2 lượng, Liễu-phục 2 lượng.

Phuc-linh 2 lường, Bach-thung 2 lường, Ban-hi 5 chi

Cam-thảo 3 chi

Các vị tán mịn hòa mật làm hoàn, mỗi hoàn 3 chí, mỗi lần dùng 1 hoàn uống với rượu hay nước tiều.

Chủ trị: Phương này trị các chứng Trật-đã thương làm lợi khi tán ứ giảm đau nhức.

正骨紫金丹
丁香一兩 蓬內二兩
木香一兩 茯苓二兩
兒茶一兩 白芍二兩
血竭一兩 丹皮五錢
熟大黃一兩 甘草三錢
紅花一兩
當歸頭二兩

TÁN-Ú-HÒA-THƯƠNG-THANG

Phương thuốc : Phiên-mộc-hiếm (chẽ) 5 chỉ, Hồng-hoa 5 chỉ.
Sanh-bán-hạ 5 chỉ, Cốt-toái-hồ 3 chỉ, Hành cù 1 lượng.
Dùng 5 chén nước, 2 lượng giấm, nấu sôi 10 dạo dùng rửa
chỗ vết thương ngày 9,10 lần.

Phương này làm thông, huyệt huyệt tán ứ huyệt.

散瘀和傷湯
番木鱉五錢
紅花五錢
生半夏五錢
骨碎補三錢
蔥根一兩

GIA-GIÃM-TÔ-TÙ-ĐÀO-NHƠN-THANG

Phương thuốc : Tô-tử 3 chỉ, Tô-mộc 1 chỉ, Hồng-hoa 1 chỉ.
Đào-nhơn (sao) 3 chỉ, Mạch-môn 3 chỉ, Quất-hồng 3 chỉ.
Xích-thược 2 chỉ, Dương-quy 2 chỉ, Trúc-nhụ 2 chỉ.
Xắc 3 chén nước còn 1 chén, nước nhì 2 chén còn 8 phần
uống âm.

Chủ tri: Hành úr hụt huyết, tri huyết úr tích bên trong.

加減蘇子桃仁湯
蘇子一錢
木一錢
紅花一錢
桃仁炒三錢
麥冬三錢
橘紅三錢
赤芍二錢
當歸二錢
竹茹二錢

ĐẠO-KHÍ-THÔNG-Ú-DÍNH

Phương thuốc : Ba-dầu (đè sống) I trái.

Giãi-ngao (càng cua) 3 cái, Xạ-hương I ít.

Dùng Hành và Mật oug hòa chung đâm nhuyễn vò thành viên nhỏ. Lấy bông bao lại nhét vào lỗ tai, đ𝐞 trong 21 ngày trong tai rỉ ra nước nồng thì lấy ra.

Chủ trị : Phương này làm cho thông khí tai điết rất hay.

ĐỊNH-THỐNG-TÁN

Phương thuốc : Đương-quy I chỉ, Xuyên-khung I chỉ.

Bạch-thược I chỉ, Quan-quế I chỉ, Tam-nại 3 chỉ.

Xạ-hương 3 phân, Hồng-hoa 5 chỉ, Đinh-hương-căn 5 chỉ.

Thăng-ma I chỉ. Phòng-phong I chỉ.

Các vị tán mịn, Hòa với nước hành (Hành đâm lấy nước) xoa chỗ vết thương sau cùu.

Cách cùu : Các chỗ thương rách da ra máu, dùng bông và thuốc rửa lau sạch lấy thuốc làm thành vè đè lên rồi dùng Ngu viền cùu 5 tráng, sau sẽ dùng thuốc bôi, băng lại.

Chủ trị : Phương này làm cho ấm đè lưu thông khí huyết hết đau, sưng nhức, Trị được tất cả các chứng Triệt đà thương

防	升	丁	紅	射	三	官	白	川	當	定
風	麻	香	花	香	奈	桂	芍	芍	歸	痛
一	一	根	五	三	三	一	一	一	一	散
錢	錢	五	錢	分	錢	錢	錢	錢	錢	

VẬN-LINH-CAO

Phương thuốc : Hạt-cần-thảo I lượng, Thấu-cốt-thảo I lượng.

Đinh-hương-căn I lượng, Đương-quy I lượng.

Tự-nhiên đồng (chẽ) I lượng, Huyết-kiệt I lượng.

Một-dược I lượng, Xuyên-khung 8 chỉ, Xích-thược 2 lượng.
Hồng-hoa I lượng, Ngưu-tắc 5 chỉ, Ngũ-gia-bì 5 chỉ.
Thạch-xươ g-hồ 5 chỉ, Thương-truật 5 chỉ Mộc-hương 3 chỉ.
Tần-giao 3 chỉ, Xà-xàn-tử 3 chỉ, Nhục-quế 3 chỉ.
Xuyên-phụ-tử (chế) 3 chỉ, Bán-hạ (chế) 3 chỉ, Thạch-hộc 3 chỉ.
Tỳ-giải 3 chỉ, Lộc-nhung 3 chỉ, Hỗ-cảnh-cốt I ống xương.
Xã-hương 2 chỉ.

Cách chế : Gói Huyết-Kiệt, Một-dược, Xã-hương lán mìn để riêng
còn 22 vị dùng Dầu phộng 10 cân tắm 3 ngày. Sau đem nấu đến
thuốc cháy den nhắc xuống bỏ xác. Gia Hồng đơn 5 cân nấu lại sau
keo thành cao ; nhắc xuống cho vị thuốc Huyết-Kiệt, Một-dược Xã-
hương vào đánh đều để nguội dùng dán.

Chủ-trị : Cao này sơ cân, hụt huyết, chỉ thũng, tiếp cốt rất hay
trị tất cả các chứng Trật đà thương cũng trị được các chứng Phong
tê, đau nhức,

虎	鹿	五	牛	紅	赤	川	沒	血	自	透	鶴	萬
腥	茸	加	必	花	芍	芎	藥	竭	然	骨	筋	靈
骨	三	皮	五	一	二	八	一	一	銅	草	草	膏
一	錢	五	錢	兩	兩	錢	兩	兩	一	一	一	兩
對		錢							兩	兩		兩
射	革	石	半	川	肉	蛇	泰	木	蒼	葛		
香	解	斛	夏	附	桂	牀	羌	羌	香	蒲		
二	三	三	三	子	三	子	三	錢	三	五		
錢	錢	錢	錢	錢	錢	錢	錢	錢	錢	錢		

NHƠN-SÂM-TỬ KIM-DƠN

Phương thuốc : Nhơn-sâm 3 chỉ Đinh-hương 1 lượng, Ngũ-gia-Bì
2 lượng, Cam-thảo 8 chỉ Phục linh 2 chỉ, Dương-quy 1 lượng, Huyết-
kiết 1 lượng, Cốt-toái-hồ 1 lượng, Ngũ-vị-tử 1 lượng, Một-dược
2 lượng.

Các vị tán mịn mật hoàn 3 chỉ. Mỗi ngày uống 2 lần mai, chiều mỗi lần 1 hoàn uống với rượu hay nước tiêu.

Chủ trị : Phương này bồ chánh khí, huyệt cản... sanh tan-dịch, kiện Tỳ-Vị, các chứng Trật đà thương khi hư nên dùng.

沒藥	五味子	骨碎補	血竭	當歸	芍藥	甘草	五加皮	丁香	人參	人參紫金丹
二兩	一兩	一兩	一兩	一錢	二錢	八錢	二錢	一兩	三錢	兩

Ô-LONG CAO

Phương thuốc : Bá-thảo-sương 3 chỉ, Bạch-cáp 5 chỉ, Bạch-liêm 3 chỉ, Bá-hạp 5 chỉ, Bá bộ 3 chỉ, Nhũ-hương 5 chi, Mật-dược 5 chỉ, Xạ-hương 1 phân, Nhụ-mẽ (Nếp sao) 1 lượng;

Các vị tán mịn hòa giấm nấu thành cao, dùng dán.

Chủ trị : Cao này trị Trật đà thương họng gân, xương gầy, sưng cứng dùng rất hay.

糯米	射干	沒藥	乳香	百部	百合	白合	白三七	百草霜	烏龍膏
炒一分	一錢	一錢	一錢	五錢	三錢	五錢	三錢	三錢	
兩									

THÚC-HUYẾT-HOÀN

Phương thuốc : Bá-thảo-sương 1 chỉ, A-giao 1 chỉ (sao châm) Ngẫu-tiết 1 chỉ, Trắc-bá-diệp 1 chỉ, Mao-căn 1 chỉ, Đương-quy 1 chỉ

Các vị tán mịn mật hoàn nhỏ bằng hột tiêu mỗi lần uống 5 chỉ với rượu, ngày 2 lần, mai tối.

Chủ trị : Phương này cầm máu, bồ máu, cũng làm Tỳ Vị mạnh.

當歸一錢	夢根一錢	側柏葉一錢	萬節一錢	阿交一錢	百草霜三錢	疎血丸
------	------	-------	------	------	-------	-----

NGŨ-GIA-BÌ-THANG

Phương thuốc : Đương-quy 3 chỉ, Mật-dược 3 chỉ, Ngũ-gia-Bì 3 chỉ, Bì-tiêu 3 chỉ, Thanh-bì 3 chỉ, Xuyên-tiêu 3 chỉ. Hương-phụ 3 chỉ Đinh-hương 1 chỉ. Xạ-hương 1 phần, Địa-cốt-bì 1 chỉ, Đơn-bì 2 chỉ, Hành-cử 3 gốc. Dùng nước nấu rửa xoa bóp chỗ vết thương.

Chủ trị : Phương này làm huyệt huyết, thông gân, tiêu ú hết đau

老丹皮三根	丹皮二根	地骨皮一分	射香	丁香	川椒	青皮	五硝	沒三皮	當歸三錢	五加皮湯
-------	------	-------	----	----	----	----	----	-----	------	------

ĐAO-XANG-DƯỢC

Phương thuốc : Bạch-thạch-cao 1 cân (phi) Tồng-hương 1 cân (Hòa ra nước) Trân-châu 5 chỉ (dùng Đậu hủ nấu)

Cả ba vị tán mịn đựng vào chai kin

Chủ trị ; Phương này trị các vết thương do đao kim ; xức cầm máu, thâu miệng lành da.

珍珠五錢	松香一斤	石高燬一斤	刀瘡藥
------	------	-------	-----

20.— HẢI-ĐỒNG-BÌ-THANG

Phương thuốc : Hải-đồng-bì 2 chỉ, Thấu-cốt-thảo 2 chỉ, Nhũ-hương 2 chỉ, Mật-dược 2 chỉ, Đương-quy 1 chỉ rưỡi, Xuyên-tiêu 3 chỉ, Xuyên-khung 1 chỉ, Hồng-hoa 1 chỉ, Oai-linh-tiên 8 phần, Bạch chỉ 8 phần, Cam-thảo 8 phần, Phòng-phong 8 phần.

Các vị tán sơ nấu xoa bóp chò vết thương.

Chủ trị : Chuyên trị Trật đĩa bong gân sai khớp xương đau nhức.

防	威	紅	甘	白	川	川	當	沒	乳	透	海	海
風	靈	花	草	芷	芎	椒	歸	藥	香	骨	桐	桐
八	仙	一	八	八	一	三	一	二	二	草	皮	皮
分	八	錢	分	分	錢	錢	錢	錢	錢	二	二	湯
							半			錢	錢	

TẮT-PHÁT-TĀN

Phương thuốc : Tắt-phát 1 chỉ, Lương-cương 1 chỉ, Tuế-tân 1 chỉ. Nấu nước 3 chén 1 cùn 1 chén ngâm trong miệng làm cho ấm.

THẦN-HIỆU-ĐƯƠNG-QUY-CAO

Phương thuốc ; Đương-quy 1 lượng, Dầu-mè 4 lượng, Sáp ong vàng 4 lượng.

Cách chế : Bỏ Đương-quy vào dầu nấu đến cháy bỏ xát sau cho sáp vào cho tan để nguội dùng.

Chủ trị. Cao này dán làm da lành miệng bặt độc chỉ thống; Các thứ ghẽ độc, làm mủ dùng dán cũng công hiệu.

TẮC-TÝ-ĐƠN

Phương thuốc. Châu-sa 1 chỉ, Xạ-hương 1 chỉ, Đinh-hương 1 chỉ, Ô-mai nhục 1 chỉ, Xuyên-ô 1 chỉ, Thảo-ô 1 chỉ, Đương-quy 1 chỉ, Tam-nại 1 chỉ Nhũ-lương 2 chỉ, Tạ-giác 7 phần.

Các vị tán mịn dùng Cùi tỏi đâm nhuyễn hòa hoàn dùng hông bao nhét vào lỗ mũi.

Chủ trị. Trị Trật-đã thương mũi ra máu không cầm, thầm khi hòn mè, hoặc nướu răng bị thương sưng nhức. Cũng trị các chứng chảy máu cam.

皂	乳	三	當	草	川	烏	丁	射	硃	塞
角	香	柰	歸	烏	烏	梅	香	香	砂	鼻
七	二	一	一	一	一	肉	一	一	一	丹
分	錢	錢	錢	錢	錢	一	錢	錢	錢	

錢

TIỆT-HUYẾT-CAO

Phương thuốc. Thiên-ha-phấn 3 lượng, Cương-huỳnh 1 lượng Xích-thược 1 lượng, Bạch-chỉ 1 lượng.

Cách dùng. Thuốc tán mịn hòa nước trà đắp xung quanh chỗ vết thương, như đầu bị thương máu không cầm, dùng đắp trên trán và xung quanh vết thương, như Tay bị thương, đắp xung quanh cánh Tay, Chân bị thương đắp tại trên Đầu, các nơi khác cứ đắp xung quanh vết thương, đều có thể làm cho máu cầm lại. Nếu chỗ vết thương sưng cứng không tiêu thêm vị Độc-huot dùng rượu hòa xức; nếu đốt vào sâu trong cơ nhục gia thêm vị Tứ-kinh-bì hòa xức ắt tiêu. Phương này làm cho huyết tan, tiêu sưng chỉ thống.

白	芷	赤	芍	羌	黃	天	花	粉	截	血
芷	一	一	一	一	一	花	粉	三	膏	
兩	兩	兩	兩	兩	兩			兩		

BỎ-CƠ-TÁN

Phương thuốc. Địa - huỳnh 5 lượng, Địa - Tùng (Bắp cải) 5 lượng. Thanh-cao 5 lượng Thương-nhi-tử 5 lượng, Bạch-thược 5 lượng.

Xác lấy nước, Sanh-ngại-diệp đâm lấy nước cả thảy 3 chén
tầm thạch-khô (või) phơi khô trong mát ; sau hòa Huỳnh-đơn 3
lượng đều tán nhò.

Cách dùng. Khi bị thương ra máu dùng thuốc tán này bao lại
không nên động trong 10 ngày hết khỏi sưng làm độc.

白	蒼	青	地	地	補
芍	耳	蒿	松	黃	肌
五	子	五	五	五	散
兩	五	兩	兩	兩	
		兩			

ĐẠI THẦN HIỆU HƯỢT-LẠC-ĐƠN

Phương thnốc. Bạch-hoa-xà (sao rượu) 2 lượng, Ô-tiêu-xà (sao
rượu) 2 lượng, Ma-hoàng 2 lượng, Phòng-phong 2 lượng Chich-thảo
2 lượng, Quan-quế 2 lượng, Thảo-đậu-khẩu 2 lượng, Khương-hươt
2 lượng Huyền-sâm 2 lượng, Thiên-ma 2 lượng, Hoát-hương 2 lượng
Hà-thủ-đ 2 lượng, Bạch-chỉ 2 lượng, Huỳnh-liên 2 lượng Huỳnh-kỳ
2 lượng, Thực-địa 2 lượng Đại-hoàng 2 lượng Châu-sa 1 lượng, Tuế-
tán 1 lượng, Xích thược 1 lượng Mật-dược 1 lượng (chẽ) Nhũ-hương
1 lượng (chẽ) Cương-tầm 1 lượng Thiên-trúc-huỳnh 1 lượng, Quy-
bản 1 lượng, Đinh-hương 1 lượng, Hồ-cốt 1 lượng Ô-dược 1 lượng
Thanh-bì 1 lượng Hắc-phụ-tử 1 lượng Bạch-đậu-khẩu 1 lượng, Cốt-
toái-hỗ 1 lượng Bạch-phục-linh 1 lượng Bạch-truật (sao) 1 lượng,
Đương-quy 1 lượng, Trầm-hương 1 lượng Toàn-yết 2 lượng ruồi.
Các-căn 2 lượng ruồi Oai-linh-tiên 2 lượng Huyết-kiệt 7 chỉ ruồi.
Tè-giác 7 chỉ ruồi, Xạ-lương 5 chỉ Địa-long 5 chỉ, Tồng-hương 5 chỉ
Lưỡng-đầu-tiêm 2 lượng, Xuyên-khung 2 lượng Ngưu-hoàng 2 chỉ
ruồi Phiến-não 2 chỉ ruồi.

Các vị tán mịn hòa mật hoàn, Kim bạc làm áo ngoài bao sáp
mỗi lần uống với rượu, bình phía trên uống trước bữa ăn, bình
phía dưới uống sau bữa ăn.

Chủ trị Hoàn hàn hàn hươt huyết khu phong, làm thông lợi kinh
lạc ; trị Trật-đã thương và cung trị các chứng Phong-lhấp té, khẩu
nhảm-hoa tà, Bán-thần hất toại, đi đứng không vững. Tay Chân đau
nhức, cắn cốt eo ngực.

大神效活絡丹

白花蛇二兩 何首烏二兩 草虫一兩 全蠍二兩半
烏梢蛇二兩 白芷二兩 天竺黃一兩 咸靈仙二兩半
麻黃二兩 黃連二兩 龜板一兩 血竭七錢半
防風二兩 黃芪二兩 丁香一兩 犀角七錢半
炙甘草二兩 熟地二兩 虎骨一兩 射香五錢
官桂二兩 大黃二兩 烏藥一兩 地龍五錢
草豆二兩 細辛一兩 青皮一兩
羌活二兩 白蔻仁一兩 黑附子一兩
元參二兩 赤芍一兩 骨碎補一兩 松香五錢
天麻二兩 没藥一兩 白茯苓一兩 川芎二兩
藿香二兩 白术一兩 牛黃二錢半
乳香一兩 沉香一兩 片腦二錢半

CÓ-XI-TÁN

Phương thuốc Cốt-toái-hồ I lượng, Xương con chuột I lượng.
Tán mìn xorc răng làm cho chắc răng.

PHÙ-DUNG-CAO

Phương thuốc : Tứ-Kinh.bì 1 lượng, Nam-tinh 1 lượng.

Phù-dung 2 lượng, Độc-huot 5 chỉ, Bạch-chỉ 5 chỉ.

Xích-thuộc 5 chi.

Các vị tán mịn hòa nước giง, nước trà đắp chỗ vết thương, nếu sắc bầm đen không tan thêm Nhục-quế 5 chỉ.

Chủ trị: Phương này hụt huyết sơ phong thông bì phu nên các chứng Trát-dã thương bầm đen đen dùng xéc rất hay.

芙蓉膏
紫荆皮一兩
南星一兩
芙蓉二兩
獨活五兩
白芷五錢
赤芍五錢

BÁT-TIỀN-TIÊU-DIỆU-THANG

Phương thuốc : Phòng-phong 1 chi, Kinh-giới 1 chi

Xuyên-khung I chỉ, Cam-thảo I chỉ, Đương-quy 2 chỉ

Hoàng-hà 2 chi, Thượng-truật 3 chi, Hợp-hì 3 chi;

Xuyên-tiêu 3 chi - Khô-sâm 5 chi

Dùng vải bao thuốc lá nén xông rửa chỗ vết thương.

Chủ trị: Phương này hụt huyết dùng rữa các vết thương Trật, đã sưng nhức và các bình làm cơ nhục gần cốt đau nhức, vết bay

八仙逍遙湯
防風一錢
荆芥一錢
川芎一錢
甘草一錢
當歸二錢
黃柏二錢
蒼朮三錢
丹皮三錢
川椒三錢
苦參五錢

DƯƠNG-MỤC-HỒI-QUANG-THANG

Phương thuốc : Sanh-địa 8 chỉ, Dương-quy 3 chỉ.

Bạch-thược 3 chỉ, Đơn-bì 3 chỉ, Trật-lê 3 chỉ, Sa-uyên 3 chỉ.

Cam-cúc 3 chỉ, Khuyết-minh-tử 3 chỉ, Mộc-tặc 3 chỉ

Cỏ-tinh-thảo 3 chỉ, Cam-thảo 8 phần, Hồng-hoa 2 chỉ.

Nước 2 chén xác còn 1 chén uống ấm.

Chủ trị : Mắt bị thương, sưng đỏ út máu.

紅	甘	穀	木	決	甘	沙	蒺	丹	白	當	生	養
花	草	精	賊	明	菊	苑	藜	皮	芍	歸	地	目
二	八	三	二	子	三	三	三	三	三	三	八	回
錢	分	錢	錢	三	錢	錢	錢	錢	錢	錢	錢	光
				錢								湯

CHI-ĐỊA-THANG

Phương thuốc : Chi-tử 3 chỉ, Sanh-địa 1 lượng, Hồng-hoa 3 chỉ, Đơn-bì 3 chỉ, Liền-kiều 2 chỉ, Cam-thảo 8 phần, Điện-thất 2 chỉ.

Phòng-phong 2 chỉ, Minh-hoa 2 chỉ.

Nước 2 chén rưỡi xác còn 1 chén uống ấm.

Chủ trị : Mắt bị thương út máu sưng nhức.

明	防	田	甘	連	丹	紅	生	枝	枝	地	
花	風	七	草	召	皮	花	地	子	子	三	
二	二	二	八	二	三	三	一	三	兩	錢	
錢	錢	錢	分	錢	錢	錢	兩	錢			湯

BỒ-HOÀNG-QUY-THƯỢC-THANG

Phương thuốc : Hắc-bồ-hoàng 3 chỉ, Dương-quy 5 chỉ.

Xuyên-khung 1 chỉ, Bạch-thược 3 chỉ, Thiến-căn 2 chỉ.

Sanh-địa 3 chỉ, Thục-địa 3 chỉ, Trắc-bá 4 chỉ, Hắc-chi-tử 2 chỉ.
Nước 3 chén xác còn 1 chén uống ấm.

Chủ trị : Phương này cầm máu, trị chảy máu cam.

黑 枝 子	二 錢	側 柏 四 錢	熟 地 二 錢	生 地 二 錢	茜 根 二 錢	白 芍 三 錢	川 芍 一 錢	當 歸 五 錢	蒲 黃 炒 黑 三 錢	蒲 黃 歸 芍 湯
-------	-----	---------	---------	---------	---------	---------	---------	---------	-------------	-----------

THÂU-CHÂU-TÁN

Phương thuốc : Lông-cốt-chẽ I chỉ, Huyết-kiết I chỉ.
Nhị-trà 5 phần, Ngũ-hội-tử 5 phần, Ô-mai 5 phần.
Nhũ-hương 5 phần, Mật-dược 5 phần, Băng-phiến I phần.
Các vị tán thật mịn.

Dùng I cây kim nhúng nước giếng châm thuốc điểm vào gân máu tròng mắt.

Chủ trị : Trị mắt bị thương, tròng mắt muỗi rót, dùng tri.

冰 片	沒 藥	乳 香	烏 梅	五 倍 子	兒 茶	血 竭	煅 龍 骨	收 珠 散
一分	五 分	五 分	五 分	五 分	五 分	一 錢	一 錢	

GIA-GIÃM-THANG

Phương thuốc : Xuyên-gia-bì 2 chỉ, Chỉ-xác 2 chỉ, Ký-nô I chỉ.
Nhục-quế I phần, Đỗ trọng 2 chỉ, Ngũ-linh-chỉ I chỉ.
Bồ-hoàng 2 chỉ, Quy-vỹ 2 chỉ, Quản-bì I chỉ, Hồng-hoa 8 phần.

Huyền-hồ I chỉ, Thanh-bì I chỉ, Sa-nhơn 5 phần.
Nước 2 chén và rượu I chén xác còn I chén uống ấm.

加減湯
川加皮二錢
枳壳二錢
寄奴一錢
肉桂一分
杜仲二錢
五靈脂一錢
蒲黃一錢
歸尾二錢
廣皮一錢
紅花八分
玄胡一錢
青皮一錢
砂仁五分

ĐÁT-MẠNG-ĐƠN

Phương thuốc: Quy-vỹ 3 lượng, Đào-nhơn 3 lượng.
Huyết-kiệt 5 chỉ, Nhị-trà 5 chỉ, Châu-sa 5 chỉ, Hồng-hoa 5 chỉ.
Địa-miết-trùng I lượng rưỡi, Cốt-toái-bồ I lượng.
Nhũ-hương I lượng, Mật-dược I lượng, Tứ-nhiên-đồng 2 lượng.
Đại-hoàng 3 lượng, Xạ-hương 5 phần.
Các vị tán mịn Thủ-y-hoàn nhỏ 8 phần, Thần-sa làm áo.
Mỗi lần dùng I hoàn với rượu hay nước ấm.
Chủ trị: Trị tất cả Trật-đã thương chứng nguy hiểm hoặc tạng phủ bị xúi ứ huyết cấp cứu thường k é .

奪命丹
歸尾三兩
桃仁三兩
血竭五錢
兒茶五錢
硃砂五錢
紅花五錢
地龜蟲一兩半
碎補一兩
乳香一兩
沒藥一兩
然銅二兩
大黃三兩
射香五分

QUY-GIAO-THANG

Dương-quy 1 lượng, Tần-giao 3 chỉ. Độc-huöt 3 chỉ.
Tục-đoan 4 chỉ. Toái-bô 3 chỉ. Ngũ-gia-bì 3 chỉ.
Tú-é-tần 1 chỉ. Ngưu-tắt 3 chỉ. Chích-thảo 1 chỉ.

Đỗ-trọng 4 chỉ.

Nước sắc 3 chén còn 1 chén uống ấm.

Trị bị thương sau tay chân té bại, không cử động được.

碎	川	獨	慕	當	歸
補	斷	活	光	歸	光
三錢	四錢	三錢	三錢	一兩	湯
杜仲	炙草	牛必	細辛	五加皮	
四錢	一錢	三錢	一錢	三錢	

LINH-GIÁC ĐỒM THẢO-THANG

Linh-dương giác 1 chỉ. (mài riêng) Long-đồm-thảo 2 chỉ.

Sanh-địa 8 chỉ, Phục-linh 2 chỉ. TCach-xuong-bò 1 chỉ

Địa-long 2 chỉ. Đơn-bì 3 chỉ. Cam-thảo 1 chỉ.

Nước sắc 2 chén ruối còn 1 chén uống ấm.

Phương này làm an não tiêu sưng, trấn tĩnh kinh dược.

甘草	丹皮	地龍	石菖蒲	茯苓	生地	龍胆草	羚羊角
一錢	三錢	二錢	一錢	二錢	八錢	二錢	一錢

羚角胆草湯

NGỌC-CHƠN-TÁN

Khương-huot 1 lượng, Phòng-phong 1 lượng, Bạch-chỉ 1 lượng.

Bạch-phụ-tử 2 lượng. Thiên-ma 1 lượng. Sanh-nam-tinh 1 lượng.

(sao-nước gừng)

Các vị tán mịn đỗ vào chai kín để danh dùng

Mỗi lần uống 1, hay 3 chỉ với rượu hoặc nước.

Ngoài dùng đắp vết thương cầm máu

Trị chứng Phong đòn gánh, rất hay bắt luận vết thương nhỏ lởu
bất tĩnh nhơn sự, hoặc miệng méo, tay chân co dực hay lưng uốn
ván cắp dùng trong uống ngoài đắp đều có công hiệu.

共	生	天	白	白	防	羌	玉
爲	南	麻	附	芷	風	活	真
細	星	一	子	一	一	一	散
末	羌	兩	十	兩	兩	兩	
	汁		二				
	炒						
	一						
	兩						

TÔ-HẠP HƯƠNG-HOÀN

Trầm-hương 1 lượng, Mộc-hương, Đinh-hương 1 lượng i lượng.

Bạch-dàng-hương 1 lượng, Xạ-hương 1 lượng, Hương-phụ 1 lượng

Châu sa 1 lượng, Nhũ-hương 5 chỉ. Phiến-não 5 chỉ.

Bạch-truật 1 lượng, Tắt-phát 1 lượng, Tê-giác 1 lượng.

Châu-sa 1 lượng, Nhũ-hương 5 chỉ, Phiến-não 5 chỉ.

Kha-tử-nhục 1 lượng An-túc-hương (rượu nấu thành cao) 1 lượng

Tô-hạp-hương-du 5 chỉ (Hòa chung nấu với An-túc-hương)

Cách chế ; Các vị tán mịn hòa với Xạ hương Phiến não, và An
túc Tô-hạp du cùng hòa mật hòa hoàn 1 chỉ ngoài bao sáp. Mỗi lần
người lớn 1 hoàn. Trẻ con nửa hoàn với nước gừng.

Phương này trị bị thương răng cẳng, hòn mè, bất tĩnh ; và trị
các chứng trúng-phong.

射 香 一 兩	白 禮 香 一 兩	丁 香 一 兩	木 香 一 兩	沉 香 一 兩	蘇 合 香 九
安 息 香 一 兩	訶 子 肉 一 兩	必 撥 一 兩	白 朮 一 兩	香 附 一 兩	
蘇 合 香 油 五 錢	片 腦 五 錢	乳 香 五 錢	硃 砂 一 兩		犀 角 一 兩

TIẾP-CỐT TỬ KIM-ĐƠN

Địa-long 1 lượng, Xuyên-ô 1 lượng, Lòng-cốt 2 lượng.
 Địa-miết-trùng 2 lượng, Lộc-giác-giao 2 lượng, Xích-thạch-chỉ,
 2 lượng. Tự-nhiên-dồng 3 lượng. Huyết-thạch-phi 4 lượng.
 Nhũ hương 1 lượng ruồi.

Một-dược 1 lượng ruồi, Xạ-hương 5 phân.

Cách chế : Các vị tán mịn dùng Lộc-giác-giao hòa thành nước
 hòa thuốc chế hoàn nhỏ, Châu sa làm áo.

Mỗi lần uống 1 hoàn với rượu, ngày 2 lần.

Phương này trị xương gãy, làm thông huyết mạch sanh
 chất xương.

共	射	沒	乳	飛	然	赤	鹿	地	龍	川	烏	地	接
爲	香	藥	香	滑	銅	石	角	龍	蟲	骨	二	一	骨
細	五	一	一	石	三	脂	膠	虫	二	兩	兩	兩	紫
末	分	兩	兩	四	兩	二	二	二	二	兩	兩	兩	金
	半			兩	半	兩	兩						丹

SANH-LỘC GIÁC THANG

Sanh-lộc giác 1 lượng, Huyết-Kiệt 1 chǐ, Dương-Quy 1 chǐ.
 Bạch-chỉ 2 chǐ, Đơn-bì 3 chǐ, Nhũ-lương 2 chǐ.
 Một-dược 1 chǐ Bạch-thược 3 chǐ. Tô-mộc 3 chǐ.
 Nước xác 2 chén ruối còn 1 chén uống ấm.
 Phương này làm thông huyết mạch, giảm đau bớt sưng nhức.

蘇	白	沒	乳	升	白	當	血	生	鹿	生
木	芍	藥	香	皮	芷	歸	竭	鹿	角	鹿
三	三	二	二	三	二	五	一	角	一	角
錢	錢	錢	錢	錢	錢	錢	兩		兩	湯

II.— BỊ THƯƠNG BỘ PHẬN NGỰC, LƯNG, BỤNG

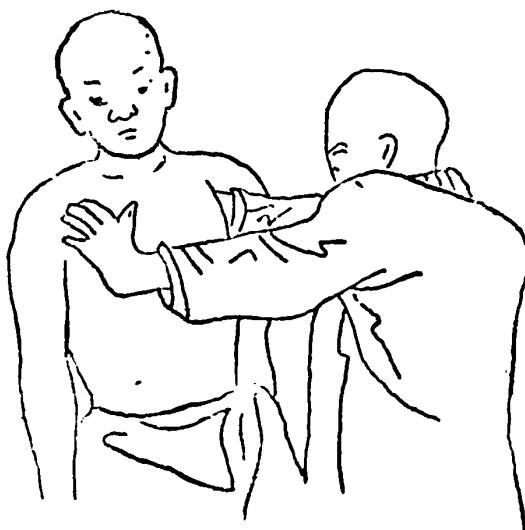
Vùng Ngực Xương ngực, Hông bị thương gãy, thường vì bị đè, đập mạnh vào; hoặc vì tai nạn lưu thông, mà bị gãy; thường bị bẽ gãy 2, hay 3 cái xương, những trường hợp nặng làm thương đến tạng Phổi bên trong : phát sưng, phần nhiều về sau gây ra hậu hoạn. Nhưng bình thường bị thương nhẹ thì có thể chữa trị được: Cũng áp dụng phương pháp sửa xương Chánh cốt Pháp; ngoài dán Tiếp-cốt-cao không đắp bó cây, chỉ cần băng vải để khỏi làm trở ngại sự hô hấp. Nếu có trường hợp miệng mửa ra máu, hay đàm dịch; lúc tạng Phổi bị liên hệ hoặc xương gãy dâm vào, không nên băng mạnh và cần Giải phẫu gấp xương ra, vì đã thuộc loại thương chứng nan trị.

Vậy bình thường bị thương nhẹ không hiện chứng trạng thương đến Phổi, trong cho uống Hòa-trung-phục-nguyên-thang. Miệng mửa ra máu có đàm dịch cho uống Trắc-bá-a-giao-thang.

Chánh-cốt-pháp xương Hông; Ngực theo kinh nghiệm áp dụng 2 thủ pháp sau đây :

1.— Cách sửa phia trước

Đè bình nhơn đứng thẳng; Y-sanh đứng đối diện phía trước, tay mặt thọc vào dưới nách bình nhơn; giữ vững cơ thể; Úp bàn tay trái phía bên nách bình nhơn, không nên dùng sức mạnh lắc, chỉ lắc lẩn đầy xoay chuyền cho xương sườn chỉnh đốn lại nguyên trạng.



Cách đẩy sửa xương sườn gãy !

2.— Cách sửa phía sau

Đề bịnh nhơn đứng thẳng; Y-sanh đứng phía sau lưng, 2 tay thọc vào 2 nách bịnh nhơn, ôm lòng ngực; Ăn 1 bên mạnh 1 bên nhẹ (giữ phía xương lành ; đẩy phía bên bị thương) lắc lắc đẩy xoay chuyền chỗ xương sườn chỉnh đốn lại nguyên trạng,



Cách đẩy sửa xương
sườn g”y !!

Trên đây là nói chung cách chữa trị những thương chứng nhẹ ngoài ra cần phân định bị thương phần trên hay giữa ngực, hoặc từng bộ phận xương sườn, xương mõ ác, xương hông v.v để dùng phương thuốc trị cho thích hợp sau đây :

Bị thương tại vùng ngực.

Toàn bộ phận vùng ngực như bị thương phía trên, phát mặt mày xanh mét, thở hụt hơi, đau nhói, ngoài đắp *Thần-hiệu Trật-dã tán* hay dán *Trật-dã cao* trong uống. *Khai-hung-Trục-úr-thang*.

— Như bị thương vùng giữa ngực làm đầy tức trướng, đau nhức phát ợe mửa không muốn ăn, ngoài đắp dán như trên trong uống *Điều-trung thang*. Phân biệt các bộ phận sau đây :

1. **Như bị thương xương sườn ngực;** bên trong bị ứ huyết sưng nhức không nằm ngửa được, hoặc bị thương lâu ngày, vùng ngực nổi cao lên, làm đậm suyễn ho, hoặc có khi làm hôn mê, thành chứng nặng như mắt nhắm ợe mửa ra máu : nghẹn nắt là chứng nguy.

Trị pháp Chứng nhẹ trong uống *Chánh-cốt-tử-Kim-don* ngoài dùng *Định-thống-tán* và cứu cho ấm lại, hoặc dùng *Hải-đồng-bi-thang* xoa rửa, dán *Vạn-linh-cao*. Như bị huyết ứ sưng nhức, không nắm ngửa được ngày dùng *Thanh-thượng-ứ-huyết-thang*, hoặc *Tiêu-hạ phá-huyết-thang* tùy chứng trạng trên dưới mà áp dụng, Tối cho uống *Thúc-huyết-hoàn*.

— Như bị thương lâu ngày chỗ ngực xương nồi cao lên, ứ huyết làm sốt, phát ho suyễn dùng. *Gia-giảm-tử-kim-don* để giải nhiệt hóa đàm định suyễn.

— Như 2 bên sườn bị thương chứng nhẹ dùng *Lệ-động-hoàn* hay *Tam-huỳnh-Bíru-lạp-hoàn*.

Điều dưỡng. Nên băng lỏng ngực đừng làm lụng xóc, tức ; cũng không nên tức giận, kỵ ăn tôm, cua, Hải-vị và đồ sanh lạnh.

2) Tại xương mỏ-ác ngực bị thương ; làm hồn loạn đau nhức, ngực đầy, hơi uất, không muốn nói, nếu còn ăn uống được có thể trị

— Như bị thương nặng ắt có thương đến tạng Tim làm hòn mề mắt nhắm, hắt tinh nhơn sự, răng cắn chặc, đàm suyễn, lâu không tinh, hoặc tinh rồi hòn loạn là chứng nguy khó sống.

Trị pháp. Chứng nhẹ tinh lại còn ăn uống được buỗi mai cho uống *Gia-giảm Tò-tử Đào-nhơn-thang* gia Chỉ-xác. Tối uống *Thúc-huyết-hoàn* ngoài dán *Vạn-linh-cao* và cũng dùng *Định-thống-tán* Cứu làm ấm lại tan ứ huyết.

Điều dưỡng. Gặp tai nạn Trật-dã thương này cũng nên cấp cứu gấp không nên để lâu sợ động đến tạng Tim ; tránh cho bệnh nhơn phiền muộn ; sợ sệt. Ăn gà, vịt, Hải-vị.

3) Cứu-vỹ cốt bị thương. Tức chỗ lõm dưới xương mỏ-ác ngực ; bị thương đau nhức không chịu nồi, bụng đầy đau, lỵng không chồm dậy nổi ; hai tay phải ôm ngực ; nặng cũng làm hòn mề mắt nhắm, hắt tinh, răng cắn chặc nguy đến tánh mạng.

Trị pháp Cần cho uống *Bát-ly-Tán* ngoài dùng *Ngại-thổ-thang* xông nứa, dán *Vạn-linh-cao*.

Điều dưỡng. Kỵ uống nước trà và đồ sanh lạnh, bình sau giảm bớt rồi cũng phải cho uống *Tiêu-diêu-tán* để làm thông khí mới khôi phục được xương.

4) Hồng sườn bị thương

Hai bên Hồng, những đồi sườn già và lợ lùng cũng dễ bị thương bất kỳ trên dưới, tả hữu, nếu bị thương sụp vào là xương sườn bị

gãy đầu ngẽo, không đỡ dậy được, nǎm nghiên 1 bên, phải áp dụng cách sūra xương lại và xem thương chứng nặng nhẹ (sẽ giải mục chiết thương sau) nếu trường hợp xương không gãy nhưng huyết bị út khối trong lòng ngực, cũng làm hòn mè, gấp cho uống *Chánh-cốt-tứ-kim-dơn* dùng *Bát-tiêu-diêu-thang* rửa và dán *Vạn-linh-cao* băng lại ; nếu làm nhức đầu xoay xẩm phát nóng lạnh cho uống *Sài-hồ-huot-huyết-thang*.

Điều dưỡng Cần dưỡng sức không nên làm lao động, (nếu sau bình phục cũng không nên làm việc quá lao động có thể tái phát) Kỵ ăn đồ sanh lanh thịt gà, vịt, sau cũng nên cho uống *Tiêu-diêu-tán* thường để làm thông khí.

6) Bị thương vùng bụng. Bộ phận bụng bị thương làm Ruột đau thắc, đè càng đau, Đại tiện không thông Ngoài đắp *Thần-hiệu-trật* dán *Trật-dã* cao trong uống *Thông-hạ-trục-út-thang*.

5) Bị thương vùng bụng dưới. Thường làm đầy trương, Tiêu tiện bí, muốn đi tiểu, không đi được, Ngoài dán đắp như trên trong uống *Hồ-phách-huot-huyết-thang*.

7) Âm bộ bị thương. Đau nhức muộn đứt hơi, hòn dai thụt vào gấp cho uống *Hườn-bồn-trật-dã-hoàn* hoặc *Thất-ly-tán* sau uống *Bình-thương-thang*.

Nếu dai sưng thẳng đen bầm dùng *Định-thống-tán* gia Xích-thược Thảo-đà, Lương-cương, Nhục-quế đâm hòa lá hẹ hay củ hành đắp, trong uống thuốc thông tiêu tiện.

Trường hợp dai bị lòi ra ngoài (xem phương trị trước).

Điều dưỡng Không nên vận động cần nǎm điều dưỡng, Kỵ ăn thịt gà, vịt đè, tôm, cua, Hải vị và đồ sanh lanh, và uống Xa-tiền thế trà cho thông tiêu tiện, nếu có út máu bầm cho uống thêm *Hồ-phách-tán*.

8) Giang môn bị thương. Chi giang môn bị thương thường là sưng nhức, Đại-tiền không thông ; ngoài đắp dán như trên trong uống *Thông-hạ-trục-út-thang*.

Bị thương vùng sau lưng.

Bị thương bộ phận vùng Lưng có nhiều chứng trạng ; nhưng quan hệ nhất là bộ phận xương sống ; trong xương sống có Tủy sống, liên quan đến Não ; thuộc Hệ-thống Thần-Kinh Não, Tủy phân bùa khắp cơ thể ; nên nếu xương sống bị bể thường phát tê cả

mình ; nếu chỗ xương thứ 4 cột bị thương nát ắt làm cho tri mạng tuyệt sự hô hấp ; Đây là Hệ thuộc Hành-Tủy rất nguy hiểm.

Đốt xương cột thứ 5 bị gãy thì té-liệt cả 2 tay ; Đốt cột thứ 7 bị gãy té-liệt 1 bên tay.

Đốt sống lưng thứ 3 bị bể thì bên gian sườn té-liệt.

Đốt xương eo lưng thứ 3 bị gãy toàn thắt 2 chân bị liệt ; vùng xương cùng cốt bị bể ; té liệt ống chân (từ đầu gối trở xuống). Vậy toàn thắt xương sống bị thương gãy, bể đều liên quan đến Thần Kinh Vận-động nên thành bệnh té liệt, bại xuội, nếu bị bể nát thì thật là nguy hiểm ; Trường hợp nhẹ, cùp, sai cần phải sửa chữa *Chánh cốt pháp* và dùng thuốc đắp, dán như các vết thương trên ; trong uống *Hồ cốt-Độc-huyết-thang* Thủ-thuật Chánh-cốt xem giải sau mục *Trật-khớp*.

Ngoài ra nên phân biệt chứng trạng và Bộ phận bị thương sau đây mà dùng cách băng bó và phương thuốc trị liệu thích ứng.

— Bị thương chỗ lưng vai, làm đau nhức, cột đơ, khom cuỗi xuống ăn đau hoặc phát nóng lạnh, ngoài dùng thuốc dán hay đắp như các phương trước trong uống *Thông-mạch-thang* gia Các-căn 4 chỉ, Khương-huyết 2 chỉ.

— Bị thương giữa lưng, đau cứng đơ, ngửa ra hay cuỗi xuống ống khó chịu, nằm ngồi không an, ngoài dùng như trước trong uống *Hỗ-tich-cốt-thang*.

— Chỗ eo lưng bị thương đau nhức ngay thắt lưng, muốn nhắc ít gì nặng cũng khó chịu, hoặc yếu bất lực, ngoài dùng như trước trong uống *Đỗ-trạch-thang*.

Bị thương bộ phận lưng vai, eo lưng, và xương cùng trường hợp nặng.

— Bộ phận lưng nên nhớ từ xương cột thứ 7 xuống có 12 đốt lưng, 5 đốt thắt lưng, 5 đốt mông, và 4 đốt xương cùng bị thương tại nạn thường xảy ra các nơi : lưng vai, eo lưng và xương cùng.

1) Bộ phận lưng vai bị thương nếu áp dụng thủ pháp sửa xương không ăn khớp với nhau thường sau hay biến hình gù lưng, có tật, tại đây lại dễ nhiễm Phong hàn cho nên phải cần áp dụng thủ pháp sửa xương, mắn mò cho kỹ và ăn từ từ cho ăn khớp xương. (Xem giải mục Chiết thương sau) dùng *Định-thông-tan-cứu*, đắp, dán Cồn

nguyên-Cao trong uống Chánh-cốt Tứ-kim-don, nếu trường hợp nhẹ dùng phương thức trị liệu trên.

Điều dưỡng : Bộ phận lưng bị thương nếu sau khi trị lành, cũng cần điều dưỡng, không nên làm lao động mạnh, Ky ăn thịt gà, vịt, dê và đồ động phong, sanh lanh. Nếu lâu ngày còn đau nhức cần uống Cao-ich-mẫu để hồi dưỡng.

* 2) Chỗ eo lưng từ đốt 14, 15, 16, Thận bộ bị thương thường ứ tích lại làm đau nhức, nằm sấp không ngửa ra hay nghiêng được; (đau đơn chịu không nổi) thường đau luôn, nhất là trời mưa gió trở tiết lại càng đau đơn không thể làm việc gì nặng được, cần áp dụng phương pháp súp cup xương sống (xem đồ hình và phương pháp sau) trong cho uống Bồ-cát-hoàn, ngoài dán Vạn-linh-cao hoặc dùng Định-thống-tan-cửu.

Trường hợp nhẹ áp dụng phương thức trị liệu trên.

Điều dưỡng : Ky ăn uống đồ sanh lanh, ky uống thuốc có vị Bạch-quả, Sơn-dược và Dưa gan. Ky phòng sự.

Chứng bệnh này sau khi bình phục rồi, lâu lâu cũng hơi đau lại, muôn trị tuyệt cần phải uống thuốc Bồ-cát-hoàn bồi dưỡng luôn.

Bị thương chỗ xương cùng.

3) Tại xương bị thương sưng nhức không nằm ngồi được rất khó thở, nếu có vết thương cần thận trọng giữ gìn tinh sạch, khử trùng kỹ, vì rất dễ bị vi trùng Đòn gáu xâm nhập vào nguy hiểm đến tính mạng.

Trị pháp : Phải dùng Hải-dồng-bì nấu rửa, dán Vạn-linh-cao, trong uống Chánh-cốt-Tứ-kim-don.

Điều dưỡng : Ky ăn Tôm, Cua, Hải-vị, không nên ngồi lâu, thường vận động.

Những phương thuốc trị Trật-đà thương bộ phận ; Ngực, Bụng, Lưng

HỒ-TÍCH-CỐT-THANG

1) *Phương thuốc :* Hồ-tich-Cốt 1 lượng, Sanh-địa 8 chỉ, Toái-bồ 3 chỉ, Tự-nhiên-đồng 2 chỉ, Đương-Quy 4 chỉ, Khương-huot 2 chỉ Câu-tich-thảo 4 chỉ, Hồng-hoa 2 chỉ, Huyết-kiệt 1 chỉ, Sanh-lộc-giác 1 lượng.

Xắc 3 chén nước còn 1 chén uống ấm.

Chủ trị: Bộ phận xương sống bị thương, cột cứng cuối ngữa khó chịu.

生	血	紅	狗	羌	當	然	碎	生	虎	虎
鹿	竭	花	脊	活	歸	銅	補	地	脊	脊
角	一	二	四	二	四	二	三	八	骨	骨
一	錢	錢	錢	錢	錢	錢	錢	錢	一	湯

KHAI-HUNG-TRỤC-Ú-THANG

2) *Phương thuốc* : Xuyên-kim 3 chỉ, Đào-nhơn 2 chỉ, Hương-phụ 3 chỉ, Cương-bì 4 chỉ, Hạnh-nhơn 2 chỉ, Điền-thất 2 chỉ, Kiết-chánh 2 chỉ, Xuyên-hậu-phát 2 chỉ.

Nước 2 chén xác còn 1 chén uống ấm.

Chủ-trị: Trị bộ phận Ngực bị ứ tắc, thở đau.

桔梗	北杏	香附	川金	開胸逐瘀湯
二錢	二錢	二錢	三錢	
川朴	田七	薑皮	桃仁	
二錢	二錢	四錢	二錢	

ĐIỀU-TRUNG-THANG

3) *Phương thuốc* : Sa-nhơn-xác 1 chỉ, Huyền-hồ 2 chỉ, Hoát-hương 2 chỉ, Bán-hạ 3 chỉ, Ngũ-linh-chỉ 2 chỉ, Bồ-hoàng 2 chỉ, Giáng-hương 2 chỉ, Phục-linh 4 chỉ, Quất-hồng 2 chỉ, Chích-thảo 1 chỉ.

Xắc 2 chén nước còn 1 chén uống ấm.

Chủ-trị: Bộ-phận Ngực, Dạ-dày bị thương làm oẹ mửa, dày-trường.

火草	橘紅	茯苓	降香	蒲黃	五靈脂	法夏	藿香	延胡	春砂壳	調中湯
一錢	二錢	四錢	二錢	二錢	二錢	三錢	二錢	二錢	一錢	

SÀI-HỒ-HƯỢT HUYẾT THANG

4) *Phương thuốc*: Sài-hồ 2 chỉ. Đơn-bì 3 chỉ. Bạch-thược 3 chỉ. Huỳnh-cầm 3 chỉ. Cam-thảo 1 chỉ. Hương-phụ 2 chỉ. Chỉ-xác 2 chỉ. Tô-mộc 2 chỉ. Sơn-dương-huyết 3 chỉ. Thanh-bì 2 chỉ.

Xắc 2 chén ruối nước còn 1 chén uống ấm.

Chủ-trị: Trị bộ-phận hông đau dày-trường, phát nóng lạnh nhức đầu, xoay xẩm.

青皮	山羊血	蘇木	枳殼	香附	甘草	黃芩	白芍	丹皮	柴胡	柴胡活血湯
二錢	三錢	二錢	二錢	二錢	一錢	三錢	三錢	三錢	二錢	

THÔNG HẠ TRỰC Ứ THANG

5) *Phương thuốc*; Sanh-quân 4 chỉ. Chỉ-thiết 3 chỉ. Hậu-phát 2 chỉ. Đào-nhơn 2 chỉ. Diền-thất 2 chỉ. Mộc-hương 2 chỉ. Hậu-phát 3 chỉ.

Chủ-trị: Trị bộ-phận bụng bị thương đau nhức, Đại-tiện không thông, dùng để trực ứ huyết.

朴	木	田	桃	川	枳	生	通
硝	香	七	仁	朴	實	軍	下
三	二	二	二	二	三	四	逐
錢	錢	錢	錢	錢	錢	錢	瘧
							湯

HỒ PHÁCH HƯỢT-HUYẾT-THANG

6) *Phương thuốc* : Hồ-phách 2 chỉ. Xa-tiền tử 3 chỉ. Mộc-thông 3 chỉ. Đào-nhơn 2 chỉ. Hươt-thạch 6 chỉ. Cam-thảo 1 chỉ. Bồ-hoàng 3 chỉ. Hồng-hoa 2 chỉ. Quy-vỷ 3 chỉ.

Xắc 2 chén nước còn 1 chén uống ấm.

Chủ-trị : Trị bụng dưới bị thương, đau nhức, tiêu tiện bể.

歸	紅	蒲	甘	滑	桃	木	車	琥
尾	花	黃	草	石	仁	通	前	珀
三	二	三	一	六	二	三	子	末
錢	錢	錢	錢	錢	錢	錢	三	二
							錢	錢
								活血湯

THANH-THƯỢNG Ủ-HUYẾT-THANG

7) *Phương thuốc* : Khương-hươt 1 chỉ. Độc-hươt 1 chỉ. Liên-kiều 1 chỉ. Kiết-cánh 1 chỉ. Chỉ-xác 1 chỉ. Xích-thược 1 chỉ. Đương-Quy 1 chỉ. Chi-tử 1 chỉ. Huỳnh-cầm 1 chỉ. Xuyên-khung 1 chỉ. Cam-thảo 1 chỉ. Đào-nhơn 1 chỉ. Hồng-hoa 1 chỉ. Sanh-dịa 1 chỉ. Tô-mộc 1 chỉ. Đại-hoàng 1 chỉ.

Xắc 3 chén còn 1 chén thêm vào 1/2 chung rượu 1/2 chung nước tiêu uống.

Chủ-trị : Làm cho thông huyết hòa khí.

清上瘀血湯

羌活	一錢	紅花
獨活	一錢	蘇木
連召	一錢	大黃
桔梗	一錢	一錢
枳壳	一錢	生地
當歸	一錢	一錢
赤芍	一錢	一錢
甘草	一錢	一錢
黃芩	一錢	一錢
山枝子	一錢	一錢
川芎	一錢	一錢
桃仁	一錢	一錢

消下破血湯

柴胡	一錢	川芎	一錢	大黃	一錢	赤芍	一兩	當歸	一兩	枝子	一錢	五靈脂	一錢	木通	一錢	枳實	一錢
牛必	一錢	紅花	一兩	澤蘭葉	一錢	蘇木	一錢	生地	一錢	黃芩	一錢	桃仁	一錢				

TIÊU-HẠ PHÁ-HUYẾT-THÀNG

8) Phương thuốc : Sài-hồ 1 chi, Đại-hoàng 1 chi, Xích-thược 1 chi, Đương-quy 1 chi, Chi-tử 1 chi, Mộc-thông 1 chi, Chỉ-thiệt 1 chi, Ngũ-linh-chi, 1 chi Hồng-hoa 1 chi Ngưu-lắt 1 chi, Trạch-lang-diệp 1 chi Tô-mộc 1 chi, Sanh-địa 1 chi, Hoàng-cầm 1 chi, Đào-nhơn 1 chi.

Xắt 3 chén nước còn 1 chén hòa nước tiêu và rượu 1/2 chung uống.

Chú-trị : Phương này phá ứ huyết chỉ thống

GIA-GIÀM-TỬ-KIM-ĐƠN

9) Phương-thuốc : Phục-linh 2 lượng, Thương-truật(sao) 2 lượng
Đương-quy 4 lượng, Thực-dịa 4 lượng, Bạch-thược 4 lượng, Trần-bì
4 lượng, Đinh-hương 1 chỉ, Nhục-thung-dung 1 lượng, Hồng-hoa 5
chỉ, Huyết-kiệt 3 chỉ. Nhũ-hương 3 chỉ. Mật-dược 3 chỉ.

Các vị tán mịn mật hòa hoàn 2 chỉ mỗi lần uống 1 hoàn với rượu.

Chủ-trị : Hoàn này trị bị thương lâu. Chỗ ngực női cao lên cơ nhục gầy ốm, bèn trong bị ứ huyết, đầy trướng phát ho, suyễn.

加減紫金丹
茯苓二兩 肉蓴蓉一兩
蒼朮二兩 紅花五錢
當歸四兩 血竭三錢
熟地四兩 乳香三錢
白芍炒四兩 没藥三錢
陳皮四兩
丁香一錢

ĐÔ-TRẠCH-THANG

Bố-trong 5 chi;

Trach-lang 3 chū

Tuc-doan 4 chí.

Hai-dong-bi 3 chí.

Hồng-hoa 2 chǐ;

Quy-vû 3 chî,

Hương-phu 2 chí

Xuvèn-gia-bì 4 chí.

Nhắc 3 chén nước còn 1 chén uống ấm.

Phương pháp này trị vùng eo lưng bị thương đau nhức rất hay.

杜仲五錢
澤蘭三錢
川斷四錢
海桐皮四錢
紅花二錢
歸尾三錢
香附二錢
川加皮四錢

LÊ ĐỘNG-HOÀN

11) *Phương thuốc* : Ngưu hoàng 1 chỉ rưỡi, Băng-phiến 2 chỉ Xạ hương 2 chỉ rưỡi. A-ngùy 1 lượng, Hùng-hoàng 1 lượng. Đại hoàng 2 lượng. Nhĩ-trà 2 lượng. Thiên-trúc-hoàng 2 lượng, Tam-Thất 2 lượng, Huyết-kiết 2 lượng Nhũ-hương 2 lượng. Mật-dược 2 lượng. Tất-huỳnh 2 lượng (chẽ) Sơn-dương huyết 5 chỉ.

Các vị tán mịn hòa mật ong 2 lượng và sáp ong 6 chỉ. Phân 2 loại 1 viên hoàn 3 phân, 1 viên 5 phân để trong ngoài dùng bạch lạp bao lại (nếu không có Sơn dương huyết dùng máu tim Dê). Mỗi lần dùng 1 hoàn uống với rượu ; 1 hoàn hòa rượu xức vết thương.

Chủ-trị : Phương này trị bị thương dao, kiếm ra máu ; hoặc Trật đả máu út làm công tâm hòn mè ; hoặc các thứ Ghẻ độc, Ung thư phát bối.

天竺黃二兩	兒茶二兩	生大黃二兩	雄黃一兩	阿魏一兩	射香二錢半	冰片二錢半	牛黃二錢半	藜洞丸
			藤黃二兩	沒藥二兩	乳香二兩	血竭二兩	三七二兩	

TIÊU-DIỆU-TÁN

13) *Phương thuốc* : Sài-hồ 7 phân (sao), Bạch-truật 1 chỉ, Phục-linh 1 chỉ. Đương-quy 1 chỉ, Bạch-thược 1 chỉ 5 phân (sao rượu), Chích-thảo 8 phân, Trần-bì 8 phân, Bạc-hà 5 phân, Gừng lùi 3 lát.

Xắt 3 chén nước còn 1 chén uống ấm.

逍遙散 柴胡七分 白朮一錢 茯苓一錢 寶歸一錢 白芍一錢半 炙甘草八分 陳皮八分 薄荷五分 煨羌三片

Bát-Tiên-Tiêu-Diêu-Thang (xem bì thương bộ phận Đầu, Mắt)

Gia-giām. Tô-tử Đào-nhơn-thang (xem bị thương Bộ phận Đầu, Mắt).

Vạn-linh-cao, Thúc-huyết-hoàn, Bát-ly-tán, Định-thống-tán Chánh-cốt Tứ-kim-Đơn (đều xem trước).

HÒA-TRUNG-PHỤC-NGUYỄN-THANG

Đào-nhơn	2 chỉ.	Hương. h	2 chỉ.
Sài-hồ	2 chỉ.	Cam-thảo	1 chỉ.
Bạch-thược	3 chỉ.	Thđ.-miết-trùng	1 chi.
Trạch-lang	2 chỉ.	Huỳnh-cầm	2 chỉ.
Nhũ-hương	1 chỉ ruồi	Một-dược	1 chỉ ruồi.
Xắc	2 chén nước	còn 1 chén uống ấm.	

Phương này làm thông huyết mạch giảm đau sưng nhức.

和中復元湯
桃仁二錢
香附二錢
柴胡二錢
甘草一錢
白芍三錢
土龜蟲一錢
澤蘭二錢
黃芩一錢
乳香錢半
沒藥錢半

TRÁC-BÁ-A-GIAO-THANG

Cõng-giao 4 chỉ. Ngầu-tiết 1 lượng

Sanh-dia 6 chỉ. Đơn-bì 3 chỉ.

Trắc-há-diệp 4 chỉ. Thiếu-căn 2 chỉ.

Xuyên-hồi 3 chỉ. Hành-nhơn 3 chỉ.

Xác 3 chén nước còn 1 chén uống ấm.

Phương này cầm ho ra máu, làm thông huyết tiêu sưng.

貢膠四錢
側柏阿膠湯
薦節一兩
生地一錢
丹皮三錢
側柏葉四錢
茜根二錢
川貝三錢
杏仁三錢

HỎ-CỐT-ĐỘC-HƯƠT-THANG

Hồ-cốt 1 lượng. Độc-huot 3 chỉ.

Sanh-lôc-giác 1 lưỡng. Đồ-trọng 4 chi.

Tuc-doan 4 chi. Sanh-dia 5 chi.

Tam-thất 2 chi. Long-cát 8 chi.

Xác 3 chén nước còn 1 chén uống ấm.

Phương này trị chấn thương sỗng bị gãy cúp làm thông huyết mạch tiêu sưng đau.

虎骨獨活湯
虎脊骨一兩
獨活三錢
生鹿角一兩
杜仲四錢
川斷四錢
生地五錢
三七二錢
龍骨八錢

NGẠI-THÓ-THANG

Phương thuốc : Ngại-diệp (thuốc cứu) 1 lượng, Dấm thanh và nước 4 chén nấu còn 2 chén dùng trước xông sau rửa.

Phương này làm thông huyết mạch.

ĐỊNH-THỐNG-CAO

Phương thuốc : Lá Phù dung 2 lượng, Tử-kinh-bì 2 chỉ. Đỗ hột 5 chỉ. Sanh-nam-Tinh 5 chỉ. Bạch-chỉ 5 chỉ,

Tán mịn dùng hành và rượu hòa đậm nhuyễn xào đắp.

Như vết thương bầm đen, không phá miệng gia thêm Thảo-ô 3 chỉ, Nhục-quế 3 chỉ, Cao-lương-cương 3 chỉ. Tán mịn hòa nước gừng đắp. Như hết vết hầm hổ Lương-cương Nhục-quế, Thảo-ô không dùng nước gừng. Chỉ dùng nước hành đậm nhuyễn đắp chỗ xương gãy hay trặc khớp, gia thêm Các-căn-bì 2 lượng, Tạo-giác 10 trái và 1 lượng Cám đậm chung với thuốc và nước tiêu, nước gừng bó xương với nẹp cây ; đến hết sưng nhức thay thuốc khác. Nếu còn thì không thay.

Công dụng : Phương này làm cho giảm đau nhức và tiêu sưng.

白	生	獨	紫	芙蓉	定
芷	南	活	荆	蓉	痛
五	星	五	皮	葉	散
錢	五	錢	五	二	
	錢		錢	兩	

HỒ-PHÁCH-TÁN

Phương thuốc : Hồ-phách 3 chỉ. Hải-kim-sa 3 chỉ. Mật-dược 3 chỉ Bồ-hoàng 3 chỉ (sao).

Tán mịn mỗi lần uống 3 chỉ. Dùng vị Thông-thảo dùng làm thang uống trước khi ăn.

Công-dụng : Phương này thông tiêu tiện, phá ứ kiết, trị đi tiểu đau, ra máu.

蒲黃炒三錢	沒藥三錢	海金沙三錢	琥珀散
-------	------	-------	-----

ÍCH-MÂU-CAO

Phương thuốc : Ích-mâu-thảo, cả cây rè, bỏ vào cối đá đập. Dùng vải vắt nước. Cao thành cao hòa đường cát keo lại uống với rượu, mỗi lần dùng 1 muỗng.

Công dụng : Vị Ích-mâu. Hành ứ hụt huyết nên trị bị thương làm huyết ứ tích trệ, trời mưa gió hay đau nhứt. Rất công hiệu.

BỐ-CÂN-HOÀN

16) *Phương thuốc* : Ngũ-gia bì 1 lượng, Xà-xàng-tử 1 lượng, Trầm-hương 1 lượng, Đinh-hương 1 lượng, Xuyên-ngưu-tất 1 lượng, Phục-linh 1 lượng, Nhụy-sen 1 lượng, Nhục-thung dung 1 lượng, Thổ-tư-tử 1 lượng, Thục-địa 1 lượng, Đơn-bì 1 lượng, Mộc-quả 1 lượng, Chánh-hoài 8 chỉ, Quảng-mộc-hương 3 chỉ, Sâm 3 chỉ, Dương-quy 1 lượng.

Các vị tán mịn mặt hoàn 3 chỉ, mỗi lần uống 1 hoàn với rượu.

Công dụng : Hoàn này bỗ gân, trị bị thương gân hoặc té gân, treo gân làm đau nhức, sưng bầm, trong lúc bị thương, hay sau trị rồi đau nhức gân đều dùng công hiệu.

肉從蓉一兩當歸一兩	蓮蕊一兩	茯苓一兩	牛必一兩	丁香一兩	沉香一兩	蛇牀子一兩熟地一兩	五加皮一兩兔絲子一兩	補筋丸
		人參三錢	木香二錢	正懷八錢	木瓜一兩	丹皮一兩		

GIA-GIĂM-BỎ-CÂN-HOÀN

17) *Phương thuốc* : Đường-quy 1 lượng, Thục-địa 2 lượng, Bạch-thược 2 lượng, Hồng-hoa 1 lượng, Nhũ-lương 1 lượng, Phục-linh 1 lượng, Cốt-toái-hồ 1 lượng, Trần-hì 2 lượng, Mật-dược 3 chỉ, Đinh-hương 5 chỉ, Tân-mat mật hoàn uống với rượu.

Công dụng : Thuốc này cũng bồ gân như thuốc trên nhưng làm tan huyết ứ nhiều hơn, như bị thương ít đau nhức dùng phương trên, nếu đau nhức lâm dùng phương này.

當歸一兩
熟地二兩
白芍二兩
紅花一兩
乳香一兩
茯苓一兩
骨碎補一兩
陳皮二兩
沒藥三錢
丁香五錢

CHỈ-THỐNG-TÁN

18) *Phương thuốc* : Phòng-phong 1 chỉ, Kinh-giới 1 chỉ, Đương-quy 1 chỉ, Ngại-điệp 1 chỉ, Đơn-bì 1 chỉ, Thăng-ma 1 chỉ, Khô-sâm 2 chỉ, Hạt-sắc 1 chỉ, Thảo-cốt-thảo 2 chỉ, Xích-thược 2 chỉ, Xuyên-tiêu 3 chỉ, Cam-thảo 8 phần,

Các vị tán sơ bỏ vào vải bao lai nấu xông nữa.

Công dụng : Phương này làm hết đau hổng sưng, Thông huyết mạch trừ Phong hàn.

止痛散
防風一錢 川椒三錢
荆芥一錢 甘草八分
當歸一錢
艾葉一錢
丹皮一錢
升麻一錢
鶴虱一錢
苦參二錢
透骨草二錢
赤芍二錢

BÌNH-THƯƠNG-THANG

19) Phương thuốc: Điện-thất 3 chỉ, Tiêu-hồi 2 chỉ, Nhũ-hương 2 chỉ, Mật-dược 2 chỉ, Sơn-chi 2 chỉ, Hương-phụ 2 chỉ, Mộc-thòng 3 chỉ, Trach-lang 2 chỉ.

Xắc nước 2 chén còn 1 chén uổng ấm.

Công dụng: Tri Âm bộ bị thương đau nhức.

平傷湯
田七三錢
小茴二錢
乳香二錢
沒藥二錢
山枝二錢
香附二錢
木通三錢
澤蘭二錢

PHUC-THÂN-THANG

Phuc-thần 1 lưỡng Ngưu-Tất 5 chỉ.

Xuyên-đoạn 4 chǐ. Mộc-quá 4 chǐ

Nhữ hương 2 chữ Một-dược 2 chữ.

Dương-quy 5 chỉ. Bach-thuoc 3 chỉ.

Điều-thất 2 chǐ.

Xắc 3 chén nước còn 1 chén uống kèm.

Phương này trị bộ phận chân bị thương đau nhức, di động khó khăn rất hay.

蓆神湯
牛必五錢
川斷四錢
木瓜四錢
乳香二錢
沒藥二錢
當歸五錢
白芍三錢
田七二錢

THÔNG-MẠCH-THANG

Điền-thất 3 chǐ Đơn-bì 3 chǐ
 Ký-nô 3 chǐ Sanh-địa 5 chǐ
 Dương-quy 5 chǐ. Bạch-thược 3 chǐ
 Huyền-hồ 2 chǐ Hương-phụ 2 chǐ
 Chi-tử 2 chǐ Cam-thảo 8 phân
 Nước 3 chén Xắc còn 1 chén uống ấm.

Phương này làm thông mạch huyệt huyết, tiêu sưng bớt đau nhức

甘	枝	香	玄	白	當	生	寄	丹	田	通
草	子	附	胡	芍	歸	地	奴	皮	七	脉
八	二	二	二	三	五	五	三	川	三	湯
分	錢	錢	錢	錢	錢	錢	錢	錢	錢	

SÂM-TÔ-ÂM

Cao-ly-sâm 3 chǐ (xắc trước)

Tò-mộc 3 chǐ. (Bỏ vào nước xác sau)

Nước 1 chén rưỡi xác còn 1 chén uống ấm

Trị người già suy nhược bị thương không cần công phá nhiều
nên dùng phương này (cũng như Sâm-tô-thang trước).

蓴	當	參
木	麗	蘇
三	參	錢
錢	三	

TIÊU-THỦNG-HƯỢT-HUYẾT-THANG

Tử-kinh-bì	2 chǐ.	Quy-vỹ	3 chǐ.
Hồng-hoa	3 chǐ.	Cương-huỳnh	1 chǐ.
Ngũ-gia-bì	3 chǐ.	Đại-hoàng	3 chǐ
Sơn-giáp	2 chǐ.	Nhũ-hương	2 chǐ.
Trạch-lang	3 chǐ.		

Nước xác rửa chỗ vết thương.

Phương này làm hụt huyết, tiêu sưng nhẹ.

澤 乳 山 大 五 羌 紅 歸 紫 消	腫
蘭 香 甲 黃 加 黃 花 尾 荆 活	皮
三 二 二 三 皮 一 三 三 皮 血	湯
錢 錢 錢 錢 三 錢 錢 錢 錢	

HỒ-PHÁCH-HÒA-THƯƠNG-THANG

Hồ-phách	3 chǐ.	Đào nhơn	2 chǐ.
Đơn-bì	3 chǐ.	Y-vĩ-nhơn	1 lượng.
Nhũ-hương	2 chǐ.	Huyết-kiệt	1 chǐ.
Xa-tiền-tử	3 chǐ.	Cam-thảo	8 phân.
Bồ-hoàng	2 chǐ.		

Nước 3 chén xác còn 1 chén uống ấm.

Phương này hụt huyết chỉ thống lợi tiêu tiện tiêu sưng.

蒲 甘 車 血 乳 茄 丹 桃 琥 琥	珀
黃 草 前 竭 香 仁 皮 仁 珀	和
二 八 子 一 二 一 三 二 三	傷
錢 分 三 錢 錢 兩 錢 錢 錢	湯

III — BỊ THƯƠNG BỘ PHẬN TAY CHÂN

Toàn bộ phận Tay bị thương sưng đau nhức, động đến càng đau, khó co duỗi, cách trị ngoài dùng thuốc đắp dán như các bộ phận trước, trong uống *Thông-mạc h-thang* gia Quế-chi 2 chỉ, Cương-huỳnh 1 chỉ.

Toàn bộ phận Chân bị thương sưng bầm tím đau nhức, đi đứng khó khăn, cử động càng đau nhức, Trị-pháp ngoài dùng thuốc đắp dán trên, trong cho uống *Phục-thần-thang*.

Tay chân bị thương ngoài sự dùng thuốc trên nếu còn đau nhức僵, cần dùng thêm *Hải-dồng-bì-thang* xức bóp cho bớt đau, và cơ gân được huyệt thì giảm thể bệnh mau hồi phục.

Trên đây là cách trị bị thương nhẹ thông thường ; nhưng khi Lâm sàn trị Trật-dã, thì cách trị gãy xương hong gân rất quan hệ nên cần phân biệt từng bộ phận áp dụng thủ-pháp và trị-liệu.

A. Tay bị thương gãy xương: Phần bộ xương và chung trạng đã nói rõ, các bộ phận xương : Đai-vai, xương Cánh-tay, Khớp cùi chõ, Xương ống tay (Xương tay quay, xương tay trụ). Xương cườm tay, Xương ngón tay. Tất cả từng đoạn xương, ống Xương có thể bị gãy lìa hay bể nát, đều cần phải xem xét kỹ mà phân biệt trị :

1) Bị thương gãy xương Đai-vai

Xương Đai-vai bị thương, hoặc bể, gãy xương Đòn-gánh, hoặc trật khớp xương vai, hoặc bể xương bã-vai, tất cả đều làm cho khớp vai sưng lõm, Cánh tay xuôi xuống ra phía sau, không đưa lên được, Huyết ứ lại ở cánh tay, cùi chõ, làm sưng thủng, bên nách đau nhức khỗ sở, lâu ngày chõ vết thương có thể làm mủ, Ống tay Cườm tay lạnh ngắt, té cứng, có khi chõ gãy bể lời xương ra ngoài. Vậy cần xem xét kỹ để định phương thức trị áp dụng thủ pháp, vì nếu sửa trị không đúng, không tiếp nối liền xương, đúng khớp, cơ gân bị sai lệch, cánh tay bị bại xuôi lưu tật suốt đời.

Trị pháp : Cách sửa trật khớp thì trước dùng thuốc *Ma-phat Phất-tán* xoa cho té, đẩy vào cho ăn khớp, nếu bể gãy cần nắm sắp cho chính liền lại, như vai tay bị gãy, trước hết cần để dưới nách bình nhơn 1 cái gối tròn đỡ xương vai cao lên, để cánh tay ngang qua ngực dùng thủ pháp sửa sau đây :

Đè bịnh nhơn ngồi vững Y-sanh, ngồi phia sau lưng, tay mặt
nắm tại cùi chõ, đứng cho vai lây động; tay trái ấn ngón cái trên
xương đòn gánh, tùy thế xương gãy sa phia trước hay phia sau mà
áp dụng thủ pháp đưa lại cho chính, bây giờ mẫn mò xem vết
thương đã liền ngay thẳng chưa, rồi dùng thuốc đắp hay dán ngoài,
dùng vải băng lại giữ vững, trong cho uống thuốc (hặc dùng *Hải-*
đồng bi-thang xức rữa, rồi dùng *Vạn-linh-cao* dán; trong uống *Bồ*
cân-hoàn.)

Điều dưỡng : Kỵ ăn đồ sanh-lãnh, gà vịt, tôm cua, giữ yên tĩnh
không nên cử động mạnh chõ vết thương bị lây động.



Cách đẩy sửa xương
Đai-vai gãy (Tōa-cốt)

Đây là cách trị 1 bộ phận xương Dai-vai, cần xem xương nào
hoặc xương đòn-gánh, trước, hay xương hông-vai sau, hoặc xương mõ
qua mà áp dụng thủ pháp tương tự.

2) Bị thương gãy xương cánh tay (Hoảng-cốt)

Xương cánh tay hoặc vì tai nạn hay đánh-dập và chạm mạnh
bị gãy đoạn hay bể nát, thường biến hình, sưng thủng vỏ lực, sờ
đến có tiếng xương kêu, cánh tay cụt hơn (dùng cốt độ pháp đo) bị
thương nặng cũng làm cho tâm-thần sợ-sệt, một bên thân lạnh te,

Trị pháp : Phải xem-xét, măm mò trên dưới, trước sau nhẹ-nhé nắn gân định cách *Chánh-cốt-pháp* hoặc nhắc, nối lại, hay nắn xương bề cho liền dùng thuốc đắp dán; dùng cây tre đăng bó lại, nên nhớ đăng bó cây không nên đè cây đè phía trong chỗ động mạch huyết-quản làm trở ngại sự tuần-hoàn, cũng cần cắp cây cho vừa tầm từ vai đến cùi chỏ, không nên quá dài hay quá vắn, làm vướng hoặc không thông-suốt, sau phải dùng vải băng treo giữ trước ngực không được đè lây động.

Trong cho uống Rượu giấm cua cho tan ứ, hoặc *Chánh-cốt tử kim-dơn*, như sưng ứ đau nhức thì dùng *Tiêu-thũng hươt-huyết thang*, hay *Tán ứ hòa-thương-thang*, rửa xức trong cho uống *Tiếp cốt thông mạch-thang* gia Quế-chi 2 chỉ, Cương-huỳnh 1 chỉ.

Điều dưỡng : Kỵ ăn lõi cua, gà vịt, đè ngỗng, và đồ sanh lanh. Không nên làm việc gì quá nặng, thường sau khi bình lành rồi cũng cần nghĩ dưỡng hơn một tháng (như nhắc vật nặng, hay lao động nặng) vì nếu vận động quá sớm dễ phục phát.

Cánh tay xương bị gãy bề lành sau thường bị ứ máu nên khi trời thời tiết hay phát đau nhức, vậy cần thường phục Ích-mẫu-cao đến khi không còn đau nữa mới trừ được hậu hoạn.

3. – **Bị thương lợi cùi chỏ**

Khớp cùi chỏ, bị gãy lợi tức lòi đầu xương ra ngoài, rất đau nhức. Bị thương té chóng tay vặn ra sau đều cần xem hình thái chiết thường lòi ra thế nào mà áp dụng thủ pháp *Chánh-cốt* hoặc đẩy tới trước, hay kéo thẳng ngay cho chỏ xương lòi ra ăn khớp vào, xem xương cánh tay hay xương ống tay có bị gãy không, đê định cách sửa chữa cho ngay liền ; dùng thuốc đắp, dán và dùng cây dẹp đăng bó lại, nên kẹp cây, bên trong cho dài từ trên khớp xuống đến đầu ngón tay. phía ngoài từ trên khớp xuống đến cùi chỏ, băng lại giữ cho vững không được lây động. (Cần băng treo).

Thủ pháp : Có thể áp dụng như trị Trật khớp cùi chỏ (xem hình thủ pháp sửa trật-khớp sau).

Thuốc cũng có thể dùng như phương trị gãy xương trên, dùng thuốc té xoa (sưng nhức cũng dùng *Hải-đồng-bì thang* xức rửa ; và dùng *Vạn-linh Cao* dán bó, trong uống *Chánh-cốt Tử Kim-dơn*).

Điều dưỡng : Nên đứng cử động ; Kỵ ăn đồ sanh lanh.

4) Bị thương gãy xương ống tay

Xương ống tay từ cùi chỏ đến cùm tay có 2 xương (xương tay quay, xương tay trụ) 1 cái nhô, 1 cái lớn ; Bị thương có khi gãy 1 cái ; có khi gãy cả hai ; thường bị thương tích ứ huyết sưng nhức :

Trị pháp : Dùng thủ pháp Chánh-cốt phải mắn mò nhận định cho kỹ ; tùy hình thái chiết thương nắn đầy lại cho liền ngay thẳng thê xương mới dùng thuốc đắp dán ; sau lấy cây nẹp băng bó, vải băng treo gù cho chắc khỏi lây động ; sau 3 ngày, mở ra xem lại ; nếu chưa băng sát cơ gan ; có thể mắn nắn lại cho được y nguyên trạng và thay thuốc đăng bó, trong cho uống *Chánh-cốt tử Kim đơn*.

Điều dưỡng : Ky ăn đồ sanh lạnh ; và không nên vận động sơ thương cơ gan sau thành cố tật.

Nếu mới lành còn đau nhức ; tức vết thương chưa được bình p'ục ; cần uống thuốc thêm và dùng thêm *Ích-mẫu-cao* đến khi không còn sợ di hậu hoạn nữa mới được.

5) Bị thương gãy xương cùm tay

Xương cùm tay bị gãy, bể, bộ phận này nhiều đốt xương nhô ; hoặc bị lìa xương cùm tay ra hay bể, l, 2, đốt ; làm cho cùm tay, bàn tay sưng lên, luồn cả ngón tay, dùng Thủ-pháp Chánh-cốt cần mắn mò ấn cho liền xương ; ăn khớp lại (xem mục sửa trật khớp sau).

Trị pháp : Trong cho uống *Chánh-cốt-tử kim đơn* ; ngoài đắp thuốc dán *Vạn-linh-cao*, nếu cùm tay bị thương chuyền ra phía sau cũng cần dùng Thủ-pháp sửa lại cho chỉnh rồi dùng cây đăng bó lại, từ trên cùm tay đến ngón tay giữa cho khỏi lây động, và dùng vải băng treo lên vai cho êm.

Điều dưỡng : Ky ăn đồ Hải vị, và động phong.

Nếu quá sưng nhứt cũng dùng thuốc xéc rửa như trước hay *Hải-dồng-bì thang* để làm cho cơ gan mềm điệu, máu huyết lưu thông.

6.— Bị thương 5 ngón tay

Năm ngón tay bị thương, hoặc bị gãy, dập phẵn nhiều tai nạn liên quan cả bàn tay, nếu tung ngón thì dễ áp dụng thủ-pháp Chánh-cốt, nhưng nếu cả bàn hay dập nát, rất khó trị, vì làm sưng

thẳng cả bàn, cũng thường hay hóa mủ, lóng xương lại nhỏ dẽ bẽ nát, tiếp nối khó khăn, nên sau hay thành tật, hoặc cong co vào, hoặc đơ thẳng cứng.

Trị pháp : Cần nhận xét từng bộ phận, hoặc xem luôn cả xương bàn tay mà nắm ấn cho xương liền lại, dùng thuốc đắp, dán, cay nẹp đắp bó và cũng cần hăng treo lên cõi đè được giữ cho vững khỏi lấy động, thông thường nên tránh khỏi làm mủ dùng Tán-ú-Hoa-thương-thang xức rửa, và Vạn-linh-cao dán, trong uống Nhơn-sâm Tử-kim-don.

Điều dưỡng : Cần giữ tránh vận động, ky ăn gà, vịt, tôm, cua và đồ sanh lanh.

B. Chân bị thương gãy xương: Phần bộ xương và chứng trạng đã nói rõ các bộ phận chân: Xương Đai-hông (Xương-bồn) Xương Đầu, xương bánh chè đầu gối xương ống chân, xương cườm chân Bàn chân và ngón chân. Tất cả từng đoạn xương g, ống xương có thể bị gãy lià hay dập nát, đều cần phải xem xét kỹ mà phân biệt trị.

1) Bị thương vùng xương Đai-hông :

Phía trong chỗ xương chậu, xương hòn, chỗ bộ phận này trong là Bọng đại, Cơ quan sinh dục và Ruột, nếu bị thương hẽ làm tiểu tiện không thông; bụng dưới đau, không đứng được; thận như bị cúp ho, thở cũng đau; thật là một thương chứng khó trị: trước cho uống Hươn-hòn trật đã-hoàn hoặc Thất-ly tán sau uống Hồ-phách hòa thương-thang; ngoài tùy dùng thuốc rửa đắp dán như trị bộ phận ở bụng.

Phía ngoài chỗ xương Bàn-toa cũng gọi là Hoàn-khiêu-cốt, tức chỗ huyết-Hoàn-Khiêu; xương này bị thương làm sưng thủng hầm liên hệ đến xương Đầu nên không đi đứng được, hoặc đi cũng xiêu vẹo như bị bại.

Trị pháp : Trước tiên, nên uống Chánh-cốt tử kim đơn và dùng Hải-đồng-bì xức rửa dùng Vạn-linh-cao dán ngoài. Trường-phục Kiên-bộ-hồ tiêm-hoàn, cũng dùng thuốc té trên sára xương lại.

Điều dưỡng : Ky ăn tôm, cua, đồ sanh-lanh

Nên nhớ: Bị thương Bộ phận xương này dồn bên trong hay bên ngoài sau khi lành rồi cũng không nên hành động đi đứng nhiều làm thương tổn trở lại; nếu không uống Kiên-bộ hồ tiêm hoàn mà cứ diễn trì không trị gấp thì về sau thành tật.

2) Bị thương gãy xương Đùi

Xương Đùi là xương lớn hơn hết toàn bộ xương, lại cũng là bộ phận chống đỡ cả toàn thể cơ thân; Nếu bị thương dập; bầm không thể xem như những bộ phận xương khác; người lớn tuổi bị gãy thì khó liền lại; vì chất vôi của xương (chất sinh cốt) ít, nhỏ tuổi bị gãy; chất sinh cốt còn nhiều có thể trị liền lại được. Vẫn lại bộ phận Đùi cơ thịt cũng nhiều nên phát sưng to lên; khi huyết còn sung thịnh thì dễ trị, nếu quá lao tồn suy hư càng khó trị.

Trị pháp : Vì bộ phận cơ nhục quá hậu; nên Y-sanh mẩn mòn, ăn năn (*Chánh-cốt-pháp*) phải cố gắng nối tiếp xương cho đúng khớp hai đầu xương gãy; nếu trường hợp hễ tà, đầu, hay dập cũng phải ăn năn sao cho bình xương đúng nguyên hình, không nên đẽ lồi lõm. Dập dán thuốc, dăng bó cây, dùng vải băng phải băng 2 khoanh cả trên và dưới chỗ bị thương; chỗ đầu gối và ống chân cũng băng lại để giữ thẳng chân không cho cất nhắc, thuốc dấp, dán ngoài dùng như các phương trên, hay *Vạn-linh-cao*, trong hàng ngày đều cho uống *Chánh-cốt-tử kim đơn* hoặc *Tiếp-cốt thông mạch-thang* gia Hò cốt 1 lượng. Ngưu tất 4 chỉ, Huỳnh bá 3 chỉ. Trong thời gian ba ngày nếu có trạng thái gì sợ tiếp xương không chính, có thể mở ra xem lại; ăn năn cho thật ngay hình xương rồi dăng bó băng lại cho đến khi lành hẳn.

Điều dưỡng : Cấm tuyệt làm lụng; cất nhắc chân, kỵ ăn đồ sanh lạnh, Hải vị, sau khi lành rồi, đi đứng còn hơi đau; cần uống *Kiện-bột hổ tiêm-hoàn*; Trường phục đến không cảm nhận còn đau đớn gì nữa mới mang về sau không sanh biến-hậu.

3) Bị thương bể hay trật lồi xương đầu gối

Chỗ khớp đầu gối nối 2 xương Đùi và xương ống chân; có 1 cái xương nhỏ tròn dẹp nằm úp tại hai đầu xương giữ cho chân khỏi quặt về đằng trước; gọi là xương bánh chè đầu gối.

Cơ gân đầu gối lại có 2 cơ gân lớn phía trước trên chạy từ đầu gối lên Đùi đến bụng sườn, dưới chạy đến ống chân bàn chân (xem hình về giải phẫu cơ gân chính) phía sau lại có gân co quặt đùi gối.

Trường hợp bị thương xương bánh chè liên quan đến 2 gân này nên làm sưng thủng cả đến bên đùi và trong nhượng cát. Bị thương có khi bể mảnh xương này hay trật lồi ra; phải xem rõ hình trạng mà áp dụng thủ pháp sửa chữa.

Trị pháp: Trật khớp cần **Ấn** từ từ cho liền khớp xương bánh chè với 2 đầu xương (sẽ giải mục trật khớp và đồ hình sau) ngoài đắp dán băng lại phải làm thêm 1 cái vòng tròn như cái kiền cột chỗ đầu gối băng giữ cho khớp đầu gối vững chắc, nếu xương bị bầm vào thịt, động đến đau và có tiếng cọ xát cần giải phẫu gấp mảnh ra vì thường hay làm sưng nhức; hóa mủ. Dùng thuốc đắp, dán như các thương chứng trên; Nếu không lòi ra ngoài, cần ấn lại cho liền khớp.

Điều dưỡng: Đầu gối bị thương dùng thuốc nén ky ăn đồ sanh lạnh, và tránh đầm mưa gió, kéo sau này thường hay đau nhức khi trời tiết, trong uống *Bồ-Cân-hoàn*, nếu trường hợp có mủ cần dùng *Định-thống-tán* cứu và khi hết mủ, còn miệng thương thì dùng *Sanh-cơ cao-dán* cho lành miệng.

4.— **Bị thương gãy xương ống chân**

Xương ống chân có 2 cái: (Kinh cốt, Phì cốt) tức xương chánh và xương phụ.

Xương chánh bị gãy: Trong các trường hợp tai nạn nếu xương này bị gãy, thường bị đâm lũng ra ngoài, (vì xương lớn và cứng) tức gãy làm hai đoạn mà bật ra ngoài thương cả da thịt làm vết miệng thương lớn, chảy máu nhiều người suy nhược, có thể nguy hiểm đến tính mạng.

Trị pháp: Cần phải dùng thuốc cầm máu (dã nôit trước) và trị vết miệng thương, dùng thủ pháp *Chánh-cốt*. Đề, Đoan, nhắc ấn cho xương vào ăn liền với nhau, từ từ nắn cho chính cốt và tiếp gần, khi xương liền lại, dùng thuốc đắp, dán và cây đặng bó bằng hai miếng cây 2 bên (I trong I ngoài) cho vững.

Xương phụ cốt bị gãy: Trường hợp tai nạn, nếu xương phụ bị gãy không đâm lũng lòi ra ngoài (vì xương nhõ hơn) cũng gãy làm 2 đoạn còn nằm bên trong, ít ra máu, trường hợp này có thể bị đập hoặc bầm mảnh, cần sắp chỉnh lại. Nhưng nhân vận động hay bị tai nạn va chạm mạnh mà cả 2 xương bị gãy thì rất nặng, theo xưa cho là khó trị lành cả được, vì cơ xương sinh cốt khó sanh liền tiếp cả 2 xương.

Vây cách chữa trị bộ phận xương ống chân nên mẫn mò nhận định kỹ mà áp dụng thủ pháp *Chánh-cốt*, điều cốt yếu cũng phả

Nам cho 2 đoạn xương lia ra được ghép lại liền với nhau sau mới dùng thuốc đắp, dán, dăng bó giữ cho ngay, trong uống thuốc **Chánh-cốt-tử-kiêm đơn**, và cũng uống thêm **Kiên-bộ-Hỗ-tiềm hoàn**, Cao dán cũng dùng **Vạn-linh-Cao**, hay **Tiếp-cốt-cao**.

Điều dưỡng : Kỵ ăn thịt gà, vịt, dê, đồ Hải vị động phong. Sau khi lành cũng cần điều dưỡng, không nên chạy nhảy, đi nhiều sạ sau này phục phát làm đau nhức.

Trường hợp bị gãy xương chánh ráo máu nhiều, người suy nhược quá lâu bình phục, tức vì thiếu máu cần điều dưỡng và uống **Bát-trân-thang** để bồi bổ sức lực.

5) **Bị thương gãy chỏ xương mắt cá chân**

Trong các tai nạn cũng thường có nhiều trường hợp gãy, bể chỏ khớp mắt cá chân; bộ phận này cũng rất quan hệ vì là chỏ khớp xương ống chân và xương bàn chân, hai bên khớp xương lồi ra là mắt cá trong, mắt cá ngoài, trường hợp trật khớp bể làm cho bàn chân cúp vẹo, cơ gân bị vặn lại; làm đau nhức động đến bàn chân càng đau kịch, nếu trị không đúng cách; khớp xương không liền lại thì di đứng vẹo thành tật.

Trị pháp : Cần ăn nắn cho ăn khớp hai bộ phận đầu xương liền nhau thủ pháp như trật khớp mắt cá chân (giải sau mục trặc khớp) Nếu bể có lồi ra ngoài mảnh vụn cần gấp ra; các mảnh còn bên trong ăn lại ăn liền với nhau; dùng thuốc đắp dán và dăng bó cây; băng vải giữ lại cho vững, troig ba ngày mở ra xem lại, cần nắn ăn cơ gân cho chính mới có thể hồi phục được, sau cũng dùng thuốc và dăng bó lại đến lành hẳn. Trong uống **Chánh-cốt-tử kim-dơn**; chđ sưng dùng **Hải-đồng-bì thang** xéc rữa và dùng **Định-thống-tán** cứu; cũng cần trường phục **Kiên-bộ hổ tiềm hoàn**

Điều-dưỡng : Kỵ ăn đồ sanh lạnh cần nghỉ điều-dưỡng, không nên di đứng sớm quá sau thành tật.

6) **Bị thương xương bàn chân.**

Xương bàn chân có nhiều xương nhỏ liền khớp với nhau bị thương nếu đập nát bể vụn cũng khó trị lành nguyên trạng và vì cơ gân liên tiếp với các ngón nên có thể ngón chân bị co rút; trường hợp bị thương làm sưng thủng cả bàn chân, ngón chân, nếu bể nát khó lành sau thành tật hư vẹo cả bàn chân.

Trị-pháp : Dùng thủ pháp *Chành-cốt*, nhè nhẹ ấn nắn từng đốt **xương** cho liền lại; nắn cho các gân được hươt lại dùng *Hải-đồng-bì-thang* hoặc *Bát-tiên-tiêu diêu-thang* xức rữa, dán *Vạn-linh-cao* băng bó lại, trong uống *Kiên-bô-hỗ-tiềng-hoàn*, *Bồ-cân-hoàn*.

Điều-dưỡng : Không nên đi nhiều, cẩm chảy nhảy, ky ăn gà; vịt dẻ, tôm cuà, và Hải vị động phong. Xương bàn chân bị thương cần trường phuc *Bồ-cân-hoàn* đến khi nào lành bình hết đau nhức mới bình phục hẳn.

7) **Bị thương lối các ngón chân.**

Xương ngón chân bị thương gãy lồi khớp, di đứng khó khăn, thường cũng sưng nhức; trường hợp như các ngón tay, nên cách trị ấn khớp liền lại, hay sắp cho ăn khớp bê lia và băng bó cũng giống như trị các ngón tay bị thương. Dùng *Hải-đồng-bì-thang* xức rữa dán dấp đứng thuốc như trước, cho uống thuốc cần dùng thường *Kiên-bô-hỗ-tiềng-hoàn* và cũng cần điều dưỡng như trị các vết thương trên.

8) **Bị thương bể xương gót chân.**

Xương gót chân, cũng rất quan hệ đối với bàn chân, vì chỗ **xương** chịu đựng giữ mắt cá khớp xương phụ cốt ống chân xới xương bàn, có cơ gân nối từ trên nhượng chân xuống đến bàn liên hệ đến cơ gân Đầu hán, giữ chân di vững không xiêu vẹo và giữ bàn chân thuận phía trước.

Xương này thường khi tai nạn bị té ngựa, té xe, hoặc trên cao té xuống gót chân va chạm mạnh dễ bị thương hoặc bể, làm bàn chân vẹo lại, các ngón chân cúp xuống đầu không bị thương nặng không bể nát, chân cũng không đứng được.

Nếu trường hợp bị bể nát cũng rất khó trị lành nguyên vẹn.

Trị pháp : Cần sắp xương lại cho ăn khớp nhau; với ống chân nắn cơ gân từ trên nhượng chân và bàn chân chuyền lại cho ngay; dùng *Hải-đồng-bì*, *Định-thống-tán* xức đậm; *Tiếp-cốt-cao*, *Vạn-linh-cao* dán, băng bó lại; trong uống *Chành-cốt tử kim đơn*.

Điều dưỡng : Kỵ ăn đồ sanh lanh; trái cây, trường phục *Hồ-tiểm-hoàn* vì xương này sau khi lành rồi cũng thường bị thương cơ gan chân nên cần điều dưỡng và uống thuốc nhiều để khỏi sanh hậu hoạn.

◆ Phụ chú : Trên đây là nói về phương pháp chữa trị tất cả các tai nạn bị thương, hoặc tùy bộ phận, hay toàn thể nên thận trọng án binh cho đúng và nhận định áp dụng thủ pháp linh hoạt trị ắt thành công. Ngoài ra đối với người thể chất suy yếu, cần phải dễ dặt dàng thêm thuốc bồi dưỡng trong lúc dùng thuốc công phật, như trên đã nói phương pháp trị liệu không ngoài nguyên tắc Hư, hổ Thiệt tả.

CÁCH CHỮA TRỊ TRẬT KHỚP XƯƠNG

Trật khớp : tức trật 2 đầu khớp xương ra ngoài, không liền với nhau.

Bộ phận xương đầu không có khớp nên không bị thương trặc khớp. Ngoài ra những chỗ khớp xương thường bị trật là :

- 1) Khớp xương hàm dưới bị trật tức xương hàm dưới trẹo qua 1 bên.
- 2) Trật khớp xương cổ, tức trẹo chỗ khớp xương trụ cổ và xương đầu.
- 3) Cụp trẹo đốt xương sống.
- 4) Trật khớp xương vai, tức chỗ 2 khớp xương Đại-vai và xương cánh tay.
- 5) Trật khớp xương cánh tay, tức xương Hoàng-cốt cánh tay và vai bị trật ra.
- 6) Trật khớp cùi chỏ, tức trật 2 khớp cánh tay và xương ống tay chỗ nối tiếp nhau ở cùi chỏ.
- 7) Trật khớp xương cùi tay (xương ống tay và bàn tay trật ra).
- 8) Trật các đốt xương ngón tay.
- 9) Trật khớp xương Bàn-tọa, tức chỗ khớp xương Đầu và Đại-Hồng.
- 10) Trật khớp xương Đầu-gối, tức xương Bánh chè đầu-gối bị lật lại, hay trật ra.
- 11) Trật khớp mặt cá, chỗ khớp xương ống chân và bàn chân trẹo ra ngoài.
- 12) Trật khớp xương bàn chân, ngón chân gót chân.

Tất cả các bộ phận khớp xương tiếp nối nhau bị trẹo qua, hay trật thoát ra có nhiều thứ như trật cả ra gọi là toàn thoát, Trật 1

bên, gọi là bắn thoát, trật ra phía trước, trật ra phía sau, trật vào trong, trật ra ngoài chứng trạng phức tạp khác nhau.

Thủ-pháp chữa Trật khớp xương cũng có nhiều cách, thường các chuyên gia về kinh nghiệm trị cũng có khác nhau, nhưng không ngoài nguyên tắc làm thế nào đưa được chỗ khớp bị trật ra liều lại, ăn khớp với nhau nguyên trạng thì nạn nhơn mới lành hẳn không thành lật.

Vã lại bị thương trật khớp thường nạn nhơn đau nhức cũng như bị gãy xương, nhưng khi áp dụng thủ-thuật trị đúng phương pháp liền lại thì hết đau ngay, trong thời gian 1,2 tuần nhứt lành hẳn, có thể vận động không lưu hậu hoạn.

PHƯƠNG PHÁP SỬA TRẬT KHỚP

Khớp xương trật ra thường chồ khớp biến hình, vận động khó khăn, khớp bị liệt, máu út làm sưng nhức; động đến càng đau kịch

Trị pháp: Sửa trật khớp cần thận trọng đừng làm cho bệnh nhơn sợ sệt, nên lấy lời khuyên nhủ họ, có thể cũng cần hơi chiểu nạn nhơn, kéo họ khùng khiếp quá, thủ thuật sửa kí ức nên quá kéo lén

Trước hết phải mần mò (Mặc pháp) để biết về phía nào, sau nhẹ nhẹ xoa bóp (Án-ma pháp) xung quanh chồ bị thương trong 5-6 phút để làm cho huyết mạch lưu thông, và cơ gan hót cẩn trương rồi xuất kỳ bất kỳ thiuth linh Nhắc, Đầy (Đề-Đoan pháp) dâng sức nhắc, kéo đầy vào cho ăn khớp lại. (cho sụp vào ăn khớp xương). bay giờ nghe có tiếng rắt là khớp đã phục hồi lại, nếu thật đúng thì bệnh thế bớt giảm; kết quả ngay; sau không cần dùng cây bó mà chỉ dùng thuốc cao dán, và lăng lại; lẹc lăng tico giữ chồ vững mỗi ngày thay thuốc và xoa bóp (hoặc dùng thuốc tê xoa súu) tránh không nên lây động sợ tái phát, thì sau này quen tánh mà trật lại.

1 — Sửa trật khớp xương hàm dưới

Hàm dưới thường trật, treo hoặc vì há hốc miệng quá, hoặc bị thương va chạm mạnh treo qua 1 bên. Có khi trật xuống từt hàm dưới trật khớp hàm trên, Tất cả đều làm cho miệng không mở, ngậm dễ dàng được. ăn uống, nói năng khó khăn.

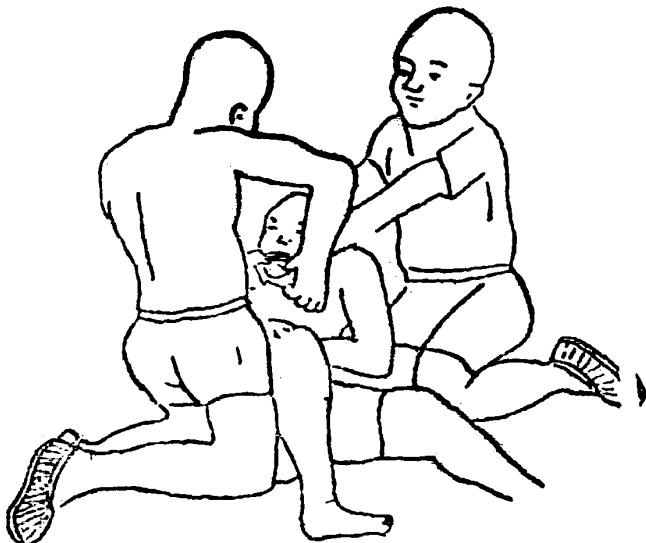
Trị pháp: Trước cần nắn bóp, nhẹ nhẹ, chồ khớp bị thương nắn co nhai cho mềm dịu rồi tùy tình trạng mà ấn vào trong, hay đầy

ra ngoài (xem hình thủ pháp) ; nghe 1 tiếng rắc là đã ăn khớp ; tức rắn mồi hợp lại nguyên trạng, tùy dùng thuốc cao dán và băng lụa. Như trường hợp bị trẹo hoài tức thuộc mang tánh, nên trường phục Cố thận thang. Xem 2 thủ pháp sửa sau đây :

1) Nội Thám-châu-pháp.

Thủ pháp : Cách sửa khớp trẹo bên trong.

Đè bệnh nhơn ngồi ngay, một người giúp phía sau lưng, dùng 2 tay giữ 2 bên xương Chẩm-cốt đầu, cùm tay ấn chỗ sau cổ. Các ngón tay nắm cho vững không cho lây động. Y-sanh 2 tay ấn hai ngón Cái vào trong miệng bệnh nhơn, đè nhặt định klop hàm bên trái, bên mặt, 4 ngón tay nắm móc dưới hàm dưới, trước dùng sức đầy mạnh xổng, rồi đưa lên nghe 1 tiếng rắc, tức 2 klop đã liền lại được ngay.

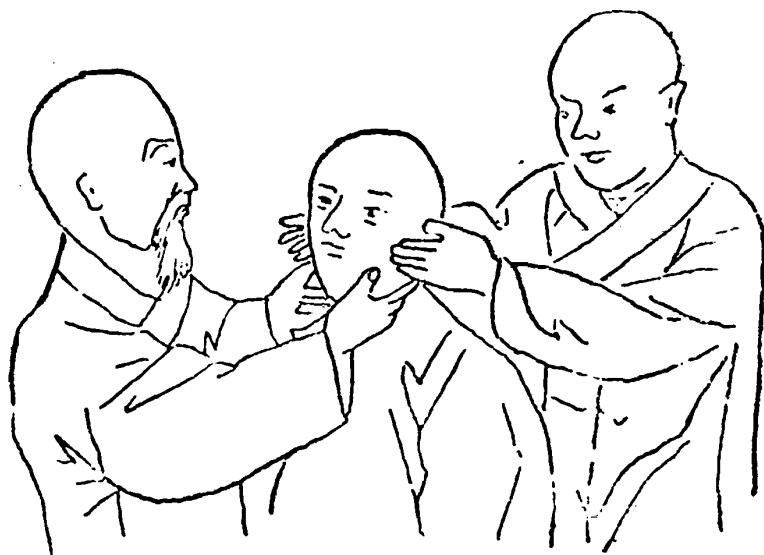


Cách sửa khớp hàm dưới trẹo

Ngoại-Thám châu-pháp.

Thủ-pháp : Cách sửa khớp trẹo bên ngoài.

Đè bệnh nhơn ngồi ngay, một người giúp hai tay kẹp giữ đầu không cho lây động, Y-sanh 2 tay cầm chỗ xương hàm má, chặn chỗ khớp Giáp-xa (khớp 2 hàm răng) rồi cũng tùy bệnh trạng, dùng sức đầy mạnh xổng rồi đưa lên, nghe 1 tiếng rắc tức hồi nguyên khớp lại ngay. (xem hình sửa II)



Cách sửa khớp hàm dưới trẹo II.

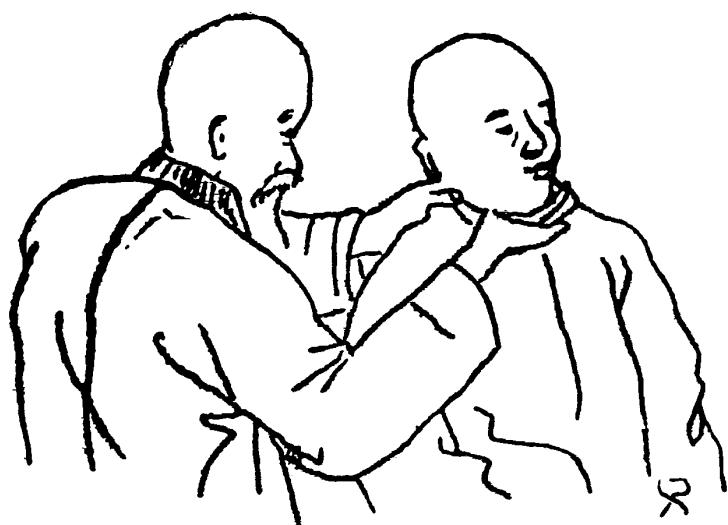
2) Sửa trật khớp xương cổ.

Xương cổ thứ nhất là Xương chổng nối với xương đầu, đốt thứ nhì là xương trụ dùng làm trục quay của đầu, (Khu-nuru) cổ, nhơn bị thương trật khớp tức trật chỗ khớp xương này. Chứng nặng làm hòn mè, nguy đến tánh mạng. Chứng nhẹ có thể trị được, chứng trạng đầu hoặt cúi gục xuống, tức chur trật thoát hẳn ra, ngoài cổ lunge thẳng đau, hoặt có khi trẹo qua bên trái, hay bên phải, không chuyễn động được.

Trị pháp : Y-sanh trước nhất cần Án-ma nấn bóp xem rồi án nhẹ chỗ bị thương, sau dùng thủ pháp bưng nhắc đầu lên gọi là *Phùng ẩn-pháp*, sửa cho ngay lại, ngoài dán *Thoát cửu-cao*; Dùng vải băng lại cho vững trong uống *Thoát-cửu-thông-mạch-thang* gia Lộc-giác 1 lượng.

Phương pháp sửa áp dụng 3 thủ-pháp sau đây

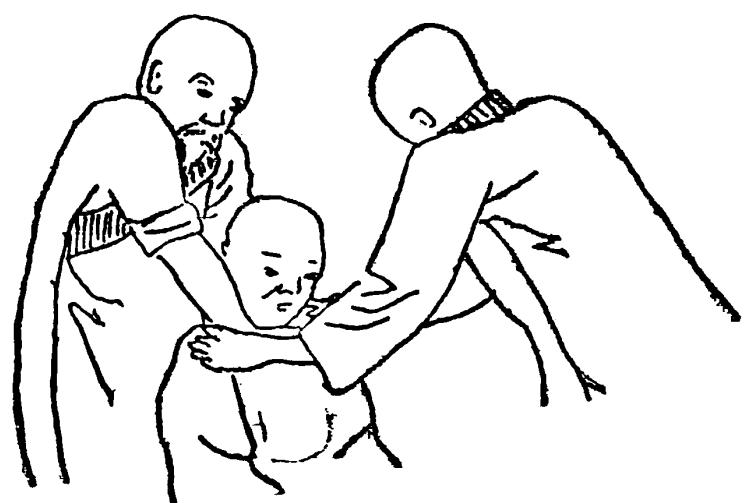
Đề bệnh nhơn ngồi ngay, một người giúp giữ 2 bên vai, Y-sanh đứng sau lưng, Tay trái nắm kẹp xương cổ; (Hồ khẩu tay ép chỗ xương cổ), đầu ngón tay cai ấn mạnh chỗ xương Châm-cốt sau đầu Tay mặt đỡ hàm dưới, 2 bàn tay trước sau làm thành vòng dưới cổ hàm, Tay trái bây giờ dùng sức nhắc từ dưới lên, tay mặt cũng từ dưới cất lên, 1 lượt với tay trái, bảo binh nhơn xoay qua trái, qua mặt 3 lần. (Y-Sanh dùng sức nhắc mạnh) lần lần đề xuông ngay cho thẳng cái đầu là đúng khớp.



Cách sửa trặc khớp xương cổ II.



Cách sửa trặc khớp xương cổ I



Cách sửa trặc khớp xương cổ

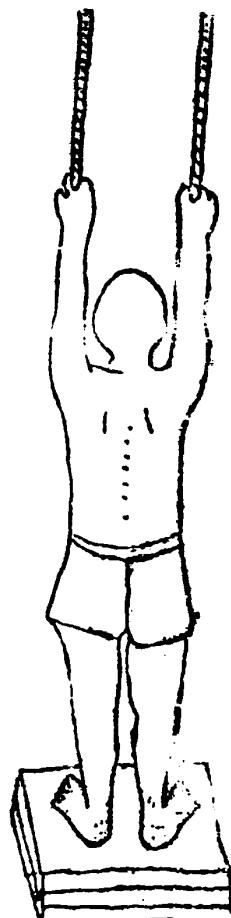
3) Sửa trật, cụp xương sống lưng.

Dốt xương sống lưng bị trật, làm cho thân người hơi cong phía trước, dốt sống lưng lồi ra không ngửa ra được, đau nhức khó chịu.

Trị pháp. Cũng cần sờ ám chỗ bị thương để xem rõ trạng thái trật, cụp như thế nào, sau dùng cách treo như dưới đây, không nên để đứng yên, hãy để nằm yên. Ngoài dán thuốc cao trên và cũng uống thuốc *Thoát-cửu-thông-mạch* *thang* già Lộc-giác 1 lượng.

Phương pháp sửa cách treo giây.

Bảo bình nhọn 2 tay nắm 2 đầu giây treo ; hoặc cột dưới nách treo lên rồi kéo lên cao, chân đứng thẳng dưới đế 3 viên gạch ; (chân bình nhọn đạp trên 3 viên gạch, cho thẳng lưng) Y-sanh dùng sức ép mạnh chỗ dốt sống lưng lồi ra ; vừa bảo người giúp lấy gạch lùi từ 1 viên, 2 viên, rồi 3 viên làm cho thân hình của bình nhọn lần lặp hạ chân sát xuống đất thì chỗ dốt xoay lại khớp vào ngay tại không cong nữa.



Cách sửa sai dốt xương sống

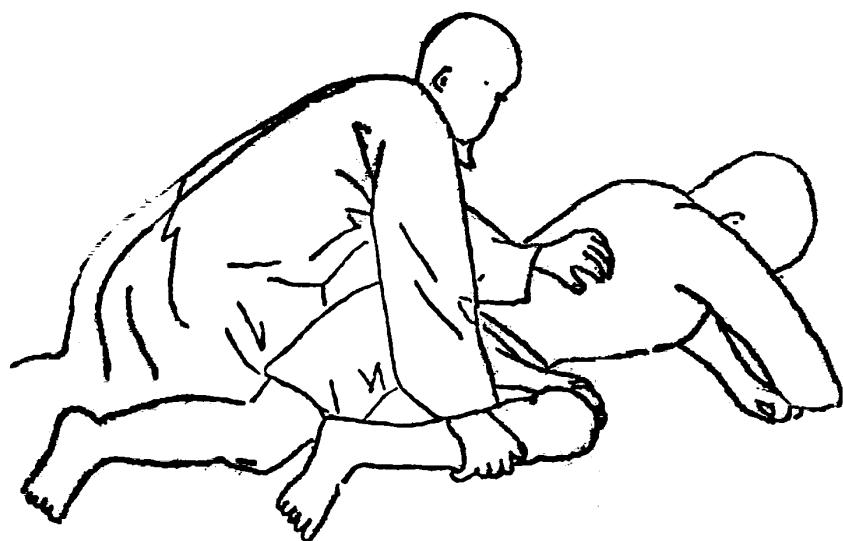
Cách sửa thứ hai

Đè bệnh nhơn đứng ngay, Y-sanh đứng sau lưng, tay mặt vòng dưới nách bên mặt bệnh nhơn, tay trái ấn chồ đốt lưng bị trẹo béo bệnh nhơn ngửa ra, bày giờ hai tay đều dùng lực 1 lượt, tay mặt kéo thân hình bệnh nhơn, tay trái ấn mạnh chồ đốt sống lưng, chuyền mạnh lì qua 1 cái thì chồ đốt hồi phục lại vị trí. (xem hình sửa đốt xương sống dưới đây).

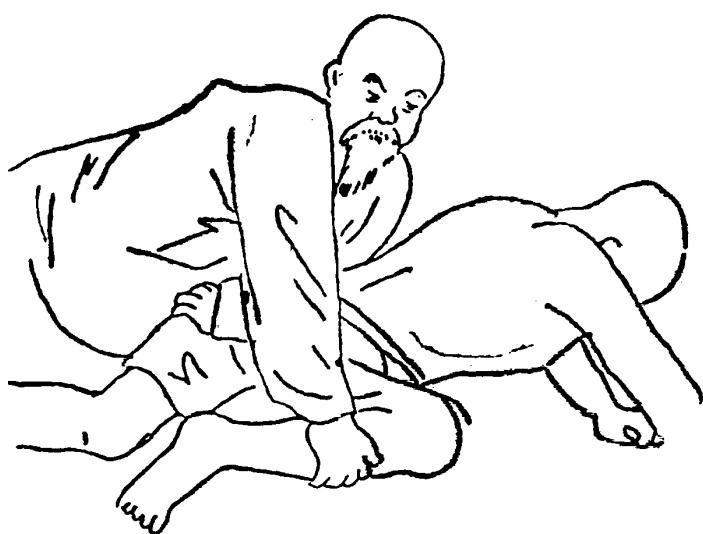
Hoặc : Đè bệnh nhơn nằm sấp xuống, ngay chân trái, co chân mặt lại, gót chân đè trên đầu gối chân trái, Y sanh ngồi sau lưng phía bên trái bệnh nhơn, dùng tay mặt nắm chồ đầu gối bệnh nhơn tay trái ấn cùm tay chồ đốt sống lưng bị thương. Tay mặt đầy mạnh đầu gối ra ngoài, đồng thời tay trái ấn chuyền đốt xương, (động tác hai tay cùng 1 lúc) cho đốt xương sống hồi phục lại vị trí. (xem 2 hình I và II).



Cách sửa sai đốt xương sống



Cách sáu cai cùp đốt sống lưng I



Cách sáu cai cùp đốt sống lưng II

4) Sửa xương đòn-gánh (Tòa-cốt) trật khớp,

Xương đòn gánh Đai-vai trật khớp có nhiều chứng trạng:

a) Xương đòn-gánh bị trật phía trước ngực, làm chỗ ấy lồi ra phía trước, đầu xương đòn gánh hạ xuống và cùp vào, Đầu ngéo 1 bên. Cầm tay nhắc lèn, đau đớn khó chịu.

Nếu bộ phận Ống Khi-quản bị nghẽn, làm thở khó, tiếng khàn hoặc nói không ra tiếng, cánh tay khó đưa lên nếu bị ép xương sườn ngực làm cho cả Khi-quản và Thực-quản bị nghẽn, thở khó, nuốt nước cũng khó khăn, Đầu hơi ngéo qua một bên.

b) Chỗ đầu xương Đòn-gánh và xương vai trật khớp thì 2 đầu xương này hoàn toàn lia ra, vai hơi trệ xuống, cánh tay không đưa lên được.

c) Đầu xương đòn-gánh phía ngoài trật tới trước, lồi ra, chỗ khớp cũng có lõm súng nách không đỡ lên được.

Vậy khớp Đai-vai thường bị trật khớp các trường hợp như trên, tuy chứng trạng hơi khác nhau đều dùng phương-pháp sửa khớp Cử-danh-nạp oa, cho liền khớp vào, ngoài dùng thuốc và băng như trên, trong cũng uống Thoát-cứu Throat-mach-thang.

Thủ-pháp Cử-danh nạp oa (1).

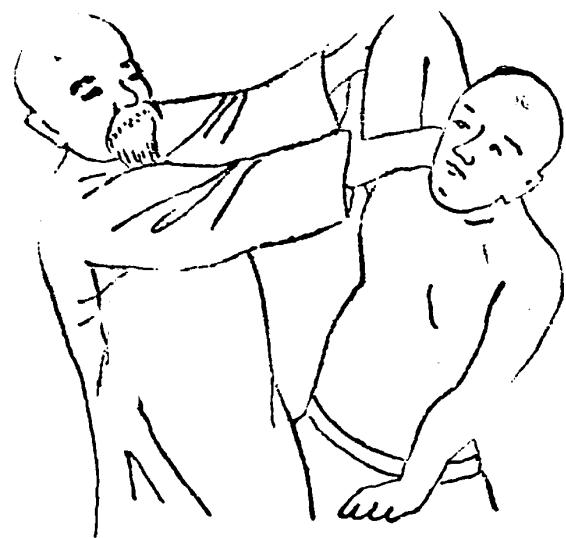
Bảo bình nhơn ngồi ngay, Y-sanh ngồi phía bên mặt dùng tay trái đỡ vai bình nhơn lên, tay mặt ăn bàn tay tại vai, đầu ngón tay cái chỗ xương vai, ngón tay cái ăn chỗ súng vai (chỗ 2 khớp xương, Kiên ngung) hoặc nhờ 1 người cầm giữ đùn cho lây động khớp xương vai, Y-sanh tay mặt nắm chặt khớp cùi chỏ, dùng sức kéo mạnh ra sau tai, đồng thời ngón tay trái ăn mạnh chỗ đầu khớp xương vai vận chuyển như vậy đoi ba lần, làm cho khớp xương vai phục hồi lại nguyên trạng. (xem hình I)

Thủ-pháp Cử danh nạp oa (2)

Bảo bình nhơn đứng thẳng, Y-sanh đứng ngay đối diện. Dùng tay mặt nắm tay bình nhơn vắt ra sau vai (chỗ huyệt Kiên-tỉnh) tay mặt cũng ăn chỗ khớp xương vai, vận chuyển tới lui, 2,3 lần làm cho khớp xương phục hồi lại nguyên trạng. (xem hình II)



Cách sửa trặc khớp xương
Đai-vai (Tôa-cốt) I,



Cách sửa trặc khớp xương
Đai-vai (Tôa-cốt) II

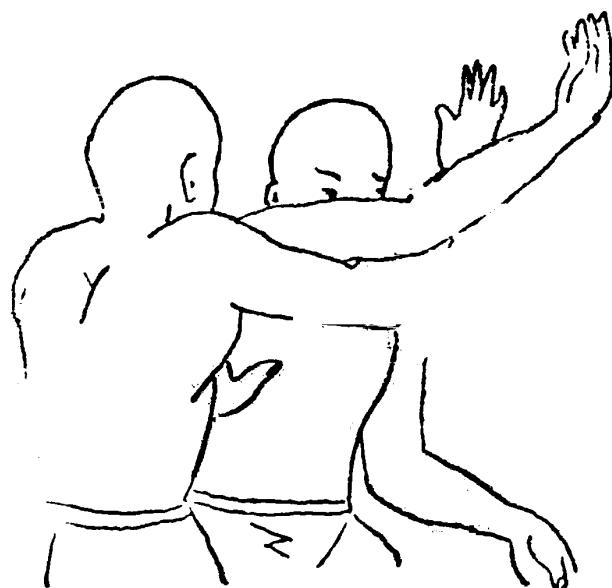
5) Sửa xương Bả-vai trật khớp.

Xương Bả-vai (Kiên-giáp-cốt) trật khớp thường xảy ra phía trước chỗ ấy hầm vào khôn, nồi lên, xương Bả-vai trật ra sau, lồi khớp nồi lên, xương cùm tay (Hoàng cốt) trật ra sau, cùi chõ co lại phía sau.

Trị-pháp : Cách sửa cũng cần Án-ma nắn bóp xem chứng trạng rồi dùng thủ-pháp Thôi-châu sau đây đẩy vào cho liền khớp, ngoài dùng thuốc dấp, dán nứu trên trong cũng cho uống như trên.

Thủ-pháp Thoát-trứu thôi-châu.

Đè bình nhơn đứng thẳng, Y-sanh đứng trước dùng tay bắn cung, tức chân bướm tới kèm chân bình nhơn đè thân người khỏi ngã lèy động, tay trái đập mạnh chõ xương Giáp-vai bốn ngón tay nắm chặc bả xương, cùm tay ấn một bên xương, tay mặt thọc dưới nách bình nhơn, nang cánh tay bình nhơn lèn (xem hình vẽ) làm cho cùi chõ thẳng ngay ra, dùng lực đẩy mạnh cùi chõ bình nhơn vật qua bên mặt, thừa thế đẩy khớp vào, (tay trái mấy ngón tay ấn mạnh sau khớp xương vai, đồng thời cùm tay cũng đẩy mạnh xương bả vai vào). Động tác này hai tay cùng một lúc tay mặt chuyển mạnh phía trước, tay trái ấn mạnh phía sau như thế khớp xương mới sụp vào liền lại được.



Ách sửa trặc xương Bả-vai

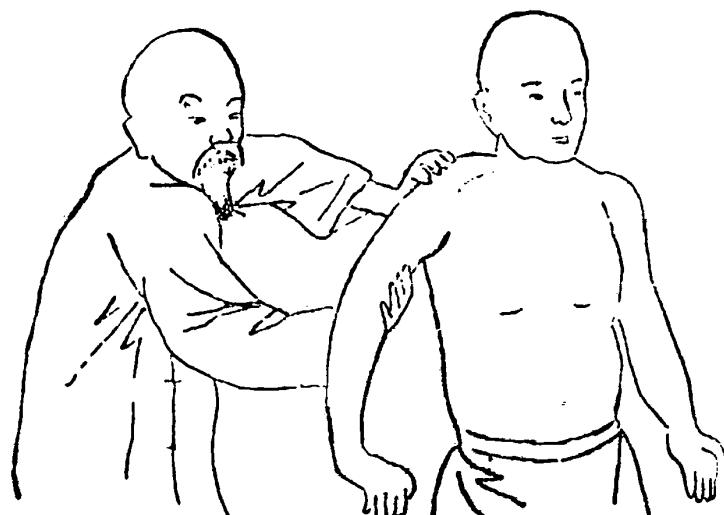
6) Sửa xương cánh tay trật khớp.

Xương cánh tay thường trật khớp, làm cho cánh tay không chuyền động được, cùi chỏ đưa ra ngoài không kéo sát vào sườn được, vai hơi thấp xuống, hoặc đầu xương cánh tay trì nặng xuống, chỏ ở nách hoặc hơi xiêu về phía trước hay xiêu ra phía sau, cánh tay hơi dài ra.

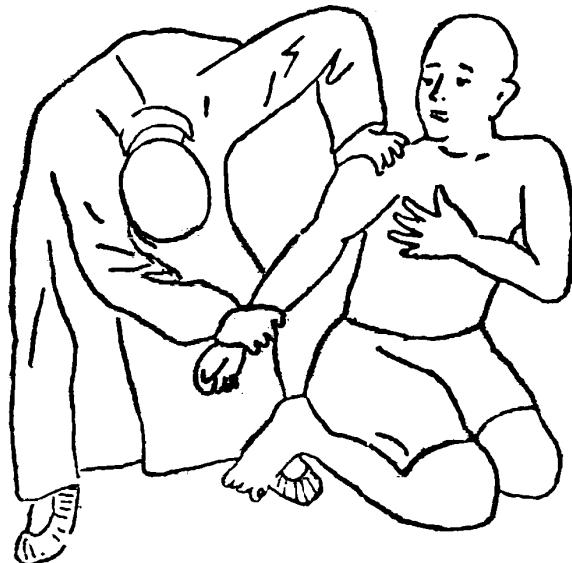
Trị pháp : Cũng áp dụng Án-ma pháp như cách trị các bộ phận trên, đồng thời dùng thủ pháp *Huỳnh-long* dưới đây để sửa cho chính khớp lại, ngoài cũng dùng thuốc đắp, dán như trên trong uống *Thoát-cửu-thông-mạch-thang* gia Quế-chi 2 chỉ.

Thủ-pháp Huỳnh-long

Trước để bệnh nhơn đứng thẳng, Y-sanh đứng phía sau lưng bệnh nhơn, dùng tay trái úp bàn tay ấn chỏ khớp xương vai, tay mặt (Hồ khâu bàn tay) nắm phía sau cùi chỏ, dùng sức đỡ nhẹ lên, để có thể vận chuyền cánh tay (Hình 1) Tay trái đồng thời giữ thế lấn mạnh tại khớp xương rồi tay mặt vận chuyền mạnh cùm tay qua (Hình 2) cho ngay khớp, tức làm cho khớp cánh tay tiếp liền vào khớp.



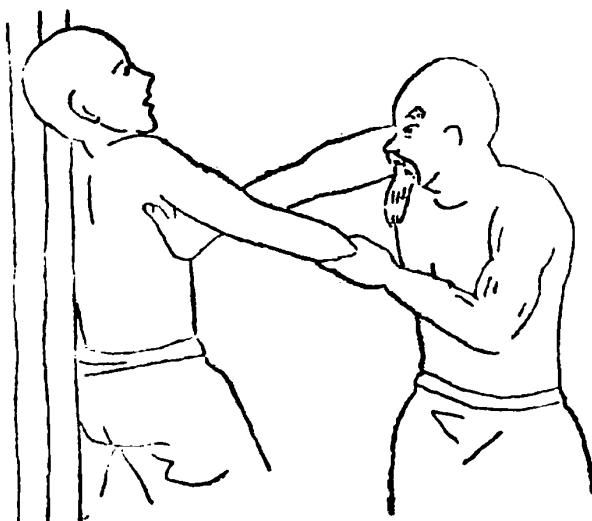
Cách sửa xương cánh tay trật khớp
(Hoàng cốt) I



Cách sửa xương cánh tay
trặc khớp (Hoàng cốt) II

Dùng cách sửa thứ 3 :

Để bệnh nhơn đứng thẳng người dựa vào vách, Y-sanh đối diện phía trước, dùng tay mặt ăn mạnh giữa chỗ nách sườn, tay trái nắm chắc phía ngoài sườn tay bệnh nhơn, dùng tay vặn chuyền cánh tay cho ăn khớp vai, phục hồi lại chính khớp. (xem hình dưới đây)



Cách sửa xương cánh tay trặc
khớp (Hoàng cốt) III

7) Sửa trật khớp xương cùi chỏ.

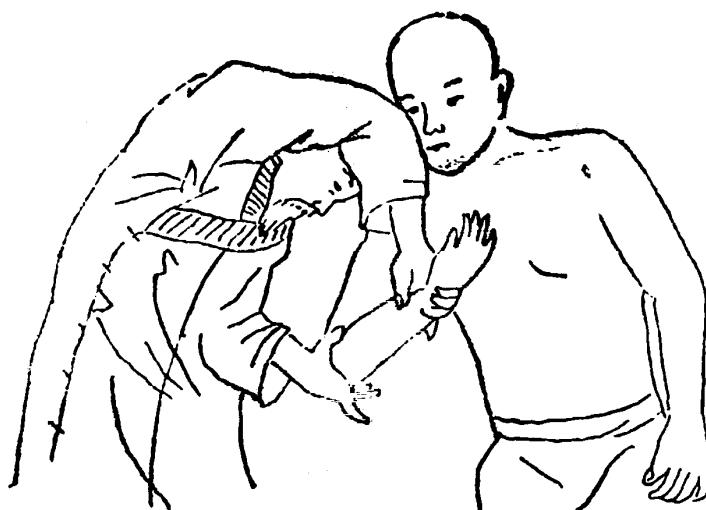
Khớp cùi chỏ thường tai nạn cũng rất dễ trật khớp, hoặc trật phía trước, hay trật phía sau, hoặc trật một nửa hay trật ra hết; tất cả thương chứng đều làm cùi chỏ và xương ống tay không ngay ra được, chỏ đầu khớp cùi chỏ lật ra ngoài, động đến đau nhức vô cùng

Trị pháp: Trước cũng dùng thủ pháp Án-ma như trị các bộ phận trên, dùng thủ pháp Bình trúu dưới đây đưa khớp liền lại, ngoài dùng thuốc đắp, dán và băng uổng như trên.

Thủ-pháp : Bình trúu pháp.

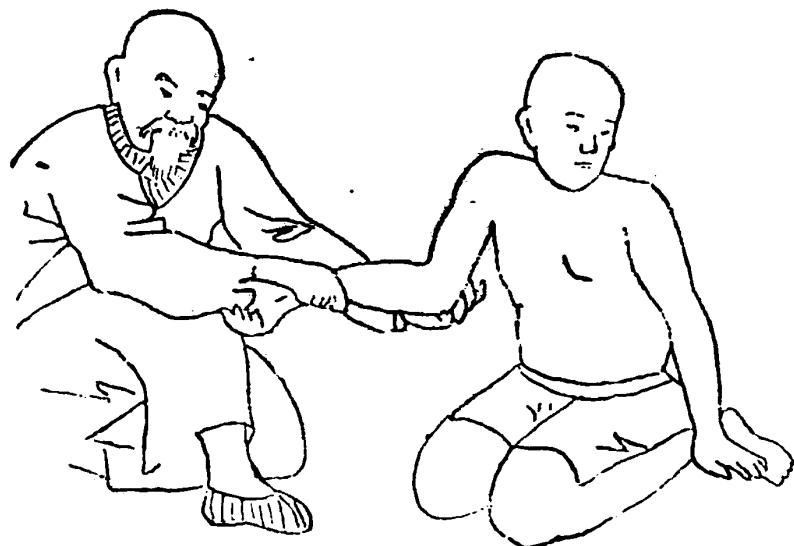
Thủ-pháp sửa khớp cùi chỏ có 2 cách :

1) Để bệnh nhân đứng thẳng, Y-sanh đứng trước bên phía cùi chỏ bị thương, thân người hơi nghiêng bên trái, tay mặt nắm cườm tay bệnh nhân, tay trái ấn dập chỏ khớp cùi chỏ (Hình 1)



Cách sửa trật khớp xương cùi chỏ I

Tiếp kéo cánh tay bệnh nhân thẳng ra, mà ấn mạnh tại cùi chỏ nghe tiếng cup; là khớp xương cùi chỏ đã liền vào khớp (Hình 2)

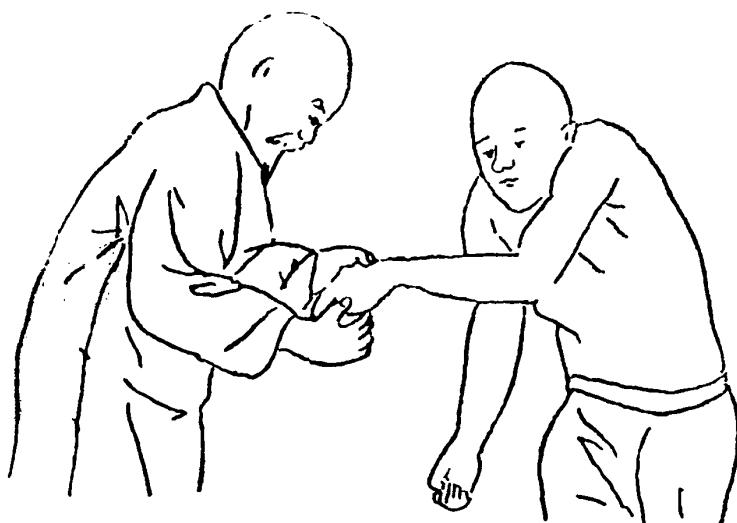


Cách sửa trặc khớp xương cùi chỏ II

8) Sửa khớp cùi chỏ trật khớp.

Cùi chỏ trật khớp vì trật đã thường thường trật ra ngoài, cả khớp cùi chỏ không chuyển động được, nếu vận sờ cũng đau nhức.

Trị pháp : Dùng thủ pháp Án-ma nắn bóp như trường hợp các bộ phận trên để định trật phía trên, hay phía dưới, rồi dùng thủ pháp dưới đây đây cho ăn liền khớp lại, ngoài cũng áp dụng, các phương thuốc và băng bó như trên.



Cách sửa trặc khớp xương cùi chỏ

Thủ pháp sửa khớp xương cùm tay :

Đè bình nhơn đứng thẳng, đưa tay ra, Y-sanh đứng trước ; Tay mặt nắm bàn tay bình nhơn, ngón cái trên, 4 ngón dưới bàn (nắm 4 đốt giữa ngón tay bình nhơn). Tay trái nắm chẽ khớp cùm tay kèm chắc giữa Hò-khâu và 4 ngón (xem hình trước) tay mặt kéo thẳng cùm tay, tay trái ăn maulh ngón cái tại khớp cùm tay bình nhơn, thừa thế dây mạnh vào cho ăn khớp.

9) Sửa các đốt ngón tay bị trật khớp.

Các đốt ngón tay trường hợp tai nạn cũng có khi trật ra làm ngón tay không co duỗi được, đau đớn khó chịu.

Trị pháp : Cũng cần nắn bóp nhẹ rồi dùng thủ-pháp sửa đốt ngón tay sau đây cho ăn khớp với nhau, và dùng thuốc dán, dấp và băng các ngón tay lại, trong uống thuốc như trên. (băng ngón tay xem hình băng trước).

Thủ pháp sửa ngón tay.

Đè bình nhơn ngồi ngay, Y-sanh ngồi trước mặt, tay trái nắm ngón tay bị thương (ngón cái trên, 4 ngón khác dưới) nắm chặt chẽ đốt bị trật, tay mặt dùng 2 ngón cái và trỏ, kèm ngay giữa ngón tay ấy, sau dùng sức co vào kéo ra mạnh làm cho đốt ngón tay sụp vào ăn khớp.



Cách sửa trật khớp ngón tay

10) Sửa xương Đùi trật khớp.

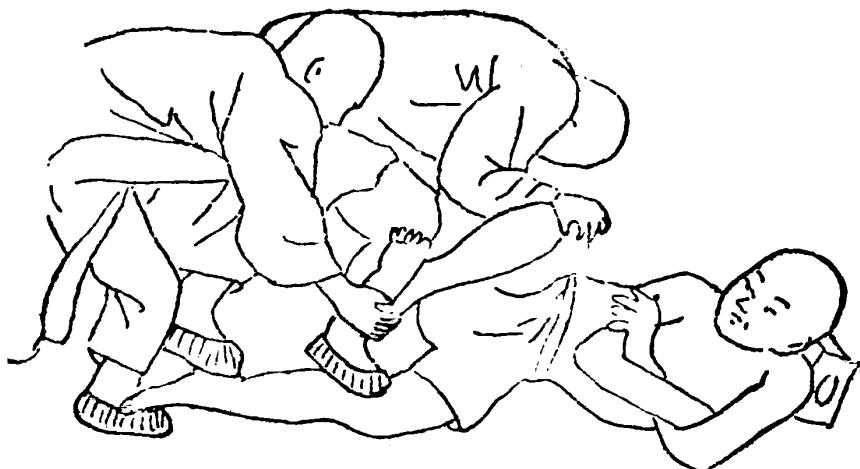
Chỗ khớp xương Đùi nếu bị tai nạn trật khớp thường làm xương Đùi trật lồi ra khỏi khớp Bàn-tọa đầu gối ngã dựa vào bên chân mạnh Bắp Đùi thâm ngắn lại, chỗ Bàn-tọa sưng nhức.

Trị pháp: Dùng Án-ma pháp để nhận định chỗ khớp lồi lên, sau dùng thuốc tè và phương pháp sửa đẩy cho khớp sụp vào, cũng dùng thuốc đắp, dán và Băng lại trong cho uống *Thoát-cứu-thông mạch thang* gia Ngưu-tắt 3 chỉ, Mộc-quá 3 chỉ, Hô-cốt 1 lượng.

Thủ-pháp sửa khớp có 2 cách :

1) Để bệnh nhân nằm ngửa, một người giúp cùng Y-sanh đứng xiên 1 bên, (xem hình) người giúp khum lưng nằm góp chân bị thương, để cùng hành động theo động tác của Y-sanh.

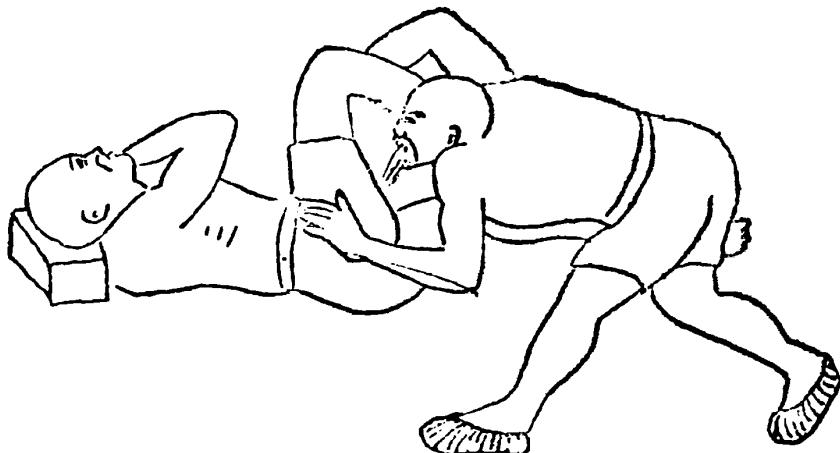
Y-sanh cũng khum lưng dùng tay mặt ấn trên đầu gối, tay trái ấn mạnh cùm tay tại khớp xương Đùi Bàn-tọa, rồi kéo ra đẩy vào (người giúp cũng đẩy góp chân theo động tác của Y-sanh) cùng lúc ấy Y-sanh thừa thế ấn tay trái mạnh vào cho đúng khớp thì liền lại ngay.



Cách sửa trặc khớp xương Đùi I.

2) Để bệnh nhân nằm ngửa, Y-sanh khum lưng dùng tay trái ấn tại đầu khớp xương Đùi, Tay mặt nắm chặt tại dưới khuỷu đầu gối, dùng thế nâng lên cho khớp xương Đùi nằm ngay trong lòng

bàn tay trái, sau đó vỗng chân lên đỡ sườn ngực dưới vú rồi kéo ngay ra, đồng thời ăn bàn tay trái mạnh chỗ khớp cho sụp vào, cùng một lúc tay mặt cũng thừa thế nhẹ nhè đẩy tới cho ăn khớp liền lại. (xem hình dưới đây).



Cách sửa trật khớp xương Đầu II

11) Sửa trật khớp xương Đầu-gối.

Khớp đầu gối có xương Bánh-chè giữ chân khỏi lật phía trước; trường hợp đầu xương đùi bị gãy, làm đầu xương này trật ra ngoài khớp chứng trạng thường trật về phía trước, hay phía sau.

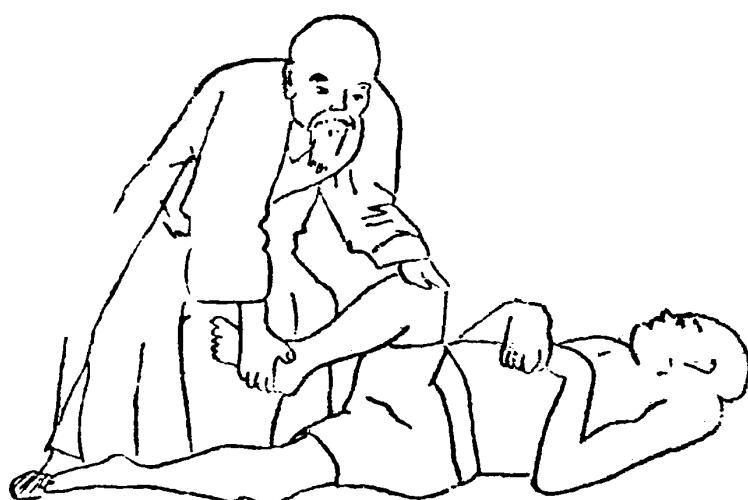
a) Trật về phía trước thì dưới đầu gối sờ được xương ống chân (*Kinh-cốt*). Đầu dưới của xương Đùi lồi ra phía sau, Khớp đầu gối ngắn lại, không vận động được.

b) Trật về phía sau chứng trạng trái lại, đầu dưới xương Đùi cùng với xương bánh chè lồi ra trước mà đầu xương ống chân (*Kinh cốt*) trật ra ngoài khớp.

Trị pháp : Phương pháp sửa trước hết cần phải dùng Án-ma pháp xem chứng trạng và xoa bóp cho gan mềm dịu lại, rồi dùng thủ pháp *Binh-Quý Hồi- oa* sau đây mà sửa cho liền khớp lại, ngoài cũng dùng thuốc đắp, dán như trị các chứng trên, và băng giữ lại, trong cũng cho uống thuốc *Thoát-Cửu-thông-mạch-thang* như trên.

Thủ-pháp Bình-quý Hồi-oa :

Đè bình nhơn nằm ngửa, Y-sanh đứng phía bên ngoài, hơi khum lưng tới trước, dùng tay trái ấn tại khớp đầu gối (trên xương bánh chè), tay mặt nắm chắc gót chân, (xem hình) từ từ đẩy lên, rồi đặc mạnh xuống vừa nhắc lên, cùng một lúc tay trái cũng dùng sức kéo lên cho xương Đầu sụp vào khớp.



Cách sửa trặc khớp xương Đầu gối I.

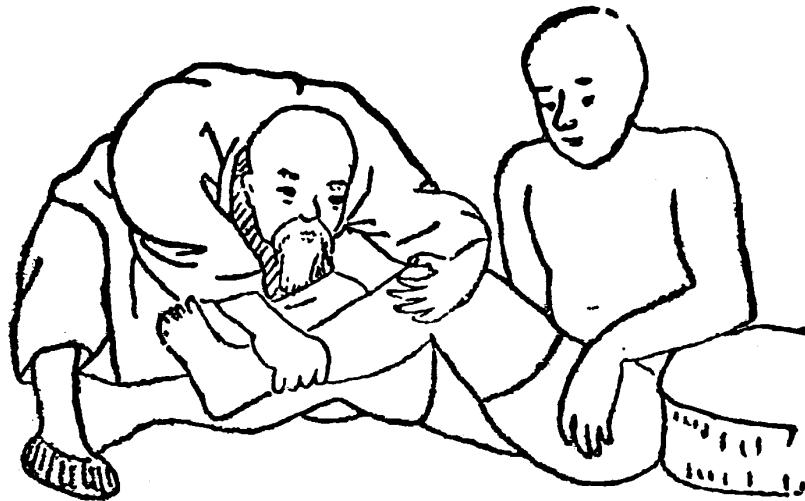
12) Sửa xương Bánh-chè đầu gối trật khớp.

Xương bánh chè có gân Tứ-dầu-cơ Đầu bao liền với 2 đầu xương Đầu và xương ống chân, trường hợp bị trật khớp thì cơ gân ấy bị thúc ép làm cho xương bánh chè trật ra ngoài nên không cử động được, nếu động đến đau nhức vô cùng.

Trị-pháp : Trước cần phải nắn hộp cơ gân mềm dịu lại, rồi dùng Thủ-pháp dưới đây tùy theo chứng trạng sửa lại cho chính khớp, ngoài cũng dùng thuốc đắp, dán, băng như trên, trong cũng uống thuốc Thoát-cửu thông-mạch-thang.

Thủ-pháp sửa trật khớp bánh chè đầu gối.

Đè bình nhơn ngồi, đưa chân bị thương ra, Y-sanh đứng 1 bên bình nhơn (xem hình trang sau). Tay mặt nắm chắc chỗ khớp mắt cá, tay trái mấy ngón tay hẫu mạnh tại xương bánh chè đầu gối, từ từ ấn xuống, tay trái đồng thời nhắc mạnh lên theo chiều khớp xương trật cho sụp khớp vào liền 2 đầu xương.



Cách sửa trặc khớp xương Đầu gối H

13) Sửa cườm chân trật khớp.

Cườm chân trật khớp có nhiều chứng trạng khác nhau.

a) Cườm chân trật khớp phía trong làm bàn chân lật tối trước ống chân bị thúc xuống ngắn lại.

b) Cườm chân trật khớp phía ngoài, làm bàn chân lật ra sau, ống chân bị thúc cũng thau ngắn lại.

c) Cườm chân trật khớp phía trước, bàn chân dài ra, chõ gót lõm vào.

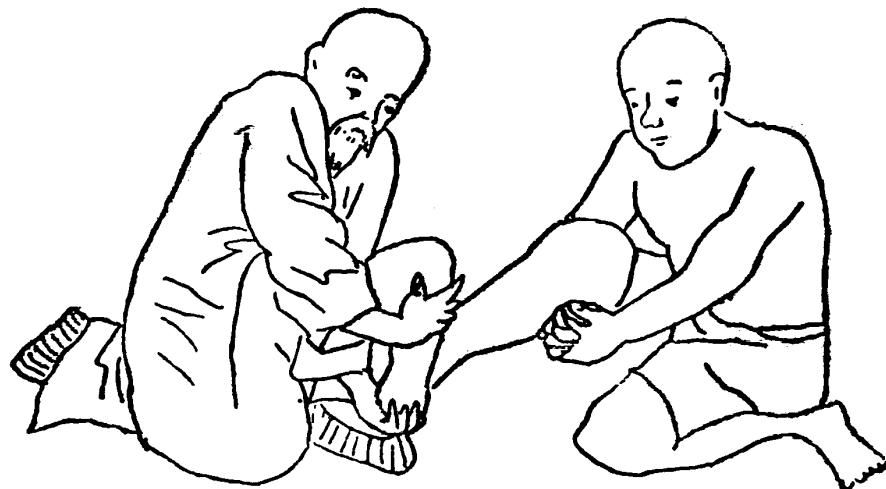
d) Cướm chân trật khớp phía sau, bàn chân trước thau ngắn lại chõ gót chân dài mà lồi khớp ra phía sau.

e) Khớp dưới mắt cá trật, chứng trạng thường khớp xương trật ra ngoài, tức bàn chân lật ra ngoài hoặc lật vô trong.

Trị pháp: Tất cả các chứng trạng trên đây tuy khác nhau nhưng phương pháp sửa như nhau, trước cũng cần nắn bóp (Án ma) rồi dùng thủ pháp *Lương-tấn-phục* sau đây sửa cho liền khớp lại nguyên trạng ngoài đắp, dán và băng uống thuốc như trên.

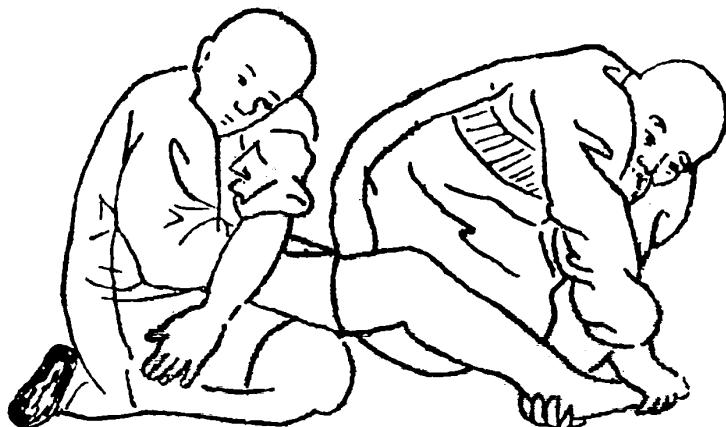
Thủ-pháp *Lương-tấn-phục*.

i) Đè bình nhơn ngồi đưa chân ra, Y-sanh tay trái nắm dưới xương gót chân không cho co dực, tay mặt nắm trên mẩy ngón chân, sau tay mặt ấn đầy mạnh mẩy ngón chân tối trước, chuyền xoay ngay lại như xoay trên ốc, đồng thời tay trái cũng ấn mạnh gót chân chuyền khớp ăn liền vào nhau, động tác này hai tay thuận với nhau. (Hình I).



Cách sửa trặc khớp Cườm chân I.

2) Đè bệnh nhơn ngồi 1 chân co đầu gối lại, chân bị thương đưa thẳng ra. Y-sanh đứng qua một bên, khum người quỳ, tay trái nắm chặt dưới gót chân ãn tại lòng bàn chân, tay mặt nắm trên mẩy ngón chân (xem hình I) sau tay mặt đẩy mạnh xuống, (từ trên xuống) đồng thời tay trái cũng đẩy mạnh lên (từ dưới lên) tức dùng thế làm cho khớp hụp vào. Một tay trên một tay dưới cùng đẩy theo nghiệp với nhau cho mạnh đỏi ba lần cho khớp liền lại mới thôi.



Cách sửa trặc khớp Cườm chân II

Sửa trật khớp các ngón chân và xương bàn chân

Phương pháp sửa các xương ngón chân và xương bàn chân trật khớp cũng áp dụng thủ pháp như sửa các ngón tay và xương bàn tay trên. Đồng thời áp dụng thuốc và băng bó như trị các bộ phận ấy.

Những phương thuốc gãy xương và trật khớp

TIẾP CỐT THÔNG MẠCH THANG

Đương-Quy 5 chỉ,	Thủ-Ô 5 chỉ	Xuyên-gia-bì 3 chỉ.
Toái-bồ 3 chỉ	Huỳnh-Cầm 2 chỉ	Sanh-địa 5 chỉ.
Xuyên-đoạn 3 chỉ	Liền-kiều 2 chỉ	Nhũ-hương 2 chỉ.
Một-dược 2 chỉ.		

Ni ở: 3 chén xắc còn một chén uốn ấm.

Phương này làm thông mạch tiêu viêm, Sơ can lạt.

沒藥	乳香	連二	川三	生二	黃五	碎錢	川三	首五	當歸	接骨
二錢	二錢	三錢	二錢	二錢	二錢	錢	皮錢	烏錢	五錢	通脉
										湯

THOÁT CỨU CAO (Cao tị Trật-khớp).

Xuyên khung 1 lượng,	Thảo-ô 1 lượng	Kinh-bì 1 lượng.
Quy-vỹ 2 lượng,	Sanh-quân 2 lượng,	Điền-thất 1 lượng.
Cầm-xá lặc 1 lượng,	Hồng-hoa 1 lượng,	Nhiên-dòng 2 lượng.
Tục-đoạn 1 lượng.		

Cách chế: Các vị tán mịn dùng 12 lượng Dầu mè.

và 2 lượng ruối sáp nấu cho chảy ra hết, sau bỏ thuốc tán vào đánh thành cao dùng dán chỗ trật khớp xương.

Cao này làm tiêu sưng, hết nhức.

續然	紅錦	田生	歸	荆	草	川	脫
斷	花乍	軍	尾	皮	鳥	芎	臼
一	二	一	二	一	一	一	骨
兩	兩	兩	兩	兩	兩	兩	兩
兩							

CỐ-THẬN-THANG

Thực-địa 6 chỉ, Đồ-trọng 4 chỉ, Cố-chỉ 3 chỉ.

Đơn-bì 2 chỉ, Sơn-thù-nhục 3 chỉ, Nhục-thung dung 6 chỉ.

Phục-linh 4 chỉ, Khiếm-Thiệt 4 chỉ, Câu-kỳ 3 chỉ.

Thổ-tư-tử 3 chỉ.

Nước 3 chén xác còn 1 chén uống ấm.

Phương này trị lỵ bị treo xương sống, làm Cố thận khỏi đau.

菟	杞	茨	茯	肉	山	丹	故	杜	熟	固
絲	子	寶	苓	從	萸	皮	紙	仲	地	腎
子	三	四	四	蓉	肉	二	三	四	六	湯
三	錢	錢	錢	二	三	錢	錢	錢	錢	
錢				錢						

Thoát-cứu thông-mạch-thang dùng Tiếp-cốt thông-mạch-thang
NINH-THẦN DƯƠNG-HUYẾT-THANG

Lóng-xi 1 lượng, Phục-thần 1 lượng, Viễn-thị 2 chi.
 Chích-thảo 2 chi, Bạch-truật 8 chi, Dương-quy 1 lượng.
 Táo-nhơn 5 chi, Đơn-sâm 3 chi, Sơn-thù-nhục 3 chi.
 Xắc 4 chén nước còn 1 chén uống ấm.

Phương này An thần định trí, an ương huyết kiện tỳ.

山	丹	梟	當	白	炙	遠	疾	龍	寧
萸	參	仁	歸	朮	草	志	神	齒	神
肉	三	五	一	八	二	二	一	一	養
錢	錢	錢	兩	錢	錢	錢	兩	兩	血
									湯

MA-PHÁT-TÁN (1) (Thuốc Tê).

Thièm-tô 1 chi, Sanh-bán-hạ 3 chi, Náo-dương-hoa 6 chi
 Hồ-tiêu 1 chi rươi, Ma-hoàng 1 chi, Tất-phát 1 chi.
 Sanh-xuyên-ô 1 chi, rươi, Sanh-thảo-ô 1 chi rươi.

Các vị phơi khô tán mịn Hòa rượu xào dùng xoa chỗ vết thương làm cho tê thần kinh dùng để sửa xương hay sửa trật khớp bình nhơn ít đau nhứt.

生	生	畢	半	胡	蘭	生	蟾	麻
草	川	撥	麻	椒	洋	牛	酥	沸
烏	烏	一	黃	一	花	夏	一	散
一	一	錢	一	錢	六	三	錢	(—)
錢			錢		錢			

CHỈNH-CỐT MA-DƯỢC (2) (Thuốc té)

Sanh-xuyên-đô 5 chi, Sanh-thảo-đô 5 chi, Thiêm-tô 1 lượng.
Hồ-tiêu 1 lượng, Sanh-bán-Hạ 5 chi, Sanh-nam-Tinh 5 chi.
Các vị phơi khô tán mịn Hòa rượu xào nóng xoa chỗ bị thương.
Phương này dùng xoa ngoài cho té chỗ vết thương đè dùng
thủ thuật súp khớp, hay nắn tiếp xương khỏi đau nhứt.

生 南 星	半 夏 五 錢	胡 椒 一 兩	蟾酥 一 兩	生 草 烏 五 錢	川 鳥 五 錢	整 骨 麻 藥
						(二)

MA-PHẤT-TÁN (3) (Thuốc té uống trong).

Sanh-thảo-đô 4 chi, Bạch-chỉ 4 chi, Toàn-quy 4 chi.
Xuyên khuy 4 chi, Nam-tinh (sao) 1 chi, Mạn-dà la hoa (Hoa cà độc dược) 1 cân.
Các vị tán mịn đè dành dùng.
Mỗi lần uống 2 chi, dùng 2 chén nước nấu thuốc cồn 1 chén
5 phần.
Phương này làm cho Não Thần-kinh té, toàn thân không biết
đau, nhức, dùng cho uống đè áp dụng thủ thuật súp trị, nạn nhức
không biết đau nhức.

葛 陀 罂 花	炒 南 星 一 斤	川 莖 四 錢	全 彙 四 錢	白 芦 四 錢	生 草 鳥 四 錢	麻 沸 散
						(三)

Chú ý: Dùng thuốc té trên đây thường phản ứng rất nguy hiểm nên ít khi dùng.

Cấm kỵ: Người có chất yếu đuối, nhau sắc xanh mét, hoặc có phát nóng lạnh. Không muốn ăn uống, thở mệt, cảm không nên uống.

— Nạn nhơn quá mát máu, nguyên khí chưa phục hồi hoặc suyễn túc, thở mệt, cảm không nên uống.

— Tạng Tim suy nhược, thường hay hối hộp, hoặc có bệnh đau Dạ-dày, q chua, thở mệt, cảm không nên uống.

Phản ứng: Sau khi uống thuốc té thường trong 1/2 giờ ác tim hối hộp, lưỡi khô, môi ráo, mạch phù, bức rút khò chịu hoặc phát khát nước, hoặc làm nóng lạnh nếu làm muộn loạn quá kì nguy đến tánh mạng. (thân trọng) nên khi uống cần đề phòng nhơn nằm trên giường yên tĩnh.

Cách giải thuốc: Thông thường nồng 2 chỉ thuốc té cả người áp dụng thủ thuật sau lần lần sẽ tỉnh lại, nếu quá 5, 6 giờ không tỉnh, gấp dùng Cam thảo xác đậm cho uống giải, hay dùng Đậu xanh (cả vỏ) nấu nước đậm cho uống giải. Hoặc nếu thấy phản ứng nguy hiểm, cũng cần dùng gấp 2 thứ thuốc này cho uống giải.

GIA-VỊ KIÊN-BỘ HỒ-TIỀM-HOÀN

Quy-giao 2 lượng, Lộc-giác-giao 2 lượng (đều dùng cáp phân sao phong) Hồ-canh-cốt 2 lượng, Hà-thủ-ô 2 lượng, Xuyên-ngưu-tất 2 lượng, Đỗ-trọng 2 lượng, Tỏi-dương 2 lượng, Đường-quy 2 lượng, Oai-linh-tiên 2 lượng, Huỳnh-bá 1 lượng, Nhơn-sâm 1 lượng, Khương-huật 1 lượng, Càn-cương 1 lượng, Bạch-thược (sao) 1 lượng, Bạch-truật 1 lượng, Thục địa 3 lượng, Đai-pi-tử (chè) 1 lượng 5 chỉ.

Các vị tán mịn mạt hoàn nhõ hay mỗi hoàn 3 chỉ uống hóng trống với nước muối mẫn.

Phương này bồi bò khí huyết, làm mạnh gân cốt bò Thận chuyên trị Trật-đã-tồn-thương làm khí huyết hư suy, bộ phận dưới bụng, gối đau nhứt, yếu vô lực, dùng phương này trong 100 ngày hết đau, tinh thần vượng, đi đứng như thường.

ÍCH MÃU CAO

Dùng lõi-mẫu cà cay Hoa lá rửa sạch bỏ vào cối đá đập nhuyễn, lấy vải vắt lọc nước, thật nhiều đồ vào chảo nấu cò lại với đường cò thành cao dùng.

Mỗi lần uống một muỗng với rượu.

Cao này hành ứ, huot huyết nên trị Trật-dã tốn-thương bên trong làm đau nhức rất công hiệu.

NỘI THƯƠNG CHỨNG

Bị tai nạn Trật-dã làm thương hại đến Tạng-Phủ-Kinh-lạc bên trong dẫn phát thành *Nội-thương chứng*. *Trật-dã phát Nội thương chứng có nhiều thứ*:

Tồn-Thương nội chứng, Tồn-thương xuất huyết. Tồn-thương Huyết Trệ. Út Huyết sưng đau nhức. Huyết Hư phát đau nhức, Âu thô máu bầm đen. Phát nóng sốt. Cơ nhục đau nhức. Xương bị thương phát đau nhứt. Ngực bụng đau tức. Họng sườn đau, Trong bụng đau tức, Bụng dưới đau thắc. Lung đau thắc. Bình xoay xầm. Phiền táo bức rức. Ho hen suyễn tức. Hôn mê bất tỉnh. Phát oẹ mửa. Phát khát nước. Phát Bì-Kiết. Hiệp biều chứng.

Tất cả 23 chứng trạng cần biện minh rõ để áp dụng phương thuốc trị liệu.

Tồn-thương nội-chứng

Trật-dã làm thương đến Tạng-phủ, Kinh-lạc bên trong, đều bên ngoài không thấy hiện chứng trạng gì nhưng ẩn có thể nguy hiểm, nếu không trị lành hẳn, hay tái phát làm huyết út tích, kinh-lạc không thông, thần trí mè loạn. Cứu ứng nhẹ bị lưu trệ không tan làm đau nhức, khi trời thời tiết hay làm lung lao động lại càng đau đớn, không trừ được tận gốc sau thành cố-tật hậu hoạn suốt đời.

Phản bị thương tồn Trật-dã thì huyết bị đình trệ bên trong, tuy không phân biệt được kinh-lạc nào, nhưng nên hiểu rõ Gan là cơ-quan trọng yếu. Theo Đông-Y thì Can tàng huyết, tức thuộc cơ-quan lọc máu nên khi máu bị út tích thường chảy về Gan, có khi phát đau tại bên họng sườn, tức theo đường tuyến Kinh-lạc của Gan hoặc phát sưng nhức phát sốt, tự hạng, nếu diễn trì lâu ngày, người hư suy, bạo nứt rụng, thành khí bị thương thành cố-tật.

Trị-pháp : Bị thương Trát-dã, nếu cơ thể đau nhức hay sưng đau, hoặc vì trên cao té xuống làm thương tổn mà ngực bụng đau, huyết út đinh tích không tan, cần ăn chửng Hư Thiệt, thuộc Thượng tiêu, Trung-tiêu, hay Hạ-tiêu định phương thuốc trị.

Thiệt chửng : Út tích tại bộ phận Thượng-tiêu dùng *Tè-giác địa-hoàng-thang*.

— Út tích tại Trung-tiêu dùng *Đào-nhơn Thùa-khi.thang*.

— Út tích tại Hạ-tiêu dùng *Chỉ-dương-thang*. Tất cả đều gia thêm Đồng-tiện (nước tiêu) và rượu nấu uống.

Hư-chứng : Tírc người thè chất Hư suy không thè dùng thuốc Hạ nên dùng *Tứ-vật-thang* gia *Xuyên-sơn-giáp*.

— Như Út-huyết đã hết dùng *Phục-nghuyên-thông-khô.thang* gia *Dương-quy*.

— Người Hư nhược, huyết trệ làm đau nhứt, hoặc vì do nguyên khí hư mà dùng thuốc công phá nhiều thành khí huyết ngưng trệ cần p'ải dùng thuốc huot huyết thuận khí như *Phục-nghuyên-huot-huyết-thang*, *Ba-kích-thang*, *Phá-huyết-tiêu thống-thang*, *Thanh-tâm-dược*, *Chỉ-thống-dược*, *Huot-huyết-Thuận-khí Hà-thủ.Ô tán*, *Điều-kinh tán*, *Mẫu-dơn-bì tán*, *Quất-truật-Tứ-vật-thang*, *Dương-quy bồ huyết thang*.

Điều dưỡng : Kỵ ăn đồ sanh lạnh, trái cây, Cấm phòng sự sau lành hàn cũng cần dùng *Thang-Tứ-vật* uống để bồi huyết bồi dưỡng.

2) Tồn-thương Xuất-huyết.

Trát-dã tồn-thương làm ra máu. Phần trên có rõ ràng về phương pháp trị ra máu phân ra *Ngoại xuất huyết*, *Nội xuất huyết*. *Thất thiếu xuất huyết*.

Tồn thương ra máu, ngoài các trường hợp trên, còn do nguyên nhân sau đây : Can Hỏa thịnh, huyết nhiệt. Trung khí hư nhược, huyết không cầm được đi bâv. Trung khí Hoát không cầm được huyết. Huyết chảy vào trong nội tạng. Bị thương tồn thêm quá lao lực Vì quá tức giận làm bụng trương. Uống thuốc hàng lương nhiều làm thương kinh-lạc.

Tất cả trên đây là 7 nguyên nhân làm cho ra máu nhiều.

Trị pháp: Thắt khiếu xuất huyết có trình bày trên. Sau đây chúng tôi phân tách thêm phần trị liệu nội-thương để tiện áp dụng. Nội-thương xuất huyết hoặc thô huyết, chảy máu cam, Đại-tiện, Tiểu-tiện ra máu quá nhiều không cầm được, làm người xanh mét, mè mệt, hoặc Thắt-khiếu ra máu.

— Như vì Can hỏa thạnh, huyết nhiệt đì bậy dùng *Gia-vị-Tiêu-diêu-tán*, để thanh nhiệt dưỡng huyết.

— Trung khí Hư nhược, Huyết không giữ được đì bậy dùng *Gia-vị-Tứ-Quân-Tử-thang* hoặc *Bồ-trung Ích-khi-thang*.

— Nguyên khí nội thoát không cầm Huyết được dùng *Độc-sâm-thang* gia Bảo-cương, nếu chưa chịu gia thêm Hắc Phү-tử.

— Như Huyết tích bên trong làm việc rã máu dùng *Tứ-vật thang* gia Sài-Hồ, Huỳnh-Cầm.

— Tôn thương thêm quá lao lực, hoặc vì quá Hờn giận nô khí xong lên làm bụng trướng khó chịu hoặc vì ăn uống đồ hàng lương làm thô huyết, chảy máu cam, Đại-tiện, Tiểu-tiện, ra máu tức bị Huyết tích huyết khối, cơ nhục bầm đen, các chứng này đều do Tạng-Phủ suy tòn gắp dùng thuốc bồ Tỳ, Phế mới được.

Điều-dưỡng: Kỵ ăn tôm, cua, thịt gà, vịt, dê, Cấm làm việc quá lao lực. Thương tòn ra máu nhiều sau cầm lại được người còn ốm yếu xanh mét tinh thần không được khỏe ấy vì nguyên khí chưa bình phục cần phải điều dưỡng nhiều, như Huyết quá Hư dùng *Tứ-vật-thang* uống 1 tháng, như khí quá Hư suy dùng *Tứ-quân-Tứ-thang* uống 1 tháng, như khí huyết đều hư suy dùng *Bát-trân-thang* uống 1 tháng. Cần nên chú ý trị như thế sau mới khỏi sanh hậu hoạn.

3) Tồn-thương Huyết-trệ.

Trật-dã tồn-thương Huyết-trệ làm sưng hoạc lưu tại các khớp xương tay chân, hay tại ngực, bụng, lưng, đùi, vể, làm sưng, nổi cục, lâu ngày không tiêu, có thể phá lở.

Trị pháp: Chứng này nếu không uống thuốc bồ khí huyết mà dùng hàng lương nhiều có thể không trị được

— Mời phát sưng thủng, thuộc Can, Tỳ uất hỏa, dùng cách hành, ngai hỏa *Định-thống-tán* cứu, trong uống *Tiểu-sài-hồ-thang* thanh Can hỏa, rồi sau uống *Bát-trân-thang* hoặc *Ích-khi Đường-vịnh-thang* uống nhiều mới công hiệu.

Nếu gặp trường hợp làm sưng phá lở mà Khi Huyết quá suy nên dùng *Thập-toàn Đại-bổ-thang*, chò sưng dùng *Đạm-dầu-cô-cứu*.

Điều-dưỡng : Cẩm ăn đồ vật sanh lanh, gà vịt, tôm cua, cẩm phòng sự. Chứng này sau khi lành rồi mà người còn gầy yếu tức chưa bình phục hẳn cũng cần bồi dưỡng nhiều và uống *Bát-trân-thang*.

4) **Ú Huyết sưng đau nhức.**

Tồn-thương Ú huyết làm đau nhức, tức vì Kinh-lạc bị thương, nên Tuần hoàn huyết mạch ngưng trệ làm đau nhức, hoặc làm sưng tại Đùi vể, nặng có khi máu bầm đen làm nóng sốt khát nước. Không trị các chỗ bầm sẽ phá lở.

Trị pháp : Nếu có phát bầm ú hnyết, cần lě phá cho ra máu độc, và làm cho huyết lưu thông, dùng *thang Tú-vật* cho uống.

Điều dưỡng : Kỵ ăn đồ vật sanh lanh, trái cây. Thường dùng *Hải-dồng-bì-thang* nấu rửa đắp làm cho máu huyết lưu thông.

5) **Huyết hư phát đau nhức.**

Huyết hư phát đau nhức vì thiếu máu để nuôi dưỡng cơ gan nên phát đau, cũng phát nóng sốt khát nước, phiền táo bức rúc, ban ngày càng nặng tinh thần mệt mè.

Trị pháp : Chứng này là Âm hư nội nhiệt, cần dùng *Bát-trân-thang* gia *Đơn-bì* 1 chỉ ruồi, Mạch-mòn đóng 3 chỉ Ngũ-vị tử 8 phần. Nhục-quế 5 phần.

Cốt toai bồ 3 chỉ xắc uống.

Điều dưỡng : Kỵ ăn đồ Hải-vị và tôm cua. Cẩm phòng sự Thường dùng *Tú-vật-thang* uống đến khi bình phục hẳn.

6) **Tồn-thương Âu-thổ máu bầm đen.**

Mửa ra máu bầm đen đã nói rõ trang 46 Thất-khiếu-xuất huyết.

7) **Tồn-thương phát sốt.**

Tồn-thương phát sốt nguyên nhân vì Huyết Hư, hoặc Âm thanh, ra huyết quá nhiều, thiếu máu, Mất máu, (Huyết thoát). Vậy Tồn-thương phát sốt, hoặc nhơn mất máu quá nhiều.

Mạch nhãy Hồng, Đại, mà Hư, đè nặng tay thì mạch không nhãy, tức là chứng Huyết Hư phát sốt. Như mạch án Trầm đi, đè nặng, tay càng hư nhược, tức Âm-thạnh phát sốt.

- Như phát sốt bức rúc quá, tức bị thiếu huyết.
- Như phát sốt ra mồ hôi không dứt là mất máu (Thoát-Huyết)

Chứng này nếu biến làm lưỡi cứng đơ, tay chân co rút, có thể chết. Như mạch nhỏ trị được, bằng mạch nhãy Thiệt chứng nan trị.

Tri pháp : Huyết Hư phát sốt dùng *Đương-Quy bồ-huyết-thang*.

— Âm-thạnh phát sốt dùng *Tú-Quân tử-thang* gia Bảo cương, Phụ - tử.

- Phát sốt bức rúc, gân yếu thiếu máu dùng *Thánh-dữ-thang*.
- Phát sốt ra mồ hôi thoát huyết dùng *Độc-sâm-thang*.

Điều dưỡng : Kỵ ăn lôm, cua, đồ Hải-vị.

Chứng này sau khi bình nhẹ rồi, cần tùy chứng mà dùng thuốc bồi dưỡng, hoặc, *Tú-vật-thang*, *Tú-Quân-tử-thang*, hay *Bát-trân-thang*, uống đến khi bình phục hẳn.

8) Tồn-thương làm cơ nhục đau-nhức.

Trật đã tồn thương thường làm cho cơ nhục đau nhứt khó chịu.

Tri pháp : Chứng này phần nhiều do khí trệ (tức Vinh Vệ khí không lưu thông) được điều hòa. Cần cho uống *Phục-nguigen-thông khi lán*, nếu làm gân cốt cũng đau, tức Can Thận khí thương cần cho uống *Lực-vị-thang*.

Điều dưỡng : Kỵ ăn đồ vật sanh lạnh cấm phòng sự.

9) Tồn thương xương cốt đau nhức.

Trật đã tồn thương xương cốt nặng thì xương bị gãy, hoặc dập bẹ, nhưng có khi nhẹ mà xương cốt đau nhức khó chịu ngoài cơ nhục không có vết thương bầm, tuy vậy đau lâu không khỏi sau cũng thành cỗ-tật.

Tri pháp : Chứng này tuy nhẹ nhưng trị cũng cần dùng phương pháp *Cách hành cứu chấn xương đau*, trong uống *Một-dược-hoàn*, như lâu ngày quá, cần uống thêm *Địa-hoàng-hoàn* đến khi không còn đau nhức nữa.

Điều dường: Kỵ ăn đồ Hải vị, tôm cua, cẩm phong sụ và cũng không nên làm lao lực quá độ.

10) Tồn-thương làm ngực bụng đau nhói bức rúc.

Trật đãi tồn-thương làm ngực bụng bức rúc phiền muộn :

— Hoặc vì bị đập đánh lại ngực Can hỏa Thương Tỵ, Can Kinh Huyết thương, Can, Tỵ, Khi trệ, Can, Tỵ Khi uất, Hay Tỵ Phế Khi trệ, Cần xem nguyên nhân dùng thuốc trị thích ứng.

Trị pháp: Như ngực bụng đau nhói đầy tức, lấy tay đè bớt đau tức Can Hỏa, thương Tỵ dùng Tứ-quân-tử-thang gia Sài-hồ, Chi-tử.

— Như đau nhói đầy tức, tay đè cản đau, không dám rờ, tức Can Kinh Huyết trệ dùng Tứ-vật-thang gia Sài-hồ, Chi-tử, Đào-nhơn, Hồng hoa.

— Như cả ngực, hông đau nhói, phát sốt tức, Can Kinh Huyết thương dùng Gia-vị-tiêu-diêu-tán.

— Như ngực hông đau tức không muốn ăn uống tức Can, Tỵ Khi thương dùng Tứ-quân-tử-thang gia Xuyên-khung Dương-quy, Sài-hồ, Chi-tử, Đơn-bì.

— Như ngực bụng đầy trướng, Ăn uống ít, tức Can, Tỵ trệ Khi dùng Lực-quân-tử-thang gia Sài-hồ, Xuyên-khung, Dương-quy.

— Như ngực bụng không thông, ăn ít, không ngủ được, tức Tỵ khi uất kết dùng Gia-vị Quy-lý-thang.

— Như ngực bụng đầy đàm khi không thông, tức Tỵ, Phế Khi trệ dùng Nhị-trần-thang gia Bạch-truật, Xuyên-khung, Dương-quy Chi-tử, Thiên-ma, Câu-dắng.

Điều dường: Tất cả các chứng trên đây kỵ ăn trái cây, rau và khoai mài (sơn được) dùng làm cho giàn hòn uất, hận.

11) Tồn-thương hông, sườn đầy đau.

Tồn thương làm Hông sườn đầy đau phát Ho, suyễn, thô đàm Đại-liện thông là do Can Hỏa xông lên Phổi. Nếu Đại-liện không thông mà ho suyễn thô ra máu ; tức vì huyết ứ đinh trệ ; cần trị sớm không nên điều trị sau thành cổ tật.

Trị pháp : Hồng sườn đầy đau Ho, suyên thô đậm **Đại-tiện** thông dùng *Tiểu-sài-hồ thang* gia Thanh-bì, Chi-tử.

— Đại tiện không thông, Ho, suyên, thô ra máu dùng **Đương quy-dạo-trệ tân**.

Điều dưỡng : Kỵ ăn thịt gà, vịt, dê, và đồ sanh lạnh, không nên hòn giận.

Nếu uống thuốc trên mà vì ăn đồ phạm hav hòn giận phát sốt tức bình cǎn chưa dứt, cần uống thêm *Tiêu-diêu tán* đến hết, bình phục hẳn mới thôi.

12) Tèn-thương làm trong bụng đau nhức

Trật-đả-tòn-thương trong bụng đau tức nguyên nhân do ứ huyết trong bụng là chứng thiệt, nếu vì Nguyên khí không đủ làm đầy tức là chứng Hư.

Trị pháp : Bụng thường đau tức, Đại-tiện không thông, đè càng đau ấy là ứ huyết trệ ở trong bụng, dùng *Gia-vị thừa-khí thang* cho xô. Nếu xô rồi mà không hết đau, hay đè còn đau, tức ứ huyết vẫn còn dùng *Gia-vị tú-vật thang*, Nếu bụng đau, đè thì hết đau tức khi huyết bị thương dùng *Tú-vật thang* gia Nhơn-sâm Huỳnh-Kỳ, Bạch-truật đều 2 chỉ đè bồ.

Nếu uống thuốc cho xô mà ngực Hồng lai phát đau tức **Can** Huyết bị thương dùng *Tú-quân tử thang* gia Xuyên-khung, **Đương-qui**, đều 2 chỉ bồ.

— Nếu xô rồi mà phát sốt, tức Âm huyết thương dùng *Tú-vật thang* gia Nhơn-sâm, Bạch-truật đều 2 chỉ bồ,

— Nếu xô rồi mà phát lạnh; tức dương khí bị thương dùng *Thập toàn-đại-bồ-thang* bồ lại.

— Nếu xô rồi mà phát cả nóng lạnh tức khí huyết đều bị thương dùng *Bát-trân thang* bồ.

— Nếu uống xô mà muốn mửa là thương Vị khí dùng *Lục-quân tử thang* gia **Đương-Quy** 2 chỉ bồ.

Nếu uống xô mà chỉ xô chút ít tức **Tỳ-Thận** thương dùng *Lục quân tử thang* gia Nhục-Quả, Bồ-cốt-chỉ đều 2 chỉ bồ.

— Nếu uống xô sau tay chân lạnh, ra mồ hôi, mề muội là **Đương khí hư hàng gấp** dùng *Sâm-phụ-thang*

— Nếu làm thò tâ tay chân lạnh ; móng tay chân xanh tím tức Tý Thận hư hàng gấp dùng *Đại tê Sâm-phụ thang*.

Tồn thương đúng đầy đau quá làm cấm khẩu tay co rún dực, mồi tím lạnh, đàm kêu, són tiêu cũng gấp dùng *Sâm-phụ thang* uống nhiều cốc cứu lại.

Điều dưỡng : Kỵ ăn đồ sanh lanh trái cây, tránh gió, Bình sau khi nhẹ rồi mà người còn vàng mét uống *Bát-trán thang* bồ nhiều cho bình phục lại.

13) Tồn-thương Bụng dưới đau thắc.

Trật-dã tồn-thương làm bụng dưới đau thắc dần đến Hạ bộ Âm-nan, đau đớn khó chịu đi đứng không được, Chứng này không nên nhận định là chứng lạnh làm đau, mà dùng thuốc nóng trị, chứng nặng có thể nguy hại, chứng nhẹ cũng làm thương tồn đến Thị-hực, vậy cần thận trọng.

Trị pháp : Bụng dưới đau thắc dần đến Hạ bộ Âm-hành, Âm-nan không đi đứng được gấp dùng *Tiểu-sài-hồ thang* gia *Đại-hoàng Huỳnh-liên*, Chi-tử, như bớt đau rồi dùng *Tứ-vật thang* dưỡng huyết lại.

Điều dưỡng : Kỵ ăn tôm cua, và đồ sanh lanh. Cấm phòng sự.

14) Tồn thương lưng đau thắc

Trật-dã tồn thương làm lưng đau thắc hoặc vì trúng tại lưng hay vì Huyết út tại lưng làm đau thắc, khô sờ, tuy không đến nỗi trí mạng nhưng lâu hết bệnh cẩn, thời tiết thay đổi, hoặc làm lưng nặng nhọc bình phát hoài thành cõi tật.

Trị pháp : Lưng đau thắc không khum cùi được rất khó chịu dùng phương *Địa-long tân* uống, nếu nhẹ bớt sau cần dùng *Lục vị địa-huỳnh hoàn* để bồi Thận mới bình phục được.

Điều dưỡng Cấm phòng sự và làm lưng quá lao nhọc.

15) Tồn thương phát xoay xẩm

Trật-dã tồn thương sau phát xoay vằm có 2 nguyên nhân hoặc, vì uống thuốc công phạt quá làm Trung khí bị thương, hoặc vì ra máu nhiều quá, vì 2 nguyên nhân trên đây làm cho xoay xẩm muối

té hoặc mắt thấy đốm đen ; người thiếu sức, tinh thần mè mệt, biếng chứng làm tai ư, tim hồi hộp.

Trị pháp Tồn thương sau làm mất xoay xầm ; tinh thần mè mệt nếu vì uống thuốc công phật thái quái trung khí, hoặc thèm làm oœ mữa, bụng đầy cho uống *Tứ-quân tử thang*.

Nếu vĩ ra huyết quá nhiều ; có khiêm phát sốt, khát nước không muốn ăn uống cho uống *Thập-toán Đại-bồ thang*,

Điều-dưỡng : Cấm phòng sự và đừng làm lung quá lao lực, cõng nén thường uống Long-nhản nhục hay Hồ đào nhục với Long n' ăn nhục bồ dưỡng thêm. Ky ăn tôm, cua, gà, vịt, dê, đồ động phong

16) Tồn-thương phát phiền táo bức rúc

Trật-dã tồn thương sau phiền táo bức rúc, phần nhiều vì nhơn Hư nhược, nên chứng phát mặt đỏ miệng khát, mạch nhảy Hòng. Đại, trọng án như không có, hoặc khiêm tự hạng, xoay xầm, mất ngủ hoặc bên hông đau, sau lần lùn tinh thần suy nhược thành Hư, lòn.

Trị pháp Phiền táo bức rúc, mặt đỏ, khát nước, Mạch Hòng Đại trọng án không có dùng *Đương-Quy bồ huyết thang*.

— Như khiêm chứng Tự hạng xoay xầm dùng *Độc-sâm thang*.

— Như phiền táo bức rúc không ngũ được dùng *Gia-vị Quy Tỷ thang*.

— Như khiêm làm bên hông đau khó chịu dùng *Sài-hồ Tứ vật thang*.

— Như vì huyết ra nhiều làm phiền táo bức rúc dùng *Thánh dù thang*.

Điều dưỡng : Ky ăn tôm cua, không nên lo nghĩ quá đẽ, (cần ăn dưỡng tinh thần)

Nên nghỉ sau bệnh nhẹ mà người còn gầy ốm vàng vỏ tinh thần suy nhược, tức chưa bình phục cần uống nhiều *Quy-tỷ-thang* bồi dưỡng thêm.

17) Tồn-thương phát Ho-hen, Suyễn-tức

Trật-dã tồn thương phát Ho-hen, Suyễn-tức là do 2 nguyên nhơn vì khí Hư huyết trệ ở Phổi, hay khí nghịch làm huyết lóng lên ở Phổi.

— Như ôn thương nhơn ra máu nhiều ; mặt đen, ngực đầy ; tức phát Suyễn tức ; là vì khí hư huyết trệ ở Phổi.

— Như Ho ra máu, chảy máu cam, làm suyễn tức, là vì khí nghịch huyết lồng lên ở Phổi.

Các chứng trên đây, bất luận, Khi Hư, Khi nghịch nếu phát nặng làm suyễn mệt, xuất họng, thở hơi hụt hồng, mắt trực thượng có thể nguy đến tánh mạng.

Trị pháp : Như phát ho suyễn tức mặt đen ; ngực đầy, và nhơn ra máu quá nhiều, gấp dùng hai vị *Sâm-tô Ẩm* cho uống, nếu diễn trì không cứu kịp.

Như Ho ra máu, chảy máu cam, làm suyễn tức nên dùng thuốc Huot huyết hành khí, cần dùng thuốc hạ nên cho uống *Thập-vị-sâm-tô-Ẩm*.

Điều-dưỡng : Kỵ ăn thịt gà, vịt, dê, tôm, cua, cần an tĩnh tĩnh thần, thường dùng vị Sâm-tu nấu uống thế trà bồ Phế Khi cho đến khi bình phục hẳn.

18) Tồn-thương phát Hôn mê bất tĩnh.

Trật-dã tồn thương nặng làm hôn mê bất tĩnh, nếu không gấp trị ắt nguy đến tánh mạng,

Trị pháp : Chứng này cần dùng *Độc-sâm-thang* cho uống gấp, nếu bên trong bị ứ huyết cũng không nên dùng thuốc xô, gấp dùng *Ba-nhụy-thạch-tán* để làm cho tiêu. Nếu ngộ cho xô, làm vong ám.

Như huyết ứ tích bên trong mà Đại-tiện không thông cũng không nên dùng thuốc bạ như Đại-hoàng, Mang-tiêu, mà nên dùng Mộc-Hương Nhục-quế 2 vị dùng rượu hòa cho uống thì Huyết hạ ắt cứu sống,

Điều-dưỡng : Kỵ cho ăn đồ sành lanh trái cây : Sau khi tĩnh lại, người tinh thần suy nhược, vàng vỏ, lâu không bình phục được cần cho uống thuốc bồ nhiều, dùng *Bát-trân-thang*.

19) Tồn-thương phát oẹ mửa.

Trật-dã tồn thương làm oẹ mửa vì những nguyên nhân sau đây. Vì đau quái. Uống nhiều thuốc khắc phai làm thương Vị khí, vì tức giận quá thương Gan.

- Vì Đàm hỏa thanh quá. Vì Vị-khí hư nhược.
- Vì ra máu quá nhiều.

Tất cả nguyên nhân này làm cho nạn nhân ợ mửa, ăn uống không xuống được, lâu làm hình thế tiêu tụy có thể nguy đến tính mạng.

Trị pháp : Vì đau nhức quá làm ợ mửa, ăn uống không hạ, hoặc vì uống thuốc khắc phạt thương Vị khi dùng thang Tú-quân Tử-gia Đương-quy 1 chỉ ruỗi, Bán-hạ 3 chỉ ruỗi Sanh-cương 3 chỉ.

- Vì tức giận thương Gan làm ợ mửa dùng Tiêu-sài-hồ-thang gia Chi-tử 3 chỉ.

- Vì Vị-khí hư dùng Bồ-trung-ich-khi-thang gia Sanh-cương-Bán-hạ đều 3 chỉ.

- Vì ra huyết quá nhiều dùng Lục-quân-tử-thang gia Đương-quy, 2 chỉ.

Điều dưỡng : Kỵ ăn đồ ngọt, béo, trái cây. Thường dùng gừng lùi nấu nước trà uống cho hết mửa. Nếu bị hắt hơi mà tinh thần quá suy nhược cần cho uống Tứ-quân-tử-thang bồi dưỡng.

20) Tốn-thương phát khát nước.

Trật-đã lồn thương phát khát nước quá do các nguyên nhân vì mất máu quá nhiều. Vì Vị nóng hao tan dịch. Vì Tân-dịch Vị khí không đủ. Vị hỏa thạnh. Thận kinh hư nhiệt.

Chứng này bắt khát nước uống hoài không đã làm lười khöh miệng táo, có thể nguy đến tính mạng.

Trị pháp Vì mất máu quá nhiều khát nước nồng phải không đã dùng Tứ-vật-thang gia Nhơn-sâm nếu chưa hết bệnh dùng Nhơn sâm Huỳnh-kỷ bồ khí, Đương-quy, Thực-địa bồ huyết hoặc dùng Bát-trân-thang.

- Như Vị khí nóng hao tan dịch dùng Trúc-diệp-huỳnh-kỷ-thang Vì tan dịch Vị khí khôr đã dùng Bồ-trung ich-khi-thang.
- Như Vị hỏa quá thạnh dùng Trúc-diệp Thạch-cao-thang.
- Như phiền táo phát khát tiêu tiện làm ly Thận Kinh hư nict dụng Địa-hoàng-hoàn.

Điều dưỡng Kỵ ăn đồ cay nóng hương táo, chích nướng. Dùng vị Thiên-ba phẩn nấu nước thế trà uống giải khát sanh Tân-dịch.

Cấm tuyệt phòng sự, nếu phạm ắt khó cứu.

21) Tồn-thương làm bí kiết.

Trật-dã tồn thương làm Đại-tiện bí kiết do các nguyên nhân Huyết hư Hoá việt, Thận-hư Hoá táo Trường Vị hư nhược. Bí kiết vì Lý thiêt.

Trị pháp : Đại tiễn bí kiết, chỗ giang mòn nóng rất, tức Đại trường Huyết hư hỏa việt dùng Tứ-vật-thang xác uống Nhuận-trường-hoàn.

- Thận hư hỏa táo dùng Lực-vị-dịa-hoàng-hoàn.
- Trường Vị hư nhiệt dùng Bồ-trung-ich-khi-thang.
- Lý thiêt Bí-kiết bụng cứng dùng Ngọc-chơn-tán.

Điều dướng : Kỵ ăn đồ hương táo, cay ròng, chích nướng, nên thường cho ăn cháo mè để huyệt nhuận trường.

22) Tồn thương hợp biếu chứng.

Tồn thương lai bị cảm nhiễm bên ngoài tức hiệp biếu chứng phát nóng, minh đau, mạch nhảy phù khắn, cần trị gấp không nên đẻ lâu làm chánh khí hư khó chữa.

Trị pháp : Phái sốt minh đau biếu chứng dùng Sơ-phong-bại-độc-tan. Người hư suy dùng Gia-vị-giao-gia-tán hoặc Khuong-huyệt-nhũ hương-thang.

Điều dướng : Kỵ ăn đồ vật sanh lãnh, trái cây, và gà vịt tôm cua, và tránh ra g'ó.

Phụ-chú : Khoa Trật-Đã Tồn-thương là một Chuyên-khoa, dành cho các vị gia-truyền, nhưng từ xưa nay chúng ta thấy những vị Hành-nghề chỉ sau khi thụ-huấn được vài kinh-nghiệm thủ-pháp, và ít mòn thuốc về dăng, bó, đăc trị được kết quả, không có công nghiên cứu thêm, học hỏi thêm để có thể thành một Chuyên-gia hoàn toàn vì thế chúng ta nhận thấy nhiều nạn nhơn sau khi trị lành vết thương, nhưng vẫn có người còn mang hậu hoạn tật bệnh, nay chúng tôi vì muốn phổ biến Khoa Trật-dã nên cố tâm sưu tầm tài liệu chuyên môn. Hệ thống Phương-pháp trị-liệu và tòng-kết tất cả những phương thuốc chuyên khoa từng chứng trạng, thêm phần Nội-thương (Trật-dã tồn-thương nội-thương chứng) để giúp cho quý Vị chuyên-khoa có đầy đủ phương thức trị-liệu, và cũng mong Khoa-Trật-Đã Đông-Y được phát triển để có thể cứu chữa bệnh tật do tai nạn gày nén, ngày một nhiều ở hiện nay nước ta ngày nay.

Những phương thuốc trị Trật-đã Nại-thương chứng

TÊ-GIÁC-DỊA-HUỲNH THANG

Tê-giác 3 chỉ. (Nếu không có dùng Ngân-Hoa 3 chỉ) Lien-kiều
3 chỉ thé) Sanh-dịa 6 chỉ. Đơn-bì 3 chỉ. Bạch-thược 3 chỉ.

Nước 3 chén xác còn 1 chén uống ấm.

Phương này Thanh lâm giải út huyết.

白芍	牡丹	生地	犀角	犀角
三錢	皮	六錢	三錢	地黃湯
	三錢			

ĐÀO-NHƠN-THỪA-KHÍ-THANG

Đào-nhơn 50 hộ, Cam-thảo 3 chỉ Quế-chi 2 chỉ.

Đại-hoàng 4 c'í. Mang-liêu 2 chỉ.

Nước 7 chén xác còn 2 chén uống ấm. (Xắc xong hòa vị Mang
liêu vào sau) ngày uống 3 lần cho thông lợi.

Phương này hành khí làm cho huyết thông.

芒硝	桂枝	甘草	大黃	桃仁	桃仁承氣湯
二錢	二錢	二錢	四錢	五十個	

CHỈ ĐƯƠNG-THANG

Kantal-trùng 30 con. (Đốt bỏ cánh chân còn 3 chỉ)

Thủy-Điệt 30 con (mơ heo sao đen còn 3 chỉ)

Đại-hoàng 3 chi, Đào-nhơn 39 hột.

Nước 5 chén xác còn 3 chén bỏ xác uống ấm 1 chén như chưa
đi tả uống thêm.

Phương này hạ ứ huyết bị thương bộ phận ở dưới.

桃	大	水	茲	桃
仁	黃	蛭	蟲	當
三	三	三十	三十	湯
十	錢	個	個	
個				

TÚ-VẬT-THANG-GIA-NHA-SƠN-GIÁP-PHƯƠNG

Xuyên-khung 2 chi. Đương-Quy 3 chi

Thục-địa 4 chi. Bạch-thược 3 chi. Nha-sơn-giáp 3 chi.

Nước 3 chén xác còn 1 chén uống ấm.

Phương này trị người hư suy bị thương dùng.

穿	白	熟	當	川	四物湯加穿山甲方
山	芍	地	歸	芎	
甲	三	四	三	二	
三	錢	錢	錢	錢	
錢					

PHỤC-NGUYÊN-THÔNG-KÍ-TÁN

Mộc-hương 3 chi. Hồi-Hương 3 chi. Thanh-bì 3 chi.

Nha-sơn-giáp 2 chi. Trần-bì 3 chi. Bạch chỉ 3 chi.

Cam-thảo 3 chi. Lậu-lư 3 chi. Bối-mẫu 3 chi.
 Các vị tán mật mỗi lần uống 1, 2 chi với rượu.
 Phương này trị bị thương sưng nhức, vú sưng làm độc cũng
 dùng được.

貝母	漏蘆	甘草	白芷	陳皮	穿山甲	青皮	齒香炒三錢	木香三錢	復元道氣散
三錢	三錢	三錢	三錢	三錢	炒三錢	三錢	三錢	三錢	

PHỤC-NGUYÊN-HƯỢT-HUYẾT-THANG

Sài-hồ 5 chi. Đương-quy 3 chi. Nha-sơn-giáp 3 chi.
 Cam-thảo. Qua-lâu căn 3 chi. Hồng-hoa 2 chi.
 Đào nhơn 20 hột. Đại-Hoàng 1 lượng.
 Các vị tán sơ, mỗi lần dùng 1 lượng thuốc nước 2 chén Rược
 $\frac{1}{2}$ chén xác cùi 8 phần uống trước khi ăn đi cầu thì hết đau nhứt
 Nếu không hết nên uống Nhũ-hương-thần ứng-tán

大黃	川桃	紅花	瓜萎	甘草	穿山甲	當歸	柴胡	復元活血個
一兩	仁五	二錢	根三	二錢	三湯	三錢	五錢	
十錢			錢					

NHŨ-HƯƠNG-THẦN-ỨNG-TÁN

Nhũ-hương 1 lượng, Mật-dược 1 lượng Hắc đậu 1 lượng.
 Tang-bạch-bì 1 lượng, Phá-cổ chỉ 2 lượng, Túc-tử 1 lượng.
 Các vị tán mật, mỗi lần uống dùng 5 chi giảm 1 chén. Nếu còn
 6 phần hòa 1 tỳ Xạ hương uống.

Như bị thương tồn hại, hông thường đau nhức gia Dương-quy 1
lượng Thủy-diệt 5 chỉ (sao đèn)

Phương này hươt huyết lợi khi chỉ thống rất hay bị tồn thương
ứ huyết lưu tại Ngực bụng đau nhức uống *Phục-nghuyên-hươt huyết*
thang cho thông lợi Đại-tièn, nếu còn đau nhức, dùng phương này
uống công hiệu ngay.

破 故 紙	栗 子	桑 白 皮	黑 豆	沒 藥	乳 香	乳 香
炒 二	一 兩	一 兩	一 兩	一 兩	一 兩	神 應 散
兩						

BA-KÍCH-THANG

Ba-kích 5 chỉ. Đại-hoàng 5 chỉ. Dương-quy 1 lượng.

Đại huỳnh 1 lượng, Bạch-thược 1 lượng, Xuyên-khung 1 lượng.

Các vị tán sơ mồi lần dùng 5 chỉ nước 2 chén xác còn 1 chén
uống cho đi cầu.

Phương này hươt huyết hành ứ.

川 芍	白 芍	大 黃	巴 戰	巴 戰
一 兩	一 兩	一 兩	五 錢	湯

PHÁ-Ú-TIÊU-THÓNG-THANG

Khuong-hươt 1 chỉ. Phòng-phong 1 chỉ. Quan-quế 1 chỉ.

Tô-mộc 1 chỉ ruối. Sài-hồ 2 chỉ. Liên-Kiều 2 chỉ.

Dương-quy 2 chỉ. Xạ-hương 1 it. Thủy-diệt 2 chỉ.

Các vị tán mặt dùng 2 chén rượu 1 chén nước (Thủy-diệt Xá hương tán riêng hòa sau) Xắc cồn 1 chén uống làm 2 lần.

Phương này trị tỳ thương, ngực họng đau không ăn uống được

水 蜻	射 香	當 归	連 召	柴 胡	蘇 木	官 桂	防 風	羌 活	破 血
二 錢	一 錢	二 錢	二 錢	二 錢	一 錢	一 錢	一 錢	一 錢	消 痛
					錢 半				湯

THANH-TÂM-DƯỢC

Đơn-bì 2 chi. Dương-quy 3 chi. Xuyên-khung 2 chi.

Xích-thược 2 chi. Sanh-địa 2 chi. Huỳnh-cầm 2 chi.

Huỳnh-liên 2 chi. Liễu-kiều 2 chi. Chi-tử 2 chi.

Đào-nhơn 2 chi. Cam-thảo 2 chi.

Đăng-tâm 2 chi. Bạc-hà 1 chi.

Nước 3 chén xác cồn 1 chén hòa 1 chung Đồng-liện uống.

Phương này trị Tòn-thương hay Kim xang ra máu.

甘 草	桃 仁	枝 子	連 召	黃 連	黃 苞	生 地	赤 芍	川 莪	當 归	牡丹	皮	清 心
二 錢	二 錢	二 錢	二 錢	二 錢	二 錢	二 錢	二 錢	二 錢	三 錢			
										二 錢		

CHỈ-THỐNG-DƯỢC

Đương-quy 1 lượng. Ngưu-tắt 1 lượng. Xuyên-khung 1 lượng.

Sanh-địa 1 lượng. Xích-thược 1 lượng. Bạch-chỉ 1 lượng.

Khương-huot 1 lượng. Độc-huot 1 lượng. Đỗ-trọng 1 lượng

Thục-đoạn 1 lượng. Nhục-quế 5 chỉ. Đại hòi-hương 5 chỉ.
Nhũ-hương 5 chỉ. Một-dược 5 chỉ. Mộc-hương 2 chỉ rưỡi.
Đinh bì 2 chỉ rưỡi. Trầm-hương 2 chỉ rưỡi, Huyết-kiệt 2 chỉ rưỡi
Các vị tán mịn mỗi lần dùng 3 chỉ hòa rượu uống.
Phương này huot huyết, lợi khí chỉ thống rất hay.

肉 繢	杜 獨	羌 白	赤 生	川 牛	當 归	止 痛 藥
桂 斷	仲 活	活 正	芍 地	芎 必	一	
五 一	一 一	一 一	一 一	一 一	兩 一	
錢 兩	兩 兩	兩 兩	兩 兩	兩 兩	兩 大	
		血 沉	丁 木	沒 藥	乳 香	
		竭 香	皮 香	藥 五	茴 香	
		二 二	二 二	錢 五	錢 五	
		錢 錢	錢 錢	錢 錢	錢 錢	
		半 半	半 半	半 半	半 半	

HUOT-HUYẾT THUẬN KHÍ HÀ-THỦ-Ô TÁN

Hà-thủ-ô 3 chỉ. Đương-quy 1 chỉ. Xích-thược 1 chỉ
Bạch-chỉ 1 chỉ. Ô-dược 1 chỉ. Chỉ xác 1 chỉ.
Phòng-phong 1 chỉ. Cam-thảo 1 chỉ. Xuyên-khung 1 chỉ
Trầm-bì 1 chỉ. Hương-phụ 1 chỉ. Tứ-tò 1 chỉ.
Khương-huot 1 chỉ. Độc-huot 1 chỉ. Nhục-quế 1 chỉ.
Bạc-hà 1 chỉ. Sanh địa 1 chỉ.
Nước 3 chén xác còn 1 chén uống ấm.
Nếu đau nhứt lâm gia Nhũ-hương 3 chỉ Một dược 3 chỉ.
Phương này làm cho khi huyết điệu hoa нет đau nhức.

活血順氣何首烏散
何首烏三錢 紫蘇一錢
當歸一錢 茅活一錢
赤芍一錢 獨活一錢
白芷一錢 肉桂一錢
烏藥一錢 薄荷一錢
只壳一錢 生地一錢
防風一錢
甘草一錢
川芎一錢
陳皮一錢
香附一錢

ĐIỀU-KINH-TÁN

Xuyên-khung 1 chi ruồi. Dương-quy 1 chi ruồi. Bạch-throat 1
chi ruồi.

Huỳnh-kỳ 1 chỉ ruồi Thanh-bì 1 chỉ ruồi. Ô-duróc 1 chi.

Trần-bì 1 chi. Thục-địa 1 chi. Nhũ-hương 1 chi.

Hồi-hương 1 chí;

Nước 2 chén xắt c่อน 1 chén uống.

Phương này trị Bị Tồn-thương sau làm cho điều hòa bên trong.

調經散
川芍一錢半
當歸一錢半
白芍一錢半
黃芪一錢半
青皮一錢
陳皮一錢
烏藥一錢
熟地一錢
乳香一錢
茴香一錢

MẪU ĐƠN BÌ TÁN

Mẫu-đơn-bì 3 chi. Dương-quy 3 chi; Cốt-toái bò 3 chi

Hồng-hoa 3 chi. Thực-đoan 3 chi. Nhũ-hương 3 chi.

Một-dược 3 chi. Đào-nhơn 3 chi. Xuyên-kha 2 chi.

Xích-thúc 3 chi. Sanh-dia 3 chi

Nước và rượu hòa chung xác nồng

Phương này trị Tôn-thương làm huot huyết chỉ thông.

牡丹皮三錢
當歸三錢
骨碎補三錢
續斷三錢
紅花三錢
乳香三錢
沒藥三錢
桃仁三錢
川芎三錢
赤芍三錢
生地三錢

QUÁT-TRUẬT-TÚ-VẬT-THẮNG

Dương-quy 2 chi Xuyên-Khung 2 chi Bách thược 2 chi

Sanh-dia 2 chi Trần-bì 1 chi, Bạch-truật 1 chi

Hồng-hoa 1 chi Đào-phân 10 hạt

Xương cốt đau giả Khương-huyết 1 chi Dầu

Nếu chưa hết gia Nhũ-hương 2 chỉ. Mộc-dược 2 chỉ. Nước xắc 3
chén còn 1 chén uống ấm.

Phương này hòa trung, Kiên-tỵ. Hòa-khi, Hỗn-tụ

橘木四物湯
當歸二錢
川芎二錢
白芍二錢
生地二錢
陳皮一錢
白朮一錢
紅花一錢
桃仁十枚

ĐƯƠNG-QUY-BỎ-HUYẾT-THANG

Đương-quy 2 chi. Xuyên-Khung 2 chi. Bạch-thược 2 chi.
Thục-dịa 2 chi Khương-huot 2 chi Độc-huot 2 chi.
Phòng-phong 2 chi Liên-kiều 2 chi Nhũ-hương 2 chi.
Mật-dược 2 chi Bạch chi 2 chi Thực-đoạn 2 chi.
Đỗ-trọng 2 chi Sanh-dịa 2 chi.
Như khi hư gia Nhơn-sâm 2 chi, Bạch-truật 2 chi Huỳnh-kỳ 2 chi
Nước 3 chén xác còn 1 chén Hòa Đồng-tiên uống ấm (không
nên hòa Rượu)
Phương này trị tần thương phá cơ nhục vong huyết nhiều hoặc
bi đau thường ra huyết.

當歸二錢 杜仲二錢
川芎二錢 生地二錢
白芍二錢 熟地二錢
防風二錢
連召二錢
羌活二錢
獨活二錢
乳香二錢
沒藥二錢
白芷二錢
續斷二錢

TIỂU-SÀI-HỒ-THANG

Sài-hồ 2 chỉ Huỳnh-cầm 1 chỉ 5 phần Chẽ-bán hạ 1 chỉ.
Nhơn-sâm 1 chỉ. Chích-thảo 5 phần. Sanh-cương 2 phiến.
Nước xác 3 chén còn 1 chén uống ấm.
Phương này hòa trung bồ chánh.

小柴胡湯
柴胡二錢
黃芩一錢
半夏一錢
人參一錢
炙甘草五分

ÍCH-KHÍ-DƯỠNG-HUYẾT-THANG

Nhơn-sâm 1 chi. Huỳnh-kỳ (sao) 1 chi. Đương-quy 1 chi.
 Xuyên-khung 1 chi. Thực-dịa 1 chi. Bạch-thược (sao) 1 chi.
 Hương-phụ 1 chi. Bối-mẫu 1 chi. Phục-linh 1 chi.
 Trần-bì 1 chi. Bạch-truật 2 chi. Sài-hồ 6 phần.
 Cam-thảo 5 phần. Kiết-cánh 5 phần. Gừng 3 lát.
 Nước 3 chén xác còn 1 chén uống.
 Như miệng táo gia Ngũ-vị 1 chi. Mạch-môn 3 chi phát nóng lạnh
 gia Thanh-bì 1 chi.
 Phương này hóa đàm lợi khí.

柴	白	陳	蓴	貝	香	白	熟	川	當	黃	人	參	一	錢	益	氣	養	血	湯
胡	术	皮	苓	母	附	芍	地	芎	歸	芪	一	錢	一	錢	甘	草	五	分	
六	二	一	一	一	一	一	一	一	一	錢	一	錢	一	錢	吉	梗	五	分	
分	錢	錢	錢	錢	錢	錢	錢	錢	錢	錢	錢	錢	錢	錢					

THÁNH DŨ-THANG

Thực-dịa 2 chi. Sanh-dịa 2 chi. Huỳnh-kỳ (sao) 2 chi.
 Nhơn-sâm 2 chi. Đương-quy 1 chi. Xuyên-khung 1 chi.
 Nước 1 chén rưỡi xác còn 1 chén uống ấm.

川	當	人	生	熟	聖	愈	湯
芎	歸	參	地	地			
一	一	二	二	二			
錢	錢	錢	錢	錢			

LỤC-VỊ-ĐỊA HUỲNH-HOÀN

Thục-địa 8 lượng Sơn-thù-nhục 4 lượng.

Hoài-sơn 4 lượng. Mẫu-dơn-bì 3 lượng.

Trạch-tã 3 lượng Phục-linh 3 lượng.

Các vị tán mịn mật hoàn 3 cái mỗi lần uống 1 hoàn.

六味地黃丸

熟地八兩

山萸肉四兩

山藥四兩

牡丹皮三兩

茯苓三兩

澤紅三兩

牡丹皮三兩

牡丹皮三兩

MỘT-DƯỢC-HOÀN

Một-dược 5 chi Nhũ-lương 5 chi Xuyên-khung 5 chi.

Xuyên-tiêu 5 chi Bạch-thược 5 chi Dương-quy 5 chi.

Trị-Nhiên-dồng 2 chi rươi.

Các vị tán mịn dùng sáp vàng 2 lượng thăng chày hòa thuốc vo
hoàn 5 phần uống với rượu.

Phương này trị Tôn thương làm gân cốt đau nhức.

溫藥丸

沒藥五錢

乳香五錢

川芎五錢

白芍五錢

川椒五錢

自然銅二錢半

GIA-VỊ QUÝ-TỲ-THANG

Hắc-son-chí 1 chỉ, Mẫu-dơn-bì 1 chỉ, Nhơn-sâm 1 chỉ.
(Chích) Huỳnh-kỳ 1 chỉ ruỗi, Bạch-truật (sao) 1 chỉ 5 phần.
Phục-thần 2 chỉ, Sao-táo-nhơn 1 chỉ 5 phần,
Đương-quy 1 chỉ, Mộc-hương 5 phần, Viễn-chí 8 phần.
Mộc-hương 5 phần, Viễn-chí 8 phần, Nhán-nhục 2 chỉ.
(Chích) Cam-thảo 5 phần, Sanh-cương 3 lát, Đại-táo 3 trái.
Nước 3 chén xắc còn 1 chén uống ấm.
Phương này Hòa Trung bồ khi Hành trè.

加味歸脾湯
黑山楂一錢 木香五分
牡丹皮一錢 遠志八分
人參一錢 眼肉二錢
炙黃芪一錢半 炙甘草五分
白朮一錢半
茯神二錢半
炒棗仁一錢
當歸一錢

LỰC QUÂN TỬ THẮNG GIÀ SÀI-HÒ, KHUNG QUÝ PHƯƠNG

Nhơn-sâm 2 chỉ, Bạch-truật 2 chỉ, Bạch-phục-linh 2 chỉ.
Chích-thảo 5 phần, Chẽ-bán-hạ 2 chỉ, Trần-bì 1 chỉ.
Sài-hồ 5 phần, Xuyên-khung 2 chỉ, Hương-quy 2 chỉ.
Nước 3 chén xác còn 1 chén uống ấm.

六君子湯加
柴胡芍歸方
人參二錢
白茯苓二錢
炙甘草五分
白朮二錢
半夏二錢
陳皮一錢
柴胡五分
川芎二錢
當歸二錢

Phương này Hòa-vi, Sơ-can Lợi-khi.

NHỊ-TRẦN THANG GIA CÂU-ĐÀNG PHƯƠNG

Trần-bì 1 chi rươi, Bán-hạ 2 chi, Phục-linh 2 chi.
 Cam-thảo 5 phần, Bạch-truật 2 chi, Xuyên-khung 2 chi.
 Dương-quy 2 chi, Sơn-chi 2 chi, Thiên-ma 1 chi.
 Câu đằng 2 chi.
 Nước 3 chén xác còn 1 chén uống ấm.

鉤	天	山	當	川	白	甘	茯	半	陳	皮	二
藤	麻	枝	歸	芎	朮	草	苓	夏	夏	一	陳湯
二	一	二	二	二	二	五	二	二	二	錢	加鉤藤方
錢	錢	錢	錢	錢	錢	分	錢	錢	錢	半	

二陳湯加鉤藤方

ĐƯƠNG-QUY ĐẠO-TRỆ TÁN

Đương-quy 2 chi rươi, Đại-hoàng (Rượu sao) 1 lượng.
 Xạ-hương 3 phần.
 Tân-mat hòa Xạ-hương mỗi phục 3 chi.
 Uống với rượu, ngày 3 lần, đêm 1 lần.
 Hoặc dùng Đại-Hoàng 2 lượng, đương-quy 2 lượng.
 Tân-mat mỗi phục 3 chi. Uống nhiều lần với rượu.
 Hai phương này trị Trật-đã, tòn thương phát sưng, nhức, út huyệt bên trong làm Suyên-túc đau bụng Đại-liện bi.

射	大	當	當
香	黃	歸	歸
三	一	二	尊
分	兩	錢	淨
		半	散

GIA-VI-THỪA-KHÍ-THANG

Dai-hoàng 2 chỉ Phát-tiêu 2 chỉ Cửi-thiệt 1 chỉ.

Hầu-phát 1 chỉ Dương-quy 1 chỉ Hồng-hoa 1 chỉ Cam-thảo 5 phau

Nước 1 chén Rượu 1 chén xắc cùn 1 chén uống.

Phương này trị Tồn thương Đau bụng đại tiện không thông ứ huyết bên trong uống cho xđ.

Nếu xô rồi mà chưa hết đau, dùng Phuơng Gia vị Tứ-vật-thang
bỗ lai và trục út huyết.

加味承氣湯
大黃二錢
朴硝二錢
只實一錢
厚朴一錢
當歸一錢
紅花一錢
甘草五分

GIA VI TÚ-VẬT-THANG

Xuyên-khung 2 chỉ Dương-quy 2 chỉ Bạch-thuộc 2 chỉ.

Thực-địa 2 chỉ Đào-nhơn 2 chỉ Hồng-hoa 1 chỉ.

Xich-thrygc 2 chi Den-bi 2 chi.

Nhớc 2 chén xắc còn 1 chén uống.

加味四物湯
川芎二錢
當歸二錢
熟地二錢
白芍二錢
桃仁三錢
紅花一錢
赤芍二錢
丹皮二錢

ĐỊA-LONG-TÁN

Địa-long 9 phần. Quan-quế 9 phần.

Tô-mộc 9 phần. Ma-hoàng 7 phần Huỳnh-bá 1 chỉ ruỗi.

Đương-quy 1 chỉ ruỗi. Cam-thảo 1 chỉ ruỗi. Đào-nhợn 9 hột.

Nước 2 chén xác còn 1 chén uống.

Phương này trị Lung đau, hoặc vì Trật đĩa, Tòn thương út tích làm Lung đau.

桃	甘	當	黃	麻	蘇	官	地	地
仁	草	歸	柏	黃	木	桂	龍	龍
五	一	一	一	七	九	九	九	散
個	錢	錢	錢	分	分	分	分	
	半	半	半					

LỤC-QUÂN-TỬ-THANG

Nhơn-sâm 2 chỉ Bạch-truật 2 chỉ Phục-linh 2 chỉ.

Chích-thảo 1 chỉ Trần-bì 1 chỉ Chế Bán hạ 2 chỉ.

Nước 3 chén xác còn 1 chén uống ấm.

半	陳	炙	茯	白	人	六
夏	皮	甘	苓	术	參	君
二	一	草	二	二	二	子
錢	錢	一	錢	錢	錢	湯

QUY-TÝ-THANG

Đương-quy-thân 1 chỉ. Nhơn-sâm 2 chỉ Bạch-phục-linh 2 chỉ.
Sao Huỳnh-kỳ 2 chỉ. Sao Bạch-truật 2 chỉ.
Long-nhản-nhục 2 chỉ. Sao-Táo-nhơn 2 chỉ. Mộc-hương 5 phần.
Chích-cam-thảo 5 phần Viễn-chí 1 chỉ.
Sauh-cương 3 lát. Hồng-táo 2 trái.
Nước 3 chén xắt còn 1 chén uống ấm.

Phương này trị Tồn thương sau giảm nhưng người còn yếu, tinh thần mè mệt. Dùng uống điều dưỡng.

當歸脾湯
人參二錢
茯苓二錢
黃芪二錢炒
白朮二錢
眼肉二錢
炒棗仁二錢
木香五分
炙甘草五分
遠志一錢

THẬP-NHI-SÂM-TÔ-TÁN

Nhợn-sâm 1 chi Tú-tô 1 chi Chẽ-Bán-hạ 1 chi.
Phục-linh 1 chi Trần-bì 1 chi Kiết-cánh 1 chi.
Tiền-bồ 1 chi Các-căn 1 chi Chỉ-thịt 1 chi.
Cam-thảo 5 phần. Sanh-cương 3 lát.
Nước 3 chén xắt c่อน 1 chén uống.

十味參蘇散
人參一錢 紫蘇一錢
半夏一錢 茯苓一錢
桔梗一錢 陳皮一錢
葛根一錢 前胡一錢
只實一錢 甘草五分

HOA-NHUY-THẠCH-TÁN

Hoa-nhuy-thạch 4 lượng. Lưu-hoàn 1 lượng.

Tán mịn bỏ vào nồi dùng muối và bùn bít kín miệng để vào lò
than nung từ sau giờ Ngọ đến nữa đêm lấy ra tán mịn dùng.

Mỗi lần uống 3 chỉ với đồng tiện.

Phương này trị các loại kim xang, Trật-dã tốn thương, lâu ngày
máu ứ sưng nhức, hay bị chò cắn uống cũng công hiệu.

共	硫	花	花
研	黃	蕊	蕊
末	一	石	石
	兩	四	散

C-DIỆP-HUỲNH-KỲ-THANG

Đạm-trúc-diệp 1 chỉ Sành-địa 2 chỉ Sanh-huỳnh-kỳ 2 chỉ.

Mạch-đông 2 chỉ Đương-quy 1 chỉ Xuyên-khung 1 chỉ.

Chích-thảo 1 chỉ Huỳnh-cầm (sao) 1 chỉ Bạch-thược 1 chỉ.

Nhơn-Sâm 1 chỉ Bán-hạ 1 chỉ Thạch-cao-phi 1 chỉ.

Sanh-cương 3 lát Đắng-tâm 20 cộng.

Nước 2 chén xác còn 8 phần uống ấm.

Phương này trị khát nước, khí huyết hư, Vị hỏa vượn.

石	半	人	白	黃	炙	川	當	麥	生	生	淡	竹	竹葉
膏	夏	參	芍	芩	甘	芎	歸	冬	黃	芪	地	葉	黃芪湯
一	一	一	一	一	草	一	一	二	二	錢	二	錢	
錢	錢	錢	錢	錢	一	錢	錢	錢	二	錢	錢	錢	

TRÚC-DIỆP-THẠCH-CAO-THANG

Trúc-diệp 2 nắm. Thạch-cao 1 lượng 6 chỉ Bán-hạ 3 chỉ.

Nhơn-sâm 3 chỉ Chích-thảo 2 chỉ Nếp nửa chén Mạch-môn 1 chén

Các vị thuốc bỏ vào 10 chén nước nấu còn 6 chén bỏ Nếp vào
nấu sau bỏ Nếp dùng 1 chén nước uống mỗi ngày 3 lần.

Phương này trị phiền nhiệt làm khát nước không đứt.

參	梗	炙	人	半	石	竹	竹
冬	末	甘	參	夏	膏	葉	葉
一	半	草	三	半	兩	二	石
碗	碗	錢	錢	碗	六	把	膏
							湯

NHUẬN-TRƯỜNG-HOÀN

Khương-huot 5 chỉ, Dương-quy-vỹ 5 chỉ, Đại-hoàng 5 chỉ.

Ma-nhơn 1 lượng, Đào-nhơn 1 lượng.

Các vị tán mật mật hòa hoàn nhỏ.

Mỗi lần uống 35 hoàn uống với rượu trước khi ăn, bụng trống.

Phương này nhuận trường hòa huyết, nhưng người hư nhược
hay ra máu nhiều không nên dùng.

桃	麻	大	當	潤
仁	仁	黃	歸	楊
一	一	五	尾	九
兩	兩	錢	五	
			錢	

NGỌC-CHÚC-TÁN

Sanh-địa 2 chi, Đương-quy 2 chi, Xuyên-khung 2 chi.
 Xích-thược 2 chi, Đại-hoàng 2 chi Mang-tiêu 2 chi.
 Sanh-cương 3 lát.
 Nước 3 chén xác còn 1 chén uống.
 Phương này hòa Huyết thông Đại-tiện.

大	赤	川	當	生	王
黃	芍	芎	歸	地	燒
一	二	二	二	二	散
錢	錢	錢	錢	錢	

SƠ-PHONG-BẠI-ĐỘC-TÁN

Đương-quy 3 chi, Xuyên-khung 3 chi Bạch-thược 3 chi
 Thục-địa 3 chi, Khương-hujet 1 chi, Độc-hujet 1 chi.
 Kiết-cánh 1 chi, Chỉ-xác 1 chi, Sài-hồ 1 chi.
 Bạch-chỉ 1 chi, Cam-thảo 1 chi, Phục-linh 1 chi.
 Tứ-tô 1 chi. Trần-bì 1 chi. Hương-phụ 1 chi.
 Nước 3 chén xác còn 1 chén uống.

便	甘	白	柴	只	桔	獨	羌	熟	白	川	當	陳	陳	陳
茶	草	芷	胡	壳	梗	活	羌	地	芍	芎	歸	皮	附	蘇
一	一	一	一	一	一	一	一	三	三	三	三	一	一	一
錢	錢	錢	錢	錢	錢	錢	錢	錢	錢	錢	錢	錢	錢	錢

疏風敗毒散

GIA-VI--GIAO-GIATÁN

Dương-quy 2 chi. Xuyên-Knung 2 chi. Bạch-thược 2 chi
Sanh-dia 2 chi. Thương-truật 1 chi. Hâu-phát.

Trần-hì 2 chǐ Phúc-linh 2 chǐ, Bán-hà 2 chǐ 1 chǐ.

Khung-a-haget 1 chỉ, Dao-haget 1 chỉ, Kiết cánh 1 chỉ.

(Chỉ-vết 1 chép Tiềng-hồ 1 chỉ-vết). Sài-hồ 1 chỉ.

Còn-xát 1 cm. Trehalose 1 cm. Kali. Sari-ko 1 cm,
Cao-cung-3 shap. Nhuc-quê 3 phân. Cam-thà

Sanh emong 3 lát

Saint-Étienne 3 lat.
Nantes 3 chau vœu

Nước 3 chén xac còn 1 chén uống anh.

Nếu bình nhọn nồng ho Cân cương, Nhịp que.

加味交加散
當歸二錢 獨活一錢
川芎二錢 吉梗一錢
白芍二錢 只壳一錢
生地二錢 前胡一錢
蒼朮一錢 乾羌五分
厚朴一錢 肉桂五分
陳皮二錢 甘草五分
茯苓二錢
半夏二錢
羌活一錢

KHƯƠNG-HƯƠT-NHŨ-HƯƠNG-THANG

Khuong-huot 1 chi, Đoxic-huot 1 chi, Xuyên-khung 2 chi.

Đương quy thân 2 chi, Xích-thược 2 chi, Phòng-phong 2 chi.

Kinh-giới 2 chỉ, Đon-bì 2 chỉ, Tục-đoan 2 chỉ.

Hồng-hoa 2 chǐ, Đào-nhan 2 chǐ, Trần-bì 2 chǐ,

Nước 3 chén xác còn 1 chén uống

Như có phát sốt già Sài-hồ 1 chỉ, Huyện-k-cầm 3 chỉ.

羌活一錢 桃仁二錢
獨活一錢 陳皮一錢
川芎二錢
當歸身二錢
赤芍二錢
防風二錢
荆芥二錢
牡丹皮二錢
續斷二錢
紅花二錢

**Phụ những phương thuốc Bắc và thuốc Nam gia truyền
trị Trật-dã**

Sau đây chúng tôi sưu tầm những phương thuốc kinh nghiệm của các vị danh-y gia truyền về khoa Trật-dã xin phô biến để khi lâm sản trị bệnh quý vị có thể tự chế dùng:

CỐT-CHIẾT NỘI PHỤC PHƯƠNG

(Thuốc uống trong trị gãy xương)

Cốt-toái-bồ 3 chỉ, Xuyên-doan 3 chỉ, Xuyên-gia-bì 3 chỉ.

Hai-dồng-bì 2 chỉ, Dương-quy 4 chỉ, Tam-thất 1 chỉ.

Nhũ-hương 1 chỉ, Mật-dược 1 chỉ, Huyết-kiệt 8 phân
Trị-Nhiên-đồng 1 chỉ.

Dùng 2 lit rượu xác thuốc còn 2 chén uống nhiều lần, hoặc
dùng rượu thuốc này nấu với gà giò; nhưng cũng chỉ uống rượu.
Rượu uống say càng tốt.

Phương này làm thông huyết và giúp sanh chất xương.

自	血	沒	乳	三	當	海	川	川	骨	骨
然	竭	藥	香	七	歸	桐	加	斷	碎	折
銅	八	一	一	一	四	皮	皮	三	補	內
一	分	錢	錢	錢	錢	二	三	錢	三	服
錢						錢	錢		錢	方

CỐT-CHIẾT-NGOẠI-SÁT-THƯƠNG.

(Thuốc bó gà trị gãy xương)

Xuyên-ô 2 chỉ, Thảo-ô 2 chỉ, Sanh-quân 4 chỉ.

Danh-dị 2 chỉ, Tục-doan 3 chỉ, Toái-bồ 2 chỉ.

Bạch-chỉ 2 chỉ, Chi-tử 2 chỉ, Nhũ-hương 1 chỉ ruối.

Mật-dược 1 chỉ ruối; Huyết-kiệt 8 phân, Ký-nô 2 chỉ.

Điền-thất 1 chỉ.

Các vị tán mật dùng 1 con gà con mổ bỏ ruột không nên rửa nước. Cùng với thuốc đậm nhuyễn bó chõ xương gãy, ngoài dùng cây đăng bó.

Phương này cũng làm thông huyết giúp sanh chất xương.

骨折外敷方一
川烏二錢 血竭八分
草烏二錢 寄奴二錢
生軍四錢 田七一錢
續斷三錢 碎補二錢
白芷二錢 枝子二錢
乳香一錢半 没藥一錢半

CỐT-CHIẾT NGOẠI-SÁ PHƯƠNG (2).

Thuốc tán bó gãy xương.

Sanh Mă.tiến 3 chỉ Đinh.hương 1 chỉ Sanh.thảo ô 2 chỉ.

Xích-thuốc 1 chỉ Long-não 1 chỉ Mật-diroc 2 chỉ

Quế-khâu 2 chỉ Nhũ-hương 2 chỉ Băng-phiến 1 chỉ

Tuế-tan 2 chỉ Cam-toai 2 chỉ Đại-hoàng 2 chỉ

Sanh xuyên Ø 2 chỉ Sanh năm tinh 2 chỉ Cam thảo 2 chỉ

Các vị tân mai hòa giám hay lư xù xà đài

Sau khi sửa xương ngay lại rồi dùng thuốc này bó đắp 24 giờ thay 1 lần.

骨折外敷方(二)	
生馬前 三錢	細辛 二錢
丁香 一錢	甘遂 二錢
生草烏 二錢	大黃 二錢
赤芍 一錢	生川烏 二錢
龍腦 一錢	生南星 二錢
沒藥 二錢	甘草 二錢
桂叩 二錢	
乳香 二錢	
冰片 一錢	

SƠ-CÂN HUỐT-HUYẾT TÂY PHƯƠNG

(Thuốc xức thông huyết mạch).

Quế-chi 2 chi, Xuyên-gia-bì 2 chi, Hồng-hoa 2 chi.

Quy-vỹ 2 chỉ, Xuyên-đoan 2 chỉ, Nhiên-đồng 2 chỉ.

Lac-dắc đã 2 chi. Nhũ-hương 2 chi. Một dược 2 chi.

Cường-huyện 2 chỉ, Tu-đàn 1 chỉ, Sanh-quân 3 chỉ.

Nước 4 chén xắt c่อน 2 chén rửa chỗ vết thương.

Phương này làm bớt mủ, thông huyết, hết đau nhức.

Khi bị thương gãy xương trật khớp dùng xức rửa, hoặc khi thay thuốc cũng dùng thuốc này rửa.

舒筋活血洗方
桂枝二錢 没藥二錢
川加皮二錢 羌黃二錢
紅花二錢 細辛一錢
歸尾二錢 生軍三錢
川斷二錢
然銅二錢
落得打二錢
乳香二錢

TRẬT ĐÃ CỰU-HUAN CÂN-CỐT THỐNG PHƯƠNG

Thuốc trị bị thương sau gân sưng đau nhức.

Ngưu-tất 3 chi, BẮc-kỳ 3 chi, Ngọc quế 5 phân.

Đương-quy 5 chỉ, Hải-đồng bì 3 chỉ, Hò-cốt 8 chỉ.

Độc-huợt 2 chỉ, Xuyên-đoan 3 chỉ, Sanh-đia 5 chỉ.

Cuong-huynh 1 chi.

Nước 3 chén rứti xác còn 1 chén uống ấm.

Phương này làm mạnh gân cốt, trừ Phong-thấp, huot huyết trị
giảm đau nhức.

羌 生 川 獨 虎 海 當 玉 北 牛 筋 跌
黃 地 斷 活 骨 桐 皮 五 桂 茂 三 必 骨 打
一 五 三 二 錢 錢 八 錢 二 分 錢 三 痛 舊
錢 錢 錢 錢 錢 錢 錢 錢 方 患

錢

TRẬT-ĐÃ THƯƠNG, HẬU THỎ-HUYẾT BÁT CHỈ PHƯƠNG

Thuốc trị bị thương sau Thỏ huyết hoài không cầm được.

Sao-Bồ-hoàng 3 chỉ, Quyền-bá 3 chỉ, Đibiền-thất 3 chỉ,

Đương-quy 5 chỉ, Sanh-dịa 5 chỉ, Ngâu-liết 5 chỉ.

Ngru-tắt 3 chỉ.

Nước 3 chén xác còn 1 chén uống ấm.

Hoặc tán mật mỗi lần uống 2 chỉ.

Phương này cầm máu trừ út huyết rất hay.

牛 七 三 錢 蘭 葖 生 地 五 錢 當 彎 五 錢 田 七 三 錢 卷 柏 三 錢 沔 蒲 黃 三 錢

跌 打 傷 後 吐 血 不 止 方

**PHƯƠNG TRỊ XƯƠNG GÂN ĐAU
YẾU VÔ LỰC**

Lộc-cân (gân nai) 1 lượng, Trư-cân (gân heo) 1 lượng.

Ngru-cân (gân bò) 1 lượng, Xuyên-doạn 4 chỉ.

Toái-bồ 3 chỉ, Ngru-tắt 4 chỉ, Dương-quy 8 chỉ.

Bắc-kỳ 4 chỉ, Xuyên-gia-bì 3 chỉ, Đỗ-trọng 3 chỉ.

Nước 5 chén xác còn 1 chén uống ấm.

Phương này trị tất cả các chứng gân cốt bị yếu đau nhức, ủ động vô lực, công hiệu mạnh gân xương dưỡng huyết.

杜仲	川芎	北芪	當歸	牛必	碎補	川斷	牛筋	猪筋	鹿筋
三錢	加皮	四錢	八錢	四錢	三錢	四錢	一兩	一兩	一兩
	三錢	三錢	錢	錢	錢	錢	兩	兩	兩
			錢						

TRẬT ĐÃ HOÀN (Hoàn trị Trật-dã)

Hùng-đởm (mật gấu) 2 chỉ, Hỗn-phách 4 chỉ.

Điền-thất 4 chỉ, Thủ-miết-trùng 4 chỉ, Huyết-kiệt 4 chỉ.

Tam-lăng 4 chỉ, Nga-truật 4 chỉ, Xuyên-doạn 4 chỉ,

Bạch-chỉ 4 chỉ, Dương-quy-vỉ 4 chỉ, Nhiên-đồng 4 chỉ.

Trạch-lang 4 chỉ, Hương-phụ 4 chỉ, Nhũ-hương 4 chỉ.

Một-dược 4 chỉ, Phòng-phong 4 chỉ Quế-chi 4 chỉ.

Hồng-hoa 4 chỉ, Sơn-giáp 4 chỉ, Lương-cương 4 chỉ.

Ô-dược 4 chỉ, Khương-huot 4 chỉ, Ma-hoàng 4 chỉ.

Sanh-địa 4 chỉ, Xuyên-khung 4 chỉ.

Tán-mật mật-hoàn nặng 2 chỉ.

Phương này trong uống ngoài xức cũng công hiệu.

Trị tất cả các loại Trật đã thương tồn.

跌打丸

川 斷 四 錢	莪 术 四 錢	血 竭 四 錢	土 龜 壤 四 錢	田 七 四 錢	琥珀四錢	熊 胆 二 錢
山 甲 四 錢	紅 花 四 錢	桂 枝 四 錢	防 風 四 錢	沒 藥 四 錢	乳 香 四 錢	白 茉 四 錢
				香 附 四 錢	澤 蘭 四 錢	當 歸 尾 四 錢
					然 銅 四 錢	烏 藥 四 錢
					羌 活 四 錢	良 羌 四 錢
				川 芎 四 錢	生 地 四 錢	麻 黃 四 錢

TRẬT-ĐÀ-TỮU (Thuốc Rượu trị Trật đᾶ)

Đương-quy 4 chi, Quế-chi 2 chi, Hồng-hoa 2 chi.

Thủ-đ 3 chi, Bắc-kỳ 3 chi, Xuyên-khung 3 chi.

Bạch-chỉ 2 chi, Dồ-trọng 3 chi, Ô-dược 2 chi.

Xuyên-gia-bì 3 chi, Đào-nhơn 2 chi, Sành-địa 3 chi.

Xuyên-đoạn 3 chi, Tâu-mả-thai 3 chi, Bạch-thược 3 chi.

Độc-huợt 2 chi, Mộc-hương 2 chi, Chi-tử 2 chi.

Trần-bì 2 chi, Cầm-xạ-lặc 3 chi.

Ký-nô 2 chi, Nhiên-đồng 2 chi, Toái-bồ 3 chi.

Chẽ-xuyên-ô 3 chi, Danh-dị 2 chi.

Trước dùng 1 lít rượu chưng cho ra thuốc hết, sau dùng 4 lít rượu ngâm uống.

Phương này cũng có thể trong uống ngoài bóp công hiệu Trừ ú huyệt sanh tâm huyết, Tiêu sưng và cũng trừ Phong-thấp.

跌打酒 (一)

當歸四錢	桃仁二錢	寄奴二錢
桂枝二錢	生地三錢	然銅二錢
紅花二錢	川斷三錢	碎補三錢
首烏三錢	走馬胎三錢	製川烏三錢
北芪三錢	獨活二錢	名異二錢
川芎三錢	木香二錢	
白芷二錢	枝子二錢	
杜仲三錢	陳皮二錢	
烏藥二錢	錦乍勒三錢	
川加皮三錢	白芍三錢	
川加皮三錢	白芍三錢	

TRẬT ĐÃ TRỮU. (2)

Thuốc Rượu Sơn động trị Đánh, té Túc.

Đại-hoàng 1 lượng, Lư-hội 5 chǐ, Xuyên-diễn-thất 5 chǐ.

Tô-mộc 5 chǐ, Tam-lăng 5 chǐ, Nga-truật 5 chǐ.

Xuyên-khung 5 chǐ, Quy-vĩ 5 chǐ, Hồng-hoa 3 chǐ.

Mộc-hương 3 chǐ, Đồ trọng 5 chǐ, Tần-giao 5 chǐ.

Cam-thảo 5 chǐ, Nhục-quế 5 chǐ, Tục-doạn 5 chǐ.

Ngâm 2 lit rượu trong 5 ngày gia thêm đường phèn mỗi lần
nồng 1 ly nhỏ.

跌打山東酒

大黃一兩	杜仲五錢
蘆薈五錢	葵光五錢
川田七五錢	甘草五錢
蘇五錢	肉桂五錢
川芎五錢	續斷五錢
莪朶五錢	
三稜五錢	
歸尾五錢	
紅花三錢	
木香三錢	

ĐỢI-ĐAO-THANG : (Thuốc uống phá miệng)

Bắc-kỳ 3 chǐ, Nhũ-hương 1 chǐ ruối, Chánh-giác-thích 2 chǐ.

Cam-thảo 1 chǐ.

Nước 1 chén ruối, xác uống ấm.

Phương này trị ú huyết sưng đau nhức không phá miệng dùng uống trong cho phá miệng ra mủ khỏi dùng dao mổ.

THÂU-NÙNG-TÁN (Thuốc khô mủ).

Bắc-kỳ (sao) 1 lượng, Xích-thược sao 1 lượng.

Bạch-chỉ (sao) 1 lượng.

Các vị tán mạt.

Trước dùng rượu rửa miệng ghẽ hay vết thương sau dùng dầu dừa hòa thuốc đắp.

Phương này trị các vết thương hay ra mủ, nước không khô.

THÂU-KHẨU-TÁN (Thuốc lành miệng).

Ngũ-bội-tử 1 lượng ruối, Đại-hoàng 1 chǐ ruối.

Tán thật mịn, dùng đắp trên vết thương.

Phương này làm cho lành miệng vết thương hoặc vì miệng ghẽ lớn không tóm miệng được rất hay.

TẨY-HỦ-PHƯƠNG

(Thuốc sát trùng trừ thịt thối).

Minh-phấn, Xích-thược, Văn-cáp, Phòng-phong, Xuyên-huynh liên, Bạch-chỉ, Kinh-giới, Khô-sâm, Cam-thảo.

Các vị bằng nhau dùng nước nấu rửa tại miệng ghẽ trừ mủ sát trùng, khỏi thối.

SANH-CƠ-TÁN (Thuốc sanh da non)

Long-cốt-chẽ 2 chǐ, Da voi-đốt 2 chǐ Ô-mai-nhục-đốt 1 chǐ,
Tam-thất 1 chǐ.

Trân-châu 2 phần, Mai-phiến 3 phần, Hỗ-phách 5 phần.

Các vị tán mịn dùng đắp trên miệng ghẽ hết ra máu, hết sưng
nhức sanh da non lành miệng.

KIỆN-BỘ-HOÀN (Thuốc bồ mạnh gân xương)

Hồ-canh-cốt 1 lượng, Thục-địa 8 chǐ, Hà-thủ ô 8 chǐ
Ngưu-tắt 7 chǐ, Thục-đoạn 7 chǐ Gân-nai 2 lượng.

Kè-huyết-tắt-đắng 1 lượng, Cam-thảo 3 chǐ.

Huỳnh-kỳ 8 chǐ, Đương-quy 8 chǐ Độc-huyết 5 chǐ.

Xuyên-gia-bì 5 chǐ, Mộc-qua 5 chǐ Bạch-thược 7 chǐ.

Các vị tán mịn, mật hoàn nhỏ mỗi lần uống 4 chǐ.

Phương này trị xương bị thương sau yếu, đi đứng không được
bình thường dùng bồ khí huyết, mạnh gân xương trừ Phong-thấp
rất hay.

(Tất cả chǐ Hán các tên thuốc sau này xem ở trước).

THUỐC NAM BÓ GẦY TRẶC XƯƠNG

Tỏi-lợi 1 củ Cây-lá-vang (Đô-mộc) 1 nắm, Cây-chư-rít 1 nắm.

Rau-má 20 cọng, Rau-muống-biền 20 cọng.

Rau-trai 20 ngọn, Lá-hồng-bụp 20 lá.

Muối-hột 1 ít, Cây-lá-Phù-dung 1 nhúm.

Các thứ đâm nhuyễn dịch đắp chỗ gãy, trặc, đắng bò cát, trong
24 giờ thay 1 lần.

Phương này dùng không hoặc đâm với gà đắng bò càng hay.

CAO THUỐC NAM TRỊ BỊ ĐÁNH TÉ Ứ HUYẾT BẰM

Cây-vông-đồng 1 lượng, Rè-lá-cây-quao 1 lượng.

Giấy-thần-thông 1 lượng, Rè-ñgũ-tráo 1 lượng.

Dây-cứt-quạ 1 lượng, Rề-cây-mầm 5 chǐ.

Củ-riềng 5 chǐ, Củ-điền-thất 1 lượng.

Rề-voi-voi 1 lượng, Vỏ-quit 5 chǐ.

Rề-cây-muồng 1 lượng Rề-nhào 1 lượng.

Cây-giáng-hương 1 lượng, Củ-cỏ-cú 1 lượng.

Rề-cây-cù-dèn 1 lượng, Ngãi-xanh (Tam-nại) 5 chǐ.

Các vị đặc nhỏ đồ nước xấp nấu sòi nứa giờ lợt bỏ xác, thêm vỏ 1/4 lit rượu nấu cao sền sệt mỗi lần uống 2 hay 3 muỗng cà phê.

Phương này trị bị té, đánh, bầm ứ huyết rất hay.

THUỐC NAM LÖNG BỊ TÉ, ĐÁNH, ĐAU NHỨC.

Rề nhài 3 nhúm.

Cây-vang (Tô-mộc) 3 nhúm.

Nãi-xanh (Tam-nại) 3 nhúm.

Vỏ-quit 1 lượng, Rề-ô-môi 3 nhúm.

Nhục-quế 1 chǐ, Đường-cát-trắng 2 muồng.

Nước 3 chén, Rượu 1 chén xác còn 1 chén uống.

Trước khi ăn uống 1 chung nhỏ.

Sau đây xin giới thiệu thêm những phương thuốc trị n hiệm của các Địa-phương ở Trung-Hoa và những phương Bị truyền lâu đời chưa được phổ biến, nhờ các nhà hảo-tâm sưu tầm để giúp cho Khoa Trật-dã được nhiều Phương-lịch-trị cứu đờ.

Bị thương Kôn mê bất tỉnh.

VẬN-NAM VƯƠNG-VĨNH KHƯƠNG-PHƯƠNG.

Trị Trật-dã tồn-thương làm hôn mê bất tỉnh.

Phương thuốc.

Quy-vỹ 3 chǐ, Đào-nhơn 3 chǐ, Hồng-hoa 3 chǐ.

Tự-nhiên-đồng 3 chǐ, Trần-bì 3 chǐ, Thô-miết-trùng 3 chǐ.

Đại-hoàng 3 chǐ, Cốt-toái-bồ 3 chǐ, Tóc trẻ con (đốt) 1 chǐ.

Nhũ-hương 3 chǐ, Mật-dược 3 chǐ, Châu-sa 3 chǐ.

Hùng-huỳnh 3 chǐ, Xạ-hương 2 phân, Huyết-Kiệt 3 chǐ.

Nhi-trà 3 chǐ, Mai-phiến 1 chǐ.

Các vị tán mạt. Mỗi lần uống 1 chǐ, với rượu.

(Đàn bà có thai không nên dùng).

TÂY-AN VIỆT-BÁ HOA-PHƯƠNG

Trị Tồn-thương chưa phá vỡ ra ngoài nhưng ứ huyết uất trệ bên trong làm răng cắn chặt, Khí tuyệt dùng cấp cứu,

Phương thuốc:

Đương-quy 5 chǐ, Trạch-lang 5 chǐ, Xuyên-khung 3 chǐ.

Hồng-hoa 3 chǐ, Đào-nhơn 3 chǐ, Đan-bì 3 chǐ.

Tò-mộc 3 chǐ.

Rượu 1 chén, nước 1 chén xắc còn 8 phân.

Trước hết cậy răng cho uống rượu hòa với đường cát trắng vài ba lần, phương pháp này trừ được huyết ứ công-tâm nên bất kỳ bị thương nặng nhẹ đều dùng được cả, sau dùng phương trên đây tùy bộ phận già giảm.

Bộ phận đầu bị thương gia Cao-bồn 1 chǐ.

Tay bị thương gia Quế chi 1 chǐ.

Lưng bị thương gia Đỗ-trọng 1 chǐ.

Hông-ngực bị thương gia Bạch-giới-lữ 1 chǐ.

Đầu-gối, chân bị thương gia Ngưu-tắt 1 chǐ.

— Bị-thương thô Huyết, Khái-huyết.
PHÚC KIỆN NHIÊN KHÔN PHƯƠNG
(Trị Bị-thương xuất huyết)

Phương thuốc :

Hắc-chi-tử, Đơn-Bì, Nhơn-trung-bạch, Thập-khôi-tán đều 3 chǐ,
Ngẫu-tiết 3 chǐ, Chī-xác, Kiết-cánh, đều 1 chǐ rưỡi.
Các vị đều tán mạt mỗi lần uống 3 chǐ với rượu và đồng-tiện.

VÂN-NAM DƯƠNG-BỘI TINH-PHƯƠNG

Trị bị thương ho ra máu tức ngực.

Phương thuốc

Chī-xác 3 chǐ, Nhục-quế 2 chǐ, Cương-Huỳnh 3 chǐ.
Sanh-cuong 2 chǐ, Đại-táo 2 trái, Cam-thảo 2 chǐ xác uống.

— Bị-thương làm tổn thương ở trong (nội thương)

— Bị-thương vùng ngực bụng.

HÁN-KHẨU DƯ-ĐẠO-PHƯƠNG

Trị bị thương vùng ngực hoặc 2 bên vú, làm khó thở.

Phương thuốc :

Đương-quy 3 chǐ, Mộc-Hương 3 chǐ, Uất-Kim 3 chǐ.
Đinh-lịch 2 chǐ, Xạ-liễn-tử 3 chǐ, Huyền-hồ 3 chǐ.
Tam-lăng 2 chǐ rưỡi, Nga-truật 2 chǐ rưỡi.
Chī-xác 3 chǐ, Ô dược 3 chǐ, Bồ-công-Anh 3 chǐ
Điền-thắt 1 chǐ rưỡi, Trầm-hương 3 chǐ, Thủ-biết-trùng 3 chǐ.
Nước 3 chén xác còn 1 chén hòa với rượu hay nước tiều (đồng-tiện) uống.

THUẬN-ĐỨC LÝ ĐÌNH-PHƯƠNG (1)

Trị bị thương vùng họng hay bụng dưới.

Phương thuốc :

Mộc-thông 2 chǐ, Chī-xác 3 chǐ, Trần-bì 2 chǐ.
Phòng-phong 4 chǐ, Sanh-địa 7 phần, Quy-vĩ 7 phần,
Hồng-hoa 7 phần; Khuông-huợt 8 phần, Cam-thảo 1 chǐ.
Nước 3 chén xác còn 1 chén hòa 1 chung rượu uống.

THUẬN-ĐỨC LÝ-ĐÌNH-PHƯƠNG (2)

Trị bị thương vùng giữa bụng.
Quy-vỹ 8 phần, Hồng-hoa 1 chǐ, Nhũ-hương 1 chǐ.
Một-dược 1 chǐ, Kiết-cánh 1 chǐ; Cam thảo 8 phần.
Phòng-phong 1 chǐ, Khương-huot 8 phần, Xích-thược 8 phần.
Đào-nhơn 1 chǐ.
Nước 2 chén xác còn 1 chén uống.

— **Bị thương vùng lưng.**

HỒ-NAM-DÂN GIAN-BÍ-PHƯƠNG

Trị bị thương vùng lưng, hoặc vùng tọa cốt.
Xuyên-đà 1 chǐ ruỗi, Hương-phụ 5 chǐ, Mộc-hương 3 chǐ.
Cốt-toái-hỗ 5 chǐ, Đào-nhơn 2 chǐ.
Các vị tán mạt mỗi lần uống 2 chǐ với nước nóng.
Cứ cách 6 giờ uống 1 lần.

XẠ-NHIÊU KHÔN-PHƯƠNG

Trị bị thương xương sống lưng (Tich-chùy-cốt).
Thục-địa 2 chǐ, Đương-quy 2 chǐ, Ngưu-tắt 1 chǐ ruỗi.
Mộc-quạ 1 chǐ ruỗi, Đỗ-trọng 1 chǐ, Biết-giáp 6 chǐ.
Nhà-sơn-giáp 1 chǐ, Nhũ-hương, Một-dược đều 7 phần.
Các vị tán mạt mỗi lần uống 3 chǐ.

— **Bị thương ứ huyết sưng nhức.**

CÁCH-SƠN TAM-TỐ BÍ TRUYỀN PHƯƠNG

Trị bị thương ứ huyết sưng nhức, hoặc ác độc làm sưng nhức chưa phá mủ.

Huỳnh-bá 5 lượng, Chi-tử, 5 lượng Chưởng-não 5 chǐ.
Bạc-hà-tinh 5 chǐ.
Các vị tán mạt hòa với Mật-thành-cao, đắp chỗ vết thương, cách một ngày thay một lần.
Phương này cũng trị đòn bà sưng vù, Trẽ con sưng má.

QUẢNG-CHÂU HÀ-THỪA GIANG-PHƯƠNG

Trị bị thương sưng nhức.

Điền-thất 1 lượng, Nhũ-lương 6 chǐ, Mật-dược 6 chǐ.

Sanh-chi-tử 6 chǐ, Hỗ-cốt 1 lượng, Trach-lang 5 chǐ.

Sanh-xuyên-đô 5 chǐ, Huyết-kiệt 8 chǐ, Phòng-phong 5 chǐ.

Xuyên-gia-bì 6 chǐ, Hồng-hoa 6 chǐ, Quy-vỹ 5 chǐ.

Sanh-địa-chi 6 chǐ, Sanh-bán-hạ 5 chǐ, Thủ-biết-trùng 1 lượng.

Xuyên-đoạn 5 chǐ, Sanh-đại-hoàng 6 chǐ, Độc-hươn 5 chǐ.

Nga-bất-thực-thảo 2 lượng,

Các vị tán mạt mỗi lần tùy vết thương dùng nhiều ít đâm với
gừng già 3 chǐ, Hành-củ và rượu xào đắp chỗ vết thương ngoài
băng lại.

— Trị vết thương ra máu không cầm.

PHÚC-KIẾN TRẦN-QUỐC AN-PHƯƠNG

1) Nhơn-trung-bạch (cầu nước tiểu).

Dùng đơn vị đắp vết thương cầm máu;

2) Đắng-tâm (Tim bắc).

Dùng Đơn-vị đốt cháy tán đắp cầm máu.

VÂN-NAM NAM-HOA-TRỊ NGHIỆM PHƯƠNG

Phương này định thống chĩ huyết.

Sanh-nam-tinh 2 chǐ, Giáng-hương 3 chǐ.

Bồ-hoàng (sao đen) 5 chǐ, Miên-hoa-khôi (Trái-bông-vải đốt
cháy) 3 chǐ, Long-cốt 2 chǐ, Huyết-kiệt 2 chǐ.

Huỳnh-liên 1 chĩ rươi, Nhị-trà 1 chĩ rươi, Đại-hoàng 3 chĩ.

Trần-thạch-khôi (vôi lâu năm) 3 chǐ.

Các vị tán mạt đắp chỗ vết thương cho cầm máu.

VÂN-NAM ĐỊNH-THỐNG CHỈ-HUYẾT-ĐƠN

Phương thuốc uống trong cầm máu.

Sanh-nam-tinh 2 chǐ, Giáng-hương 3 chǐ.

Bồ-hoàng-sao đen 1 chǐ rươi, Trái-bông-vãi dốt cháy 3 chǐ.
Long-cốt 2 chǐ, Huyết-kiệt 2 chǐ, Huỳnh-liên 1 chǐ rươi.
Các vị tán mạt hòa rượu uống 3 chǐ.

HÀ-TÂN HOÀNG-NHƠN TẾ, TỐ TRUYỀN-PHƯƠNG

Trị tất cả các vết thương lưu huyết.

Nhũ-hương (chế) 3 chǐ, Mật-dược (chế) 3 chǐ.
Huyết-kiệt 3 chǐ, Xuyên-huỳnh-liên 3 chǐ, Hùng-hoàng 3 chǐ.
Long-cốt-chế 3 chǐ, Xạ-hương 5 phần, Băng-phiến 5 phần.
Các vị tán mạt dùng A-giao (hoặc Bạch-giao) 13 lượng.

Dùng nước ngâm cho tan sau hòa thuốc tán khuấy thành cao
dán lại vết thương.

Dán 1 lớp chưa cầm, dán thêm nữa và băng lại ắt cầm máu.

— Bị thương bộ phận Đầu, Trần ra máu.

PHÚC-KIẾN VÕ-BÌNH-PHƯƠNG

Đầu bộ ngoại thương.

Phòng-phong, Kinh-giới, Huyết-kiệt, Hồng-hoa, Sâm-diệp (lá
sâm) Xuyên-khung, Bạc-hà-đều 1 chǐ.

Thục-địa 5 phần, Dương-quy 1 chǐ, Sanh-địa 7 phần, Huỳnh-ky
3 phần, xắc uống.

Trán bị thương ra máu không cầm.

Ngũ-bội-tử 5 chǐ, Bạch-phân 2 chǐ, Giáng-hương 3 chǐ.

Các vị tán mạt dấp chỗ vết thương.

Mắt bị thương tròng lòi ra ngoài.

Hoa lá Phù-dung 2 lượng.

Trước đưa tròng mắt vào vị trí ở mắt rồi đắp lá Phù-
dung rửa sạch đâm nhuyễn đắp ngoài và hắt 2 lần
tay 1 lần

Trị gãy xương, bong gân, tiếp cốt phương.

LÂM-KỲ-DOAN TÒ-TRUYỀN BÍ-PHƯƠNG

Trị Trật-đã gãy xương đắp bó.

Banh-nhũ-hương 7 chǐ, Sanh-một-dược 7 chǐ.

Tiền-ma 8 chǐ, Sanh-tự-nhiên-đồng 8 chǐ.

Xà-hương I đến 3 phần, như có tết-vết-thương-gia Tượng-bì
đắp bó 3 chǐ.

Dùng I con gà giò nhồi lòng bồ lòng, thuốc và gà đâm tán
nhồi bồ chõ xương gãy (Nhờ sau khi dùng thủ pháp Chánh-cắt
pháp tiếp xương cho liền rồi mới bó thuốc) sau dùng cây đắp ngoài
trong 7 ngày sẽ lấy.

Trị nghiệm.

Ông Lưu-quang-Linh trên 60 tuổi ruồi té bị gãy xương ống
chân mặt, nhờ Thầy chuyên Khoa trị lâu không nhẹ, sau nhờ dùng
phương này trị lành được, về sau dùng phương này trị thêm 5
người nữa cũng lành hẳn, đi đứng như thường.

SƠN-TÂY THIẾU-LÂM-TỰ BÍ-PHƯƠNG

Trị Trật-đã gãy xương (uống trong),

Nhũ-hương 3 chǐ, Mộc dược 3 chǐ, Huyết-kiệt 3 chǐ rưỡi.

Tam Thất 5 phần, Hồng-hoa I chǐ, Thủ-miết-trùng I chǐ.

Đại-hoàng 3 chǐ, Tục-đoạn 3 chǐ, Quế-chi 3 chǐ.

Hồ-phách 3 chǐ, Châu-sa 4 chǐ, Tự-nhiên-đồng I chǐ.

Các vị tán mặt để vào ve nút kỹ dùng.

Bịnh nhẹ mỗi lần uống 3 phần với rượu.

Phương này công hiệu như các phương Thất-Lý-Tán hay Bát-
Ly-Tán.

BẢO-ĐỊNH THỌ-THẦN-PHƯƠNG

Hai phương trị gãy xương.

1) Phương thuốc bó ngoài.

Mã-tiền-tử 4 chǐ, Sanh-nhũ-hương 5 chǐ, Nhị-trà 3 chǐ.

Các vị đều tán mặt dùng Vaseli ne hòa thành cao đắp bó ngoài.

Trị nghiệm.

- Một đứa bé bị té gãy xương đùi bên trái. Dùng thuốc bó ngoài và thuốc uống trong 10 lần. Trị 1 tháng bệnh lành hẳn.
- Một ông già 70 tuổi té bị thương bên chân trái đau nhứt không ngay ra được ngoài dùng thuốc bó và trong uống thuốc trên trong 10 lần bệnh nhẹ.
- Một cậu bé 20 tuổi bị gãy tay trái. Dùng 2 phương thuốc này trong 1 tháng bệnh phục hoàn toàn.

Chú-ý: Phương này của ông Mông-duy-Đại đã dùng trị Trật-đã trên 40 năm nhiều người lành bệnh. Tất cả 2 phương ngoài bó, trong uống, nếu chỉ dùng thuốc bó không dùng thuốc uống thì kết quả ắt quá chậm. Nếu áp dụng cả phương thuốc uống trong thì chất sinh cốt tiếp nối xương mau khỏi phục bệnh mới mau lành hẳn được.

PHÚC-KIẾN TRẦN-NHA CHƯƠNG-PHƯƠNG

Thuốc bó trị gãy xương trật khớp.

Ngũ-gia-bì 2 lượng, Cốt-toái-bồ 2 chỉ. Quế-chi 1 chỉ, Tòng-hương 1 lượng.

Dùng 1 con gà giò nhồi lồng, mổ bỏ lồng trong, không rửa nước, bó vào cối đập chung với các vị thuốc tán nhuyễn, sau khi sủa xương, hay khớp liền lại rồi dùng thuốc bó ngay chỗ vết thương băng, hay bó nẹp lại trong mấy ngày hết đau nhức và lấy ra. Hoặc lột da gà để riêng, đầm toàn thịt xương và thuốc, sau bó, lấy da gà bao ngoài băng hay bó nẹp lại.

PHÚC-KIẾN VÕ-BÌNH LÝ-PHƯƠNG

Trị Trật đã tốn-thương thông dụng.

1) Ngũ-bưu-Tán :

Điền-tam-Thất 5 chỉ, Hải-Mẫu 3 chỉ, Nhục-quế 2 chỉ, Tuế-tan 1 chỉ, Xạ-hương 5 phần.

Các vị tán mạt để vào chai nút kín dùng.

2) Thập-toàn-thang.

Quy-vỹ 4 chỉ, Xích-thược 2 chỉ. Bình-lang 2 chỉ.
Tam-lăng 2 chỉ, Nga-truật 2 chỉ, Nhũ-hương 2 chỉ.

Một-dược 2 chǐ, Tục-đoạn 3 chǐ, Lưu-ký-nô 3 chǐ.

Cách gia giảm : Bị thương tại đầu, gia Cao-bồn, Khương-huợt.

— Bị thương bên đầu-não gia Phòng-phong, xuyên-khung.

— Bị thương trước trán gia Thăng-ma, Bạch-chĩ.

— Hai mắt gia Trật-lê, Cúc-hoa.

— Yết-hầu gia Xạ-can, Tử-kinh-bì.

— Bộ-phận cánh tay gia Quế-chi, Ngũ-gia bì.

— Vùng trước ngực gia Chĩ-xác, Xương-hồ.

— Phía Hồng bên trái gia Long-đởm-thảo, Thành-bì.

— Phía Hồng bên mặt gia Sài-hồ, Hạnh-nhơn.

— Bộ phận sau lưng gia Cầu-tích, Oai-linh-tiên.

— Bộ phận eo lưng gia Đỗ trọng, Phá-cổ-chĩ.

— Vùng bụng dưới gia Tiêu-hồi-hương, Đại-phúc-bì.

— Vùng Thận bộ gia Cốt-toái-hồ, Trầm-hương.

— Bộ phận chân gia Ngưu-tát-Mộc-quả.

— Hòn dái gia Kiết-cánh, Xuyên-luyện.

— Vùng giang mòn gia-Mộc-hương, Mộc-thông.

— Toàn thân họ thương gia Độc-huợt, Tan-ký-sanh.

— Bị thương răng cắn chặt gia Tạo-giác, Tuế-tân.

Cách dùng :

Phàm bị thương, trước cho uống một chén nước tiều, sau cho uống Ngũ-bíru-tán ngày 1 lần mỗi lần uống 1 chǐ, hòa rượu uống. Trẻ con hay người suy yếu dùng ít.

Uống Ngũ-bíru-tán sau tiếp cho uống Thập-toàn-thang.

Chú ý : Đàn bà có thai không nên dùng.

QUĂNG-ĐÔNG DÂN-GIAN-PHƯƠNG

Hoàn thuộc Trật-dã dân chúng Tĩnh Quăng-đông.

thường chế dùng trị bị đánh té, bị thương tủy rãy hay.

Võ-danh-dị 8 lượng, Trạch-lang 8 lượng, Nhũ-hương 1 lượng.

Huyễn-hồ 5 lượng, Hồng-hoa 10, Lượng Cốt-toái-bồ 8 lượng.

Một-dược 10 lượng, Uất-kim 5 lượng, Quy-vỹ 10 lượng.

Tục-đoạn 8 lượng, Ngũ-linh-chĩ 7 lượng, Đơn-sâm 5 lượng.

Sơn-chi-tử 6 lượng, Điện-thất 8 lượng, Xuyên-khung 4 lượng.
Bồ-hoàng 7 lượng, Đào-nhơn 10 lượng, Huyết-kiệt 8 lượng.

Hà-thủ-ô 8 lượng, Xích-thược 5 lượng.

Tất cả tán mạt dùng mật ong hòa hoàn nặng 3 chǐ.

Mỗi lần uống 1 hoàn và cũng dùng thuốc hoàn hòa rượu đắp vết thương băng bó.

Bài phương thuốc trị gãy xương bí truyền.

THẾ-ĐẮC-TAM-PHƯƠNG

1) Tiếp-cốt-đơn (Thuốc uống trong sanh chất xương).

Đương-quy 2 lượng, Đại-hoàng 5 chǐ, Sanh-địa I lượng

Bại-quy-hàn 2 chǐ rươi, Đơn-bì 3 chǐ, Tục-doạn 3 chǐ.

Ngưu-lết 2 chǐ, Nhũ-hương 3 chǐ, Tô-mộc 3 chǐ.

Đào-nhơn 4 chǐ, Tam-thất 2 chǐ, Bạch-thược I lượng.

Hồng-hoa 2 chǐ.

Xắc uống 2 thang tan ứ huyết sanh huyết mới, sanh chất xương

Sau bỏ Đại-hoàng uống tiếp 4 thang nữa ắt bình phục.

2) Tiếp-cốt-thần-cao.

Thuốc cao dán đắp bó gãy xương.

Đương-quy 2 lượng, Sanh-địa 2 lượng, Tục-doạn I lượng, Ngưu-tắt I lượng, Cam-thảo 5 chǐ. Thiến-căn I lượng, Địa-dụ 3 chǐ Kinh-giới 3 chǐ Tiêu-kế 5 chǐ Huỳnh kỳ I lượng, Sài-hồ 3 chǐ Kinh-giới 3 chǐ

Cách-chẽ : Cá; vị tán mạc đỗ vào 3 lit dầu mè hay dầu Phộng nấu sôi nhiều đạo lượt bõ xác, sau bắc lên nấu lại từ từ hòa I ký Hồng đơn nấu thành cao sau thêm ác vị Nhũ-hương 3 chǐ, Mật-dược 3 chǐ Tự-nhiêng đồ 1g (chẽ) 3 chǐ Hoa-nhị-thạch 3 chǐ. Huyết-kiệt 5 chǐ Hải-phiêu tiêu 3 chǐ điều tán mạc và gia Bạch lạp 10 lượng thành cao dán.

Cao này dùng dán đắp bó chỗ vết thương.

3) Thắng kim-đơn

Thuốc bột bó gãy xương (dùng chung với thuốc cao)

Nhũ-hương 1 lượng Mật-dược 1 lượng Hoa-nhị-thạch 3 chǐ, Hỗ-phách 3 chǐ Chuong-não 3 chǐ, Tượng-bì 3 chǐ.

Hồ-phách 3 chỉ Nhi-trà 2 chỉ Tử-thạch-anh 2 chỉ.

Xạ-hương 3 phần Huyết-kiệt 3 chỉ, Vôi-lau-năm 2 lượng.

Lai-phiêu-liều 1 lượng Tự-nhiên-đồng-chẽ 2 chỉ Thổ-biết-trùng
(sao) 1 chỉ Tam-thất 1 lượng Cam-thảo 5 chỉ Mộc-nhĩ 1 lượng.

Tất cả đều tán mạt để dành mỗi lần dùng 3 chỉ rất trên thuốc
cao dán bó chỗ vết thương bị gãy, Nếu bệnh nhẹ không cần dùng
thuốc tán này bệnh nặng dùng với thuốc cao 2 lần công hiệu ngay.

Giới thiệu một phương thuốc gia truyền thần hiệu đã mấy đời ở miền Trung-việt.

Phương thuốc trị Trật-đã, gãy xương Bong-gân rất hay xưa nay
lừng danh một Địa-phương, Bi truyền không hề dạy cho người ngoài
gia-tộc, vì nhận thấy sự huyền diệu của phương thuốc này Ông
Nguyễn-văn-Hay Chủ Helsing Nước-năm Đại-Nam Nhà-bè cố tẩm sưu
tầm cốt để cống hiến cho đời khỏi phải mai một thất lạc.

Chính ông sau khi sưu tầm được, nghiên cứu chế chữa trị Phước
thiện đã chữa được nhiều người lành bệnh, có nhiều nạn nhơn chữa
trị ở Bình-việ i, hay các thầy Chuyên-khoa Trật đã, sau còn lưu tật
hoặc không được lành hẳn, nhờ Ông dùng phương này trị kết quả
rất mỹ mãn nhiều người công nhận.

Thuốc Cao gia-truyền (dùng đắp bó ngoài)

Phương-thuốc :

Huyết-kiệt 5 chỉ . Càn-Cát 5 chỉ Khinh-phấn 7 chỉ.

Tuế-lan 5 chỉ Càn-tắt 7 chỉ Băng-phiến 7 chỉ.

Thanh-phản 7 chỉ Thạch-tín 5 lượng Tam-thất 5 lượng,

Huỳnh-tam-tiên 5 chỉ Long-não 5 chỉ Nhi-trà 7 chỉ.

Pạch-chẽ 5 lượng Thủy-ngân 5 lượng Tự-nhiên-đồng 1 lượng.

Đach-chẽ Tất cả các vị trừ Khinh-phấn, Băng-phiến Long-não tán
sau đẻ bỏ vào. Thủy-ngân Thạch-tín và các thứ thuốc tán không
còn tinh Thủy-ngân nữa.

Dùng 6 lit dầu Chay, nếu không có dùng dầu Phộng nấu khi thuốc
chay đen cả, vớt bỏ xác, sau từ từ bỏ vào một ít vôi bột 1 lit Chai
móng. Rồi dùng Hồng-đơn bỏ vào cõi keo lại, già Khinh-phấn
Băng-phiến Long-não vào thành cao dùng. (Hồng-đơn tùy số lượng
dầu bỏ vào từ từ khuấy đều lên khói đen, lên khói trắng thử nhén
vào nước đong lại kéo rit tay là sao 'ăi' rồi dùng được).

Chú ý Thuốc cao này có người cho biết, gia vào Võ của đồng Thồ biết-trùng (con dán đất) lại càng công hiệu.

Thuốc tán uống trong (Tiếp-cốt-đơn),

Xuyên tam-thất 8 chǐ. Đè-trọng 5 chǐ

Thổ-phục-linh 5 chǐ Quế-khâu 5 chǐ Quế-chi 5 chǐ Tô-mộc 5

Cao-lương cương 5 chǐ Bạch-trật 5 chǐ Sa-sâm 5 chǐ.

Chánh-ngưu-tắt 5 chǐ Gia thêm tục đoạn 5 chǐ.

Các vị tán mặt mồi lần uống 2 chǐ, với rượu hay nước ấm.(Trong thời gian đăng hỏa nên cho uống thuốc tán này để mau sinh chất xương).

Thuốc bóp cầm máu tiêu sưng (xoa bóp ngoài).

Phương thuốc này các nhà Võ-sư dùng thoa khi tập võ và cũng dùng trị được các chỗ vết thương bị té ngã. Gãy xương trật khớp dùng cầm máu, hết sưng nhức rất hay.

Bạch-chỉ 2 lượng, Tam-nại 2 lượng ; Đại-cốt-bì 1 lit rượu.

Thiên-niên kiện 1 lượng Huỳnh-bá 1 lượng rượu,

Đinh-hương 1 lit rượu.

Tiêu-hồi 1 lượng rượu Quế-chi 3 lượng rượu Nhũ-hương 2 lượng.

Mộc-biết tử 2 lượng. Long-não 4 lượng Mả tiền 1/2 3 lượng.

Mộc-hương 2 lượng Bạch phàn 10 lượng Sanh cương 5 ký Nghệ 5 lạng

Có thể gia thêm Hồng-hoa 1 lượng,

Quy-vỹ 1 lượng Mộc-dược 2 lượng

Tuế-tan 1 lượng Tô-mộc 1 lượng càng hay.

Các vị tán sơ bỏ vào 5 lit rượu ngâm trong 7 ngày bỏ xác vắt lấy rượu dùng.

Phương này khi làm sàn trị gãy xương, bong gân trặc té, bóp xoa cho tan ứ huyệt, sau sẽ dùng thuốc cao dán băng ngoài.

Bệnh nhẹ chỉ dùng rượu này xoa bóp cũng công hiệu, đã trị được nhiều người.

Phụ-chú : Có người cho biết Phương gia truyền trên đây còn có 1 phương thuốc tán rất trong thuốc cao dùng bó. Vậy có thể dùng *Tháng kim-đơn* trước (òng hay sưu tầm không có).

Phụ thêm sau đây những phương thuốc Nam, Bắc trị Té ~~ngã~~ bị thương, Gãy xương, Bong-gân của Ông Lê-Ước sưu tầm để giúp quý đọc giả được nhiều phương kinh nghiệm

Bị thương toàn thân đau nhức

Bị thương hất cùi ở đâu và do mọi lý do Té, ngã, đánh.

Phương thuốc

Tò-mộc 3 chỉ, Hồng-Hoa 4 chỉ, Huyết-kiết 3 chỉ,
Nhị-trà 2 chỉ, Mật-dược 3 chỉ, Quế-chi, 3 chỉ,
Trạch-lang 3 chỉ, Ngưu-tắt 3 chỉ, Chỉ-xắc 2 chỉ,
Đương-quy 3 Đại-hồi 3 chỉ Đào-nhon 3 chỉ,
Tục-đoạn 3 chỉ, Xuyên-khung 3 chỉ Mộc-hương 3 chỉ,
Mộc-thông 3 chỉ, Nhũ-hương 3 chỉ, Tuế-tan 3 chỉ,
Đại-hoàng 3 chỉ, Tự-nhiên-đồng 3 Phá-cổ-chỉ 3 chỉ,
Tam-thất-căn 3 chỉ

Tất cả ngâm vào 1 lít Rượu sau 15 ngày dùng nên uống vào lúc bụng đói, trưa và tối, ngày 2 lần.

Dùng hết đồ vào 1 lít rượu nứa ngâm 20 ngày dùng uống thêm

Bị thương nặng uống 4, 5 thang, bình nhẹ 1, 2 thang công hiệu.

Phương thuốc này cũng có thể xác uống như thuốc thang xác 2 nước : hòa vào ít Rượu hay nước tiểu uống.

Cầm Máu và trị Đau nhức tại vết thương

Bị thương ra máu tại vết thương hay sưng bầm.

Phương thuốc.

Sanh-nam-tinh 1 lượng Sanh-Bạch-Phụ tử 2 lượng.

Phong-phong 1 lượng, Thiên-ma 1 lượng,

Bạch-Chỉ 1 lượng Khương-huot 1 lượng.

Tất cả tán mạt, bị thương nặng ; Cho uống 2 chỉ với rượu đồng thời hòa rượu xéc tại vết thương.

SƠN ĐÔNG DƯỢC TỬU

Trị bị té, đánh, tức

Phương thuốc :

Xuyên-Điền-thất	5 chỉ	Tam lăng 5 chỉ
Tô-mộc	5 chỉ	Đại-hoàng 1 lượng
Hồng-hoa	3 »	Quy-vĩ 5 chỉ
Đỗ-trọng	5 »	Nhục-quế 5 »
Xuân-căn bì	5 »	
Tần-giao	5 »	Mộc-hương 3 »
Xuyên-khung	5 »	Nga-truật 5 »
Cam-thảo	5 »	Lư-hội 5 »

Tất cả vào 2 lit rượu ngâm trong 5 ngày, cho thêm đường phèn hơi ngọt để uống.

Mỗi ngày uống một lần người lớn 1,2 ly nhỏ

Trẻ em 5 — 10 tuổi uống 1/4 ly.

THUỐC HOÀN

Xuyên-điền-thất 1 lượng. Quy-vĩ 1 lượng

Tòng-hương	1 »	Chẽ Mật-dược 1 lượng
Bạch-đàn-hương	5 chỉ	Quần-bì 2 lượng
Trầm-hương	5 »	Hồng-hoa 5 chỉ
Mộc-hương	5 »	Bạch-khấu 1 lượng
Đinh-hương	5 chỉ	Tiêu-hồi 5 chỉ
Chẽ Nhũ-hương	1 lượng	Xuyên-Khung »
Giáng-hương	5 chỉ	Sa-sâm 1 lượng
Hương-phụ	2 lượng	Lư-Hội 5 chỉ

Các vị tán mạt dùng Mật Ong hay đường thăng hòa hoàn 2 chỉ rưới.

Mỗi ngày uống 2 lần, mỗi lần, 1,2 hoàn với ít rượu

THUỐC CAO DÁN

Dán chỗ bị thương đánh, té đau tức.

Phương thuốc.

Nhũ-hương 5 chỉ, Xích-thược 5 chỉ,

Sanh-địa 5 chỉ, Xuyên-khung 5 chỉ,

Huyền-sâm 5 chỉ, Đại-hoàng 5 chỉ,

Tục-đoạn 5 chỉ, Tòng-hương 2 lượng,

Một-dược 1 lượng, Đương-quy 1 lượng,

Hồng-đơn 4 lượng, Hột-thầu dầu 200 hỷ

Tất cả các vị trừ Hồng-đơn tán dập bô vào 1 laddle (tùy thêm 1 laddle rắc rối dốt ra than) thăng cho dầu tời xát đèn vớt ra; bỏ Hồng-đơn vào từ từ cõi keo lại thử rit tay là thuốc đã tới. Dùng Cao này dán chỗ bị thương.

Trị bình đánh, té, rã máu nhiều ; Nạn nhơn, xanh mét, át tinh nhân sự.

Phương thuốc.

Hồng-hoa 4 chỉ, Đào-nhơn 2 chỉ,

Bạch-thược 5 chỉ, Xuyên-khung 2 chỉ,

Quy-thân 5 chỉ, Xích-thược 6 chỉ,

Chỉ-xác 2 chỉ, Đại-hoàng 4 chỉ,

Thục-địa 5 chỉ,

Xắc nước 3 chén còn 8 phân uống.

Nên uống tiếp 2,3 thang;

Nếu trường hợp gần chết nên gấp cho uống 1 chén nước tiêu sau dùng phương dưới đây cấp cứu cho trực ứ huyết ra có thể sống được.

Phương thuốc.

Hồng-hoa 1 lượng, Đại-hoàng 1 lượng,

Quy-vĩ 5 chỉ, Sơn tra 5 lượng,

Bạch-thược 2 chỉ, Thục-địa 7 chỉ,

Xuyên-khung 3 chỉ, Đào-nhơn 1 lượng,

Dùng 2 chén nước 1 chén rượu 2 chén nước tiêu. Xắc còn 1 chén uống ; khi bụng sôi đại tiện toàn máu bầm đen

Như nạn nhơn hơi tinh lại mờ mắt mà người quá mè mệt ;
ắt không sao ; cho uống tiếp 1, 2 thang nữa ; cho xô ra phẫn
thường bình phục lại được.

Thuốc Bó gãy xương.

Phương thuốc.

Sanh-nam-tinh 2 chỉ, Xích-thược 2 chỉ,

Sanh-xuyên-ô 2 chỉ, Cam-thảo 2 chỉ,

Sanh-mã-tiền 1 nắm, Cam-toại 2 chỉ,

Sanh-thảo-ô 2 nắm, Quế-khâu 2 chỉ,

Đinh-hương 2 nắm, Tuế-tan 2 chỉ,

Nhũ-hương 2 chỉ, Đại-hoàng 2 chỉ,

Băng-phiến 1 chỉ Long-não 1 chỉ,

Tất cả tán mạt ; Xào với dấm, Rượu hơi ấm.

Sau khi sưởi xương liền lại với nhau rồi, nên dùng thuốc này đắp
bó ngoài, và dùng cây dăng bó trong 21 giờ thay lại.

Thuốc tán rát chỗ vết thương miệng lớn.

Phương thuốc.

Huyết-kiệt 4 chỉ Mật-dược 2 chỉ,

Bạch-cáp 3 chỉ Nhũ-hương 2 chỉ,

Long-cốt 2 chỉ Hồng-don 6 chỉ,

Thạch-cao 1 lượng.

Tất cả tán mạt dùng rắc vào vết thương, ngày rắc 2 lần, Trước
khi rắc thuốc dùng *Thanh-phản* nấu rửa thật sạch vết thương ; rắc
thuốc, lành miệng.

Những phương thuốc Nam trị Trật-dã, té, ngã, Bong gân Gãy xương.

Phương thuốc Nam cẩn bẩn.

Trị bị té, sưng, trặc, tức, đau nhức.

Muồng-hoè 3 chỉ (Cà caley, lá, rễ ; Nếu không có dùng Đót Rau
muồng. Hột bim bim, Cây lá dành-dành).

Rau-má 3 chǐ (có thể thay thế rau Đắng đất, Giày lá Khô qua, Trinh tre, Đọt tre).

Rề-tranh 3 chǐ, (có thể thay thế Rau bắp, cây bắp, rè Dừa non, Mía lau, cây Bo-bo).

Cỏ mực 3 chǐ (có thể thay thế rau Dền tía, Mồng tơi tía).

Ké-dầu *ngựa* 3 chǐ.

Cỏ màng-chầu 3 chǐ, (có thể thay thế, đọt lá Dâu).

Cam thảo *đất* 3 chǐ (tức Nam Kinh giới, có thể thay thế rau Sam, rau Bù ngọt, Đậu săn).

Củ sắn già 3 chǐ (có thể thay thế lá Bưởi, rau Tần dày lá, lá Chanh).

Gừng *sống* 3 lát (hoặc dùng cù Riềng 3 lát).

Ngải-xanh 2 chǐ, *Ngải-vàng* 2 chǐ.

Rề-nhàu 2 chǐ *Rề* *đ-môi* 3 chǐ.

Thuốc cứu 1 chǐ.

Phương thuốc này dùng uống xác 3 chén nước còn 8 phần hòa 1 tí rượu vào uống 1, 2 thang, sau trường phục phương thuốc rượu dưới đây.

Thuốc Nam-giảm Rượu trị Trật-đã

Rề-nhàu 8 chǐ, *Ngải-xanh* 4 chǐ.

Rề *đ-môi* 8 chǐ, *Ngải-vàng* 4 chǐ,

Nhục-quế 2 chǐ, *Vỏ quýt* 3 chǐ.

Tất cả tán dập ngâm 1 lit rượu và 1/3 ký đường phèn thăng hành uống.

Phương này trị bị thương Trật-đã té, tức, đau nhức tiếp tục dùng rất hay trừ hậu hoạn.

Mỗi ngày uống 2 lần mai, tối. Trước bữa ăn mỗi lần uống 1 muỗng.

Thuốc Cao uống trị Trật-đã (Thuốc Nam)

Phương thuốc

Rề *cây* *mầm* 5 chǐ, *Cây Vông* *đồng* 1 lượng,

Củ *Điền-thất* 1 lượng, *Dây* *circ* *qua* 1 ”

Rề-*cù*-*đèn* 1 lượng *Cây-Giáng* *hương* 1 lượng

Rề-*và* *lá-quao* 1 lượng *Cù-riềng* 5 chǐ

Rề-ngũ trāo 1 lượng Giây Thần thông 1 lượng

Rề-cây-muồng 1 lượng Võ-quít 5 chỉ

Rề-nhäuser 1 lượng Ngãi-xanh 5 chỉ

Cù-cỏ cù 1 lượng Ngãi-vàng 1 lượng.

Tất cả băm nhỏ đồ nước thiếp nấu sôi một giờ lượt bồ xát đồ vào 1/4 lit rượu tiếp tục nấu cô lại thành cao.

Phương này cũng chữa trị té, đánh út huyết bầm đau tức mỗi ngày uống 1 lần 2 muỗng với nước nóng.- Trẻ em 5-10 tuổi uống 1 muỗng

Thuốc Nêm Đăng bó Trặc xương Bong

Phương thuốc

Rau-trai-tia 1 nắm Rề-đu-đủ 1 nắm

Dây-liền xương 1 nắm Tiêu-hột 1 nhúm.

Tỏi sống 1 tép Phèn-chua 1 tý.

Hành-hương 1 tép Dấm-thanh 1 ly

Tất cả dập bó vào chỗ bị trật, bong gân sẽ hết (Trước nén sửa trật khớp cho liền lại)

Thuốc bó gãy xương. (Thuốc Nam)

Dây Đậu-xương 1 nắm. Nanh chuối tiêu 1 cái,

Dây thúi-dịt 1 nắm Rau má 1 nắm.

Cây voi-voi 1 nắm Cỏ lá tre 1 nắm.

Rau trai-tia 1 nắm Voi 1 cục.

Tất cả quết nhuyễn xào với dấm hơi nóng sau khi rửa chỗ xương gãy liền lại dùng thuốc này băng bó ngoài, và dùng cây tre đăng lại trong 24 giờ thay.

Hoặc dùng phương sau đây.

Ngải-Xanh 1 nắm Rau trai 1 nắm.

Rau má 1 nắm Cây chuối tiêu 1 khúc.

Đất sét vàng 1 cục Lá ngũ-trāo 1 nắm.

Dùng một con gà giết chết nhổ lồng, bỏ lồng dấm chung với thuốc đồ vào 1 tý Dấm và Rượu đăng bó tại chỗ xương gãy (sau khi đã sáp liền lại) Ngoài cũng dùng cây tre đăng bó cách 24 giờ thay.

TỔNG LUẬN

Chúng ta đã nhận thấy khoa Trật-đã là một chuyên khoa, các vị già truyền cỗ luyện thủ-pháp với những phương thuốc kinh nghiệm đã trở thành những nhà chuyên-môn.

Trong phạm vi quyển sách này chúng tôi sưu tầm đầy đủ về thủ pháp cũng như tất cả các phương thuốc bí truyền xưa nay, kè cả thuốc Bắc thuốc Nam, tương cũng khá đầy đủ có thể áp dụng trong ngành chuyên khoa này.

Nhưng khi thực hành chữa trị cũng cần tùy vào sự kinh nghiệm bản thân về thủ-thuật, và biết chu đáo nguyên tắc áp dụng thuốc trị liệu.

Cỗ nhơn có câu : Thiền phương dung dị tắc, nhứt hiệu tối nan nǎu, sưu tầm cả nghìn phương thì dễ mà trị cho có công hiệu rất khó, Vậy tất cả phương pháp trị liệu cũng như những phương thuốc bí truyền kinh nghiệm trong bộ *Trật-đã cốt khoa* này rất mong được nhiều bạn cỗ công luyện lập thực hành phục vụ cứu giúp đồng bào đạt được đến thành công.

Sau đây chúng tôi cũng xin giới thiệu *Phương thức trị Trật-đã* của một vị *Gia truyền ba đời* nói rõ để quý bạn nắm nguyên tắc thực nghiệm khỏi phải phân vân, hay khi thực nghiệm các phương trị liệu không được kết quả mỹ mãn.

Theo lời phỏ biến của vị Chuyên khoa, phàm trị các chứng Gãy xương, Bong gân

1) Trước tiên phải dùng Thủ-thuật Tiếp-cốt Chánh-cốt tức sửa xương sǔa khớp cho chính, liền lại nguyên trạng, nằm sắp cho ngay thè xương,

2) Ngoài dùng thuốc cao, thuốc đắp và cách đăng hó Tiếp cốt cao Tiếp cốt-tán v.v.

Trong phải cho uống ngay thuốc Tiếp-cốt Chỉ thống giúp thêm chất sinh cốt, giảm đau nhức (trong lúc này các thứ thuốc cầm máu tiếp xương huot huyết, tiêu sưng uống trong dũng ngoài đều cần có sẵn, kè cả các thứ thuốc, Tê, thuốc cấp cứu).

Vậy đầu tiên thực hành trong lúc này phải quan sát từng bộ phận và loại thương chứng định thủ-pháp cũng như các phương thuốc trị liệu thích hợp. Từng bộ phận trị liệu.

3) Các thuốc đắp dán làm tiêu sưng nhức, nhớ I ngày I đêm thay, hoặc thuốc đắng bỏ trong thời gian, 2, 3, hôm xem lại cho kỹ để thay đổi, hay sửa tại chánh cốt.

4) Trường hợp xương đã liền lại, hết sưng, hết nhức, chất sinh cốt đã sanh nỗi tiếp được xương rồi thì không cần uống thuốc tiếp cốt thêm nữa,

5) Chần hịnh lại xem trong chỗ xương đã lành, chất sinh cốt tiếp đầy đủ mà chưa cứng, (trong thời gian 2, 3 tuần nhứt) bây giờ phải cho uống thuốc bồ xương bảo lực, trong 1 tuần, 10 ngày cho chất xương mau cứng.

6) Sau khi xương cứng rồi, không còn biến chứng gì (thời gian trên 3, 4, tuần nhứt), nhưng gần còn yếu chưa có thể đi đứng, hoặc hành động chưa được bình thường, cần uống tiếp thêm thuốc bồ hay thuốc bồi dưỡng mạnh gần đến khi bình phục hẳn, thì sau này khỏi sanh hậu hoạn (Tất cả các phương thuốc đã nói trước).

Trên đây là nguyên tắc trị liệu khoa. Trật-dã phải áp dụng thử tự khi lâm sàng thực hành thủ-pháp và các phương thuốc trong quyển sách này nhất định sẽ trở thành một nhà chuyên khoa vây.

Chung